

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NGÃI

**TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC
CỦA NHÂN DÂN**

**VÀ LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
HUYỆN SƠN TÂY
1930 - 1998**



**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
HUYỆN SƠN TÂY - 1999**



**Truyền thống yêu nước
của nhân dân
và lịch sử Đảng bộ
Huyện Sơn Tây
1930 - 1998**

THƯ VIỆN T. H. NG. B. A. I.

ĐỊA CHỈ

1002

324. 259. 767 5

L 302 S



Chủ tịch HỒ CHÍ MINH

(1890 - 1969)

Vị lãnh tụ kính yêu của đại gia đình
các dân tộc Việt Nam

Chỉ đạo nội dung
và chịu trách nhiệm xuất bản:

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY SƠN TÂY

Cung cấp tư liệu và tham gia ý kiến

- | | |
|--------------------|----------------------|
| 1- Trần Kiên | 9- Trương Ngọc Khang |
| 2- Phạm Thanh Biển | 10- Lê Văn Đường |
| 3- Lê Tấn Tỏa | 11- Lê Ban |
| 4- Đinh Mô | 12- Cao Trung Tín |
| 5- Nguyễn Nghĩa | 13- Hoàng Thị Diệp |
| 6- Phạm Nhó | 14- Huỳnh Vạn Thiết |
| 7- Đinh Xuân Trâm | 15- Phạm Văn Trinh |
| 8- Trương Trí | 16- Vũ Tiến Mạnh |
- 17- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy
18- Bộ phận lịch sử Đảng tỉnh
19- Văn phòng Huyện ủy Sơn Tây
20- Văn phòng UBND huyện Sơn Tây

Biên soạn:
BÙI HỒNG NHÂN

Biên tập:
**PHẠM NHỎ
TẠ THANH**

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 1993, khi các xã huyện Sơn Tây ngày nay còn thuộc huyện Sơn Hà, Huyện ủy Sơn Hà đã biên soạn xuất bản “Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà 1945 - 1990”, trong đó có phần ảnh phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân các dân tộc ở Sơn Tây ngày nay. Nhưng quyển sách đó viết chung cho toàn huyện Sơn Hà lúc bấy giờ, nên chưa nêu bật hết được tính đặc thù của tổng Ca Dong (ngày trước) và tộc người Ca Dong; chưa nêu bật hết được truyền thống giữ gìn quyền làm chủ núi rừng của người Ca Dong và các dân tộc ở Sơn Tây thời Pháp thuộc; chưa nêu bật được vị trí “căn cứ địa chiến lược” của vùng Ca Dong đối với tỉnh Quảng Ngãi và Khu V trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945 - 1975).

Chính vì vùng đất này có một vị thế đặc biệt quan trọng trong xây dựng “căn cứ địa chiến lược” cho cách mạng và kháng chiến của tỉnh, của khu, từ tháng 7-1957, Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định tách 10 xã vùng cao Sơn Hà thành lập Khu Bảy trực thuộc tỉnh và đến năm 1965 đổi gọi là huyện Sơn Tây. Thời kỳ 1976 - 1994 Sơn Tây hợp nhất với Sơn Hà thành huyện

Sơn Hà. Tháng 8-1994 Thủ tướng Chính phủ ra nghị định chia huyện Sơn Hà thành hai huyện: Sơn Hà và Sơn Tây. Sơn Tây lại trở về đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Cộng đồng cư dân, dân tộc, vùng đất, quốc gia nào cũng có một lịch sử để tự hào. Đó là điều cốt lõi xây đắp nên lòng yêu nước, tạo cho con người có sức mạnh để cống hiến và sẵn sàng xả thân khi Tổ quốc lâm nguy. Chân lý này hoàn toàn chính xác đối với tộc người Ca Dong - một chi của dân tộc Xơ-Đăng - tộc người chiếm tuyệt đại đa số ở Sơn Tây, một huyện vùng sâu, vùng căn cứ cách mạng của tỉnh Quảng Ngãi.

Huyện Sơn Tây đất không rộng (38.074 ha), người không đông (khoảng 7.000 người trong kháng chiến chống Mỹ, 14.000 người năm 1998); song có nhiều dãy núi cao, hang động sâu, sông suối lớn; liền hoàn với núi rừng trùng điệp của huyện Komlong, Đắc Hà, Đắc Tô (Kon Tum), Trà My (Quảng Nam) và Sơn Hà, Trà Bồng, Ba Tư (Quảng Ngãi) tạo nên một vùng địa thế hiểm trở. Sống giữa đại ngàn nhiều khó khăn, ít thuận lợi này, dân tộc Ca Dong cùng các dân tộc anh em đã cần cù lao động, dũng cảm đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt, với xã hội bất công, lạc hậu để duy trì cuộc sống và bảo tồn dân tộc. Từ ngày có Đảng lãnh đạo, Sơn Tây cùng với các huyện bạn trong vùng

được xây dựng thành căn cứ địa rộng lớn để bảo vệ, phát triển lực lượng cách mạng và kháng chiến của tỉnh Quảng Ngãi, của Khu V.

Sông Rinh, Huy Mãng, Xà Ruồng, Tà Mực, Tà Ngom, Xôn Nít, Bãi Màu, Làng Rã... không chỉ là những cảnh đẹp thiên nhiên kỳ vĩ tạo hóa ban cho con người mà còn là những địa danh mang đầy chất sử thi hùng tráng, mãi mãi là niềm tự hào của nhân dân Sơn Tây, mãi mãi bồi đắp cho các thế hệ con cháu Sơn Tây lòng yêu thương tha thiết đối với quê hương xứ sở tươi đẹp của mình.

Từ những phong trào yêu nước chống thực dân Pháp đầu thế kỷ XX đến phong trào “Nước xu đỏ” chống thuế, chống xâm năm 1937 - 1938, chịu ảnh hưởng phong trào cách mạng ở trung châu do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhân dân Sơn Tây đã hăng hái vùng lên hưởng ứng cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, cùng toàn tỉnh, toàn quốc đập tan ách thống trị của đế quốc, phong kiến, giành lấy độc lập tự do, xây dựng nên nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, ở Sơn Tây đã xuất hiện tổ chức cơ sở của Đảng cộng sản. Đi theo ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, nhân dân các dân tộc Sơn Tây từ thân phận nô lệ bước lên

địa vị chủ nhân của quê hương, đất nước. Dân tộc Ca Dong đã chung lưng đấu cật với các dân tộc Việt (người Kinh), Hrê, Co ⁽¹⁾ đem mồ hôi, công sức, máu xương của mình góp phần cùng toàn dân nước Việt viết tiếp nên những trang sử hào hùng trong hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc, đánh thắng hai đế quốc to: Pháp và Mỹ, thực hiện trọn vẹn sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất Tổ quốc. Sau 30 năm tiến hành chiến tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, dân tộc Ca Dong đã có bước tiến bộ nhảy vọt về ý thức hệ tư tưởng, phong tục tập quán, phong cách lao động, xây dựng cuộc sống mới; từ đó sánh vai cùng các dân tộc anh em đi vào chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, một chế độ xã hội tốt đẹp nhất của loài người hiện nay. Với chính sách dân tộc của Đảng: “Đoàn kết, bình đẳng, tương trợ cùng nhau tiến bộ”, chỉ trong một thời gian ngắn, tính từ năm 1975 đến nay, nhất là từ năm lập lại huyện Sơn Tây (1994), dân tộc Ca Dong cùng các dân tộc anh em ở Sơn Tây đã cố gắng vượt bậc để phấn đấu cho đủ cơm ăn, áo mặc, có đường đi lại, con cái được học hành, có nơi khám bệnh không mất tiền.

(1) Trước đây các sách, văn bản viết tên các dân tộc này chưa thống nhất: Cà Dong, Kà Dong, Ca Dong; Hrê, Rhe; Co, Cor, Kor. Trong sách này chúng tôi sử dụng tên dân tộc Ca Dong, Hrê, Co theo sách “Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam)” của Viện Dân tộc học, do Nxb KHXH - Hà Nội - Xuất bản năm 1984.

Năm năm mới bấy nhiêu ngày,
Mà Sơn Tây đã đổi thay khá nhiều.

Đảng bộ và nhân dân Sơn Tây đã, đang và sẽ xây dựng Sơn Tây thành một trong những huyện giữ vị thế chiến lược quan trọng về quốc phòng và phát triển kinh tế xã hội trung du miền núi, Tây Nguyên trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy, hơn nửa thế kỷ qua, nhờ đi theo Đảng Cộng sản Việt Nam, dân tộc Ca Dong đã từ chế độ bộ lạc, bỏ qua giai đoạn phong kiến và tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên chế độ dân chủ nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, buổi bình minh của chế độ cộng sản chủ nghĩa văn minh. Qua chặng đường này, biết bao con người Sơn Tây đã vì nước quên thân, vì dân chiến đấu, biết bao tên làng, tên núi, tên suối, tên sông ở Sơn Tây đã ghi những thành tích vẻ vang và chiến công hiển hách lưu lại sử sách cho con cháu đời sau.

Theo nguyện vọng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện, Huyện ủy Sơn Tây chủ trương biên soạn và xuất bản “Truyền thống yêu nước của nhân dân và lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Tây 1930 - 1998” nhằm:

- Giới thiệu tổng quát về dân tộc Ca Dong; quá trình hình thành huyện Sơn Tây qua các thời kỳ; các phong

trào yêu nước từ xa xưa của nhân dân các dân tộc ở Sơn Tây; sự ra đời của tổ chức Đảng cộng sản và vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với phong trào cách mạng huyện nhà qua các thời kỳ; những đóng góp to lớn của Đảng bộ và nhân dân Sơn Tây đối với phong trào chung cả tỉnh, cả nước.

- Đúc rút những bài học kinh nghiệm về xây dựng và phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng bộ qua các thời kỳ. Từ đó, giúp cho cán bộ đảng viên vận dụng sáng tạo vào giai đoạn cách mạng mới hiện nay, nhằm đưa Sơn Tây phát triển toàn diện, làm cho nhân dân các dân tộc Sơn Tây ngày càng ấm no, hạnh phúc, tiến bộ.

- Giáo dục cho các tầng lớp nhân dân Sơn Tây, nhất là thế hệ trẻ về đạo lý “uống nước nhớ nguồn”, “ăn trái nhớ người trồng cây”, tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng, tăng cường đoàn kết, đem hết sức lực, tài lực, trí lực xây dựng Sơn Tây vững về chính trị, mạnh về kinh tế và an ninh quốc phòng, tiến bộ về văn hóa, góp phần làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.

Nội dung tập sách này gồm sáu phần:

1- Địa lý hành chính, tự nhiên, kinh tế xã hội. Truyền thống yêu nước chống phong kiến đế quốc trước và trong Cách mạng Tháng Tám 1945.

2- Tổ chức Đảng ra đời, lãnh đạo nhân dân tham gia kháng chiến kiến quốc (1945 - 1954).

3- Đảng bộ lãnh đạo nhân dân tham gia kháng chiến, góp phần đưa cuộc chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn (1954 - 1975).

4- Đảng bộ lãnh đạo nhân dân cùng cả nước đi vào chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội (1975 - 1998):

- Thời kỳ mới giải phóng, hợp nhất với huyện Sơn Hà (1975 - 1994).

- Thời kỳ lập lại huyện Sơn Tây (1994 - 1998).

5- Kết luận và những bài học kinh nghiệm.

6- Phần phụ lục.

Trong quá trình tổ chức biên soạn tập sách này, chúng tôi được sự giúp đỡ tận tình và đầy tinh thần trách nhiệm của nhiều cơ quan (trong đó có bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi), nhiều đồng chí, đồng bào, nhất là các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh và của Đảng bộ huyện qua các thời kỳ, các đồng chí cũ đã từng gắn bó với đồng bào các dân tộc và phong trào cách mạng ở Sơn Tây.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn tất cả sự giúp đỡ quý báu nói trên. Đồng thời chúng tôi cũng chân thành

cảm ơn sự nhiệt tình, mẫn cảm và tinh thần trách nhiệm nghiêm túc của các đồng chí biên soạn, biên tập để có được tập sách lịch sử này.

Nhưng vì nhiều tài liệu thành văn đã bị thất lạc trong 30 năm chiến tranh; nhiều đồng chí cũ đã qua đời; hồi ký, hồi ức của một số đồng chí lãnh đạo và người kháng chiến cũ, cao tuổi cũng có chỗ chưa thật đầy đủ, chính xác như mong muốn; khả năng sưu tầm và trình độ nghiên cứu biên soạn của chúng tôi có hạn; nên tập sách chắc khó tránh khỏi thiếu sót.

Chúng tôi trân trọng giới thiệu tập sách lịch sử này với bạn đọc. Rất mong được đồng chí, đồng bào Sơn Tây và bạn đọc gần xa đóng góp thêm cho những ý kiến đính chính, bổ sung, để khi tái bản tập sách được chính xác, hoàn hảo hơn.

Mùa thu 1999

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY SƠN TÂY

Ban Thường vụ Huyện ủy Sơn Tây
và đồng chí Hồng Nhân, chỉ đạo và biên soạn sách
"Truyền thống yêu nước của nhân dân
và lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Tây 1930 - 1998".



PHẦN THỨ NHẤT

ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH, TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CHỐNG PHONG KIẾN, ĐẾ QUỐC TRƯỚC VÀ TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

Chương một

ĐỊA LÝ HÀNH CHÍNH, TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI

THEO các sách sử đã viết thì vùng đất huyện Sơn Tây ngày nay, từ đầu thế kỷ XV nằm trong địa phận Cổ Lũy động, thuộc lãnh thổ quốc gia Đại Ngu dưới triều Nhà Hồ (tức Việt Nam ngày nay).

Sau bao biến đổi, năm 1832 (niên hiệu Minh Mạng thứ 13), Cổ Lũy động trở thành tỉnh Quảng Nghĩa, về sau gọi là tỉnh Quảng Ngãi. Tỉnh Quảng Ngãi gồm sáu phủ huyện trung châu và bốn nguồn thượng du, trong đó có nguồn “Cù Bà” được đổi lên “nguồn

Thanh Cù" có đặt thủ sở⁽¹⁾ cách huyện Bình Sơn 23 dặm về phía tây⁽²⁾. Năm 1899 (niên hiệu Thành Thái thứ 11) cách nay tròn 100 năm, nguồn Thanh Cù đổi thành "nha Sơn Hà", "đồn Sơn Hà"⁽³⁾ rồi "châu Sơn Hà". "Tổng Ca Dong" nằm trong "châu Sơn Hà". Đây là nơi sinh sống của dân tộc Ca Dong.

Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, chính quyền cách mạng đổi các phủ, huyện, châu thành đơn vị huyện thuộc tỉnh; ghép nhiều làng, sách, nóc nhỏ thành đơn vị xã thuộc huyện, bỏ cấp tổng. Châu Sơn Hà đổi thành huyện Sơn Hà. Các làng thuộc tổng Ca Dong được ghép lại thành một xã mang tên xã Sơn Tinh trực thuộc huyện Sơn Hà; phía bắc sông Rinh gọi là bắc Sơn Tinh, phía nam sông Rinh gọi là nam Sơn Tinh.

Năm 1952, Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung bộ chuẩn y đề nghị của huyện Sơn Hà và tỉnh Quảng Ngãi, chia xã Sơn Tinh thành hai xã: bắc sông Rinh gọi là xã Sơn Liên, nam sông Rinh gọi là

(1) Đại Nam nhất thống chí - quyển II - Phần nói về Quảng Ngãi. Nxb KHXH - Hà Nội - 1970 - trang 378.

(2) Huyện Bình Sơn hồi đó bao gồm cả lãnh thổ huyện Bình Sơn và Sơn Tinh ngày nay.

(3) Đồn là một đơn vị lãnh thổ hành chính đối với các vùng trọng yếu mà thực dân Pháp không bình định được vững chắc.

xã Sơn Tinh. Đến cuối năm xã Sơn Liên chia thành ba xã: Sơn Liên, Sơn Mùa, Sơn Bao; xã Sơn Tinh chia thành bốn xã: Sơn Tinh, Sơn Dung, Sơn Mầu, Sơn Long. Đầu năm 1954, tỉnh Kon Tum giao xã Sơn Bua cho huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi. Giữa năm 1954, xã Sơn Lập (vùng Tà Ngom, Bù Nít) được thành lập.

Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, thực hiện chủ trương của Khu ủy Khu V “xây dựng căn cứ địa miền núi” phục vụ kháng chiến, tháng 7-1957, Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định tách 9 xã vùng cao Sơn Hà (Sơn Liên, Sơn Mùa, Sơn Bao, Sơn Tinh, Sơn Dung, Sơn Mầu, Sơn Long, Sơn Bua, Sơn Lập) thành lập Khu Bảy, một đơn vị hành chính tương đương cấp huyện trực thuộc tỉnh. Năm 1959, tỉnh Kon Tum giao làng Dũi, làng Tinh, làng Xăng, làng Breo, làng Dật, làng Trăn cho Khu Bảy (thuộc Quảng Ngãi) lập thành xã Sơn Tân. Từ đây Khu Bảy có 10 xã. Đến năm 1965 chính thức gọi là huyện Sơn Tây. Năm 1970, huyện Sơn Tây cùng các xã tây Trà Bồng, đông Trà Bồng (trừ các xã Trà Xuân, Trà Phú, Trà Hòa) lập thành khu Sơn Trà trực thuộc Khu V. Đến cuối năm 1972, khu Sơn Trà giải thể, huyện Sơn Tây trở về huyện Sơn Tây.

Từ năm 1976, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ, huyện Sơn Tây hợp nhất với

huyện Sơn Hà thành một huyện, mang tên huyện Sơn Hà. Sau đó 10 xã trên địa bàn huyện Sơn Tây hợp nhất thành bốn xã: Sơn Mùa, Sơn Tinh, Sơn Tân, Sơn Dung.

Đánh giá đúng đặc thù vùng đất cư trú của dân tộc Ca Dong và để thực hiện đường lối đổi mới của Đảng: chú trọng đúng mức hơn nữa đến vùng cao, vùng sâu, vùng xa, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận đề nghị của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, ra Nghị định số 83 ngày 6-8-1994, chia huyện Sơn Hà thành hai huyện: Sơn Tây và Sơn Hà. Sơn Tây lại trở về đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Như vậy, đến năm 1999, Sơn Tây, đơn vị hành chính cấp huyện đã có được 42 năm tuổi.

* *

*

SƠN TÂY là huyện miền núi cao nhất, xa nhất, sâu nhất nằm về phía tây của tỉnh Quảng Ngãi; đông và đông nam giáp huyện Sơn Hà, tây nam giáp huyện Đắc Tô, Đắc Hà, Komplong (tỉnh Kon Tum), bắc giáp huyện Trà My (tỉnh Quảng Nam) và huyện Trà Bồng.

Huyện Sơn Tây nằm ở vị trí từ $14^{\circ}14'$ đến $14^{\circ}46'$ độ vĩ bắc; từ $108^{\circ}24'$ đến $108^{\circ}02'$ độ kinh đông; có độ cao từ 400 đến 1.700m so với mặt biển. Về khí

hậu, Sơn Tây nằm trong vùng gió mùa á nhiệt đới, có hai mùa rõ rệt: mùa khô và mùa mưa. Mùa khô thường diễn ra từ tháng giêng đến tháng tám, mùa mưa thường diễn ra từ cuối tháng tám đến tháng chạp, sớm hơn hai ba tháng so với đồng bằng. Lượng mưa trung bình hằng năm là 2.700mm. Nhiệt độ thường thấp hơn 1-2⁰C so với đồng bằng; trung bình hằng năm là 23,5⁰C; cao nhất là 36-37⁰C (thường diễn ra vào các tháng 4, 5, 6); thấp nhất là 14-15⁰C (thường diễn ra vào các tháng 11, tháng chạp). Độ ẩm trung bình hằng năm từ 88 - 90%. Nói chung khí hậu Sơn Tây rất thích hợp cho sức khỏe con người; thích hợp cho các loại cây trồng, vật nuôi phát triển. Nhưng cũng có những năm Sơn Tây phải chịu những đợt hạn hán, lụt bão khắc nghiệt, ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

Huyện Sơn Tây có tổng diện tích tự nhiên là 38.074 ha, trong đó diện tích núi rừng chiếm khoảng 4/5 (trên 30.000 ha). Địa hình Sơn Tây gắn liền với bắc Kon Tum, là một khối đá biến chất rất cổ, có nhiều mạch granit cắt ngang⁽¹⁾. Các khối đá granit tạo nên những ngọn núi khá cao như Hoăn Plây 1.900m (ở Sơn Tân, Sơn Tinh), núi Rét 1.794m, núi Gò Tăng 1.608m (ở

(1) Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam) - Viện dân tộc học - Nxb KHXH - Hà Nội 1984 - trang 12.

Sơn Mùa), núi Hà Neng 1.483m (ở Sơn Dung, Sơn Tân); núi An 1.477m (ở Sơn Mùa giáp giới Trà My); núi Và Rẫy 1.473m; núi Azin 1.406m (ở Sơn Tinh, Sơn Dung); núi Hà Beo 1.254m (ở Sơn Dung, Sơn Tân) và hàng chục ngọn núi khác cao từ 500 đến trên 1.000m.

Các khối núi granit này tuy không bị ảnh hưởng của các vận động địa chất ở đại tân sinh, nhưng bị nhiều nứt gãy, làm bazan trào ra bao phủ một số vùng⁽¹⁾. Rừng núi Sơn Tây lại nối liền với dãy Ngọc An, Ngọc Linh ở bắc Kon Tum, tạo thành thế liên hoàn hiểm trở, nên có vị trí chiến lược quan trọng về mặt quốc phòng.

Rừng núi Sơn Tây có nhiều loại gỗ quý như lim, sến, sơn, chò, hương, gõ...; có nhiều loại thú quý như hổ, gấu, sơn dương, trăn, độc, khỉ...; trước đây có cả voi; có nhiều dược liệu, lâm đặc sản quý như mật ong, trầm hương, trầm kỳ... Sơn Mùa có mỏ đá vôi có thể sử dụng làm nguyên liệu xây dựng. Vùng ngã ba Đhăk Tà Meo - Ra Manh - sông Rinh ở thôn hai xã Sơn Mùa, giáp giới xã Đhăk - Joan (huyện Komlong) có suối nước nóng từ 50 đến 70°C có tác

(1) Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam) - Viện dân tộc học - Nxb KHXH - Hà Nội 1984 - trang 12.

dụng chữa bệnh tốt. Đất đồi rừng và triền núi Sơn Tây thích ứng cho phát triển nhiều loại cây công nghiệp như cau, quế, song mây... gần đây có thêm cây cà phê. Đây còn là địa bàn tốt để phát triển chăn nuôi trâu, bò, dê, heo, gà...

Sơn Tây có hai con sông lớn: Sông Rinh (Đhăk K'Rin) và sông Xà Lò (Đhăk XêLo). Sông Rinh phát nguyên từ Kon Tum chảy qua Sơn Dung, Sơn Mùa, Sơn Tấn, có hai phụ lưu ở phía bắc: Suối Nước Bua và suối Nước Lác; bốn phụ lưu ở phía nam: suối Ra Manh, suối Ra Băng, suối Huy Măng và suối Nước Mầu. Sông Xà Lò cùng với Nước Xà Ruồng phát nguyên từ núi Azin ở Sơn Tinh đổ dọc xuống địa giới đông nam Sơn Tây, chảy xuống huyện Sơn Hà. Sông Rinh và sông Xà Lò góp phần tạo nên đầu nguồn của sông Trà Khúc, con sông lớn nhất của tỉnh Quảng Ngãi. Sông suối Sơn Tây thường cắt sâu vào lớp đất bazan vụn bở, luôn qua các khe núi tạo nên những bờ dốc đứng và mực nước thấp hàng chục mét so với những vùng đất tương đối bằng trong huyện; thời gian có nước lớn chỉ một vài tháng (tháng 10, tháng 11), các tháng khác nước cạn đến tận đáy. Ở sông suối Sơn Tây có loại cá niêng rất ngon, một số nơi có vùng sa khoáng, nhiều đoạn có độ dốc cao, nước chảy mạnh nên có điều kiện tận dụng nguồn nước để làm

thủy lợi, thủy điện. Về mùa mưa lũ, nước chảy xiết thường gây xói mòn, sạt lở đôi bờ.

Từ địa thế tự nhiên, rừng núi và sông suối Sơn Tây có nhiều tài nguyên quý giá, nhưng vì là vùng đất hiểm trở, dân cư thưa thớt nên chưa khai thác được bao nhiêu. Ở Sơn Tây có nhiều cảnh đẹp làm nao lòng người. Đó là những thác nước trắng xóa, sáng sáng chiều chiều in đậm bảy sắc cầu vồng; những dòng suối trong veo lượn lờ cá lội, soi bóng những ngôi nhà sàn rộn tiếng cồng chiêng. Suối nước nóng Tà Meo bốc hơi nghi ngút, sẵn sàng mời đón du khách tham quan. Tiêu biểu nhất là thắng cảnh suối Huy Măng chảy giữa hai ngọn núi Kylin và Yọc-Ra-Lung ở xã Sơn Dung. Suối và thác nước trải dài hàng ngàn mét, len lỏi qua những khối đá muôn hình muôn vẻ, khi thì êm ả lững lờ, lúc thì tuôn trào dữ dội trông rất ngoạn mục. Đến đây du khách có thể leo núi, tắm nước suối mát rượi, có thể thưởng thức những chuối, thơm, mận, khế, chôm chôm chín mọng; có thể sưu tập cho mình những loài phong lan thắm sắc, ngát hương. Suối Huy Măng không chỉ là một thắng cảnh mà còn là nơi ghi lại bao sự tích anh hùng của nhân dân Sơn Tây.

* *

*

CỘNG ĐỒNG cư dân ở Sơn Tây bao gồm các tộc người Ca Dong, Co, Hré, Kinh. Cư trú lâu đời nhất là tộc người Ca Dong, một chi của dân tộc Xơ-Đăng ở bắc Tây Nguyên. Dựa theo sách sử, chúng ta biết: “Trên sườn đông dãy Trường Sơn, cao nguyên rộng lớn phía tây và xen kẽ ở vùng đồng bằng có nhiều thành phần dân tộc thiểu số thuộc ngôn ngữ môn Khơ-me như: người Ba Na, Xơ-Đăng, Mơ-Nông... (miền Tây Nguyên); người Chăm-Rê, Tà Ôi, Cà Tu... (khoảng giữa Trung bộ)” (1).

Dân tộc Xơ-Đăng có năm chi chính: Xơ Teng, Tơ đrá, Mơ Năm, Ca Dong, Hà Lãng. Chi Ca Dong cư trú chủ yếu ở huyện Đắc Hà, Đắc Tô, Komplong (tỉnh Kon Tum), huyện Trà My (tỉnh Quảng Nam), vùng Mang Xinh huyện Trà Bồng và huyện Sơn Tây (tỉnh Quảng Ngãi). Tên gọi Ca Dong còn được phiên âm là Kayon, Kyon, Kayông, Kagiương, Cà Dong (2). Hiện nay toàn huyện Sơn Tây có 14.400 người thì có đến 12.550 người thuộc dân tộc Ca Dong.

Cho đến nay chưa có tư liệu nào nói rõ về dân tộc Ca Dong. Tư liệu khảo cổ học thời kỳ đồ đá, đồ đồng

(1) Lịch sử Việt Nam - tập 1 - Nxb KHXH - Hà Nội 1971 - trang 332.

(2) Nguyễn Trắc Dĩ - "Đồng bào các dân tộc thiểu số Việt Nam" - xuất bản tại Sài Gòn 1970 - Thư viện khoa học TP HCM.

chưa được phát hiện. Tài liệu sử thành văn không có. Tư liệu về dân tộc học và ngôn ngữ học còn nghèo nàn. Các nhà nghiên cứu đã xác định cư dân Ca Dong cũng như những chi khác trong dân tộc Xơ-Đăng đã có mặt sớm ở bắc và đông bắc Tây Nguyên. Về nguồn gốc dân tộc Ca Dong được kể lại rõ ràng nhất là trong câu chuyện có tính chất huyền thoại về một người đàn bà duy nhất sống sót sau nạn hồng thủy, thủy tổ của dân tộc, của nhóm địa phương, họ được cứu thoát nhờ chạy lên những ngọn núi cao trong khu vực mà họ đang cư trú hiện nay ⁽¹⁾. Sự phân tán, chuyển cư của các nhóm Ca Dong còn được giải thích theo câu chuyện dân gian về sự bất hòa giữa hai anh em, do người em tranh ăn thịt một con dúi, người anh buồn bỏ đi về phía tây. Cho nên ở nhóm Ca Dong phía tây phổ biến thuật ngữ “Ca Dong cha chức” để chỉ người đồng tộc phía đông. Nhưng từ rất xa xưa, con cháu người Ca Dong ở phía đông (Komplong, Trà My, Sơn Tây ngày nay) vẫn không biết gì về câu chuyện khôi hài đó ⁽²⁾.

Ở Sơn Tây, ngoài dân tộc Ca Dong chiếm số đông nhất, còn có một bộ phận dân tộc Hrê ở rải rác tại

(1) Như núi Ngọc An 2.251m (gần núi Ngọc Linh) ở Kon Tum và những núi ở Sơn Tây đã nêu trên.

(2) Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Nam) - Sdd - trang 96.

Sơn Tinh, Sơn Tân; một bộ phận dân tộc Co ở rải rác tại Sơn Mùa, Sơn Long cũ. Đến năm 1998 có khoảng 300 người thuộc dân tộc Hrê, 200 người thuộc dân tộc Co và một số người Kinh.

Người Ca Dong chưa có chữ viết, nhưng có tiếng nói, phong tục tập quán, tín ngưỡng, lễ hội, nhạc khí mang bản sắc dân tộc của mình. Trong quá trình giao lưu lâu đời với các dân tộc anh em ở Sơn Tây, Sơn Hà, Trà Bồng, tiếng nói và phong tục tập quán của người Ca Dong ở Sơn Tây có sự tiếp biến, hòa quyện với các dân tộc khác. Và cũng đã từng diễn ra sự hợp hôn hòa huyết giữa tộc người Ca Dong với tộc người Hrê hoặc tộc người Co.

Người Kinh đến vùng Ca Dong muộn hơn đến vùng thấp Sơn Hà. Vào khoảng đầu thế kỷ XX mới có một ít người di buôn qua lại. Vì vậy, người Ca Dong ít thạo tiếng Kinh bằng người Hrê và rất ít người biết chữ quốc ngữ. Và rồi cũng có một nữ thương lái người Kinh kết hôn với một già làng Ca Dong ở vùng Huy Măng. Sự hòa huyết giữa người Ca Dong và người Kinh bắt đầu từ đó. Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, người Kinh đến vùng Ca Dong ngày càng nhiều. Đến năm 1998 ở Sơn Tây đã có 1.800 người thuộc dân tộc Kinh. Tính cách, phong tục, tập quán người Kinh ở Sơn Tây cũng giống như người Việt ở

Quảng Ngãi⁽¹⁾. Giữa hai tộc người Ca Dong và Kinh ngày càng học được nhiều tiếng nói của nhau, ngày càng hiểu biết nhau hơn và việc giao lưu kinh tế văn hóa với nhau ngày càng phát triển.

Nếu hiểu DÂN TỘC theo nghĩa thông thường thì tất cả các thành phần dân tộc ở Sơn Tây, ở Quảng Ngãi, ở cả nước ta đều là những thành viên của đại gia đình dân tộc Việt Nam, đều là những dân tộc anh em trong Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. “Các dân tộc anh em trên đất nước ta từ lâu đã gắn bó thành một dân tộc là dân tộc Việt Nam, có chung một lãnh thổ, một nền kinh tế, một nền văn hóa, một truyền thống lịch sử, có chung một cơ đồ, một sự nghiệp, một tương lai do Đảng và Bác Hồ lãnh đạo, có một cuộc sống chung trên đất nước mình, có một vị trí chung trên trường quốc tế⁽²⁾”.

Người Ca Dong xưa kia nặng chế độ mẫu hệ, vai trò người phụ nữ được đề cao. Bà chủ gia đình là người duy nhất được chăm sóc đến các lễ thức liên quan đến hôn lễ. Nữ thần dệt ban ân truyền cho nữ giới thuộc chi Ca Dong nghề dệt đáng quý, được

(1) Quảng Ngãi - Đất nước, con người, văn hóa - Sở VH TT Quảng Ngãi - 1997 - trang 45, 48.

(2) Lê Duẩn - "Tây Nguyên đoàn kết tiến lên" - Nxb Sự thật - Hà Nội - 1978 - trang 24.

trồng gai, trồng bông để dệt vải (trong khi đó có chi chỉ được nữ thân dệt cho phép dùng một thử vỏ cây trong rừng để dệt). Ngày nay quan hệ nam nữ trong gia đình và ngoài xã hội là bình đẳng, không còn nặng mẫu hệ và cũng không quá nặng phụ hệ như một số dân tộc khác.

Người Ca Dong thích chọn những sườn đồi thoáng đãng, có suối nước để ở và ở theo từng làng (plây); mỗi làng là một cộng đồng cùng hay không cùng huyết thống, có nhiều nhà. Tất cả chủ nhà họp thành hội đồng già làng, đứng đầu là người có uy tín nhất gọi là “chủ làng” (K’ráplây). Tên chủ làng cũng thường trở thành tên của làng. Chủ làng là người đại diện cho cả làng, thể hiện nguyện vọng của toàn dân, chăm nom bảo vệ địa giới làng, quyết định chiến đấu hay hòa giải, đôn đốc dân làng bảo vệ làng khi có giặc, giao thiệp với khách lạ, tiếp xúc với các đoàn buôn hay thương lái, tổ chức các đoàn buôn của làng, giữ gìn phong tục tập quán, đôn đốc việc sản xuất, chủ trì các lễ thức tín ngưỡng trong làng, xử lý các vụ tranh chấp, kiện tụng, vi phạm luật tục...

Đầu thế kỷ XX, nhiều gia đình Ca Dong có đến 80, 90 người, coi như một xóm có nhiều hộ. Bằng tre, nứa, mây, cây rừng, tranh lá, với chiếc rựa và đôi tay

khéo léo của mình, đồng bào Ca Dong đã làm nên những ngôi nhà khá vững chắc và đẹp mắt. Mỗi chục năm gần đây xuất hiện ngày càng nhiều ngôi nhà một hộ của một gia đình.

Về kinh tế, người Ca Dong chủ yếu sinh sống bằng nương rẫy, làm ruộng, làm vườn, săn bắn, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Trước kia đồng bào sống theo lối du canh du cư. Đất đai thuộc sở hữu tập thể nhỏ (theo plây) tồn tại trong một thời kỳ lâu dài. Khi chọn được đất, làng làm dấu chiếm dụng hình chữ thập (+) gọi là “kíp”. Mọi người tôn trọng triệt để dấu đó. Khi có sự vi phạm đất đai giữa hai làng thì thương lượng, hoặc phạt bằng vật quý (chiêng, ché, trâu) hoặc dùng vũ lực⁽¹⁾. Ruộng, rẫy, vườn gia đình nào khai phá thì thuộc gia đình đó khi gia đình được chấp nhận là thành viên của làng. Rẫy ở đây chỉ có một loại gọi là “diếc” hay “đếc” được khai phá theo chu kỳ, trồng tủa một hoặc hai ba vụ rồi bỏ hóa 10, 12 năm mới phát đốt, trồng tủa lại. Công cụ phát nương làm rẫy chủ yếu là rìu rựa. Khi trồng tủa, đàn ông dùng gậy nhọn chọc lỗ, đàn bà theo sau bỏ hạt. Trên các rẫy lúa, mảnh vườn, đồng bào thường trồng xen bầu bí, rau,

(1) Nguyễn Quốc Tuấn - “Làng cổ truyền Hrê và Ca Dong, những vấn đề kinh tế xã hội” - 1985 - Tài liệu lưu trữ tại Viện Văn hóa Trung ương.

đậu, cây có củ, nhất là mỳ (sắn). Trước đây đồng bào chưa quen làm cỏ, bón phân cho cây trồng, trừ việc phát đốt rẫy thành tro để nuôi cây lúa và hoa màu. Đồng bào thường bảo vệ hoa màu ở rẫy bằng cách rào rẫy, sắn bắn, đặt bẫy, chông, thò... để chống thú rừng phá hoại; hoặc dùng những giàn ống nữa, ống lồ ô đặt dưới suối, treo trên nương, nhờ sức nước, sức gió đẩy tạo nên âm thanh xua đuổi thú rừng. Khi thu hoạch lúa thì đồng bào suốt bằng tay, do loại lúa rẫy dễ rụng và còn do mê tín, sợ dùng liềm cắt thì “hồn lúa bị đau” và “chạy mất”, mùa sau sẽ thu hoạch kém.

Từ sau năm 1945, đồng bào ở dọc sông Rinh và các suối lớn nhờ học tập kinh nghiệm các trại sản xuất của cách mạng đã biết lợi dụng số đất ít ỏi, có thể bằng tương đối ở hai bên bờ và nước sông suối để sản xuất lúa nước ở những đám ruộng hẹp, ruộng bậc thang. Công trình thủy lợi ở đây còn rất thô sơ. Đồng bào biết dùng cây bừa do trâu kéo và cuốc lưỡi bằng sắt để làm ruộng lúa nước.

Cùng với làm lúa rẫy, lúa nước, người Ca Dong còn trồng được một số loại cây công nghiệp. Đó là các đôi quế lâu đời, nhiều vườn cau, thuốc lá, gai quanh các làng. Quế, cau, thuốc lá Sơn Tây trước đây

là những mặt hàng có giá. Những vườn gai góp phần duy trì nghề dệt truyền thống của dân tộc.

Đi đôi với trồng trọt, đồng bào Sơn Tây còn nuôi hàng đàn trâu, bò, dê, heo, gà. Đàn gia súc, gia cầm này cùng với thịt rừng săn bắt được là nguồn thực phẩm chủ yếu của cư dân Sơn Tây. Người Ca Dong nuôi trâu chủ yếu để làm vật trao đổi và cúng thần trong lễ hội ăn trâu (Ká Kapơ).

Để tự cấp tự túc và có sản phẩm trao đổi, đồng bào Ca Dong còn làm các nghề đan lát, dệt, rèn... trong lúc nông nhàn.

Nghề đan lát do đàn ông đảm nhiệm. Hàng đan lát của đồng bào thường bền đẹp, thể hiện sắc thái riêng của dân tộc mình, nhất là các gùi lúa có hình chuông đặt ngửa, các léc đựng tên, các nong nia tinh xảo. Nghề dệt do phụ nữ đảm nhiệm. Hầu hết chị em kế thừa nghề dệt cổ truyền từ xưa, đã biết dùng chỉ gai dệt những tà muông, xà bông, pel, cà tu...; biết dùng lá, rễ, vỏ cây, củ rừng làm thuốc nhuộm chỉ, có màu sắc rực rỡ để dệt nên những tấm vải với các kiểu hoa văn đẹp. Các hoa văn được dệt cùng lúc, hay có thể nói họ vừa là thợ dệt, vừa là thợ nhuộm. Người Ca Dong ưa thích màu đỏ, màu xanh, màu vàng. Theo đồng bào thì màu đỏ biểu hiện cho sự vươn lên, cho khát

vọng, tình yêu; màu xanh biểu hiện cho trời và sông núi, màu vàng biểu hiện cho ánh sáng, kết hợp hài hòa giữa con người và thiên nhiên. Đồng bào dùng cây hoang nẫu, tơ nung nhuộm đỏ; vỏ cây trôn nhây, kpai, lá cây tơ rum nhuộm xanh, củ nghệ nhuộm vàng. Các trang phục đẹp mà các cô gái ngày đêm cần mẫn như con ong, miệt mài ngồi dệt với tất cả tâm hồn đều dành cho các ngày lễ hội, cưới xin. Ai có bộ váy sắc sỡ, là những người chăm chỉ giỏi giang, nếu là cô gái chưa chồng dễ được các chàng trai làng để mắt tới. Máy chục năm gần đây, phần vì dệt thủ công rất tốn công, phần do thuận lợi giao lưu với đồng bằng, dễ dàng mua được vải đẹp, rẻ hơn, nên nghề dệt của người Ca Dong bị mai một. Trước kia, người Ca Dong còn biết dùng quặng cục, quặng cát (là loại manhêtit có tỷ lệ sắt 96 - 98%) nung thành thép thỏi để rèn rựa, rìu, dao, xẻng, dụng cụ săn bắn. Nhưng rồi bom đạn địch trong 30 năm chiến tranh đã làm cho nghề rèn ở đây bị mai một. Ngày nay, Đảng và Nhà nước đang khuyến khích chấn hưng những nghề truyền thống nói trên để góp phần đáp ứng nhu cầu hàng tiêu dùng cho nhân dân.

Để thỏa mãn nhu cầu cuộc sống, hình thức kinh tế chiếm đoạt còn chiếm một vị trí nhất định như khai

thác lâm sản, hái lượm rau quả, săn bắn thú rừng, đánh bắt cá. Trong săn bắn, đồng bào hay dùng tên, nỏ, giáo, mác và các loại bẫy để bắt thú rừng, chim muông. Đồng bào dọc sông suối thì dùng lưới, dao phóng, dơm đó, hoặc ngăn bờ tát cạn để bắt cá.

Bên cạnh trục đường thủy sông Rinh, trên địa bàn Sơn Tây có trục đường bộ từ Di Lăng (Sơn Hà) lên Komplong (Kon Tum). Ngoài ra còn có những đường mòn quen thuộc lâu đời từ Sơn Tây đi Trà Bồng (Quảng Ngãi), đi Trà My (Quảng Nam) và đi từ làng này đến làng khác.

Xưa kia, hàng năm sau mùa thu hoạch, đồng bào các làng thường mang sản phẩm dư thừa (tương đối) như chỉ gai, quế, cau, heo, gà, thuốc lá, đậu đỗ... sang các làng khác, vùng khác để trao đổi, mua về những nhu yếu phẩm thiết yếu như vải, muối, cá khô, mắm, nông cụ, rượu. Ngược lại, đồng bào các làng cũng đón tiếp trao đổi hàng với những thương lái, người bán hàng rong từ nơi khác đến. Đồng bào Ca Dong mua rượu ít vì chủ yếu là uống rượu cà rỏ, rượu đoát tự làm, tuyệt đối không xuất lúa gạo ra ngoài, không nhập heo, gà, vịt. Trong việc trao đổi, đồng bào đã dùng một số sản phẩm làm vật ngang giá như ché,

chiêng, nổi đồng... mà giá trị của nó dường như thống nhất trong vùng và cả khu vực bắc Tây Nguyên.

* *

*

TỘC NGƯỜI CA DONG có đời sống văn hóa tinh thần đa dạng, phong phú.

Đồng bào có tính cần cù nhẫn nại, thật thà chất phác, từ xưa đã có phong tục “gác chòi để chứa thóc gạo. Đổ của ở ven khe, không lấy trộm của nhau. Dẫu nghèo cực vẫn không ăn xin. Ngoài việc săn bắn, không cờ bạc, chơi bài, tính rất thuần phác. Trai gái không hòa gian” ⁽¹⁾. Đồng bào có tinh thần thượng võ, có ý chí và chiến kỹ thuật chiến đấu cao, trọng danh dự, tự tôn, tự lập, phổ biến tục kết nghĩa anh em. Tính cách thuần phác, trung thực, trọng danh dự của người Ca Dong biểu hiện rõ nhất là nói như “thắt gút”, như “rựa chém cột” ⁽²⁾, đã tin là theo, đã ưng cái bụng là làm, đã không ưng là chống đến cùng. Nhưng đồng bào cũng có mặt tự ti dân tộc.

Quan hệ hôn nhân của người Ca Dong theo nguyên tắc nam nữ tự do tìm hiểu kết hôn, một vợ một chồng,

(1) Đại Nam nhất thống chí - Sdd - trang 357.

(2) Vì chưa có chữ viết nên mỗi lời hứa, mỗi mùa rẫy đều thắt gút trên sợi mây, hoặc khắc một nhát rựa vào cột để nhớ.

theo chế độ cư trú hai bên. Quan hệ tính giao trước hôn nhân bị cấm ngặt. Tội hủ hóa bị phạt vạ nặng, thậm chí vợ chồng sinh con năm đầu mới cưới cũng bị xem như ngoại tình. Người Ca Dong không chấp nhận hôn nhân giữa những người cùng huyết thống trong phạm vi ba đời cả phía cha và phía mẹ.

Là cư dân nông nghiệp ở vùng cao, tộc người Ca Dong có những lễ thức tín ngưỡng theo thuyết “vạn vật hữu linh”, thường thờ thần mặt trời (Bh' giá), thần núi, thần sông, hồn ma, hồn lúa... nhất là thờ thần mặt trăng (y cổ, y cả), cầu mong các siêu linh phù hộ che chở cho cuộc sống yên lành, mùa màng tốt tươi. Cây đa được người Ca Dong cho là có thần linh trú ngụ, tượng trưng cho sự trường sinh bất tử. Họ thường lấy lá đa treo vào tóc trên đầu, mong ước được sống vĩnh hằng.

Thu hoạch xong mùa màng, đồng bào tổ chức sửa sang lại máng nước, dựng nêu, làm lễ cúng máng nước, cầu mong một năm mới thịnh vượng hơn. Máng nước tượng trưng cho cả làng. Cúng máng nước là hình thức cổ kết cộng đồng. Chủ làng đứng ra cúng thần làng và các siêu nhân khác, cầu xin cho dân làng khỏe mạnh, mùa màng tốt tươi, gia súc phát triển. Cả làng góp đồ cúng đến cúng và ăn chung ở máng nước, rồi về tổ chức ăn uống từng nhà. Đồng bào chẳng

dây, mắc lá kiêng, không cho người lạ vào làng khi lá chưa khô. Tết Ca Dong kéo dài cả tuần. Trong tết có tục “nhảy co”, nhảy múa xung quanh bếp lửa, gần chỗ thờ cúng tổ tiên, tung vãi cơm nếp đun trong ống nứa, nổi chiêng trống, ca hát reo hò, cầu mong sang năm lương thực dư thừa. Trong những ngày ăn lúa mới không được để hết cơm trong nồi.

Ngoài lễ tết, người Ca Dong còn có lễ hội ăn trâu (Ká Kapơ) nhằm tạ ơn thần linh, tiên tổ, đồng thời cũng là dịp để gia đình khoản đãi bà con họ hàng, người cùng plây pla, khi gia đình mình tai qua nạn khỏi, người ốm hết bệnh, làm ăn khấm khá. Tuy là lễ của gia đình, nhưng cả làng góp công sức chung o. Mọi người cùng với thầy cúng (pơdâu) giúp gia chủ ủ rượu cần, hái rau, bắt cá, dựng nêu, tằm hoa rừng Riêng Klung để trang trí cây nêu và sừng trâu. Cây nêu và lễ hội ăn trâu của người Ca Dong có nhiều chi tiết khá độc đáo, mang đậm bản sắc dân tộc. Cùng với thịt trâu, rượu cà rỏ, chủ nhà còn mổ heo, gà để đãi mọi người no say, tận hưởng niềm vui, lánh chiêng, múa hát tâm tình thâu đêm suốt sáng tại ba ngày liền.

Lễ tết và lễ hội ăn trâu của người Ca Dong ngày trước thường tiêu tốn hết nhiều lương thực, gia súc ăn xuất trong năm. Mấy chục năm gần đây, ngày

Phó Xơn... Mỗi hộ thường có độ 30 teo giống ⁽¹⁾ rầy, vài ba chục con trâu, con dê, con heo, năm bảy bộ chiêng, vài chục cái ché, ba bốn chục nồi bầy, nồi bung, vài đôi quế, mấy vườn cau, năm, mười người đầy tớ (ở làm công). Đặc biệt là những cà rá giàu có ở Sơn Tây không ai tự nguyện, cố tình làm tay sai cho thực dân Pháp. Dù trong tình thế bắt buộc phải làm chánh tổng, phó tổng, họ vẫn đứng về phía nhân dân lao động trong các cuộc đấu tranh chống Pháp và tay sai của Pháp như Chánh Nhá, Phó Nía, Phó Xơn, Phó Hủy...

Người đủ ăn không nhiều lắm, là những hộ có lao động, có ruộng và rầy đủ làm, cũng có ít trâu, dê, heo, gà, có ít quế rầy, cau vườn để đổi chác.

Người nghèo chiếm đến 95% dân cư, phần đông không có ruộng, chỉ làm một hai teo giống lúa rầy, thu hoạch một vụ ăn cả năm, nên thường thiếu đói lúc giáp hạt, nhất là những hộ thiếu sức lao động hoặc gặp hoàn cảnh ốm đau, chết chóc. Họ thường phải vay mượn của nhà giàu, người đủ ăn, nhưng không phải trả lãi như vùng thấp.

Tầng lớp đầy tớ có hai loại: một là những người thiếu đói phải đi ở mướn cho nhà giàu để kiếm sống,

(1) Một teo khoảng năm ang giống.

hai là những nhà nghèo rủi ro vì phạm luật lệ phong tục dân làng, bị phạt vạ, phải đi vay mượn nhà giàu, không trả nổi nợ phải làm đầy tớ cho chủ nợ. Ngày trước tầng lớp đầy tớ bị giới chủ coi như rơm rác.

Tuy vậy, mối quan hệ kinh tế giữa các tầng lớp cư dân Ca Dong mang nhiều tính tương trợ hơn là bóc lột. Vì vậy, khối cố kết cộng đồng của dân tộc Ca Dong được xây dựng khá bền vững. Các tộc người Kinh, Co, Hrê sinh sống ở Sơn Tây đều chịu tác động trong mối quan hệ kinh tế của người Ca Dong.

* *

*

TÓM LẠI, Sơn Tây là một huyện miền núi thuộc vùng cao, vùng sâu, vùng xa, nằm về phía cực tây của tỉnh Quảng Ngãi, có nhiều núi cao, có sông Rinh đầu nguồn Trà Khúc và nhiều suối lớn, tạo nên địa thế hiểm trở, có lợi về mặt quốc phòng, có những tiềm năng kinh tế và du lịch nhất định; nếu được khai thác sẽ góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trải qua bao thế hệ nối tiếp nhau, cộng đồng cư dân Ca Dong cùng với các dân tộc Kinh, Co, Hrê đã tiếp thu, học hỏi, xây đắp cho nhau tính cách cần cù,



Vườn cau 5.000 cây của ông Đinh Văn Nhú
ở xóm Trưỡng, xã Sơn Dung



Phụ nữ Ca Dong dệt vải.

Chương hai

TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC, CHỐNG PHONG KIẾN ĐẾ QUỐC TRƯỚC VÀ TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

TRONG lịch sử lâu đời của mình, nhân dân các dân tộc anh em ở vùng đất Sơn Tây ngày nay đã có tinh thần cố kết cộng đồng, bảo vệ làng xóm quê hương; nêu cao truyền thống yêu nước, đấu tranh giữ đất, giữ nước rất kiên cường. Kẻ nào xâm phạm đến quyền lợi thiết thân hằng ngày và lợi ích dân tộc, lập tức bị nhân dân trừng trị. Đến nay trong đồng bào Ca Dong vẫn còn lưu truyền câu chuyện Cha Đan (ở Komplong) nghe ai có vợ đẹp, lúa nhiều thì cùng tay chân đi cướp về cho mình; khi chúng đến Huy Măng (Sơn Dung) để thực hiện thủ đoạn trên, đã bị bà Da-y-Kleng cho chín người con chặn đường giết tên Đan, giữ vững cuộc sống bình yên cho dân làng vùng Huy Măng và các vùng xung quanh.

Đến thế kỷ thứ XVII, ở Đàng Trong⁽¹⁾ “các dân

(1) Đàng Trong là từ sông Gianh trở vào do Chúa Nguyễn cai quản trong cuộc Nam Bắc phân tranh cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVIII.

tộc thiểu số còn ở những trình độ phát triển kinh tế xã hội khác nhau nhưng tất cả đều phải chịu đựng chế độ bóc lột trực tiếp hay gián tiếp của chính quyền Chúa Nguyễn. Các dân tộc hằng năm phải đóng thuế bằng tiền hay bạc. Có nơi mỗi người phải đóng thuế từ 15 đến 60 quan tiền. Mức thuế đó nặng gấp bội lần so với thuế đinh ở đồng bằng (nhiều nhất là hai quan tiền)... “Hằng năm còn phải cống nộp những sản phẩm quý như ngà voi, gỗ, trầm hương, quế, mật ong...” (1).

Vì quyền lợi ích kỷ của giai cấp, chính quyền phong kiến phá hủy cả tính thống nhất của cộng đồng dân tộc; ngày càng đi ngược lại tình cảm thiêng liêng và lợi ích cao cả của dân tộc, đẩy các dân tộc thiểu số vào nỗi thống khổ khôn cùng. Lịch sử triều Nguyễn chép về thời kỳ này: “Trăm họ đói khổ, trộm cướp nổi dậy bốn phương” (2).

Bởi vậy, nhân dân “nhiều lần nổi dậy đấu tranh. Tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa do ông Linh cầm đầu ở Quảng Ngãi năm 1695”, “vào thế kỷ XVIII

(1) Lịch sử Việt Nam tập I - Sdd - trang 333, 334.

(2) Đại Nam thực lục (tiền biên) - Nxb Sử học Hà Nội - 1962 - tập 1 - trang 236.

các dân tộc thiểu số đã nhiều lần khởi nghĩa,... Những cuộc đấu tranh của người Chăm rên nổi ra dữ dội"... "Những cuộc đấu tranh của các dân tộc thiểu số cũng đang có xu hướng liên kết phối hợp với phong trào nông dân ở đồng bằng" (1).

Sử sách cũ còn ghi lại "Sự kiện Đá Vách" nói về các dân tộc thiểu số Quảng Ngãi (trong đó có người Ca Dong) nổi dậy chống quan quân Chúa Nguyễn vào năm 1750. Từ sự kiện này, Chúa Nguyễn ghép các dân tộc thiểu số Quảng Ngãi vào tội "bất tuân vương hóa".

Tiếp sau đó, hưởng ứng cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn do ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ khởi xướng, từ năm 1771, tại vùng rừng núi An Khê (Gia Lai), đồng bào Ca Dong và các dân tộc anh em vùng Sơn Tây ngày nay đã chung lòng chung sức với nhân dân trong tỉnh xây dựng Quảng Nghĩa thành vùng căn cứ "Tây Sơn tả đạo" (2).

Đa Phát Canh (Đã-Boăk-King), chủ động Thạch Bích, một trong những chỉ huy của nghĩa quân Tây

(1) Lịch sử Việt Nam tập 1 - Sđd - trang 333, 334.

(2) Tây Sơn thượng đạo là An Khê (Gia Lai) và Vĩnh Thạnh (Bình Định). Tây Sơn hạ đạo là Bình Khê và Quy Nhơn (Bình Định). Tây Sơn tả đạo là Quảng Nghĩa. Tây Sơn hữu đạo là Phú Yên.

Sơn đã cùng với Boăk-Xuân chỉ huy nghĩa quân dân tộc ít người, kéo quân xuống đồng bằng góp sức cùng đại quân Tây Sơn đánh quan quân Chúa Nguyễn, giải phóng phủ Quảng Nghĩa vào năm 1773.

Vùng nước Bloác (Sơn Mùa ngày nay) cũng đã từng là nơi đóng quân của nghĩa quân Tây Sơn.

Nhiều thanh niên Ca Dong đã hăng hái gia nhập nghĩa quân Tây Sơn. Nhân dân vùng Sơn Tây ngày nay đã đóng góp lương thực, thực phẩm nuôi nghĩa quân và đội tượng binh Tây Sơn trú quân tại đây, hoặc trên đường hành quân dọc theo Trường Sơn đông ra Bắc đánh chiếm Phú Xuân (Huế) và lật đổ chế độ thống trị của Chúa Trịnh ở Bắc Hà năm 1786; rồi đánh đuổi quân Thanh, giải phóng Thăng Long (Hà Nội) năm 1789.

Như vậy, nhân dân các dân tộc trên địa bàn Sơn Tây ngày nay đã cùng nhân dân trong tỉnh trực tiếp đóng góp sức người, sức của vào cuộc khởi nghĩa Tây Sơn (đỉnh cao của phong trào khởi nghĩa nông dân toàn quốc thế kỷ XVIII); góp phần đập tan ách thống trị của Chúa Nguyễn ở Đàng Trong và ách thống trị của Chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, đánh thắng quân

Thanh xâm lược, giữ vững độc lập và mở đầu cho thời kỳ thống nhất và phục hưng đất nước.

* *

*

NĂM 1802, sau khi đánh bại nhà Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi vua lấy niên hiệu Gia Long, khôi phục chế độ phong kiến phản động. Nhà Nguyễn cai trị dân bằng bộ “Hoàng triều luật lệ”, còn gọi là bộ luật Gia Long, thẳng tay đàn áp mọi hành động phản kháng của nhân dân bằng những hình phạt rất tàn bạo. Nhân dân bị đẩy vào cuộc sống lầm than cơ cực vì bọn tham quan ô lại của triều Nguyễn ra sức hà hiếp, bóc lột nhân dân. “Theo một tài liệu người nước ngoài thì lương một viên quan huyện tương đương ba đồng phơ-răng, nhưng tiền tham ô hối lộ tăng số thu nhập lên từ 2.000 đến 3.000 phơ-răng”⁽¹⁾. Đám quan lại lợi dụng mọi cơ hội để vơ vét bòn rút của dân, nên dân coi như loài “kẻ cướp”. Cách nhìn nhận này được phản ánh qua câu ca dao:

“Con ơi nhớ lấy câu này
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan”.

Vì vậy, “từ năm 1808 đến năm 1812, phong trào khởi nghĩa của nông dân và các dân tộc thiểu số hầu

(1) Lịch sử Việt Nam tập 1 - Sđd - trang 372.

như đã lan rộng từ Bắc đến Nam”... “Các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, đặc biệt là dân tộc Chăm rơ ở Quảng Ngãi cũng đã bắt đầu cuộc đấu tranh bền bỉ chống lại triều Nguyễn”⁽¹⁾. Vua quan nhà Nguyễn dùng mọi thủ đoạn nhưng không thể nào dập tắt được các cuộc đấu tranh đó. “Cuối cùng, nhà Nguyễn phải đắp một lũy đất dài 37.479 trượng (khoảng 120km) gọi là lũy “Bình Man”, lập 115 đồn ở miền núi Quảng Nghĩa để ngăn chặn những cuộc tiến công của nghĩa quân”⁽²⁾.

Trong sách “Phủ man tạp lục”, Nguyễn Tấn đã ghi lại những cuộc nổi dậy của nhân dân miền núi Quảng Nghĩa chống triều đình phong kiến nhà Nguyễn:

- Cuộc nổi dậy năm Giáp Tý (1804), Gia Long phải sai đại tướng tả quân Lê Văn Duyệt đem binh đàn áp.

- Cuộc nổi dậy năm Mậu Dần (1818), Gia Long lại sai Lê Văn Duyệt đem binh đàn áp. Lần này, Lê Văn Duyệt tâu xin đắp lũy đất gọi là “Tĩnh man trường lũy” để ngăn cách, cắt đứt sự đi lại của người Thượng xuống trung châu.

(1), (2) Lịch sử Việt Nam tập 1 - Sdd - trang 382.

- Cuộc nổi dậy năm Ất Mão (1855), Tự Đức sai Trần Tri, Phan Công Định, Nguyễn Trường Duyệt đem binh đàn áp.

- Cuộc nổi dậy năm Quý Hợi (1863), Tự Đức sai Nguyễn Tấn đem binh đàn áp.

Nhân dân vùng Sơn Tây ngày nay luôn luôn có mặt trong các cuộc nổi dậy chống quan quân triều đình nhà Nguyễn.

Theo phương lược của Nguyễn Tấn, triều đình nhà Nguyễn lập sơn phòng Quảng Nghĩa, đặt sáu cơ binh để đối phó với phong trào đấu tranh của các dân tộc thiểu số ở miền núi.

Ngoài sáu cơ binh lưu thủ tại miền núi Quảng Nghĩa, mỗi lần đàn áp các cuộc nổi dậy kể trên, triều đình Huế còn tăng thêm từ 3.000 đến 5.000 quân nữa. Thời gian mỗi cuộc hành quân từ một đến hai năm. Riêng cuộc đàn áp do Nguyễn Tấn chỉ huy phải kéo dài suốt bảy năm, từ năm 1863 đến năm 1870.

Qua mỗi lần đàn áp khủng bố, quân triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã gây rất nhiều thảm họa cho nhân dân vùng Sơn Tây ngày nay.

* *

*

ĐẾN nửa cuối thế kỷ XIX, đế quốc Pháp xâm lược nước ta. Trong khi nhân dân cả nước đứng lên chống Pháp xâm lược, thì triều đình nhà Nguyễn đốn hèn đã dâng nước ta cho Pháp và còn cấu kết với đế quốc Pháp đàn áp các phong trào yêu nước của nhân dân ta, vơ vét bóc lột nhân dân ta đến tận xương tủy.

Từ năm 1899, thực dân Pháp và triều đình nhà Nguyễn đặt chức “Chánh tổng dịch man”, “Phó tổng dịch man” hòng xây dựng bộ máy tay sai để cai trị và bóc lột các dân tộc thiểu số. Ở vùng Ca Dong, không một ai chịu làm tay sai cho đế quốc và phong kiến. Dịch còn đóng đồn ở làng Rí (nay thuộc xã Sơn Giang huyện Sơn Hà) do một quan ba Pháp chỉ huy. Nhưng quan quân ở đồn này không kiểm soát được vùng Ca Dong.

Để vơ vét bóc lột thuộc địa làm giàu cho chính quốc, thực dân Pháp đã gia tăng việc đánh thuế, bắt xâu.

Thuế ruộng đất từ 1 đồng lên 2,5 đồng/mẫu/năm.

Thuế đinh từ 30 xu lên 2,5 đồng/người/năm.

Thuế muối từ 30 xu lên 2,5 đồng/ta.

Thuế rượu từ 6 xu lên 29 xu/lít.

Xâu 48 ngày/người/năm, trong đó có 24 ngày nộp tiền là 1,68 đồng⁽¹⁾.

Hầu hết đàn ông Ca Dong đều bị bắt đi xâu liên miên vì không có tiền để nộp. Mỗi lần đi xâu phải tự mang theo gạo, củ, muối của mình để sống. Nhiều người đã bị bệnh sốt rét hoặc thương tật, thậm chí có người phải bỏ mạng trong khi lao động khổ sai để xây đồn Kompong, làm nhà quan, nhà lính cho Pháp, phát dọn, đắp đường từ Di Lăng đi Mang Bút - Kompong...

“Nếu thuế làm cho mọi tầng lớp nhân dân phá sản, cơ cực thì xâu càng làm cho các tầng lớp nhân dân nghèo khổ, cả Kinh lẫn Thượng bị hành hạ khổ sở, chết chóc, bỏ nhà cửa, vợ con điêu linh cùng cực. Thuế xâu đã làm cho các dân tộc anh em (đa và thiểu số) đều bị thiệt thòi, lâm vào cảnh “thập nhất cửu khung” nghĩa là mười nhà thì chín nhà bị vợ vót đến không còn một cái gì nữa”⁽²⁾.

Chính vì thế, đồng bào Ca Dong luôn sống trong cảnh đói cơm, lạt muối, phải ăn củ mài thay gạo, dùng tro tranh thay muối; phụ nữ phải lấy vỏ cây làm váy,

(1), (2) - Bùi Định - Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Nghĩa (1885 - 1945) - Ban nghiên cứu lịch sử Đảng và Sở VH TT tỉnh Nghĩa Bình (cũ) xuất bản năm 1985 - trang 58, 59, 60, 61, 62.

dân ông chỉ đóng khổ che thân. Bệnh tật là bạn đồng hành với đói rét. Hầu như nhà nào cũng có người bị bệnh sốt rét, ghẻ lở, chùm bao (sâu quầng), phù thũng, bấu cổ, lác. Nhiều người mắc vào “tứ chứng nan y”: phong, lao, cổ, lại (hủi, lao, xơ gan cổ trướng, ung thư) và chỉ có chờ chết. Có gia đình bị truyền nhiễm bệnh lao từ đời này qua đời khác. Người mắc bệnh phong bị đưa ra rừng nằm chờ chết. Nhiều năm dân làng phải chịu đựng các dịch bệnh thương hàn, kiết lỵ, thổ tả, đậu mùa. Ấy thế mà nào có được nhà nước thực dân phong kiến quan tâm chăm sóc đến, nên có những năm dịch bệnh đã cướp đi mạng sống rất nhiều người. Riêng bệnh đậu mùa, có lúc làm chết cả làng, chết đến không còn người đi chôn.

Rõ ràng là đồng bào Ca Dong cũng như các dân tộc anh em đã phải sống trong cảnh:

*“Gánh khổ mà đổ trên non
Còng lưng mà chạy, khổ còn chạy theo”.*

Đời sống vật chất đã vậy, về mặt văn hóa giáo dục lại càng u ám hơn. Thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân” để dễ bề cai trị. Cho nên gần 100 năm thực dân Pháp đi “khai hóa” Việt Nam, 100% người Ca Dong ở Quảng Ngãi vẫn còn mù chữ! Không ai biết đến trường học là cái gì!

Không cam tâm chịu áp bức bóc lột, sống cuộc đời tủi nhục, đồng bào Ca Dong và các dân tộc miền Tây Quảng Ngãi cùng với các tỉnh Tây Nguyên, Nam Trung bộ đã có hàng chục cuộc đấu tranh chống lại sự thống trị của thực dân Pháp và triều đình nhà Nguyễn.

Trong các năm 1908, 1909, người Ca Dong ở Quảng Ngãi đã tham gia nghĩa quân Xơ-Đặng dùng cung tên đánh đồn Kon Klot, diệt đồn Đắc Sứt và đồn Đắc Tô (ở Kon Tum), giết hai sĩ quan Pháp và nhiều binh lính của chúng⁽¹⁾.

Một số người Hrê ở Sơn Hà không chịu đi xâu, nộp thuế cho Pháp, không chịu làm đầy tớ cho nhà giàu, đã trốn tránh lên vùng Sơn Tây ngày nay để làm ăn, sinh sống và cùng với người Ca Dong đấu tranh chống xâu, chống thuế của thực dân Pháp.

Phong trào chống đi xâu, chống nộp thuế của đồng bào Ca Dong, Hrê ở Sơn Hà, Minh Long do ông Đinh Tôm người làng Nà tổng Sơn Trung cầm đầu đã làm cho Pháp mất quyền kiểm soát nhiều nơi, không bắt được xâu, không thu được thuế, buộc phải tung quân đi càn quét đánh phá. Đến năm 1921, chúng mới bắt

(1) Các dân tộc ít người Việt Nam (các tỉnh phía Nam) - Sdd - trang 36.

được các ông Đinh Tôm, Đinh Mút, Đinh Rin đem xử tử. Mặc dù vậy, đồng bào Ca Dong, Hre vẫn không khuất phục, đã cùng nhau đoàn kết, tổ chức “chạy làng” vào rừng sâu, sống bất hợp pháp để tiếp tục chống lại quan quân của Pháp và Nam triều ⁽¹⁾.

Ngay sau đó, năm 1922, người Ca Dong (ở Quảng Ngãi) lại tham gia nghĩa quân Xơ-Đăng, nổi dậy ở Đắc Hà tiêu diệt một toán quân Pháp. Tiếp đó là các cuộc nổi dậy ở Đắc Lây, Đắc Pếch (Kon Tum), tổng Ca Dong (Quảng Ngãi) chống thực dân Pháp bắt dân đi phu làm đường liên tỉnh.

Năm 1926, Pháp xây đồn Di Lăng, đưa quân lên đóng ở đây, do tên Rô Dát quan một Pháp làm đồn trưởng để dễ bề kiểm soát và khống chế tổng Ca Dong. Vì địa thế tổng Ca Dong quá hiểm trở, hơn nữa dân Ca Dong thuộc loại “hiếu chiến”, “hung dữ” (theo nhận định của nhà cầm quyền) nên quan quân Pháp và Nam triều không dám đóng đồn tại tổng này mà phải đóng ở Di Lăng, quản lý tổng Ca Dong rất lỏng lẻo. Vừa bắt dân xây đồn, Pháp còn bắt dân đi phu phát cây, đào núi, đắp đường từ Di Lăng lên tổng Ca Dong và mở đường lên Mang Bút, Komplong

(1) Bùi Đình - Sdd - trang 108, 109.

(Kon Tum) để dễ bề hành quân kiểm soát “dân chúng”, đánh thuế, bắt trâu và đối phó với phong trào yêu nước chống Pháp của đồng bào ta.

Thấy rõ âm mưu của thực dân Pháp, trong các năm 1935 - 1936 đồng bào Ca Dong do Cha Reo chỉ huy đã liên tục nổi dậy đấu tranh chống việc làm con đường này. Đồng bào có nhiều hình thức đấu tranh khá phong phú như ban ngày làm, ban đêm phá; đốn cây non làm cầu, lính đi qua bị sập; trộn cát vào đất đắp qua loa trên mặt đường, chỉ một trận mưa giông, nước lũ đã cuốn trôi sạch... Cao hơn nữa, đồng bào đã dùng rựa, cuốc, cây rừng ví đánh bọn cai đội tay sai của Pháp đốc thúc việc làm đường, rồi rủ nhau kéo về làng. Cuối năm 1936, hai cha con ông Vọt Tàu và Phó Nía (ở Sơn Tinh) cùng với một số thủ lĩnh khác đã huy động và kéo dân các làng ở tổng Ca Dong xuống phối hợp với đồng bào tại chỗ đánh đồn Di Lăng mấy lần.

Đến năm 1937 - 1938, phong trào “Nước xu đỏ” của các dân tộc thiểu số lan đến miền núi Quảng Ngãi. Phong trào này lúc đầu do ông Sam-Bram, thủ lĩnh của đồng bào Chăm Roi ở miền tây Phú Yên đề xướng. Ông đã cho tuyên truyền trong đồng bào rằng: Ông có một thứ “nước thần Đạ Yơn” xoa vào người sẽ được mạnh khỏe, đạn của Pháp bắn không thủng,

không chết. Vì lòng căm thù thực dân Pháp và tay sai, với tinh thần yêu tự do, làm chủ núi rừng, phong trào chống Pháp của ông Sam-Bram lan nhanh đến các tỉnh Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Khi phong trào lan đến vùng các dân tộc thiểu số Quảng Ngãi, đồng bào không gọi thứ nước thần đó là “nước Đa Yơn” mà nói là lấy từ Đhắc Giá. Tác dụng “nước thần Đhắc Giá” cũng tương tự như “nước thần Đa Yơn”...

Do không chịu nổi ách áp bức bóc lột, nhất là bị bắt xâu, đánh thuế, đàn áp khủng bố của thực dân Pháp, đồng bào Xơ-Đăng, Ca Dong nhiệt liệt hưởng ứng phong trào nổi dậy vũ trang khởi nghĩa chống Pháp. Những người khởi nghĩa đưa nhau đi tìm lấy cho được “nước thần Đhắc Giá” bằng tiền xu đỏ⁽¹⁾. Đồng bào gọi nước thần đó là “Nước xu đỏ” và phong trào chống xâu, thuế, chống thực dân Pháp lúc đó cũng được gọi là phong trào “Nước xu đỏ”.

Phong trào “Nước xu đỏ” ban đầu nổi lên mạnh ở vùng Đhắc-Tô, Đhắc Xút, Mang Bút... rồi lan nhanh về vùng Sơn Tinh, Sơn Bao, Sơn Mùa do các ông Đinh Nhá, Đinh Nía cầm đầu⁽²⁾.

(1) Một xu là 1/100 của một đồng bạc Đông Dương, đúc bằng loại đồng đỏ.

(2) Bùi Định - Sđd - trang 109, 110.

Nhiều cụ già kể lại: Bên kia đồi KaLa Sơn Thượng có một hồ nước từ trong rừng chảy về vùng Nước Mầu xã Sơn Tinh. Đồng bào ở đây cho nước này là linh thiêng. Họ lấy về tắm cho con, cho con uống lúc đau ốm hoặc bị sài, chốc, ghẻ thì lành bệnh. Lâu ngày thành chuyện truyền miệng khắp nơi, đồng bào gọi nước này là “Đhăk Giá” (nước Thánh). Khi ‘phong trào “Nước xu đỏ” đến vùng Ca Dong, đồng bào mang xu đỏ đến hồ nước này lấy nước uống để đạn bắn không thủng; tên, nổ, chông, mang cung... đều đâm không thủng. Ai muốn mang nước này về nhà thì phải cúng một đồng bạc trắng (bằng bạc thật) hoặc một con heo một thước... Phong trào “Nước xu”, “Đhăk Giá” mạnh nhất là ở các vùng dọc sông Xà Lò, Xà Ruồng, Bô Nít, Kà Tua.

Còn có một luồng sự kiện khác do một số cụ già địa phương kể lại: Theo sự hướng dẫn của các ông Đinh My (ở Sơn Tân), Phó Xơn, Phó Hủy (ở Sơn Dung)... những thủ lĩnh phong trào “Nước xu” ở tổng Ca Dong, đồng bào Ca Dong đã bán heo, trâu, chiêng, ché... để lấy tiền mua xu đỏ đi đổi nước thần “Đhăk Giá”. Ông Đinh My (Cha Đúc) đã dẫn đầu đoàn người Ca Dong ở Sơn Tây ngày nay lên tận Kon Tum để đổi “Đhăk Giá” và “nước thần” về.

Khi đồn được nước thần, đồng bào cúng heo, gà, đổ nước vào chén, nhúng mũi giáo, mũi tên, mũi chông, mũi mang cung vào nước thần rồi lấy nước này xoa vào trán, vào ngực, uống vào bụng... cùng nổi dậy chống Pháp và tay sai của Pháp. Ông Đinh My họp binh, chỉ huy 50 người kéo xuống phối hợp với đồng bào tại chỗ đánh đồn Di Lăng. Địch phòng thủ chặt, ta đánh đồn không được, đồng bào đã kéo nhau đi tìm diệt những tay sai đắc lực của Pháp như lý trưởng Góa ở Di Hoãn, hương Khanh ở làng Rào. Sau đó thực dân Pháp và tay sai phản ứng, đưa quân càn lên Nước Xà Ruồng (Sơn Tinh ngày nay), làng Cha Me (Sơn Tân ngày nay) đốt hết nhà xóm Cha Đua, Cha Me, Cha Đức... Ông Đinh My đã chỉ huy đồng bào phục kích rải rác tại xóm Tà Mực, dùng tên tẩm thuốc độc và bẫy đá để đánh địch. Có nơi đồng bào dùng những cung nỏ lớn 2 người kéo, bắn ba bốn mũi tên một lúc, diệt được một số tên địch. Suốt ngày chiến đấu, đồng bào đã diệt và làm bị thương một số tên địch, buộc chúng phải rút quân tháo chạy về Di Lăng. Trong trận này, ông Đinh Cho, nghĩa quân Ca Dong đã hy sinh.

Để phòng địch trả thù, đồng bào ta chạy vào rừng ở, sống bằng trái cây, rau rừng và hoa màu trên những rẫy cao. Đồng bào truyền cho nhau câu ca rèn luyện

ý chí đấu tranh: “Tà Nễ, riếc, dần, rôm, Tà Nôm, mối nhờn, mối tôi” (đất nước, núi rừng là nơi nương tựa nhờ một đời một kiếp); “Rể, tí càng, ú ngoanh xa rỉ” (tay mạnh, chân bền, không sợ chi cực khổ nghèo nàn).

Lo sợ trước phong trào yêu nước chống Pháp ngày càng lớn mạnh của nhân dân các dân tộc ở tổng Ca Dong, thực dân Pháp đã kết hợp càn quét đánh phá với bao vây kinh tế, chặn hết các con đường không cho người Kinh chuyển muối, nông cụ, nổi niêu lên vùng này.

Mặt khác, định ra sức thực hiện chính sách dụ hàng. Chúng hứa giảm bớt xâu, thuế nếu “dân chúng” chịu xuống núi làm ăn. Chúng còn phong cho ông Đinh Nhá (ở làng Cà Tua) làm chánh tổng, các ông Đinh Nía (người Hrê ở Sơn Tinh), Đinh Xơn (người Ca Dong ở Huy Măng) làm phó tổng Ca Dong. Sau đó không lâu, chúng còn phong cho một số cà rá Ca Dong như Đinh Me, Đinh Đục, Đinh Đỏi làm phó tổng. Làm việc này, thực dân Pháp và quan lại ở Quảng Ngãi tưởng có thể mua chuộc và lợi dụng uy tín các ông để cai trị, áp bức tộc người Ca Dong, Hrê ở đây.

Để đối phó với âm mưu thủ đoạn của thực dân Pháp và tay sai, và cũng để gỡ cái khó cái khổ cho dân ở trong rừng sâu núi thẳm, các ông Đinh Nhá, Đinh Nía, Cha Me, Cha Đục, Cha Đờ một mặt vẫn nhận chức chánh tổng, phó tổng, xuống “buồm” quan châu ở làng Rí và đồn trưởng Di Lăng⁽¹⁾, nhưng mặt khác thì tìm cách bảo vệ đồng bào mình; tìm cách tránh né không để Pháp trực tiếp cai trị và bắt xâu, lấy thuế của đồng bào. Khi bị địch bắt ép thì các ông chủ trương đưa một số ít dân đi xâu, nộp thuế có mức độ cho có lệ, còn thì hẹn, khất, tránh né không làm theo ý chúng. Rõ ràng các ông làm chánh tổng, phó tổng chỉ là cái vỏ bề ngoài, còn cái bụng thì chung một bụng với dân. Khi nào Pháp thúc ép mạnh thì các ông lại cho từng bộ phận đồng bào “chạy làng” vào rừng sâu, bất hợp tác với địch. Các ông lấy cớ “người Ca Dong, Hrê ở đây khó lắm” để đấu tranh với địch buộc chúng phải nhượng bộ. Địch tỏ ra kiên cố dè dân tổng Ca Dong. Đồng bào ở cái thế nửa hợp pháp, hợp pháp làm rầy làm ruộng để sinh sống và đấu tranh giành cơ với địch.

Đứng về góc độ lịch sử mà xét thì phong trào “Nước xu đỏ” chống xâu, chống thuế của nhân dân

(1)- “Buồm” gần như hình thức ra mắt, chịu tuân phục.

tổng Ca Dong cũng như toàn miền tây Quảng Ngãi trong những năm 1937 - 1938 đã phối hợp nhịp nhàng với phong trào đấu tranh chống Pháp mạnh mẽ ở trung châu, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi ⁽¹⁾. Các phong trào công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp này đã lôi cuốn được đông đảo quần chúng tham gia, tập dượt cho quần chúng đấu tranh có tổ chức, nâng cao thêm tinh thần yêu nước và khí thế cách mạng của nhân dân, góp phần đẩy thực dân Pháp và tay sai vào thế bị động lúng túng đối phó khắp nơi.

Năm 1941, quân phát xít Nhật kéo vào Đông Dương. Bọn Pháp theo phe Đờ-gôn ở Quảng Ngãi, Kon Tum chủ trương xây dựng căn cứ ở Tây Nguyên để chống Nhật. Từ đó, Pháp bắt đầu xây dựng sân bay Làng Ranh ở thượng nguồn sông Rhe và mở con đường lên Vi-ô-lắc xã Hiếu (Komplong). Thực dân Pháp bắt người Kinh, Hrê, Ca Dong trong vùng phải đi xây làm sân bay, làm đường cho chúng. Đồng bào Ca Dong đã đấu tranh không chịu đi làm. Một số bị bắt phải đi làm, đã cùng các dân tộc anh em ở đây đấu tranh bằng cách lãn công, làm dối, làm ẩu cốt

(1)- Đảng bộ Quảng Ngãi được thành lập vào mùa xuân năm 1930.

cho hết ngày. Khi bị bọn cai thầu, đốc công tay sai của Pháp thúc ép, khủng bố, đồng bào đã lập tức dùng gậy gộc, cuốc xẻng, giáo mác, cung tên nổi dậy vây, đuổi bọn chúng chạy tán loạn. Có lúc 200, 300 đồng bào có vũ trang kéo đi đánh bọn Pháp tại sở chỉ huy, hoặc tại đồn Di Lăng, rồi kéo nhau về làng. Bị địch phản kích mạnh, đồng bào lại chuyển thế, “nhổ cối”⁽¹⁾ chạy vào rừng sâu bất hợp tác với địch, không đi xâu cho Pháp.

Từ cuối năm 1941 đến năm 1945, thực dân Pháp và tay sai đưa nhiều tù chính trị đã mãn hạn tù đến giam hãm tại căng an trí Di Lăng. Hoạt động tuyên truyền cách mạng của tù chính trị ở đây bằng những con đường khác nhau đã loan đến tổng Ca Dong. Một số đồng bào đã truyền miệng nhau: Muốn khỏi đi xâu, khỏi nộp thuế thì theo Nga (tức là đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười Nga) và gia nhập Mặt trận Việt Minh do Đảng Cộng sản Đông Dương thành lập.

(1)- Đồng bào ở nhà sàn, thường dùng một cây gỗ lớn, dài làm cối giã gạo, chân cối được đeo nhọn chọc xuống sàn nhà chôn sâu xuống đất. Khi dời làng theo rẫy mới, hoặc tránh dịch bệnh, tránh địch, đồng bào gọi là “nhổ cối”.

Từ năm 1943, ông Đinh Phó (Đinh Thanh) người Ca Dong ở Sơn Dung đã được cán bộ Việt Minh ở Sơn Hà bắt nối liên lạc giao nhiệm vụ tuyên truyền về Việt Minh cho đồng bào tổng Ca Dong ⁽¹⁾.

Đồng bào các dân tộc tổng Ca Dong dần dần có những nhận thức mới lạ về cách mạng và phấn khởi, tin tưởng một tương lai tốt đẹp. Đồng bào càng quyết tâm chống địch, giữ vững quyền làm chủ xóm làng, nương rẫy, núi rừng của mình. Vì vậy, chính Đam-bô, một quan cai trị cáo già người Pháp đã viết: “Cho đến nay (1945) thật là rõ đại nếu như một người da trắng (ý nói người Pháp) dám mạo hiểm đi sâu vào vùng của họ”.

Đồng chí Phạm Kiệt, một trong những người lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Ba Tơ cho biết: Cho đến năm 1945 vẫn còn nhiều chòm, nhiều làng của đồng bào Hrê, Ca Dong ở vùng Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ, Pháp chưa chinh phục được. Nhân dân các dân tộc ít người ở đó vẫn còn giữ được quyền làm chủ núi rừng ⁽²⁾. Riêng tất cả các làng thuộc tổng Ca Dong, người Pháp hoàn toàn không thể chinh phục được.

(1)- Theo lý lịch đáng viên số 11.660 của đồng chí Đinh Phó do Huyện ủy Sơn Tây quản lý.

(2)- Từ núi rừng Ba Tơ - Nxb QĐND - Hà Nội 1977 - trang 68, 73, 74.

Vào những năm 1944 - 1945, trên thế giới, Hồng quân Liên Xô chuyển sang phản công truy diệt phát xít Đức, giành nhiều thắng lợi. Trong nước, phong trào Việt Minh đang trên đà phát triển mạnh mẽ.

Trong tỉnh, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Mặt trận Việt Minh đã hình thành và hoạt động rộng khắp. Chỉ hai ngày sau khi phát xít Nhật đảo chính thực dân Pháp, ngày 11-3-1945, cuộc khởi nghĩa Ba Tơ đã nổ ra giành được thắng lợi to lớn. Sự kiện này đã bay đến tận tổng Ca Dong. Khi Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945) tên quan một Pháp, đồn trưởng Di Lăng về tỉnh bị Nhật bắt. Nhật hất cẳng Pháp, cố lập bộ máy tay sai, nhưng mảnh đất và con người tổng Ca Dong vẫn là lãnh địa bất khả xâm phạm đối với chúng.

Trong khi đó, Việt Minh tỉnh cử một số cán bộ lên Sơn Hà tuyên truyền vận động cách mạng trong nhân dân. Đồng chí On (tức Sáu Đậu) được phân công lên tổng Ca Dong cùng ông Đinh Phó vận động nhân dân theo Việt Minh. Ông Đinh Nhá, mặc dù làm chánh tổng tám năm nhưng đã tham gia hoạt động Việt Minh từ tháng 5-1945 và nuôi hai cán bộ Việt Minh

người Kinh có tên là Nam và Tâm lên hoạt động ở
tổng Ca Dong ⁽¹⁾.

Từ tháng 6 đến tháng 8-1945 đã có hàng chục đồng
bào tổng Ca Dong tham gia vào hội nông dân cứu
quốc, hội phụ nữ cứu quốc, tự vệ cứu quốc ⁽²⁾. Đồng
bào rất hăng hái nhiệt tình trong việc đóng góp lương
thực thực phẩm góp phần nuôi dưỡng đội du kích cứu
quốc Ba Tơ.

Ngày 14-8-1945, ngay sau khi nghe tin Hồng quân
Liên Xô đánh thắng phát xít Nhật, Nhật hoàng tuyên
bố đầu hàng không điều kiện, Thường vụ Tỉnh ủy
Quảng Ngãi họp khẩn cấp và quyết định ra mệnh
lệnh khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân.
Thực hiện mệnh lệnh trên, lực lượng du kích cứu quốc
Ba Tơ được nhân dân các dân tộc địa phương hỗ trợ,
đã đánh chiếm châu lỵ Sơn Hà vào sáng ngày 15-8
và đánh chiếm đồn Di Lăng, bắt lực lượng địch ở đây
đầu hàng, nộp toàn bộ vũ khí cho cách mạng vào tối
cùng ngày.

(1) Theo lý lịch đảng viên số 03483 của đồng chí Đinh Nhá do Huyện
ủy Sơn Tây quản lý.

(2)- Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà - Sđd - trang 40 ghi: đến tháng
8-1945 toàn huyện có 215 hội đoàn viên các đoàn thể cứu quốc.

Tổng Ca Dong vốn từ trước không có lực lượng chiếm đóng của Pháp, của Nhật. Các chánh, phó tổng, sách trưởng chỉ là hình thức cho có vị chứ không phải là bộ máy tay sai của đế quốc phong kiến kìm kẹp dân. Cho nên đến lúc này toàn bộ nhân dân tổng Ca Dong hoàn toàn đi theo Việt Minh làm cách mạng. Những ngày này, đồng chí Sáu Đậu cùng các ông Đình Phó, Chánh Nhá càng bận rộn với trách nhiệm lo cho dân. Đồng bào các làng, sách, nhất là thanh niên, gặp nhau thì chào nhau bằng khẩu hiệu “hy sinh vì Tổ quốc”. Ông Đăng Tự, trước đây thường qua lại buôn bán ở tổng Ca Dong, nay từ Di Lăng mang lên bán nhiều cờ đỏ sao vàng. Thế là lá cờ đỏ sao vàng năm cánh đã phát phối tung bay khắp các làng sách tổng Ca Dong, đem lại cho nhân dân các dân tộc một niềm tin yêu cách mạng, một niềm phấn khởi mới trong một giai đoạn mới của lịch sử dân tộc. Như vậy, Cách mạng Tháng Tám - 1945 diễn ra ở tổng Ca Dong một cách hòa bình và thắng lợi.

* *

*

THỰC TẾ từ thế kỷ XVII đến đây, trải qua chín đời chúa, 13 đời vua Nhà Nguyễn và đế quốc Pháp,

phát xít Nhật không lập được bộ máy cai trị thực sự ở tổng Ca Dong. Tộc người Ca Dong và các dân tộc anh em ở đây đã liên tục đấu tranh để bảo vệ quyền sống của mình; chung lòng, chung sức cùng nhân dân cả tỉnh, cả nước trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam, đấu tranh chống phong kiến, chống đế quốc để giành cho được những quyền cơ bản của dân tộc. Truyền thống yêu nước của nhân dân tổng Ca Dong được phát huy mạnh mẽ và bồi đắp vững bền nhất trong việc hưởng ứng và tham gia phong trào khởi nghĩa nông dân Tây Sơn, góp phần dựng nên cơ nghiệp nhà Tây Sơn tiến bộ vào cuối thế kỷ XVIII, và liên tục nổi dậy chống ách thống trị của nhà Nguyễn thối nát trong thế kỷ XIX, chống thực dân Pháp xâm lược, nhất là các phong trào chống xâu, thuế những năm đầu thế kỷ XX, phong trào “Nước xu đỏ” những năm 1937 - 1938...

Với truyền thống yêu nước nồng nàn và tinh thần đấu tranh bất khuất kiên cường, nhân dân các dân tộc tổng Ca Dong luôn luôn giữ quyền tự quản, quyền làm chủ xóm làng, nương rẫy, núi rừng của mình; không hợp tác và không chấp nhận một bộ máy cai trị nào của Pháp và Nam triều.

Khi Mặt trận Việt Minh ra đời, toàn dân tổng Ca Dong đã nhất tề đứng lên theo Việt Minh, theo Đảng Cộng sản, làm một cuộc đổi đời cho nhân dân các dân tộc trong Cách mạng Tháng Tám 1945.

PHẦN THỨ HAI
TỔ CHỨC ĐẢNG RA ĐỜI
LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THAM GIA
KHÁNG CHIẾN, KIẾN QUỐC (1945 - 1954)

Chương ba

XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ MỚI, CUỘC SỐNG MỚI
(1945 - 1946)

CÁCH MẠNG Tháng Tám năm 1945 thành công, nhân dân các dân tộc tổng Ca Dong từ thân phận người nô lệ, mất nước, bước lên địa vị chủ nhân một đất nước hoàn toàn độc lập, tự do, thực sự làm chủ quê hương, núi rừng của mình. Theo sự hướng dẫn tuyên truyền vận động của cán bộ Việt Minh, các tầng lớp nhân dân hăng hái bắt tay xây dựng chế độ mới, cuộc sống mới.

Ngày 30-8-1945, hàng trăm đồng bào tổng Ca Dong đội ngũ chỉnh tề với giáo mác, gậy gộc biểu thị sức mạnh cách mạng và niềm tin yêu cách mạng của

nhân dân tổng Ca Dong, kéo về thị xã dự cuộc mít-tinh lớn chào mừng Cách mạng Tháng Tám thành công và chào mừng Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời tỉnh Lê Trung Đình ⁽¹⁾. Sau cuộc mít-tinh trọng thể này, đồng bào đã kể cho nhau nghe về “sức đông - sức mạnh” của cách mạng, cái đẹp của tỉnh lỵ, gây thêm niềm tin cách mạng trong nhân dân tổng Ca Dong.

Ngày 2-9-1945, tại Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ cách mạng lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập lịch sử, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Bản tuyên ngôn đã nêu rõ: “Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”... “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do độc lập và thực sự đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc

(1)- Lê Trung Đình, quê làng Phú Nhơn, huyện Sơn Tịnh, một sĩ phu yêu nước, chánh tướng nghĩa quân Cần vương, chỉ huy đánh chiếm tỉnh thành Quảng Ngãi vào năm 1885. Việc không thành, ông hy sinh. Sau Cách mạng Tháng Tám 1945, tỉnh Quảng Ngãi mang tên tỉnh Lê Trung Đình.

ấp ấy” (1). Từ đây, nhân dân tổng Ca Dong hòa
hung niềm vui với đại gia đình các dân tộc Việt
Nam, thoát khỏi ách áp bức bóc lột của đế quốc,
phong kiến, bước vào kỷ nguyên mới: độc lập, tự do,
ân chủ và bước vào ngưỡng cửa của chủ nghĩa xã
hội.

Sau đó, trong bức thư gửi nông dân toàn quốc, Chủ
tịch Hồ Chí Minh đã đề ra hai nhiệm vụ cấp bách
rước mắt:

“Hiện nay chúng ta có hai việc quan trọng nhất:
ưu đói ở Bắc và kháng chiến ở Nam” (2).

Cán bộ Việt Minh của tổng Ca Dong còn nhận
được Chỉ thị số 10 ra ngày 15-8-1945 của Ủy ban vận
động cứu quốc Quảng Ngãi của Tổng bộ Việt Minh
(cơ quan công khai của Tỉnh ủy Quảng Ngãi) “Lập
chính quyền cách mạng của nhân dân ở các làng
thị trấn, phủ, huyện, tỉnh” (3).

Cuối năm 1945, cấp trên chủ trương bỏ cấp tổng;
các làng (sách) nhỏ hợp thành xã lớn. Thực hiện chủ

(1)- Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần thứ hai, tập 3, 1930 - 1945 -
Nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội 1995 - trang 555, 557.

(2)- Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần thứ hai, tập 4, 1945 - 1946 -
Nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội 1995 - trang 114.

(3) Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929 - 1945 - Sơ thảo - Sđd -
trang 242.

trương nổi trên, Làng Rả, Nước Bao, Long Sơn, Tà Mực, Huy Măng, Nước Tua, Cà La ở tổng Ca Dong hợp nhất thành một xã, lấy tên là xã Sơn Tinh trực thuộc huyện Sơn Hà; các làng ở bắc sông Rinh gọi là bắc Sơn Tinh, các làng ở nam sông Rinh gọi là nam Sơn Tinh.

Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời ⁽¹⁾ xã Sơn Tinh đã được thành lập do ông Đinh Nhá làm chủ tịch;

Ông Đinh Nía làm phó chủ tịch.

Ông Đinh Cha Lực (biết chữ) làm thư ký.

Chính quyền cách mạng non trẻ của xã Sơn Tinh đứng trước những khó khăn to lớn. Nhiều gia đình lâm vào cảnh đói cơm, lạt muối triền miên. Hầu như toàn dân bị mù chữ. Nhiều đồng bào mang bệnh kinh niên, nhất là sốt rét rừng, phù thũng. Nhân dân Sơn Tinh phải sống trong cảnh đói gạo, đói muối, đói chữ, đói thuốc men. Đây là di họa của chế độ thực dân phong kiến hàng trăm năm.

Trong khi đó, từ ngày 23-9-1945, thực dân Pháp đã gây hấn ở Nam bộ, sau đó mở rộng chiến tranh ra

(1)- Sau tổng tuyển cử tháng 1-1946 đổi thành Ủy ban hành chính; sau toàn quốc kháng chiến 12-1946 đổi thành Ủy ban kháng chiến hành chính.

miền Nam Trung bộ, hòng xâm lược nước ta, bắt nhân dân ta làm nô lệ một lần nữa. Đồng bào Nam bộ và miền Nam Trung bộ đã đứng lên chống thực dân Pháp. Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã chỉ thị và kêu gọi toàn Đảng, toàn dân trong cả nước ra sức chống giặc đói, chống giặc dốt, chống giặc ngoại xâm.

Trong chỉ thị của Trung ương Đảng về kháng chiến, kiến quốc ngày 25-11-1945 đã nhấn mạnh nhiệm vụ tăng gia sản xuất, chống đói với khẩu hiệu “tắc đất tắc vàng”, “không một tắc đất bỏ hoang”. Hồ Chủ tịch kêu gọi: “Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa! Đó là khẩu hiệu của ta ngày nay. Đó là cách thiết thực của chúng ta để giữ vững quyền tự do, độc lập” (1).

Thực hiện chủ trương của cấp trên và căn cứ vào tình hình địa phương, chính quyền cách mạng huyện Sơn Hà đã cử một số cán bộ thường xuyên lên công tác tại Sơn Tinh, cùng chính quyền cách mạng xã vận động hướng dẫn nhân dân đẩy mạnh phát triển làm rẫy, làm vườn để tăng sản lượng lương thực, hoa màu, thực hành tiết kiệm trong cúng tế để chống đói cho mình và 10 ngày nhịn ăn một bữa để góp gạo cứu đói

(1)- Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4 - Sđd - trang 115.

cho đồng bào miền Bắc. Nhờ đó, nhiều rẫy lúa, nương ngô, đồi sắn mới được trồng lúa. Đồng bào còn phát triển trồng lang, chuối, đu đủ và nhiều loại rau, cây ăn quả khác.

Bên cạnh sự cố gắng của chính quyền cách mạng và đồng bào địa phương, cơ quan “quốc dân thiểu số” của cấp trên đã kịp thời vận chuyển từ trung châu lên tiếp tế một số gạo, muối cho đồng bào. Đội tuyên truyền văn hóa dân tộc thiểu số của huyện Sơn Hà đã nhiều lần đem lời ca, tiếng hát về Sơn Tinh cổ vũ tinh thần cách mạng của nhân dân.

Nghe theo lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch “Hãy quyền vàng xây nền độc lập”, đồng bào đã nhiệt liệt hưởng ứng tuần lễ vàng. Không có vàng, nhiều đồng bào với tấm lòng yêu nước nồng nàn, đã đóng góp khá nhiều trâu, nôi đồng, chiêng đồng... cho Chính phủ.

Được tiếp xúc với cán bộ Việt Minh, được chính quyền cách mạng xã nhà tuyên truyền giải thích, đồng bào Ca Dong, Hrê, Co ở Sơn Tinh đã biết đến “ông mặt trời Hồ Chí Minh”, đã biết nhờ có Bác Hồ, nhờ có Việt Minh, có cách mạng mà mình không còn phải chịu cảnh nô lệ, áp bức bóc lột bằng xương máu, thuế như trước, đã thoát khỏi cuộc sống tối tăm, tủi nhục ngày trước. Từ đó, đồng bào tự nguyện hăng hái tham

gia mọi công tác cách mạng do cán bộ Việt Minh và chính quyền cách mạng đề ra.

Ngày 6-1-1946, hầu hết cử tri ở Sơn Tinh mặc các trang phục dân tộc rực rỡ, nô nức đi tham gia bỏ phiếu bầu cử những đại biểu xứng đáng vào Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tuy chưa biết chữ, nhưng nhờ chăm chú lắng nghe cán bộ Việt Minh tuyên truyền giải thích, hướng dẫn, cử tri Sơn Tinh đã biết tự mình bỏ phiếu với ý thức tự giác và dân chủ khá cao.

Đồng bào rất tự hào vì nhân dân các dân tộc thiểu số miền Tây Quảng Ngãi có ông Đinh May, người dân tộc Hrê ở Sơn Hà trúng cử đại biểu Quốc hội khóa đầu tiên này. Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử hàng ngàn năm của dân tộc mình, người Ca Dong, Hrê, Co thực sự trở thành công dân của một nước Việt Nam mới, thực sự được “hưởng dụng quyền dân chủ của mình”⁽¹⁾.

Sau đó, cử tri xã Sơn Tinh đã tham gia bỏ phiếu bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh vào ngày 17-2-1946 và Hội đồng nhân dân xã vào tháng 4-1946.

(1) Trích “Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu” của Hồ Chủ tịch - Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4 - Sđd - trang 145.

Sau bầu cử, Hội đồng nhân dân xã đã cử ra Ủy ban hành chính xã Sơn Tinh cũng gồm các ông Đinh Nhấ, Đinh Nía, Đinh Lực làm chủ tịch, phó chủ tịch, thư ký và ông Đinh Phó (Đinh Thanh) Ủy viên Ủy ban hành chính xã làm xã đội trưởng dân quân. Ngoài ra còn có các ông Đinh Văn Châu, Đinh Đăng, Nguyễn Huy (ở Sơn Thành lên)... được cử vào làm trưởng ban tài chính, tư pháp, công an xã ⁽¹⁾.

Quản lý chính quyền là việc hoàn toàn mới lạ đối với cán bộ người Ca Dong, Hrê. Nhưng được cán bộ Việt Minh và chính quyền huyện hướng dẫn, chính quyền và các ngành giới xã Sơn Tinh hình thành, phát triển và ngày càng trưởng thành, đảm nhận được nhiệm vụ của cấp trên và đồng bào trong xã giao phó.

Nhân dân xã Sơn Tinh đã cùng với nhân dân cả nước xây dựng chế độ mới, chế độ dân chủ cộng hòa; thiết lập nên Nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Đông Nam châu Á.

Ngày 19/4/1946, đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam họp tại Plây - cu (thị xã tỉnh lỵ Gia Lai hiện nay) rất phấn khởi đón nhận thư của Bác Hồ. Thư có đoạn viết:

(1) Tài liệu lưu, tại Văn phòng Huyện ủy Sơn Tây.

“Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê-Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau.

“Trước kia chúng ta xa cách nhau, một là vì thiếu dây liên lạc, hai là vì có kẻ xúi giục để chia rẽ chúng ta.

“Ngày nay nước Việt Nam là nước chung của chúng ta. Trong Quốc hội có đủ đại biểu các dân tộc. Chính phủ thì có “Nha dân tộc thiểu số” để chăm sóc cho tất cả đồng bào.

“Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ Chính phủ ta” (1).

Theo sự chỉ đạo của Việt Minh và chính quyền cách mạng huyện, Ủy ban hành chính và các đoàn thể xã Sơn Tinh đã tổ chức hướng dẫn nhân dân trong xã học tập thư Bác Hồ để nâng cao niềm tin yêu vào chế độ mới, vào sự lãnh đạo của Chính phủ và Bác Hồ kính yêu.

Từ giữa năm 1946, theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Việt Minh và chính quyền cách mạng huyện Sơn Hà

(1) - Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4 - sdd - trang 217.

đã điều động một số cán bộ người Kinh ở vùng thấp lên làm công tác “Thượng du vận” tại xã Sơn Tinh, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, Mặt trận và Chính phủ, chăm lo đời sống cho nhân dân. Do đồng bào Ca Dong ít biết tiếng Kinh nên huyện chọn những cán bộ người Kinh biết tiếng Ca Dong đưa lên công tác ở Sơn Tinh, mặt khác đơn đốc chính quyền và đoàn thể xã Sơn Tinh mở các lớp bình dân học vụ, tạo điều kiện cho đồng bào Ca Dong, H'rê ở đây học chữ quốc ngữ. Các lớp học i-tờ-tờ-i-ti... ở vùng suối Ba Mao, Nước Lác, Nước Bao... có đông người đi học, kể cả những người nhiều tuổi. Đến nay, nhiều người già vẫn còn nhớ thầy Đậu (Nguyễn Đậu), thầy Phong (Lê Phong), thầy Sinh (Võ Xuân Sinh)... những thầy giáo đầu tiên dạy cho người Ca Dong, H'rê ở đây biết được cái chữ của Bác Hồ. Thời ấy có những chàng trai Ca Dong vừa thả trâu vào rừng, vừa liú lo học chữ, có những cô gái Ca Dong đêm đêm địu con trước ngực lặng lẽ học đánh vần từng con chữ và tập viết tên Bác Hồ bên bếp lửa nhà sàn... Nhờ vậy, dần dần tạo cho xã Sơn Tinh một số cán bộ “có chữ” trong đầu. Cùng với việc học biết cái chữ, đồng bào còn bắt tay thực hiện nếp sống mới, xóa bỏ các hủ tục mê tín dị đoan do các thầy cúng bày ra; từng bước cải tiến việc ăn ở theo khẩu hiệu “ba sạch”.

Với những việc làm đạt được những kết quả bước đầu nói trên, từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân xã Sơn Tinh đã được cải thiện một bước khá rõ.

Đến cuối tháng 6-1946, quân Pháp đã chiếm toàn bộ Tây Nguyên, tìm cách thọc xuống trung châu theo hai hướng, trong đó có một hướng theo đường 5A (nay là quốc lộ 24) xuống Ba Tơ. Chúng đang ráo riết tiến xuống Kompong, ra sức khôi phục lại các đồn và nối lại các cơ sở tề điệp cũ dọc theo vùng giáp giới hai tỉnh Kon Tum và Quảng Ngãi. Tình hình này trực tiếp ảnh hưởng tới xã Sơn Tinh. Địch đã tiến gần đến địa giới phía tây của xã.

Theo sự chỉ đạo của huyện, Việt Minh và chính quyền cách mạng xã Sơn Tinh vận động nhân dân các dân tộc trong xã khẩn trương làm công, thò, bẫy đá bố phòng dày đặc ở vùng giáp giới tỉnh Kon Tum; mặt khác tổ chức cho lực lượng dân quân tự vệ tập luyện các khoa mục cơ bản, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ quê hương, góp phần bảo vệ Tổ quốc.

Đến cuối năm 1946, thực dân Pháp ngang nhiên xé bỏ những điều đã cam kết với Chính phủ ta ⁽¹⁾.

(1)- Tại hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và tạm ước 14-9-1946, Pháp cam kết công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; công nhận Chính phủ Việt Nam dân chủ Cộng hòa do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu; Việt Nam thừa nhận nằm trong khối liên hiệp Pháp.

Đêm 19-12-1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Trong “lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, Hồ Chủ tịch đã nêu bật ý chí của toàn dân tộc: “Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ” (1).

Sau đó, xã Sơn Tinh được huyện phổ biến chỉ thị của Trung ương Đảng hướng dẫn thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch. Chỉ thị nêu rõ: Mục đích cuộc kháng chiến là “đánh phản động thực dân Pháp xâm lược, giành thống nhất cho Tổ quốc và độc lập cho dân tộc”. Tính chất của cuộc kháng chiến là “toàn dân kháng chiến, kháng chiến toàn diện, kháng chiến trường kỳ”. Chính sách của cuộc kháng chiến là “đoàn kết chặt chẽ toàn dân”, “thực hiện toàn dân kháng chiến”, “phải tự cấp tự túc về mọi mặt” (2)

Việt Minh và Ủy ban hành chính xã Sơn Tinh đã tổ chức cho đồng bào trong xã học tập và làm theo lời Bác, thực hiện chỉ thị của cấp trên. Nhân dân xã Sơn Tinh biểu lộ quyết tâm cùng cả huyện, cả tỉnh, cả nước bước vào cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ để chống thực dân Pháp xâm lược.

(1)- Hồ Chí Minh toàn tập, tập 4 - sdd - trang 480.

(2) Văn kiện Đảng 1945 - 1954, tập II - Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản - Hà Nội 1978 - trang 11.

Chương bốn

TỔ CHỨC ĐẢNG RA ĐỜI, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN XÂY DỰNG SƠN TÂY THÀNH VÙNG CĂN CỨ ĐỊA; THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP THẮNG LỢI (1947 - 1954)

TRƯỚC yêu cầu nhiệm vụ mới và để đối phó với âm mưu của Pháp đánh chiếm xuống trung châu, Liên khu ủy V và Tỉnh ủy Quảng Ngãi chỉ đạo Sơn Hà đặc biệt quan tâm xây dựng xã vùng cao Sơn Tinh. Quân khu V điều trung đoàn 120 đến đứng chân ở miền tây Quảng Ngãi, trong đó có đại đội 14 đóng quân tại xã Sơn Tinh.

Cuối năm 1946, đầu năm 1947, địch đã xây dựng tề “Gum” ở huyện Đắc Tô (Kon Tum) nên có một số đồng bào Đắc Tô kéo xuống Sơn Tinh để sinh sống, trong đó có gia đình Cha Pre (phó tổng), gia đình Cha Duân, một cà rá có uy tín ở Đắc Tô.

Để phát triển thực lực cách mạng, xây dựng địa bàn đứng chân cho bộ đội chủ lực đồng thời là hậu

cứ của các huyện đông bắc tỉnh Kon Tum, Đảng bộ trung đoàn 120 giao nhiệm vụ cho chi bộ đại đội 14 phối hợp với Đảng bộ huyện Sơn Hà chăm lo công tác phát triển đảng viên, xây dựng tổ chức cơ sở của Đảng ở xã Sơn Tinh.

Từ năm 1946 ở vùng thấp Sơn Hà đã có tổ chức cơ sở của Đảng. Nhưng cho đến năm 1948 ở Sơn Tinh vẫn chưa có đảng viên người địa phương. Thực hiện chủ trương của Đảng cấp trên “cần chú ý phát triển Đảng ở các địa bàn chiến lược về quân sự, chính trị, giao thông và vùng dân tộc thiểu số”⁽¹⁾. Đại hội Đảng bộ huyện Sơn Hà lần thứ nhất (tháng 4-1949) chủ trương: “Đẩy mạnh phát triển và củng cố Đảng; xây dựng bộ đội huyện và dân quân xã thôn vững mạnh; đẩy mạnh tăng gia sản xuất phát triển kinh tế tự cấp tự túc, đi đôi với thực hành tiết kiệm; phát triển mạnh phong trào thi đua ái quốc; đẩy mạnh phong trào bình dân học vụ và thực hiện nếp sống mới”⁽²⁾. Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa I, do đồng chí Nguyễn Hữu Đức làm bí thư.

(1)- Nghị quyết Trung ương năm 1948 - Lịch sử Đảng CSVN - Sơ thảo tập I, 1920 - 1954, Nxb Sự thật 1987 - trang 574.

(2)- Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà 1945 - 1990 - Sơ thảo - Huyện ủy Sơn Hà xuất bản năm 1993 - trang 63, 64.

Thực hiện các nghị quyết trên và được sự hỗ trợ của các đơn vị bộ đội đóng tại địa bàn, công tác xây dựng Đảng ở Sơn Tinh đã được tiến hành khẩn trương.

Đồng chí On (Sáu Dậu) huyện cử lên từ Cách mạng Tháng Tám, nay đã chuyển qua quân sự, cùng các đảng viên trong đại đội 14 và chi bộ của đại đội độc lập đông bắc Kon Tum tích cực tham gia tuyên truyền giáo dục những quần chúng giác ngộ và tích cực ở Sơn Tinh để kết nạp vào Đảng.

Các đồng chí Đinh Nhá, Đinh Nía (người Hrê), Đinh Nàn., Phó Hủy (người Ca Dong) được kết nạp vào Đảng năm 1949. Đây là lớp đảng viên cộng sản đầu tiên ở Sơn Tinh (tức Sơn Tây ngày nay). Các đảng viên này tham gia sinh hoạt Đảng trong các chi bộ của lực lượng vũ trang, một kiểu chi bộ ghép, vì mới là đảng viên dự bị, chưa đủ điều kiện thành lập chi bộ riêng của xã.

Đồng chí On (Sáu Dậu) đã hoạt động nhiều năm ở vùng Hrê, Ca Dong, thạo tiếng nói của đồng bào dân tộc nên tuyên truyền vận động quần chúng cũng như tuyên truyền phát triển Đảng có nhiều kết quả. Có nơi có lúc đồng bào ở Sơn Tinh gọi là “Đảng ông Dậu”. Đó là đồng bào nói theo cách hiểu của họ; chi

bộ đã giải thích nhiều lần, lâu ngày đồng bào mới rõ: đây là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động (của người nghèo khổ) do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập, để lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và làm cho người nghèo khổ hết khổ nghèo.

Đến đầu năm 1950, chi bộ xã Sơn Tinh được thành lập gồm có 40 đảng viên⁽¹⁾. Việc thành lập được chi bộ Đảng ở xã Sơn Tinh đánh dấu một mốc lịch sử quan trọng. Từ đây, mọi tổ chức, mọi hoạt động cách mạng và kháng chiến ở Sơn Tinh đều được tổ chức cơ sở của Đảng tại địa phương trực tiếp lãnh đạo.

Sau khi xảy ra vụ Sơn Hà, Huyện ủy Sơn Hà đã tăng cường củng cố chi bộ, đặc biệt coi trọng giáo dục chính trị tư tưởng nâng cao chất lượng đảng viên, giữ lại số đảng viên trung kiên, xử lý số dao động, cầu an, hủi việc. Mặt khác, Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Huyện ủy Sơn Hà điều động thêm một số cán bộ người Kinh lên hoạt động tại vùng Sơn Tinh.

Từ đầu năm 1950, quân Pháp và tay sai đánh phá ác liệt vùng đông bắc Kon Tum, cơ quan Huyện ủy Đắc Tô phải tạm chuyển xuống vùng Phó Hỷ (Sơn Tinh), thôn một Sơn Dung ngày nay. Đảng viên của

(1)- Hồi ký đồng chí Phạm Thanh Biển, nguyên Bí thư Huyện ủy Sơn Hà, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

hai chi bộ xã (Đắc Tà Pây, Đắc Tờ Rìn của huyện Đắc Tô) cũng lấy Sơn Tinh làm hậu cứ đứng chân để hoạt động và lãnh đạo nhân dân xã mình chống địch. Xã Sơn Tinh còn là địa bàn đứng chân của hai đại đội độc lập, do đồng chí Huỳnh Văn Mẫn, tức Huỳnh Văn Cẩn ⁽¹⁾ chỉ huy, chịu trách nhiệm hoạt động ở các huyện Komplong, Đắc Tô, Đắc Lây (Tỉnh Kon Tum).

Như vậy, xã Sơn Tinh thực sự trở thành hậu cứ của vùng đông bắc Kon Tum, là bàn đạp cho ta tấn công địch ở Kon Tum. Mặt khác, các lực lượng của tỉnh Kon Tum đứng ở đây cũng trực tiếp góp phần tham gia xây dựng Đảng và phát triển thực lực cách mạng, kháng chiến ở xã Sơn Tinh.

Đầu năm 1952, được cấp trên chấp thuận, xã Sơn Tinh chia thành hai xã: bắc sông Rinh là xã Sơn Liên, nam sông Rinh là xã Sơn Tinh. Lúc này, huyện Sơn Hà đã có hai đại đội lực lượng vũ trang của huyện (thành lập từ những năm 1950 - 1951) : đại đội 10B (danh nghĩa là bộ đội ông Nía) do đồng chí Đinh Nía làm đại đội trưởng, đồng chí Đinh Xuân Trâm làm chính trị viên, đóng quân tại xã Sơn Tinh. Đại đội 10C do đồng chí Đinh Đâu (tức Y Đênh) làm đại đội

(1)- Đồng chí Huỳnh Văn Cẩn, quê Đức Phổ, sau này là Ủy viên Trung ương Đảng khóa VII.

trưởng, đồng chí Lê Bích Thủy (Huyện ủy viên) làm chính trị viên, đóng quân tại xã Sơn Liên và làng Ngãi. Nhiều thanh niên Ca Dong, Hré ở Sơn Tinh, Sơn Liên đã xung phong gia nhập bộ đội Cụ Hồ trong những năm ấy.

Ở xã Sơn Tinh hình thành một chi bộ ghép có 7 đảng viên, gồm ba đảng viên của đại đội 10B và bốn đảng viên địa phương do đồng chí Đặng Tỏa (Huyện ủy viên dự khuyết phụ trách xã Sơn Tinh) làm bí thư. Sau phát triển thêm một số đảng viên, tách ra thành hai chi bộ, chi bộ đại đội 10B do đồng chí Đinh Xuân Trâm làm bí thư, chi bộ xã Sơn Tinh có 5 đảng viên do đồng chí Nguyễn Huy làm bí thư (đồng chí Tỏa về làm Phó ban tổ chức Huyện ủy Sơn Hà). Riêng gia đình đồng chí Đinh Nía có đến ba đảng viên (đồng chí Nía, đồng chí Vờ, đồng chí Út). Đây là một trường hợp hiếm có ở vùng cao.

Ở xã Sơn Liên, chi bộ đại đội 10C do đồng chí Lê Bích Thủy làm bí thư; chi bộ xã có 5 đảng viên do đồng chí Nguyễn Thanh làm bí thư.

Đến cuối năm 1952, do yêu cầu nhiệm vụ của kháng chiến, huyện Sơn Hà đề nghị và được cấp trên chuẩn y, xã Sơn Liên chia thành ba xã: Sơn Liên, Sơn Mùa, Sơn Bao; xã Sơn Tinh chia thành bốn xã: Sơn

Tĩnh, Sơn Dung, Sơn Mầu, Sơn Long. Hầu hết các xã đều thành lập chi bộ. Chi bộ Sơn Tĩnh vẫn do đồng chí Nguyễn Huy làm bí thư; chi bộ Sơn Liên vẫn do đồng chí Nguyễn Thanh làm bí thư; chi bộ Sơn Dung do đồng chí Đinh Qua (Phó Nía) làm bí thư; chi bộ Sơn Bao do đồng chí Nghĩa làm bí thư⁽¹⁾... Năm 1954 tỉnh Kon Tum giao xã Sơn Bua cho Sơn Hà thì ở đây cũng có một chi bộ Đảng, do đồng chí Đinh Nan (tức Đinh Bình), người Ca Dong, làm bí thư.

Như vậy, việc xây dựng tổ chức cơ sở của Đảng ở đây có chậm hơn vùng thấp Sơn Hà, nhưng vẫn đi kịp với việc hình thành đơn vị hành chính cấp xã, chia xã đến đâu, tổ chức cơ sở Đảng được thành lập đến đó. Đến những năm cuối của cuộc kháng chiến chống Pháp, trên địa bàn Sơn Tây ngày nay, ngoài các chi bộ Đảng các đơn vị lực lượng vũ trang của cấp trên, có 9 chi bộ xã, mỗi chi bộ từ 5 đến 10 đảng viên.

Số đảng viên tuy ít, nhưng nhờ đúc rút được kinh nghiệm trong xây dựng Đảng mấy năm đầu; các chi bộ đã giữ vững sinh hoạt đảng và nề nếp tự phê bình, phê bình thường xuyên; luôn luôn chú trọng giáo dục đảng viên nêu cao tinh thần tiên phong gương mẫu trước quần chúng và tinh thần trách nhiệm trong công

(1)- Sẽ xác minh thêm.

tác. Mặt khác, hầu hết đảng viên cũng được thử thách và sàng lọc qua đấu tranh chống quân Pháp và tay sai từ phía tây xuống, chống quân phiến loạn do Pháp chỉ huy từ phía đông lên. Nhờ vậy chất lượng đảng viên ngày càng được nâng cao, các chi bộ ngày càng vững mạnh, nâng cao được vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng trong mọi mặt công tác tại địa phương.

Cùng với xây dựng Đảng, cấp trên đã chú ý xây dựng chính quyền cách mạng trong kháng chiến. Có lúc có nơi do yêu cầu nhiệm vụ cách mạng đòi hỏi, phải xây dựng chính quyền trước để huy động tổ chức nhân dân tham gia kháng chiến, qua đó mới phát hiện những nhân tố tích cực cách mạng nhất để phát triển Đảng và xây dựng chi bộ.

Khi chia xã Sơn Tinh thành hai xã, Ủy ban kháng chiến hành chính xã Sơn Tinh do đồng chí Đinh Nhá làm chủ tịch

Đinh Nía làm phó chủ tịch

Lê Huy (người Kinh) làm thư ký

Ủy ban kháng chiến hành chính xã Sơn Liên lúc đầu do ông Đinh Đỏi làm chủ tịch, sau đó ông Đinh Cha Rế làm chủ tịch

Đinh Cha Lôi làm phó chủ tịch

Đinh Kà Rát làm thư ký. Đinh Kà Rát tuy biết chữ nhưng còn bị hạn chế, nên huyện quyết định đưa đồng chí Huỳnh Trầm (tức Huỳnh Vạn Thiết) làm thư ký.

Cùng với xây dựng chính quyền, các chi bộ còn quan tâm xây dựng các đoàn thể quần chúng. Hầu hết đồng bào các xã đều gia nhập Hội nông dân cứu quốc, Hội phụ nữ cứu quốc, Đoàn thanh niên cứu quốc, Đội thiếu niên tiền phong. Hoạt động và sinh hoạt của các đoàn thể vừa lôi cuốn quần chúng tham gia kháng chiến ngày càng đông đảo, có hiệu quả, vừa nâng cao giác ngộ cách mạng cho quần chúng.

Trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, mặt trận và các đoàn thể cứu quốc để lãnh đạo và vận động quần chúng làm cách mạng thì vấn đề cán bộ có vai trò quyết định. Đối với các xã vùng cao ở miền núi, cán bộ còn là vấn đề cốt yếu. Được sự chỉ đạo của Đảng cấp trên, các chi bộ xã vùng Sơn Tây ngày nay đã chú trọng công tác xây dựng cán bộ, cả người Kinh và người dân tộc thiểu số. Được Đảng cấp trên cho phép và hướng dẫn, các chi bộ ở đây đã biết tranh thủ thuyết phục, sử dụng những cà rá tốt, có uy tín như Phó Hỷ, Phó Xơn, Phó Hoàn, Cha Trường, Cha Đủ... vào công tác chính quyền, mặt

trận ở xã, thôn. Cán bộ người Kinh hay người dân tộc thiểu số đều phải đặt lợi ích của Đảng, của cách mạng, của Tổ quốc Việt Nam lên trên hết, tuân thủ và gương mẫu thực hiện nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ. Cán bộ người Kinh được quần chúng tin yêu vì biết hòa mình cùng ăn, cùng ở, cùng làm với quần chúng. Đây là kinh nghiệm sâu sắc của các đồng chí Sáu Dậu, Huỳnh Trâm, Phạm Nhứt... lớp cán bộ người Kinh được phân công về vùng Sơn Tinh sớm nhất, trở nên thạo tiếng nói các dân tộc thiểu số ở đây và càng trở nên dễ “ba cùng” với đồng bào.

Như vậy, xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền cơ sở và đội ngũ cán bộ mạnh, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý chí chiến đấu cao, bám chắc trong nhân dân là yếu tố quyết định của mọi thành quả và thắng lợi.

Theo sự chỉ đạo của Đảng cấp trên, để thiết thực chăm lo đời sống nhân dân, bồi dưỡng sức dân, từ đó mà động viên nhân tài vật lực phục vụ cho kháng chiến, các chi bộ và chính quyền, đoàn thể cứu quốc các xã đã vận động và lãnh đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất tự cấp tự túc. Nhiều tổ vòng công hợp tác tương trợ nhau trong lao động sản xuất hình thành ở

các xóm, thôn; tập trung được lực lượng lao động, làm được những rẫy lúa, rẫy bắp, rẫy mì khá lớn.

Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch:

“Người người thi đua

Ngành ngành thi đua

Ngày ngày thi đua

Ta nhất định thắng

Địch nhất định thua” ⁽¹⁾, phong trào thi đua tăng gia sản xuất ở các xã vùng Sơn Tây ngày nay càng phát triển sâu rộng hơn. Bên cạnh lúa, bắp, mì, đồng bào còn tĩa và thu hoạch khá nhiều đậu xanh, mè đen. Có nhiều gia đình sản xuất rất tốt, tiêu biểu là gia đình ông Đinh Cha Loi (Phó chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã Sơn Liên) đã trồng đến 10 rẫy mì, thu hoạch lúa chứa đầy bốn chòi. Nhờ sản xuất tốt nên chẳng những đủ ăn, đủ nuôi bộ đội tại địa phương mà còn có dự trữ, nhiều nhất là mì; xã nào cũng có những rẫy mì hai ba năm chưa ăn tới. Ngoài trồng trọt, đồng bào phát triển chăn nuôi khá nhiều trâu, bò, dê. Một số đồng bào Kinh, Hrê ở vùng thấp Sơn Hà đã lên vùng Sơn Tinh, Sơn Liên để trao đổi

(1)- Lịch sử Đảng CSVN - Sơ thảo - tập I - trang 576.

hàng hóa, lương thực. Đồng bào mang đậu xanh, mè đen, cau tươi, quế vỏ... đến cửa hàng mậu dịch quốc doanh, hoặc xuống vùng thấp đổi lấy mắm muối, vải, nông cụ... để đáp ứng nhu cầu cuộc sống và sản xuất. Để góp phần tăng nguồn lương thực dự trữ, phục vụ kháng chiến, nhiều hội viên nông dân, phụ nữ, đoàn viên thanh niên cứu quốc ở đây đã hăng hái tham gia lao động sản xuất tại trại sản xuất Trà Xinh (lúc này thuộc xã Sơn Hiệp, huyện Sơn Hà). Các đơn vị bộ đội đóng tại địa phương, vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu chống địch, bảo vệ sản xuất, vừa tích cực tham gia sản xuất lương thực với nhân dân địa phương. Còn nhân dân xã Sơn Tinh vừa tích cực sản xuất lương thực, vừa bố phòng chống địch, vừa tích cực phục vụ bộ đội chiến đấu đánh địch. Năm 1947, bọn Pháp ở Komplong cho quân xuống thăm dò, lùng sục, cướp bóc, đánh phá vùng phía tây xã Sơn Tinh, đã bị dân quân du kích xã và bộ đội ta đánh cho một trận chí mạng, bọn chúng phải tháo chạy về Komplong. Năm 1948, có lúc đồng bào ta dùng voi đưa lương thực từ Di Lăng lên Hoắc Bà Chỉ, lên làng Lố, qua Sơn Bao, lên làng Rả... phục vụ bộ đội đánh đồn Mườn Hon (ở Đắc Lây, Kon Tum); đồng bào còn tham gia phát đường, đi dân công phục vụ bộ đội đánh địch ở Komplong, Đắc Pếch...

Trong phong trào thi đua sản xuất tự cấp tự túc, các đoàn thể cứu quốc còn vận động hội đoàn viên làm những “cái rẫy kháng chiến”, nhiều “luống rau kháng chiến”, trồng nhiều “bụi chuối kháng chiến”, “cây đu đủ kháng chiến”, nuôi những “con heo, con gà kháng chiến”... Kết quả thu hoạch được đều góp vào “quỹ nuôi quân” hoặc “quỹ nuôi thương bệnh binh”. Các đơn vị bộ đội đứng chân tại địa bàn và các trung đội, tiểu đội dân quân du kích xã, thôn đều làm rẫy sản xuất tự túc, nuôi trâu, dê, heo, gà, cho đơn vị và đã có những thu hoạch khá...

Có thể khẳng định các chi bộ Đảng ở vùng Sơn Tây đã thực hiện có kết quả đường lối, phương châm, chính sách kinh tế tự cấp tự túc trong 9 năm kháng chiến chống Pháp. Các đơn vị bộ đội thuộc Quân khu V, tỉnh Quảng Ngãi, huyện Sơn Hà và các huyện Đông Bắc tỉnh Kon Tum đứng chân ở đây đều được nhân dân nuôi dưỡng, cung cấp đầy đủ lương thực, thực phẩm.

Đi đôi với sản xuất tự cấp, tự túc, phong trào thi đua học bình dân học vụ mỗi năm càng phát triển khá hơn. Nhiều đồng bào dùng than viết lên mo cau để học. Có những em bé đưa trâu ra rừng, lấy que viết dưới đất để đổ chữ với nhau. Nhiều cán bộ được cử

đi học các lớp bổ túc văn hóa ở huyện. Một số xã mở được trường lớp cho con em đi học. Nhờ vậy, đến năm 1953-1954 trình độ dân trí, năng lực công tác của cán bộ các xã được nâng lên một bước. Cán bộ và chiến sĩ các đơn vị bộ đội đóng tại địa bàn và cán bộ huyện cử về hoạt động ở vùng Sơn Tây đã góp nhiều công sức vào việc nâng cao trình độ văn hóa cho đồng bào và cán bộ ở đây.

Các phong tục tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan, cúng lễ dài ngày, lãng phí đã dần dần được giảm bớt. Công tác vệ sinh phòng bệnh đã được nhân dân tự nguyện thực hiện, nhất là ăn sạch, ở sạch, uống sạch (ăn bằng chén đĩa, đưa gia súc vào chuồng xa nhà, uống nước đun sôi); diệt ruồi, muỗi, chấy, rận, rệp bằng nhiều cách khác nhau. Các cán bộ quân y và dân y trực tiếp tổ chức hướng dẫn nhân dân thực hiện vệ sinh cộng đồng, làm thuốc nam để chữa một số bệnh thông thường. Câu nói “đói ăn rau, đau uống thuốc” dần dần thấm vào đồng bào, hạn chế được cúng tế.

Cùng với các phong trào trên, trong thanh thiếu nhi còn dậy lên phong trào văn nghệ khá sôi nổi. Bên cạnh tấu chình, hát r’nghe, Hoi, Plét truyền thống của dân tộc Ca Dong, thanh thiếu nhi ca hát suốt ngày

đêm những bài ca cách mạng, kháng chiến do các anh bộ đội Cụ Hồ dạy cho. Nhiều đêm văn nghệ “lửa trại” đã thu hút hàng trăm đồng bào tham gia...

Các phong trào học văn hóa, vệ sinh phòng bệnh, văn nghệ quần chúng đã thực sự góp phần làm cho đời sống tinh thần của nhân dân Sơn Tây ngày càng tươi vui phấn khởi, cổ vũ nhân dân càng hăng hái tham gia kháng chiến.

Như vậy, vùng đất này là một trong những căn cứ địa quan trọng của tỉnh Quảng Ngãi, tỉnh Kon Tum và cả Liên khu V. Nhân dân ở đây đã nêu cao tinh thần “quân với dân như cá với nước” biểu thị ý chí đoàn kết, đồng tâm chung sức, quyết tâm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

* . *

*

TỪ NĂM 1949, thực dân Pháp ráo riết thực hiện âm mưu đánh chiếm vùng tự do Liên khu V.

Đối với vùng miền núi tỉnh Quảng Ngãi, thực dân Pháp đề ra mấy chủ trương: thu hẹp dải đất phía đông sông Rhe từ Giá Vụt đến Di Lăng, giành giật tài nguyên, phát triển gián điệp, tổ chức “Gum” rộng rãi và đóng đồn ở những vị trí yết hầu để chặn đường

tiến quân của Việt Minh lên miền tây, dọn đường xuống Ba Tư chuẩn bị cho cuộc hành quân đánh sâu vào nội địa Quảng Ngãi ⁽¹⁾.

Trong khi đó, một số cán bộ Đảng, chính quyền của ta ở huyện và một số xã vùng thấp đã phạm sai lầm ấu trĩ, chủ quan, mệnh lệnh trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Chính phủ; bất chấp đặc điểm dân tộc thiểu số, động chạm đến phong tục tập quán, tài sản của đồng bào dân tộc một cách thô bạo, gây ảnh hưởng không tốt trong nhân dân. Đây cũng chính là điều kiện thuận lợi cho địch thực hiện âm mưu thâm độc của chúng.

Lợi dụng khuyết điểm sai lầm của một số cán bộ ta, cuối năm 1949, quân Pháp từ các đồn Đắc Tô, Komplong (tỉnh Kon Tum) tổ chức hoạt động xuống vùng Sơn Hà; tìm cách liên lạc với một số cà rá giàu có ở vùng thấp đã từng làm tay sai cho Pháp trước kia để tìm chỗ dựa cho âm mưu đánh chiếm Sơn Hà và miền tây Quảng Ngãi.

Trong bối cảnh đó, ngày 25 và 26-10-1950, địch đã gây nên cuộc bạo loạn phản cách mạng ở hầu khắp

(1)- Theo chỉ thị của tên đại tá Mốt-Oan ở Tây Nguyên gởi cho đồn trưởng Komplong, tỉnh Kon Tum - Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nghĩa Bình (cũ) 1988 - trang 109, 110.

các xã vùng thấp huyện Sơn Hà. Chỉ các xã Sơn Tinh, Sơn Liên (Sơn Tây ngày nay), Sơn Thọ, Sơn Tân (nay là Trà Thọ, Trà Tân thuộc Trà Bồng) và Sơn Nham là không có bạo loạn. Nhưng cán bộ và nhân dân ở các xã này cũng rất hoang mang.

Cấp trên có chủ trương “đẹp loạn, an dân”. Giữa tháng 4-1950, quân Pháp ở Kon Tum kéo xuống tiếp sức cho quân phiến loạn. Định chiếm được Di Lăng và Hà Thành. Từng nơi từng lúc, ta có truy diệt được một số tên đầu sỏ và đám quân theo đóm ăn tàn, nhưng địch vẫn liên tục đánh phá Sơn Hà.

Trước tình hình đó, được sự chỉ đạo và chỉ viện của cấp trên, chi bộ và quân dân xã Sơn Tinh đã phối hợp với các xã bạn mở đợt hoạt động từ tháng 8 đến 10-1950, ổn định được tình hình tư tưởng nội bộ và nhân dân; giữ vững hoạt động các đoàn thể cứu quốc. Riêng lực lượng dân quân du kích được củng cố và phát triển thêm, có tiểu đội dân quân ở xóm, trung đội dân quân du kích ở thôn. Hai đại đội 10B, 10C của huyện và đại đội 14 của quân khu đóng tại Sơn Tinh đã góp phần giữ vững sự ổn định chính trị tư tưởng và phát triển các cơ sở chính trị vũ trang ở đây.

Các đồng chí Đình Nhá, Đình Nía, Đình Phó, Phó Xơn, Phó Hủy, Đình Nan, Cha Pre, Đình Đùa, Đình

Dập... thường xuyên đi sâu đi sát vận động đồng bào Ca Dong, Hre chống lại bọn phiến loạn. Đồng bào ở đây vốn đã không ưa bọn phiến loạn, căm ghét bọn chúng, gọi chúng là “chí xẻng” (loài rau đắng) nên đã tin và nghe theo các đồng chí, không tham gia bạo loạn, không cho bọn phiến loạn xâm nhập vào xã mình.

Có lần bọn chúng đến định lôi kéo dân ở đây đánh vào đại đội 14 của Quân khu V đứng chân ở Sơn Tinh làm nhiệm vụ bảo vệ vùng giáp ranh hai tỉnh Kon Tum và Quảng Ngãi. Ông Đinh Xơn, Phó tổng (người làng Huy Măng nên còn gọi là Huy Măng Xơn) đã khuyên bọn chúng: “Bay không đánh thắng nổi quân Việt Minh đâu. Bác Hồ dạy “phải đoàn kết”, sao lũ bay lại làm cái việc mất đoàn kết, có tội lắm đấy”. Ông Đinh Xơn đã bảo vệ an toàn cho ông Minh (người Kinh) và kho gạo của Việt Minh tại xóm Trường do ông Minh giữ. Còn ông Đinh Nhá thì làm một con heo cho chúng ăn lạt. Chúng bảo: ông Chánh chơi khăm lũ mình, cho heo mà không cho muối, làm sao ăn được. Ông bảo: Bay theo Pháp gây phiến loạn, ngăn đường chặn lối, không cho người Kinh đưa muối lên, tao lấy muối đâu mà cho bay. Lũ bay đi xuống vùng biển mang được muối, rựa, rìu, cuốc, xẻng về đây, tao sẽ dẫn đi đánh bộ đội 14. Bọn phiến loạn

phải chịu thua trí “Chánh Nhá” nên lủi thủi cút khỏi vùng Ca Dong. Anh Hai Nhá, con trai trưởng của đồng chí Đình Nhá cũng một lòng theo cha cùng nhân dân Sơn Tinh chống bọn phiến loạn. Không khuấy đục được dân Sơn Tinh, bọn phiến loạn đã lên lút phục bắt anh Hai Nhá, hòng lôi kéo cả hai cha con đồng chí Đình Nhá theo chúng. Nhưng anh Hai Nhá đã chửi thẳng vào mặt chúng “là loài phản bội dân tộc”. Bọn chúng đã hèn hạ giết hại anh Hai Nhá rất dã man. Anh Hai Nhá đã hy sinh dũng cảm, trở thành người liệt sĩ đầu tiên trong kháng chiến chống Pháp ở Sơn Tinh, để lại trong lòng nhân dân nhiều tiếc thương và cảm phục.

Việc địch giết hại anh Hai Nhá càng làm cho nhân dân Sơn Tinh thêm căm thù bọn “chí xẻo” và quan thầy của chúng. Đồng chí Đình Nhá cùng gia đình, bà con Kà Tua đã phải nén đau thương để cùng nhân dân trong xã thực hiện các công việc trong thời kỳ nước sôi lửa bỏng này. Đồng chí Đình Út (em ruột Đình Nía) bị bọn phiến loạn bắt trói dẫn đi bắn. Đồng chí đã bứt dây trói chạy thẳng về cơ quan Huyện ủy.

Tình hình trong xã ngày càng trở nên khó khăn, phức tạp. Đồng bào phải thường xuyên chuẩn bị đối phó với bọn phiến loạn nên sản xuất bị giảm sút. Việc

tiếp tế muối và các nhu yếu phẩm từ trung châu và vùng thấp lên bị gián đoạn. Nhiều gia đình đã lâm vào đói cơm, lạt muối. Một số dịch bệnh đã xảy ra. Lực lượng bộ đội và các cơ quan huyện Đắc Tô đóng tại Sơn Tinh cùng chịu chung cảnh thiếu đói với nhân dân. Có đơn vị có lúc hàng tháng trời phải ăn toàn ổi rừng.

Mặc dù vậy, Đảng với dân, quân với dân vẫn một lòng đoàn kết gắn bó, thương yêu đùm bọc cho nhau; bảo vệ sự bình yên cho mảnh đất và người dân Sơn Tinh. Vì vậy, nhiều đồng bào đã nói rất cảm động: Chúng tao thiếu gạo thì lấy củ rẫy, rau rừng để ăn, thiếu muối thì lấy tro tranh để dùng, thiếu vải thì lấy lá, vỏ cây để mặc, nhưng nếu thiếu Việt Minh, thiếu người của Đảng, thiếu bộ đội Cụ Hồ thì không biết lấy gì thay thế được. Còn đối với một vài cán bộ, chiến sĩ ở đơn vị này, đơn vị khác làm điều bậy bạ, đồng bào cũng nói thẳng: “Nó không phải là bộ đội Cụ Hồ”.

Tháng 6-1950, tại Hội nghị miễn núi Liên khu V, huyện Đắc Tô (Kon Tum) được Liên khu ủy tặng cờ thi đua. Phần thưởng này có cả công lao của chi bộ và quân dân xã Sơn Tinh, vì các lực lượng huyện Đắc Tô và Đắc Lây vẫn đứng chân tại Sơn Tinh, dựa vào

đất và người của xã Sơn Tinh để hoạt động. Chi bộ và đồng bào xã Sơn Tinh có công rất lớn đối với vùng đông bắc tỉnh Kon Tum trong thời kỳ này.

Tháng 10-1950, Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sơn Hà lần thứ hai nhận định: “Bọn đầu sỏ phiến loạn vẫn chưa bị tiêu diệt, chưa cắt đứt được liên lạc giữa chúng với bọn Pháp ở Kon Tum; cơ sở cách mạng tuy được phục hồi nhưng chưa thật vững chắc, chưa giải quyết được vấn đề dân sinh...”. Đại hội đã đề ra các nhiệm vụ: “Xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh tác chiến và công tác binh tề vận, nhằm tiêu diệt và phá rã địch. Xây dựng mạng lưới an ninh nhân dân, phá các âm mưu hoạt động ngầm của địch. củng cố bộ máy chính quyền và các đoàn thể ở cơ sở. Đẩy mạnh sản xuất, chăm lo đời sống nhân dân. Hạn chế phát triển đảng viên mới, đưa ra khỏi Đảng những đảng viên vi phạm chính sách dân tộc, hoang mang dao động, giảm sút ý chí chiến đấu, khôi phục đảng tịch cho số đảng viên không có vi phạm gì nghiêm trọng”. Tại đại hội này, đồng chí Trần Đại được cử làm Bí thư Huyện ủy ⁽¹⁾.

(1)- Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà 1945 - 1993 - sdd - trang 79.

Tháng 11-1950, từ chiến khu Việt Bắc, Hồ Chủ tịch đã gửi điện cho cán bộ miền Nam Trung bộ và đồng bào Sơn Hà.

Trong Công điện số 508/Đ ngày 14-11-1950 gửi đồng bào Sơn Hà, Bác viết đại ý: Một số ít đồng bào vì sự sai lầm của một số cán bộ mà để cho giặc lợi dụng, làm rối loạn trị an, hại đến đoàn kết, tôi rất phiền lòng... Tôi khuyên đồng bào mau mau tỉnh ngộ, trở về yên phận làm ăn, chớ nghe lời giặc lừa phỉnh. Tôi hứa với đồng bào rằng: Những ai đã lầm đường mà nay biết hối cải thì sẽ được khoan thứ. Những người đã có công thì sẽ được khen thưởng ⁽¹⁾.

Trong Công điện số 509/Đ cùng ngày, gửi cán bộ miền Nam Trung bộ, Bác viết: “Trong công việc, các chú đều cố gắng. Đó là một điều đáng khen. Nhưng còn nhiều khuyết điểm nặng, thí dụ:

1- Vụ Sơn Hà: máy móc, ép buộc đồng bào, nhiều việc quá trình độ dân, dân không hiểu, không thích. Đã thấy sai lầm mà không kịp thời sửa chữa, kịp thời báo cáo.

(1)- Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần thứ hai, tập 6, 1950 - 1952
Nxb Chính trị Quốc gia - Hà Nội 1995 - trang 117.

2- Việc động viên: động viên vết đến tài sản gốc sinh kế của dân... Dùng thói quan liêu chỉ biết ra lệnh, ép buộc dân chúng đóng góp.

Những khuyết điểm đó, các cán bộ phải dùng phê bình và tự phê bình, từ trên xuống, từ dưới lên, kiên quyết sửa chữa cho kỳ sạch”⁽¹⁾.

Trong khi ta đang có nhiều khó khăn, thì tháng 2-1951, được quan thầy Pháp ở Kon Tum tổ chức và chỉ huy, bọn Đinh Ênh, Đinh Điều (trước đó chạy lên Komplong cầu cứu Pháp) đã lên về phối hợp với bọn Đinh Ngô, Đinh Meo còn đang lẩn trốn ở Sơn Hà để tiếp tục chống phá cách mạng. Chúng kéo quân xuống xây đồn Tà Mực trong xã Sơn Tinh hòng khống chế vùng Ca Dong, xây dựng tề “Gum”, tiếp tay cho quân Pháp ở Kon Tum đánh chiếm miền tây Quảng Ngãi.

Địch coi Tà Mực là một cứ điểm quan trọng nên chúng xây đồn trên núi có độ cao 882m so với mặt biển. Đồn gần với Komplong (Kon Tum) nên dễ dùng máy bay tiếp tế lương thực, đạn dược và nếu bị Việt Minh tấn công, không chống đỡ nổi, chúng có thể ngược sông Rinh, rút về Komplong. Với những điểm

(1)- Hồ Chí Minh toàn tập, tập 6 - sđd - trang 118.

thuận lợi đó, địch đưa một đại đội ác-xi-ông Hrê (Action Hrê, lực lượng quân sự tập trung do Pháp tổ chức) do tên quan một người Pháp chỉ huy đến đóng giữ đồn.

Địch xây dựng đồn Tà Mực khá kiên cố, xung quanh có hào rộng, cắm chông gài mìn dày đặc để ngăn du kích, bộ binh ta; có bờ thành đất dày, cao để ngăn hỏa lực bắn từ bên ngoài; bốn góc bờ thành có lô cốt để quan sát và canh giữ đồn; từ trong đồn có đường hào ngầm nối với lô cốt (có lỗ châu mai bốn phía) ở lưng chừng núi để bảo vệ đồn, ngăn chặn sự tấn công của ta từ dưới chân núi lên. Chúng rêu rao khoác lác trong dân: “Bao giờ nước sông Rinh chảy ngược, Việt Minh mới đánh lấy được đồn Tà Mực”.

Từ đồn này, địch thường cho quân ruồng bố vào các thôn xóm bắt lính, đốt phá, cướp bóc, khủng bố, phá hoại cuộc sống yên lành của nhân dân, gây cho đồng bào Sơn Tinh thêm những tổn thất, khó khăn mới. Mặc dù vậy, dưới sự lãnh đạo của chỉ bộ và chính quyền cách mạng, với ý chí của nhân dân không đội chung trời cùng bọn Pháp xâm lược và tay sai, nên địch không thể lập được tề “goum”⁽¹⁾ trên đất Sơn Tinh. Những thanh niên bị bắt lính, ép nhận

(1)- Goum, từ chữ Goumier là lực lượng kỵ binh dân quân Ma Rốc do Pháp tổ chức.

súng và quần áo rằn ri, đã cương quyết trả lại, bỏ về nhà.

Thực hiện chủ trương của Đảng cấp trên “chỉ đánh Pháp và bọn ngoan cố theo Pháp, không đánh những người lầm đường hoặc bị cưỡng bức theo địch”, cán bộ, đảng viên và nhân dân Sơn Tinh đã xáp vào tuyên truyền giải thích cho đám lính ngụy ở hai đồn, hạn chế được sự hung hăng của chúng. Tháng 4-1951, tiểu đoàn 79 thuộc trung đoàn 108 của Quân khu V, được lệnh cấp trên từ Trà My (Quảng Nam) vượt sông Rinh, được quân dân xã Sơn Tinh phối hợp, tấn công tiêu diệt đồn Tà Mực, mở đường cho quân ta đánh lên Komplong. Nhưng vì chưa có kinh nghiệm nên trận đánh không thành.

Sau khi học tập và kiểm điểm theo tinh thần bức điện của Hồ Chủ tịch, tháng 6-1951, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp bàn kế hoạch: phá âm mưu vũ trang quần chúng của địch, phá kế hoạch tề “goum” của địch, phát triển kinh tế, xây dựng lực lượng chính trị, vũ trang và đào tạo cán bộ địa phương, dựa vào cán bộ và nhân dân địa phương để giải quyết vấn đề địa phương. Tỉnh ủy đã phân công đồng chí Phạm Thanh Biền (lúc ấy tên là Lam Sơn), Tỉnh ủy viên, về làm

Bí thư Huyện ủy Sơn Hà, chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng cấp trên ⁽¹⁾.

Lúc này, chính sách khoan hồng của Chính phủ và Hồ Chủ tịch được phổ biến sâu rộng trong nhân dân, nhằm lôi kéo số lầm đường lạc lối, bị cưỡng bức theo phiến loạn quay về với nhân dân. Rải rác có một số thanh niên Hrê, Ca Dong, thậm chí có những đứa trẻ 13, 14 tuổi ở Sơn Tinh đi lính cho Pháp, một số thôn có người ra làm tể điệp ngầm cho Pháp với mục đích chủ yếu là để được Pháp cho gạo, muối, vải, thuốc men...

Theo sự chỉ đạo của Huyện ủy Sơn Hà, chi bộ Đảng và chính quyền xã Sơn Tinh đã tổ chức hướng dẫn cho cán bộ, đảng viên và đồng bào trong xã học tập kiểm thảo theo tinh thần nội dung hai bức điện của Bác Hồ, vận động nhân dân “nghe và làm theo lời Bác” tập trung vào mấy việc chính: củng cố vững chắc lực lượng dân quân du kích xã thôn, theo dõi nắm chặt và đối phó kịp thời với âm mưu thủ đoạn của địch, trực chiến đánh các toán địch đi lùng, bảo vệ quê hương, chống bắt lính; đẩy mạnh công tác binh tể vận; đẩy mạnh sản xuất giải quyết nạn thiếu đói...

(1)- Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà 1945 - 1993 - sdd - trang 83

Các đồng chí Đinh Nhá, Đinh Nía, Phó Xơn, Phó Hủy... đã đi dự hội nghị cả rả toàn huyện, mang về Sơn Tinh sự nhất trí cao của ý Đảng lòng dân Sơn Hà: kiên quyết dùng quân sự trừng trị bọn đầu sỏ phản động ngoan cố theo Pháp; tuyên truyền vận động phá rã tổ “goum”, lôi kéo số lầm lạc quay về với nhân dân.

Tinh thần trên thấm vào lòng dân Sơn Tinh, đồng bào càng thêm hăng hái ủng hộ bộ đội Cụ Hồ đánh Pháp, phá rã bọn “chí xẻng”.

Từ tháng 10-1951, chi bộ và quân dân xã Sơn Tinh đã phối hợp với các lực lượng của cấp trên bao vây địch ở đồn Tà Mực, chặn đường tiếp tế và kêu gọi bọn “chí xẻng” đầu hàng cách mạng, quay về với nhân dân để hưởng lương khoan hồng của Chính phủ Cụ Hồ.

Trước sức ép của các lực lượng ta, bọn địch ở đồn Bãi Mầu xuyên rừng chạy trốn. Bọn địch ở đồn Tà Mực dựa vào đồn bót kiên cố, lại có sĩ quan Pháp chỉ huy nên ngoan cố tiếp tục đánh phá ta.

Trung tuần tháng 12-1951, đại đội 123 thuộc tiểu đoàn 19 do đồng chí Phạm Đương chỉ huy, được giao nhiệm vụ đánh tiêu diệt đồn Tà Mực. Từ vùng thấp

Sơn Hà, đại đội hành quân tập kết tại căn cứ du kích xã Sơn Tinh (tại địa bàn Sơn Dung ngày nay). Được sự phối hợp nhiều mặt của chi bộ Đảng và quân dân xã Sơn Tinh như tiếp tế lương thực, giấu quân, tháo gỡ chông mìn, dẫn đường, tiếp đạn, tải thương... 3 giờ sáng ngày 24-12-1951, đại đội 123 nổ súng tấn công đồn Tà Mực. Dựa vào công sự kiên cố, địch chống trả quyết liệt, ta bị thương vong nhiều, nhưng vẫn tấn công cường tập kiên cường. Chiến sĩ ta đã dùng súng phóng bom bắn cháy đồn địch; kho đạn của chúng cũng bốc cháy, nổ dữ dội. Địch vô cùng hoảng sợ, tên đồn trưởng người Pháp và mấy bộ hạ bỏ đồn, luồn rừng chạy lên Komplong. Quân dân ta nhất tề xông lên chiếm đồn địch vào trưa ngày 24-12-1951. Kết quả trận đánh, ta diệt 20 tên địch, thu 4 tấn đạn và toàn bộ quân trang quân dụng của địch trong đồn.

Trong trận này có nhiều tấm gương dũng cảm. Chiến sĩ Ánh, xạ thủ trung liên, bị địch bắn trọng thương ở đầu và hông súng, sau khi băng bó vết thương, đồng chí đã khấn trương sửa chữa súng trung liên và tiếp tục chiến đấu. Biết mình không thể sống, đồng chí đã giao súng lại cho đồng đội và hy sinh anh dũng. Nhiều du kích, nông dân, phụ nữ Sơn Tinh bắt chắp đạn địch, luôn bám sát bộ đội, làm tròn nhiệm vụ tiếp tế, tải thương, chôn cất liệt sĩ...

Một số tàn quân “chí xẻng” lẩn trốn trong rừng, không chịu đựng nổi đói rét đã kéo đến nhà ông Chánh Nhá để cầu cứu ông giúp đỡ. Ông đã thẳng thừng khuyên bọn chúng: “Tao không có của nhiều để nuôi lũ bay. Bay muốn sống, muốn về với vợ con chỉ có một cách là đầu hàng Việt Minh. Đứa nào đầu hàng Việt Minh thì mang súng đứng sau lưng tao, tao sẽ cho ăn uống, rồi theo tao đi về Việt Minh huyện, tao sẽ xin Việt Minh khoan hồng cho. Đứa nào muốn lên Komplong thì bỏ súng xuống đây rồi đi, tao không thèm bắt lại đâu”. Thế là cả bọn 60, 70 tên đều nghe theo lời đồng chí Đình Nhá, mang súng về huyện để đầu hàng Việt Minh, để được hưởng lượng khoan hồng.

Như vậy, dưới sự lãnh đạo của chi bộ, cán bộ, đảng viên, dân quân du kích và đồng bào Sơn Tinh đã phối hợp chặt chẽ với các lực lượng của cấp trên, hoạt động rất táo bạo, góp phần nhỏ sạch đồn bót của địch, đuổi địch ra khỏi xã nhà, tuyên truyền vận động lôi kéo được một số lính ngụy quay về với nhân dân. Và đến đây, sau hai năm vượt mọi khó khăn gian khổ, tổn thất, hy sinh, chi bộ và quân dân Sơn Tinh đã góp phần xứng đáng cùng toàn Đảng bộ và quân dân huyện Sơn Hà giải quyết xong vụ phiến loạn, đánh bại âm mưu thực dân Pháp đánh chiếm Sơn Hà và

miền tây Quảng Ngãi; góp phần tích cực vào việc khôi phục an ninh chính trị, xây dựng hậu phương, căn cứ địa trên địa bàn chiến lược quan trọng của tỉnh Quảng Ngãi và Liên khu V. Từ giữa năm 1951, đồng chí Đinh Nhá được bố trí giữ chức Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Sơn Hà.

Tháng 3-1952, đồng chí Nguyễn Huy, bí thư chi bộ xã Sơn Tinh trúng cử vào đoàn đại biểu Đảng bộ huyện Sơn Hà, do đồng chí Phạm Thanh Biền, Bí thư Huyện ủy làm trưởng đoàn, đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi họp tại Bàu Súng (xã Đức Chánh, huyện Mộ Đức).

Sau khi dẹp yên vụ phiến loạn, tinh thần nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh nhân lên gấp bội tinh thần phấn khởi hăng hái tham gia kháng chiến của nhân dân Sơn Tinh, Sơn Liên. Các chi bộ Đảng được củng cố và phát triển thêm những người trung kiên vào Đảng. Nhiều người thuộc thành phần cơ bản có nhiều thành tích và một số cả rả một lòng theo Đảng có uy tín, được nhân dân cử vào chính quyền, làm chủ tịch xã, cán bộ thôn. Cán bộ lần lượt được cử đi huấn luyện, bồi dưỡng để nâng cao chất lượng. Việc sản xuất được đẩy mạnh, nhất là trồng mỳ và các loại rau màu ngắn ngày. Tổ chức mậu dịch được củng cố và

hoạt động tốt hơn, kịp thời đưa muối, vải, thuốc men, nông cụ lên cho dân... Nhờ đó, Sơn Tinh, Sơn Liên từng bước đẩy lùi đói, đau, lụt muối, đời sống nhân dân dần dần được cải thiện.

Nhưng thực dân Pháp vẫn chưa từ bỏ âm mưu đánh chiếm miền tây Quảng Ngãi, hồng lấy đây làm bàn đạp đánh chiếm vùng tự do trung châu của Liên khu V. Tháng 4-1952, Pháp mở cuộc hành quân La-tê-rít, đánh xuống phía tây huyện Ba Tư và vùng sông Hré. Cùng lúc đó, Pháp cho một trung đội lính ngự nhẩy dù xuống Hoãn Pờ Rẫy (Sơn Liên) để quấy rối hậu phương ta, yểm trợ cho cuộc hành quân La-tê-rít.

Nhờ đã dự đoán được âm mưu địch, đã chuẩn bị kế hoạch đối phó từ trước, nên ngay từ khi địch đặt chân xuống đất Sơn Liên, dân quân du kích và nhân dân ở đây đã cùng với đại đội 10C, bộ đội huyện bao vây tấn công tiêu diệt chúng. Một số tên địch bị diệt tại chỗ, số sống sót trốn vào rừng, băng núi chạy về Komplong, lại bị chông thò của đồng bào ta diệt thêm một số nữa. Trong trận này, ta thu được 40 thùng chiến lợi phẩm, hầu hết là thức ăn, đồ uống. Mặc dù đại đội 10C của huyện và dân quân du kích xã Sơn Liên đang sống trong cảnh túng thiếu sau hai năm đối phó chống trả phiến loạn, nhưng không một ai

xâm phạm đến số chiến lợi phẩm trên. Tất cả đều được nộp đầy đủ về huyện. Điều này chứng tỏ ý thức tổ chức kỷ luật của bộ đội 10C và dân quân du kích xã Sơn Liên rất cao; tấm lòng anh em thật trong sáng.

Trong khi đó, các đơn vị bộ đội chủ lực của Quân khu V, của tỉnh và đồng chí, đồng bào Ba Tơ - Sơn Hà cũng đã kịp thời tấn công, tiêu diệt, truy đuổi địch, đập tan cuộc hành quân La-tê-rít của 700 loạn quân Hrê do 40 sĩ quan Pháp chỉ huy; đập tan âm mưu địch “cấy” lại loạn quân và đánh chiếm miền tây Quảng Ngãi.

Theo sự chỉ đạo của Huyện ủy, chi bộ, chính quyền và các đoàn thể cách mạng hai xã Sơn Tinh và Sơn Liên mở cuộc vận động chính trị sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân; vận động giáo dục dài ngày, làm đi làm lại nhiều lần, làm cho quần chúng tự hào thấy mình đã góp công sức vào những thắng lợi to lớn vừa qua, thấy được trách nhiệm tiếp tục xây dựng và bảo vệ quê hương, tiếp tục phục vụ kháng chiến để góp phần đánh thắng giặc Pháp xâm lược. Trong vận động chính trị, các chi bộ và quần chúng cách mạng giải thích cho số ít người đã vì bát gạo, bát muối mà nhất thời đi lính, làm việc cho Pháp, thấy được lỗi lầm, thực sự ăn năn hối hận, thực sự đoàn kết một bụng

cùng nhân dân tiếp tục chống Pháp và tay sai của Pháp.

Qua các đợt vận động chính trị, hai xã Sơn Tinh và Sơn Liên thuần khiết được nội bộ quần chúng; không còn một gia đình nào có người theo Pháp; các đoàn thể cứu quốc và lực lượng dân quân du kích được củng cố vững mạnh thêm một bước.

Giữa năm 1952, theo quyết định của Liên khu ủy V, các xã thuộc Sơn Tây ngày nay cùng với 4 huyện miền núi Quảng Ngãi sáp nhập với tỉnh Kon Tum thành một đơn vị hành chính trực thuộc Liên khu V, còn gọi là chiến trường 30 (chiến trường hình thành từ cuối năm 1951), dưới sự lãnh đạo của Ban cán sự miền tây, do đồng chí Trương Quang Tuân, Khu ủy viên làm bí thư. Đồng chí Phạm Thanh Biền (Lam Sơn), Tỉnh ủy viên Quảng Ngãi, là ủy viên Ban cán sự miền tây, trực tiếp làm Bí thư Huyện ủy Sơn Hà.

Được Ban cán sự miền tây và Huyện ủy Sơn Hà chỉ đạo, các xã vùng Sơn Tây đã mở hội nghị nhân dân bàn bạc và lập “giao ước bảo vệ làng, xây dựng làng”; động viên, tổ chức và hướng dẫn nhân dân địa phương mình tiếp tục phát huy thắng lợi đánh Pháp, dẹp phiến loạn, đem sức người sức của góp phần xây

dựng miền tây thành căn cứ địa của Liên khu V, tạo điều kiện tiến lên giải phóng tỉnh Kon Tum.

Trong các năm 1953 - 1954, các xã thi đua làm chông, thò, cạm bẫy, xây dựng thôn xã chiến đấu vững chắc, không để địch xâm nhập vào xã, sẵn sàng tiêu diệt nếu chúng xâm nhập. Mỗi xã có một trung đội dân quân du kích tập trung, thôn có tiểu đội dân quân du kích vừa sản xuất vừa sẵn sàng chiến đấu. Lực lượng dân quân du kích này được nhân dân nuôi, được huấn luyện định kỳ và thường trực canh gác bảo vệ quê hương. Bọn biệt kích và tề điệp của địch không dám bén mảng đến Sơn Tinh, Sơn Liên. Hàng trăm nam nữ thanh niên Ca Dong, Hrê, Co, Kinh ở đây đã hăng hái tòng quân nhập ngũ, được bổ sung cho các đơn vị của huyện, của miền tây và Quân khu V. Nhân dân Sơn Tây được yên ổn làm ăn.

Đẩy mạnh sản xuất, chăn nuôi cũng đã trở thành phong trào thi đua khá sôi nổi. Lúa, bắp, mỳ, đậu, chè, rau được trồng tủa khắp nơi và năm 1952-1953 đã cho thu hoạch khá. Các đơn vị bộ đội đóng tại địa bàn đã sản xuất tự túc được từ 1/2 đến 2/3 số lương thực, giảm nhẹ được đóng góp của nhân dân. Rất nhiều gia đình khôi phục được đàn trâu, dê, heo, gà. Nhờ sản xuất tốt, đời sống nhân dân và bộ đội được cải thiện rõ. Đồng bào không phải đóng một thứ thuế gì cả. Sản xuất ra bao nhiêu là để chi dùng cho

gia đình và góp nuôi bộ đội. Các đơn vị bộ đội đóng tại địa bàn Sơn Tây đã vượt qua cơn thiếu đói. Giá Ôn ở Sơn Tinh là một trong những phụ nữ sản xuất giỏi, được bình bầu là “chiến sĩ thi đua sản xuất” của tỉnh. Ông Thọ ở Sơn Liên là một trong những nông dân vừa giỏi sản xuất vừa tích cực tham gia công tác bố phòng chống địch, đã được bình chọn là chiến sĩ thi đua của huyện. Ở các xã vùng Sơn Tây còn một số người được bình bầu chiến sĩ thi đua huyện, cá nhân xuất sắc của xã trên các mặt bố phòng, đánh địch, sản xuất, dạy bình dân học vụ, thực hiện đời sống mới...

Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Trung ương Đảng chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược (đông xuân 1953-1954) bằng ba đòn tiến công lớn. Một trong ba đòn tiến công đó là “giành địa bàn chiến lược Tây Nguyên, phá tan âm mưu “bình định” miền Nam của địch”⁽¹⁾. Thực hiện phương hướng trên, Liên khu V quyết định: “Huy động nỗ lực cao nhất của Đảng bộ và quân dân trên địa bàn ra sức chiến đấu bảo vệ, giữ vững vùng tự do, đồng thời tập trung sức phục vụ đắc lực cho chiến dịch bắc Tây Nguyên.”⁽²⁾

Được Huyện ủy Sơn Hà chỉ đạo, các chi bộ vùng Sơn Tây đã triển khai phổ biến học tập phương hướng

(1), (2)- Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm - sdd - trang 134.

nhệm vụ trên trong toàn thể đảng viên và cán bộ quân dân chính xã thôn. Qua đó, các chi bộ xã tập trung sức lãnh đạo quần chúng, vừa làm tốt công việc xây dựng, củng cố hậu phương căn cứ địa vững mạnh về chính trị, quân sự, kinh tế, vừa huy động nhân tài vật lực phục vụ cho chiến dịch bắc Tây Nguyên trong đông xuân 1953-1954 với tinh thần “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng”.

Phân nửa lực lượng dân quân du kích ở các xã đã được điều động ra phía trước, hiệp đồng với các đại đội 14, 10B, 10C, 10A tham gia chiến đấu chống địch. Nhà nước chưa chủ trương cho đồng bào vùng cao đóng thuế nông nghiệp như các xã vùng thấp. Nhưng nhân dân Sơn Tinh, Sơn Liên đã hăng hái tự nguyện đóng góp lương thực phục vụ chiến dịch bắc Tây Nguyên. Có những gia đình cống đến kho nộp hàng chục gùi lúa, hiến cho kháng chiến cả rẫy mì. Nhà ít cũng vài ba gùi lúa, bắp, đậu, vài ba ngàn gốc mỳ, mỗi gốc có hàng chục kg chất bột. Đồng bào đã đóng góp nhiều heo, gà và cả trâu để ủy lạo tiền thanh niên lên đường tòng quân, đồng viên anh em đi chiến đấu. Chị em phụ nữ còn ủng hộ gạo, củ, rau, trứng gà nuôi thương bệnh binh tại trạm xá, cho bộ đội và dân công ra tiền tuyến. Hàng ngàn đồng bào Sơn Tây đã cùng lực lượng thanh niên xung phong tham gia mở các

con đường cho bộ đội và dân công hành quân từ Giá Vụt lên Kon Tum, đến Mang Đen, từ Di Lăng lên Mang Bút, Đắc Tô... Nhiều nam nữ thanh niên Sơn Tây đã lập thành tích xuất sắc trong các đội thanh niên xung phong phục vụ chiến dịch bắc Tây Nguyên.

Cùng với những việc trên, hàng ngàn đồng bào Sơn Tây đã đi dân công phục vụ chiến trường. Số thanh niên và người có sức khỏe tốt thì tham gia lực lượng dân công hỏa tuyến, vận chuyển vũ khí, lương thực theo chân bộ đội ra chiến trường và chuyển thương binh từ mặt trận về tuyến sau. Số trung niên, kể cả phụ nữ thì tham gia lực lượng dân công thường trực vận chuyển lương thực, vũ khí từ căn cứ địa đến kho tập kết tiền phương, chuyển thương về hậu cứ, chăm nuôi thương bệnh binh. Tính chung trong chiến dịch bắc Tây Nguyên, mỗi xã huy động hàng vạn ngày công phục vụ chiến trường. Mỗi người đi một tháng. Có một số người đi từ ba đến năm tháng. Trong thôn xã, dân công tham gia trên bảy ngày, được ghi vào sổ nghĩa vụ. Những người đi 10 ngày trở xuống thì tự túc hoặc được đồng bào địa phương giúp đỡ ăn uống. Những người đi phục vụ ở chiến trường trên 10 ngày thì mặt trận miền tây lo ăn uống. Đoàn dân công xã nào cũng có một chi ủy viên và một số đảng viên

được phân công cùng đi để lãnh đạo dân công xã mình hoàn thành nhiệm vụ.

Trên các tuyến đường, bất kể mưa nắng, ngày đêm, từng đoàn dân công Sơn Tây với đôi vai trăm cân, đôi chân ngàn dặm, gùi, cồng, gánh, kìn kịt theo chân bộ đội ra chiến trường. Đêm đến, dân công lấy tán rừng che sương, lá rừng làm chiếu, vẫn ca hát những bài ca kháng chiến học từ các anh bộ đội Cụ Hồ để động viên nhau vượt qua gian khổ, chân cứng đá mềm, phục vụ tốt cho chiến trường. Theo sự chỉ đạo của Đảng cấp trên, các chi bộ ở Sơn Tây nhận thức rõ mở chiến dịch bắc Tây Nguyên là thời cơ và điều kiện thuận lợi để động viên khí thế cách mạng của nhân dân hằng hái xây dựng hậu phương, phục vụ tiền tuyến và cũng có thể sẽ phải chịu đựng những khó khăn ác liệt mới do sự phản ứng của địch. Từ nhận thức này, các chi bộ đã lãnh đạo nhân dân khẩn trương củng cố vững chắc các thôn, làng chiến đấu, sẵn sàng giáng trả sự phản kích của địch; ra sức đào thêm nhiều hầm hố, công sự để hạn chế tổn thất do bom đạn địch gây nên.

Trong khi quân dân ta đang nỗ lực khẩn trương chuẩn bị cho chiến dịch bắc Tây Nguyên thì Pháp tập trung lực lượng mở cuộc hành quân Át-lăng. Kế hoạch của địch gồm ba bước, trong đó “bước ba là

hước quyết định, sẽ tập trung lực lượng từ bốn hướng Quảng Nam vào, Bình Định ra, Kon Tum xuống và ngoài biển lên, cả bốn cánh quân sẽ hợp điểm tại thị xã Quảng Ngãi, hoàn thành mục tiêu đánh chiếm vùng tự do Liên khu V” (1).

Trước tình hình đó, được sự chỉ đạo của Đảng cấp trên, việc chuẩn bị mở chiến dịch bắc Tây Nguyên càng được tiến hành khẩn trương. Toàn thể cán bộ, đảng viên và đồng bào các xã thuộc Sơn Tây đã được huy động vào chuẩn bị cho chiến dịch bắc Tây Nguyên theo tinh thần đó.

Cuối tháng 1-1954, chiến dịch bắc Tây Nguyên mở màn. Quân ta đánh chiếm các cứ điểm địch ở Mang Đen, Mang Bút, Đắc Tô, Kom Rẫy. Đại đội 10B của huyện đứng chân ở Sơn Tây đã cùng lực lượng du kích các xã Sơn Tây tham gia bảo vệ huyện Đắc Tô mới giải phóng.

Ngày 7-2-1954, ta giải phóng hoàn toàn tỉnh Kon Tum. Thế uy hiếp của địch ở sau lưng các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi đã bị phá tan. Vùng tự do của ta mở rộng từ bờ biển đến biên giới Việt Lào.

Tuy vậy, địch vẫn chưa từ bỏ đánh chiếm vùng tự do Liên khu V.

(1)- Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm - sdd - tr 134.

Ngày 12-3-1954, địch đổ bộ lên Qui Nhơn, hòng đánh chiếm tỉnh Bình Định, làm bàn đạp thực hiện bước ba của kế hoạch Ất - lãng, đánh chiếm toàn tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 13-3-1954, quân dân ta nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm của Pháp tại Điện Biên Phủ.

Kế hoạch của Pháp đánh chiếm vùng tự do Liên khu V- chủ yếu là Quảng Ngãi và Bình Định - bị phá sản.

Sau đó, Đảng bộ và quân dân Sơn Tây vô cùng phấn khởi khi nhận được tin ta thắng trận Điện Biên Phủ ngày 7-5-1954, càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt, tài tình của Trung ương Đảng và Bác Hồ kính yêu.

Tháng 6-1954, các chi bộ đã cử đại biểu về làng Mùng (xã Sơn Bao) họp đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sơn Hà lần thứ V. Sau đó, nghị quyết của Đại hội được phổ biến, học tập tận chi bộ: “Phát huy thắng lợi, động viên toàn Đảng bộ và quân dân trong huyện đẩy mạnh phong trào cách mạng của quần chúng, phát triển lực lượng chính trị và vũ trang vững chắc trong nhân dân, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho giai đoạn cách mạng mới; đẩy mạnh sản xuất, chăm lo đời sống nhân dân”⁽¹⁾.

(1)- Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà - sdd - trang 114.

Sau đại hội, nhân dân Sơn Tây càng hăng hái phấn khởi thực hiện các công tác do Đảng đề ra. Mặn dịch đã đưa mắm, muối, dầu, chiếu, vải, nông cụ... lên cung cấp cho đồng bào. Nhân dân các xã sống trong không khí yên vui, hăng hái tăng gia sản xuất và sẵn sàng chiến đấu.

Trước thất bại nặng nề khó bề cứu vãn, ngày 20-7-1954, Chính phủ Pháp buộc phải ký hiệp định Giơ-ne-vơ, cam kết công nhận và tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; thực hiện ngừng bắn, rút quân về nước; vĩ tuyến 17 chỉ là ranh giới quân sự tạm thời. Phía bắc vĩ tuyến 17 do Nhà nước VNDCCH quản lý; phía nam vĩ tuyến 17 do quân đội liên hiệp Pháp tạm thời quản lý. Nhân dân Việt Nam sẽ tổng tuyển cử trong cả nước vào tháng 7-1956 để thống nhất nước nhà.

Cán bộ, đảng viên, đồng bào và du kích Sơn Tây rất tự hào được trực tiếp tham gia đóng góp công sức, tài sản và cả máu xương mình vào thắng lợi lịch sử, đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai của đế quốc Pháp đối với nước ta, giải phóng được nửa nước (từ vĩ tuyến 17 trở ra), tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng Việt Nam trong thời kỳ tiếp theo.

Đánh giá ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến 9 năm chống Pháp xâm lược, Hồ Chủ tịch nói: “Lần

đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là một thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là một thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội trên thế giới”⁽¹⁾.

* *

* *

TÓM LẠI từ Cách mạng tháng Tám 1945, nhân dân Sơn Tây đã đoàn kết, một lòng theo Đảng và Bác Hồ, đem hết tinh thần và sức lực tham gia xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng, xây dựng và bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân. Tổ chức cơ sở đảng ở Sơn Tây được thành lập muộn, một vài năm đầu còn yếu, nên không tránh khỏi khuyết nhược điểm. Trong nhân dân lúc đầu nhận thức về cách mạng, về Đảng chưa đầy đủ. Tuy vậy, nhờ sự lãnh đạo của Đảng cấp trên, sự giúp đỡ của các đơn vị bộ đội và các địa phương bạn, đặc biệt là nhờ có tinh thần đoàn kết và tấm lòng yêu nước, đồng bào các dân tộc ở đây, nhất là tộc người Ca Dong, đã tiếp tục phát huy cao độ truyền thống chống ngoại xâm và tinh thần làm chủ quê hương, núi rừng. Với ý chí “Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”, nhân dân trên vùng Sơn Tây đã góp nhiều

(1)- Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần thứ hai, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội - 1996 - trang 12.

công lao to lớn vào việc đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn của thực dân Pháp và bọn cầm đầu “chí xềng”, tay sai của Pháp; giữ vững mảnh đất Sơn Tây tự do trong tỉnh Quảng Ngãi tự do suốt 9 năm kháng chiến (1945-1954). Bằng công, của, máu xương của mình, nhân dân các dân tộc đã xây dựng Sơn Tây thành căn cứ địa kháng chiến của tỉnh Quảng-Ngãi và Liên khu V, thành hậu cứ của các huyện bạn Đắc Tô, Đắc Lây (tỉnh Kon Tum), thành hành lang bàn đạp phục vụ chiến trường bắc Tây Nguyên.

Với những công lao, thành tích trên, trong 9 năm kháng chiến chống Pháp, cùng với Đảng bộ và quân dân Sơn Hà, cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và đồng bào Sơn Tây được khen thưởng:

- 5 huân chương kháng chiến các hạng nhất, nhì, ba.

- Nhiều huy chương kháng chiến các hạng.

- Trung ương Đảng và Tổng Cục chính trị khen về binh vận.

- Bộ Tư lệnh Quân khu V tuyên dương về mặt quân sự.

- Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung bộ khen về sản xuất tự túc.

- Ban cán sự miền tây và Liên khu ủy V biểu dương về củng cố và phát triển Đảng.



Đ/c Trần Văn Thang - Chủ tịch UBND xã Sơn Dung
(người thứ hai từ phải sang) đang đứng tại
khu di tích chiến thắng Tà Mực, kể lại trận đánh đồn
Tà Mực năm 1951.

PHẦN THỨ BA

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN THAM GIA KHÁNG CHIẾN GÓP PHẦN ĐƯA CUỘC CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC ĐẾN THẮNG LỢI HOÀN TOÀN (1954 - 1975)

Chương năm

GIỮ GÌN VÀ PHÁT TRIỂN LỰC LƯỢNG, ĐẤU TRANH CHỐNG ĐỊCH, GIỮ VỮNG QUYỀN LÀM CHỦ VÙNG CĂN CỨ ĐỊA CÁCH MẠNG, GÓP PHẦN LÀM NÊN THẮNG LỢI CUỘC KHỞI NGHĨA TRÀ BÔNG VÀ MIỀN TÂY QUẢNG NGÃI (1954 - 1959)

TỪ sau hiệp định Giơ-ne-vơ (tháng 7-1954), cách mạng nước ta bước vào cuộc đấu tranh mới. Theo qui định của hiệp định, ta và Pháp thực hiện ngừng bắn từ ngày 1-8-1954, chuyển quân tập kết, ta ra Bắc, Pháp vào Nam vĩ tuyến 17. Cũng từ đây, Đảng ta

gánh vác nhiệm vụ lịch sử mới, vừa lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, vừa lãnh đạo đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam.

Sơn Tây nằm ở phía Nam vĩ tuyến 17, nên phải tạm thời chịu sự quản lý của quân đội Liên hiệp Pháp. Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Sơn Tây giữ vững niềm tin vào Đảng và Bác Hồ, tiếp tục chung lưng đấu cật cùng cả tỉnh, cả nước đấu tranh giải phóng miền Nam, giành độc lập hoàn toàn cho dân tộc, thống nhất trọn vẹn cho Tổ quốc.

Từ trong sâu thẳm lòng mình, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Sơn Tây vừa vui mừng phấn khởi tự hào, vừa có những suy nghĩ lo âu day dứt, vì quê hương mình từ chỗ là vùng tự do, có Đảng lãnh đạo, có chính quyền nhân dân, có quân đội cách mạng, có đấu tranh vũ trang, nhân dân đã được hưởng quyền tự do dân chủ, đời sống vật chất văn hóa được cải thiện thì những ngày sắp tới, cán bộ chính quyền, bộ đội phải đi tập kết, Đảng phải hoạt động bí mật, nhân dân phải sống dưới ách kìm kẹp của đối phương; ta phải chuyển sang đấu tranh chính trị. Đây là những thay đổi cơ bản về thế và lực giữa ta và địch; thay đổi cả về chiến lược, chiến thuật, nội dung, phương châm

và phương pháp đấu tranh. Ta phải đấu tranh với địch như thế nào đây ? Liệu địch có thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ không ? Đó là những câu hỏi chưa có giải đáp lúc này.

Theo qui định của hiệp định Giơ-ne-vơ, địch sẽ tiếp quản Sơn Tây sau 80 ngày kể từ ngày ngừng bắn. Những ngày hòa bình thật là ngắn ngủi, nó chứa đựng cả niềm vui và nỗi buồn trong lòng người Sơn Tây.

Thấu hiểu nỗi lòng của đồng bào miền Nam, trong “lời kêu gọi sau hội nghị Giơ-ne-vơ thành công”, Hồ Chủ tịch đã nói: “Đồng bào miền Nam kháng chiến trước hết, giác ngộ rất cao. Tôi chắc rằng đồng bào sẽ đặt lợi ích cả nước trên lợi ích địa phương, lợi ích lâu dài trên lợi ích trước mắt, mà ra sức cùng đồng bào toàn quốc phấn đấu để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân chủ trong toàn quốc. Đảng, Chính phủ và tôi luôn luôn theo dõi sự cố gắng của đồng bào và tin chắc đồng bào sẽ thắng lợi” (1).

Cuối tháng 8-1954, Huyện ủy Sơn Hà triệu tập cán bộ chủ chốt các xã về Ruộng Khay (xã Sơn Hạ) để học tập lời kêu gọi của Bác Hồ, ký quyết tâm thư gửi

(1)- Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần thứ hai, tập 7-1953 - 1955 - Nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội 1996 - trang 322.

lên tỉnh và Trung ương, hứa quyết tâm đấu tranh cách mạng đến cùng.

Sau đó, các chi bộ Đảng, đoàn thể quần chúng Sơn Tây đã tổ chức mít tinh mừng chiến thắng, mừng hòa bình; mở sinh hoạt chính trị, giải thích cho đảng viên, nhân dân thấy rõ ý nghĩa thắng lợi to lớn của việc ký kết hiệp định Giơ-ne-vơ; làm cho đồng chí, đồng bào thấm thía sâu sắc những lời căn dặn đầy tình thương yêu của Bác Hồ đối với miền Nam “đi trước về sau”.

Ngày 25-10-1954, Khu ủy V quyết định giải thể Ban cán sự miền tây, đưa bốn huyện miền núi Quảng Ngãi trở lại cho tỉnh Quảng Ngãi. Theo sự chỉ đạo của Đảng cấp trên, các chi bộ vùng Sơn Tây xác định phải thực hiện tốt các nhiệm vụ cấp bách trước mắt: “Chuẩn bị mọi mặt về tư tưởng và tổ chức, nhanh chóng chuyển hướng sang đấu tranh chính trị, nhằm giữ gìn lực lượng, giữ gìn phong trào, đưa cách mạng tiến lên... Hoàn thành tốt nhiệm vụ tổ chức chuyển cán bộ và lực lượng vũ trang đi tập kết” (1).

Tận dụng thời gian chuẩn bị chuyển quân tập kết, các chi bộ ở Sơn Tây đã huy động cán bộ, đảng viên, chiến sĩ giúp đồng bào dựng lại nhà cửa, dọn rẫy, vỡ

(1)- Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm - sdd - tr 140.

nà tăng gia sản xuất, gấp rút chuyển từ đồng bằng lên một số gạo, muối, vải, thuốc chữa bệnh... cho đồng bào và cũng để chuẩn bị cho số cán bộ ở lại hoạt động.

Từ những tháng cuối năm 1954 đến tháng 4-1955, Huyện ủy Sơn Hà (do đồng chí Đinh Mô, mang bí danh “anh Mười”, làm bí thư) đã bố trí một số đồng chí ở lại bám chặt trong nhân dân để lãnh đạo quần chúng trong tình hình nhiệm vụ mới. Đồng chí Đinh Cày, Huyện ủy viên, mang bí danh “anh Cả” được phân công phụ trách các xã vùng Sơn Tây. Một số đồng chí được phân công trực tiếp phụ trách xã: đồng chí Đinh Nía phụ trách xã Sơn Tinh, đồng chí Lê Đà phụ trách xã Sơn Dung, đồng chí Đinh Nan phụ trách xã Sơn Bao, đồng chí Nguyễn Thanh phụ trách xã Sơn Bua, đồng chí Nguyễn Huy phụ trách xã Sơn Liên; đồng chí Đinh Văn Trinh và đồng chí Đinh Vọt Nghèo (Huyện ủy viên Sơn Hà) phụ trách các xã Sơn Thọ, Sơn Tân, Sơn Bùi; đồng chí Huỳnh Thiết (Trầm) phụ trách xã Sơn Hiệp⁽¹⁾.

(1)- Theo hồi ký các đồng chí Phạm Thanh Biển, Đinh Mô. Các xã Sơn Thọ, Sơn Tân, Sơn Bùi, Sơn Hiệp, lúc này thuộc vùng cao huyện Sơn Hà; sau đó cắt giao cho huyện Trà Bồng, gọi là Trà Thọ, Trà Tân, Trà Bùi, Trà Xinh.

Cán bộ các xã được bố trí ở lại có các đồng chí: Đinh Thanh (Phó), Đinh Lạc, Đinh Bờ Ro, Đinh Dung, Đinh Quảng, Đinh Đăng, Đinh Chân...

Số cán bộ, đảng viên có thể dễ bị địch khủng bố, hoặc già yếu được cấp trên quyết định cho tập kết ra Bắc để học tập hoặc chữa bệnh như các đồng chí Đinh Roi (Đinh Văn Mây) ở Sơn Mùa, Đinh Nhá ở Sơn Tinh, Nguyễn Huy ở Sơn Liên... Đa số cán bộ ở đây chưa từng quen xa nhà, xa quê hương núi rừng, nên có những đồng chí cấp trên quyết định cho ra miền Bắc đã xin ở lại. Vì vậy, số cán bộ Sơn Tây tập kết ra miền Bắc không nhiều. Các chi bộ còn chọn một số con em cán bộ đưa ra miền Bắc để đào tạo cán bộ sau này cho địa phương.

Những buổi lễ tiễn đưa cán bộ, bộ đội và một số con em cán bộ ra miền Bắc được các xã tổ chức chu đáo, dạt dào tình cảm cách mạng, gây tác dụng động viên giáo dục sâu sắc. Người ở lại hứa quyết giữ vững lòng son sắc thủy chung với cách mạng, với Đảng và Bác Hồ. Người đi hứa quyết tâm học tập, rèn luyện để trở về xây dựng quê hương. Những lời hứa ấy là kết tinh tâm huyết của bao đời liên tục chiến đấu và hy vọng của nhân dân các dân tộc Sơn Tây. Và ai cũng định ninh sau hai năm sẽ đoàn tụ.

Nhân dân Sơn Tây còn đón tiếp cán bộ, chiến sĩ ta từ Kon Tum xuống, từ miền tây Quảng Nam vào, nuôi dưỡng, tiếp tế, bảo vệ và dẫn đường xuống trung châu để đi tập kết.

Lúc này kẻ thù cũng ráo riết tập hợp lực lượng tổ chức bộ máy thống trị của chúng, ra mặt phá hoại hiệp định, đánh phá phong trào yêu nước và cách mạng của nhân dân ta.

Thừa cơ thực dân Pháp đại bại, đế quốc Mỹ nhảy vào thay chân Pháp tại miền Nam Việt Nam. Âm mưu cơ bản của đế quốc Mỹ là tiêu diệt bằng được lực lượng yêu nước và cách mạng của nhân dân ta, chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của Mỹ; xây dựng chính quyền tay sai phát xít Ngô Đình Diệm; xây dựng lại và nắm quyền chỉ huy quân nguy... Biện pháp chiến lược cơ bản của chúng là thực hành tổ cộng, diệt cộng, tập trung đánh phá cách mạng miền Nam, uy hiếp miền Bắc, ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản tràn xuống Đông Nam Á.

Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ VI (khóa II) vào hạ tuần tháng 7-1954 đã nhận định: “Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới

và hiện đang trở thành kẻ thù chính, trực tiếp của nhân dân Đông Dương” (1).

Cuối năm 1954, địch tiếp quản Sơn Hà, nhưng chỉ đưa quân lính đến vùng thấp.

Những tin tức về việc địch thực hiện tổ cộng, diệt cộng, bắt bớ, tra tấn, giết hại cán bộ, đảng viên ta và những người kháng chiến cũ ở trung châu, ở vùng thấp Sơn Hà bay lên vùng Sơn Tây đã làm đồng bào các dân tộc ở đây thấy rõ nhận định của Trung ương là đúng đắn, càng thấy rõ chân tướng của kẻ thù mới, càng căm thù chúng và bẻ gãy tay sai, càng thêm quyết tâm đấu tranh chống Mỹ - Diệm.

Trước tình hình địch đánh phá ác liệt vào các tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng của quần chúng ở đồng bằng và vùng thấp miền núi, tại hội nghị tháng 1-1955, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã bàn vấn đề xây dựng căn cứ địa ở đồng bằng và miền núi. Đến ngày 25-10-1955, Tỉnh ủy họp tại nóc già làng Tơ (chân núi Cà Đam) bàn sâu và kỹ hơn về xây dựng căn cứ cách mạng ở miền tây: “Ở miền núi, lấy phía bắc huyện Sơn Hà (bao gồm cả các xã thuộc Sơn Tây ngày nay - ghi thêm của biên tập), nam Trà Bồng

(1)- Lịch sử Đảng CSVN, tập I, 1920 - 1954 - Sơ thảo - Nxb Sự thật - Hà Nội 1981 - trang 732.

(vùng núi Cà Đam) và vùng Ba Điền giữa Ba Tơ, Minh Long làm căn cứ”.

“Hội nghị cũng bàn đến việc đưa người của ta vào hàng ngũ địch để hoạt động nhằm hạn chế sự phát - xít hóa của quân thù. Dùng các tổ chức hợp pháp, biến tướng như đội tuần sương, hội săn bắn... để chống lại hành động đàn áp của địch, nếu cần thiết thì diệt bọn ác ôn”⁽¹⁾.

Từ nghị quyết lịch sử này của Tỉnh ủy, các xã thuộc Sơn Tây ngày nay bắt tay thực hiện nhiệm vụ “an toàn khu” của tỉnh Quảng Ngãi trong công cuộc chống Mỹ, cứu nước. Các chi bộ Đảng vẫn giữ nguyên tổ chức, giữ vững sinh hoạt, giữ chắc quyền lãnh đạo quần chúng. Cho đến giữa năm 1955, địch vẫn chưa dám lên Sơn Tây. Đồng bào ở đây luôn luôn nêu cao cảnh giác địch và hết lòng bảo vệ cán bộ cách mạng, đảng viên của Đảng mà đồng bào gọi là “người anh em đảng mình”.

Cuối năm 1954, mười cán bộ cách mạng từ Quảng Ngãi lên Sơn Tinh để đi Kon Tum. Lúc đầu đồng bào nghĩ là “lính quốc gia cải trang” nên cho người canh giữ. Khi cán bộ, đảng viên địa phương cho biết “đây là người đảng mình” thì đồng bào mổ heo, giết gà

(1)- Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm - sdd - tr .152.

thết đãi, rồi cho người dẫn đường mười cán bộ này đến nơi cần đến.

Dựa vào chủ trương của Huyện ủy Sơn Hà đề ra từ tháng 4-1955, các chi bộ phổ biến cho đảng viên và quần chúng: dựa vào phong tục tập quán của người dân tộc thiểu số, hễ đi ra đường, lên nương rẫy, đàn ông đều cầm giáo, mác, đàn bà vác rựa trên vai. Cứ như vậy, đồng bào Sơn Tây giữ được thế vũ trang hợp pháp để canh gác thôn xóm và tự vệ. Thôn xóm nào cũng chuẩn bị những hang đá, góc rừng, hốc núi kín đáo với những gạo muối, rẫy mì dự trữ để khi cần thì che giấu, bảo vệ, nuôi nấng cán bộ, đảng viên.

Ngày 16-7-1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố: “không có hiệp thương tổng tuyển cử, chúng ta không ký hiệp định Giơ-ne-vơ, bất cứ phương diện nào chúng ta cũng không bị ràng buộc bởi hiệp định đó”⁽¹⁾. Từ tháng 8-1954, Mỹ - Diệm đã liên tục vi phạm hiệp định, đến đây chúng trắng trợn xé bỏ hiệp định. Cũng từ giữa năm 1955, địch mở đợt “tố cộng” ở miền tây Quảng Ngãi dưới chiêu bài tiến hành chiến dịch “Thượng du vận Phan Chu Trinh”. Trọng tâm đánh phá của địch lúc này nhằm vào huyện Sơn

(1)- Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập II - cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (thời kỳ 1954 - 1968) - Bộ Tư lệnh Quân khu V 1989- trang 28.

Hà ⁽¹⁾. Địch đưa hàng ngàn lính Hrê (bọn phiến loạn trước đây đã chạy trốn lên Tây Nguyên) do hai tên ác ôn Đinh Ngô, Đinh Ênh cầm đầu trở về đánh phá phong trào cách mạng Sơn Hà ⁽²⁾. Bọn Ngô, Ênh đã làm tay sai cho Pháp, từng qua lại vùng Sơn Tây những năm gây bạo loạn ở Sơn Hà 1950, 1951; nay theo lệnh quan thầy Mỹ - Diệm, định kéo quân về lập cho được ngụy quyền ở các xã vùng cao này.

Để đối phó với âm mưu địch và nhờ đã chuẩn bị trước theo tinh thần nghị quyết tháng 1-1955 của Tỉnh ủy, các chi bộ ở Sơn Tây đã biết dựa vào lá bài tự do dân chủ giả hiệu của địch, hướng dẫn quần chúng đấu tranh buộc địch phải để dân cử người ra làm đại diện (xã trưởng). Nhân đó, ta đã đưa người của ta ra làm đại diện xã, như Đinh Đũa làm đại diện xã Sơn Tinh; Đinh Cha Đới làm đại diện xã Sơn Liên; Đinh Cha Trường làm đại diện xã Sơn Dung; Đinh Văn Trinh làm đại diện vùng Sơn Thọ, Sơn Tân, Sơn Bùi... Còn những xã mà đại diện do địch bố trí thì bằng nhiều cách, các chi bộ địa phương cũng đều cầm nắm được họ, không để họ tự do hành động theo địch. Cũng có những xã chỉ báo cáo một danh sách hội

(1)- Phạm Thanh Biển, Nguyễn Hữu Nghĩa - Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi - Nxb QĐND 1975 - trang 29.

(2)- Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà - Sđd - trang 128.

đồng xã lấy lệ, không có thực. Nói chung, địch không lập được bộ máy nguy quyền cấp xã ở Sơn Tây. Những xã trưởng do ta bố trí và cầm nắm, làm việc cho địch bằng cái miệng, còn cái bụng vẫn hướng về Đảng và Bác Hồ. Địch hoàn toàn không nắm được dân mà còn có phần e dè đối với vùng Sơn Tây.

Có lúc địch đã cho 17 ghe chở vũ khí lên, buộc xã trưởng phát súng cho thanh niên mục đích chính là nhằm hù dọa dân, nhưng xã trưởng báo với quận là thanh niên không đến và “không dám giữ súng trong nhà” nên buộc địch phải chở về.

Tháng 10-1955, Tỉnh ủy đã đề ra các chủ trương lớn. Đối với các huyện miền núi, Tỉnh ủy quyết định: cán bộ phải nhanh chóng về cơ sở thực hiện ba cùng một cách triệt để để lãnh đạo quần chúng. Phát huy mạnh mẽ thắng lợi của việc thực hiện chính sách dân tộc trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, củng cố lòng tin của quần chúng đối với cách mạng, nắm chắc nhân dân lao động, đồng thời ra sức tranh thủ càng nhiều càng tốt những người trong tầng lớp trên có ít nhiều thiện cảm với cách mạng, chỉ ít là trung lập và những người còn đang lưỡng lự. Phải phát huy rộng rãi truyền thống chống ngoại xâm, chống áp bức của các dân tộc H'rê, Ca Dong, Co, để kêu gọi tinh thần

dân tộc, động viên họ bước vào giai đoạn chiến đấu mới... Vận động nhân dân các dân tộc dựa vào sức mạnh chính trị của mình, vào phong tục tập quán cổ truyền để chống lại sự đàn áp, khủng bố của địch, kiên quyết không cho địch lập nguy quyền ở thôn, xã... Tổ chức canh gác trong thôn xóm bằng giáo, mác, tên, ná... Cán bộ phải vũ trang để tự vệ khi đi công tác, kiên quyết diệt tể trừ gian, không cho địch tự do thâm nhập vào thôn, xã ⁽¹⁾. Như vậy, phương thức đấu tranh ở miền núi lúc này có cao hơn ở đồng bằng.

Các chi bộ ở Sơn Tây được Huyện ủy Sơn Hà phổ biến và hướng dẫn triển khai thực hiện phương hướng nhiệm vụ trên. Từ cuối năm 1954, cơ quan Tỉnh ủy Kon Tum đóng tại Sơn Tinh trong nhiều năm. Cơ quan phân ban Huyện ủy Sơn Hà nhiều lúc cũng chuyển lên đóng tại Sơn Tân, Sơn Mẫu... Để thực hiện ba cùng với dân, nhiều cán bộ nam người Kinh đã cạo răng, xỏ tai, để tóc dài (có đồng chí để tóc dài như phụ nữ), phơi nắng nhiều ngày cho đen da, đóng khố, quần xà bần, đeo cườm... ra đường cũng cầm giáo, mác, cung tên như đồng bào dân tộc. Các đồng chí đến vùng đồng bào Ca Dong thì đóng khố lờ màu trắng; đến vùng đồng bào Hrê thì đóng khố ngắn màu

(1)- Phạm Thanh Biền, Nguyễn Hữu Nghĩa - Sdd - trang 31, 32.

rần; đến vùng đồng bào Co thì đóng khố dài màu xanh hoặc đen... và đến đâu các đồng chí cũng học nói được tiếng dân tộc ở đó, nhờ đồng bào các dân tộc hết lòng đùm bọc, bảo vệ, nên che mắt được bọn do thám, gián điệp của địch. Đồng bào thấy cán bộ cách mạng, cán bộ của Đảng sống như những người nghèo khổ, không nhà cửa, xa vợ con... nên hết lòng thương yêu đùm bọc, đem cả tài sản, tính mạng của mình để bảo vệ cán bộ và cơ quan lãnh đạo của Đảng.

Từ đầu năm 1956, địch mở chiến dịch “tố cộng” đợt hai. Khi thấy địch tăng cường do thám gián điệp với ý đồ tiến công lên vùng cao, các chi bộ ở Sơn Tây đã tổ chức và chỉ đạo các lực lượng hợp pháp như các toán tuần đêm dưới danh nghĩa chống trộm cướp, thực chất là bảo vệ thôn xóm; các toán đi săn dưới danh nghĩa “đi kiếm ăn” thực chất là theo dõi nắm tình hình địch để kịp thời đối phó, bảo vệ cách mạng; tổ chức đồng loạt những ngày “cắm lá cừ” ở đầu thôn, đầu nhà, gọi là “ngày cúng ma”, người lạ không được phép vào làng để bảo vệ các cuộc họp Đảng, họp lãnh đạo... Phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc thiểu số đã được chuyển thành phương thức đấu tranh hợp pháp sáng tạo, kẻ địch không có cách gì phá được cái thế “bất khả xâm phạm” này của vùng Sơn Tây.

Trong đám tay sai của địch tên nào hung hăng, ngoan cố mò đến Sơn Tây lúc này ắt sẽ bị tiêu diệt. Đó là trường hợp tên Tầm (mật báo viên của địch) ở Di Lăng mò lên Sơn Dung, tên Đinh Kà Dấy ở Nước Bao mò lên Sơn Liên đã bị thanh niên Ca Dong “đi săn” diệt ngay trên đường, rồi phao tin “bị cọp bắt chết”. Một việc làm lúc này có thể coi là “bất hợp pháp”, thậm chí có thể bị cấp trên phê bình là “manh động”, được đồng chí đồng bào ở đây chuyển thành hợp pháp. Thực ra các vụ diệt ác trừ gian ở Sơn Tây là việc làm có ý thức, có tổ chức, có lãnh đạo, vì đảng viên và đồng bào ở đây thấy rõ bản chất của kẻ địch, không mơ hồ mất cảnh giác. Nhờ đó, các chi bộ Đảng và nhân dân vẫn giữ vững quyền làm chủ cả vùng Sơn Tây. Cho đến cuối năm 1956, trên mảnh đất Sơn Tây, không có một đảng viên, một cán bộ cách mạng nào bị địch bắt và địch cũng không mở được một cuộc tổ cộng, diệt cộng, hoặc lập được một nhà tù, trại giam nào ở Sơn Tây. Đây là một tình hình đặc biệt, rất khác so với vùng thấp miền núi và đồng bằng.

Chẳng những thế, một số nam nữ thanh niên, phụ nữ, thiếu niên Sơn Tây được lựa chọn đã tình nguyện tham gia lực lượng giao thông liên lạc (giao liên) cho cách mạng; truyền tin, chuyển tài liệu đến các xã,

truyền lại ý kiến của cán bộ với nhân dân, dẫn đường cho cán bộ Đảng đi từ vùng này đến vùng khác, có lúc lên Kon Tum, ra Trà Bồng, Trà My (Quảng Nam), vào Ba Tơ... Từ đầu năm 1956, lực lượng giao liên này còn chuyển về cho cán bộ Đảng hoạt động tại Sơn Tây những tờ báo “Hòa bình”, “Đoàn kết” do Tỉnh ủy Quảng Ngãi biên soạn, phát hành; những tờ báo “Nhân dân” (khổ nhỏ) từ miền Bắc đưa vào. Báo chí đã góp phần trang bị cho cán bộ, đảng viên Sơn Tây tư tưởng chỉ đạo của Đảng cấp trên; phương thức, phương châm lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống Mỹ - Diệm.

Càng gần đến ngày 20-7-1956, thời hạn tổ chức tổng tuyển cử để hòa bình thống nhất nước nhà như hiệp định Giơ-ne-vơ qui định, địch lại càng lồng lộn điên cuồng đối phó với phong trào đấu tranh của nhân dân. Ngô Đình Diệm ngang nhiên tuyên bố: “Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17” và hò hét “quyết tâm diệt cộng ở miền Nam”, “lấp sông Bến Hải - Bắc tiến” !!!.

Trước tình hình đó, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Quảng Ngãi và Huyện ủy Sơn Hà, các chi bộ ở Sơn Tây vận động và tổ chức một lực lượng quần

chúng kéo xuống Di Lăng, cùng đồng bào toàn huyện trực diện đấu tranh công khai với Đinh Ngô, quận trưởng Sơn Hà và Đinh Ênh, đồn trưởng Di Lăng. Gần 300 đồng bào ở Huy Mãng, Làng Mừng, Sơn Bao do ông Vọt Nít dẫn đầu và hàng trăm đồng bào các xã Sơn Thọ, Sơn Hiệp, Sơn Tân, Sơn Bùi do đồng chí Đinh Văn Trinh chỉ huy đã tham gia vào cuộc đấu tranh chính trị rộng lớn của hàng ngàn đồng bào toàn huyện đòi ngụy quyền Sài Gòn hiệp thương với miền Bắc, thực hiện tổng tuyển cử tự do trong cả nước để thống nhất nước nhà; đòi ngụy quyền Sơn Hà cứu đói, cứu đau, cứu lụt cho dân, đòi để nhân dân tự do đi lại làm ăn, mua bán đổi chác những đồ dùng cần thiết...

Bọn Đinh Ngô, Đinh Ênh đã ra lệnh cho lính ngụy dùng cây, gậy, gạch, đá đánh xối xả vào đồng bào hai bàn tay không ! Đồng bào la ó, phản đối, giằng co quyết liệt với địch. Chúng dùng đến 6 năm mây (khoảng 300 sợi) bắt trời đồng bào, vẫn không một ai nao núng. Họ xông tới la hét, phản đối Ngô, Ênh đánh trời dân; đòi thả những người bị trời. Địch bắt một số người chúng cho là cầm đầu, tống lên xe chở xuống quận lỵ (ở Sơn Giang) để uy hiếp dân. Nhưng đồng bào ta vẫn đấu lý với địch tại sân đồn Di Lăng

suốt ba ngày liền. Các mẹ, các chị, các cụ già, em bé ở Sơn Bao và vùng quanh Di Lăng đã thay phiên nhau tiếp tế cơm, nước, trầu, cau cho bà con đang đấu tranh tại Di Lăng. Sau mấy ngày tra khảo, địch không tìm ra người chủ mưu, vì đồng bào không khai báo, nên phải thả hết đồng bào ta trở về và buộc lòng phải hứa để đồng bào tự do đi lại làm ăn sinh sống, hứa sẽ cấp gạo, muối cho đồng bào; còn chuyện hiệp thương tổng tuyển cử sẽ báo cáo lên cấp trên định, chứ quân không có quyền gì...

Đây là cuộc xuống đường đấu tranh chính trị có tổ chức, có lãnh đạo đầu tiên của nhân dân vùng Sơn Tây, cùng nhân dân toàn huyện Sơn Hà trực diện đấu tranh với địch, nêu lên một yêu sách tối hệ trọng của cả đất nước và dân tộc Việt Nam, nêu lên những yêu sách về bảo đảm quyền sống của nhân dân. Tuy có bị địch khủng bố, nhưng cuộc đấu tranh đã biểu dương sức mạnh chính nghĩa, tinh thần đoàn kết dân tộc, lòng trung thành và niềm tin của nhân dân đối với Đảng, với Bác và cách mạng.

Nhưng từ cuối năm 1954 đến 1956, về chủ trương chung, do nhận thức một chiều về bảo tồn lực lượng, về đấu tranh chính trị đòi địch thi hành hiệp định, về

chống các biểu hiện manh động, phiêu lưu mạo hiểm, nên ở nhiều địa phương, phong trào cách mạng của quần chúng bị núng thối trước sức phản kích tàn bạo của địch. Lực lượng cán bộ, đảng viên bị tổn thất, mất mát khá lớn. Đến khi địch xé bỏ hiệp định Giơ-ne-vơ thì một số cán bộ, đảng viên, nhân dân ta lại tỏ ra bị quan, dao động, cầu an, giảm sút ý chí chiến đấu. Ở Sơn Tây, tình hình không nghiêm trọng lắm nhưng trong một số cán bộ, đảng viên và quần chúng cũng không tránh khỏi những biểu hiện lệch lạc.

Sau khi xé bỏ hoàn toàn hiệp định Giơ-ne-vơ, cuối năm 1956 địch xua quân đóng đồn Làng Rả ở Sơn Liên và đồn Xôn Nút ở Sơn Dung, mỗi đồn một đại đội lính ngụy. Địch thường xuyên cho quân lùng sục vào làng bắt bớ, tra tấn, giết hại những đảng viên cộng sản và cả những người tình nghi là cộng sản; bắt thanh niên đi lính; cướp bóc, đốt phá tài sản, nhà cửa, hoa màu của nhân dân...

Các chi bộ Đảng đã chỉ đạo đưa dân vào rừng sâu, bất hợp tác với địch; chỉ lực lượng du kích tự vệ xã thôn tăng cường bố phòng, tuần tra canh gác, bám đánh địch; giáo dục động viên cán bộ, đảng viên, du kích và đồng bào đoàn kết một lòng kiên quyết chống

trả mọi hành động của địch, thể không đội trời chung với Mỹ - Diệm và bè lũ tay sai của chúng, giữ vững khí tiết cách mạng nếu bị địch bắt. Vốn đã có truyền thống bất hợp tác với mọi loại kẻ thù, lại được Đảng giáo dục, nên đồng bào ở đây càng nhận biết rõ: mọi lời nói việc làm của kẻ địch đều là âm mưu xấu, phải kiên quyết chống lại. Đồng bào chỉ ăn muối, uống thuốc của cán bộ, chiến sĩ ta đưa đến, còn muối, thuốc của địch đưa thì nhất quyết không dùng, cho là “giở trò lừa phỉnh, mua chuộc”. Với tinh thần đó, nhiều phen đồng bào đã làm thất bại những mưu ma kế quỷ của địch.

Những tháng đầu năm 1957, địch lùng bắt 7 cơ sở ta đưa về thị xã giam cầm, tra tấn, nhưng không một ai khai báo với địch. Anh Đinh Bun còn công khai tố cáo địch phá hoại cuộc sống yên lành của nhân dân Ca Dong. Bọn cai ngục tra khảo anh đến chết. Trước khi chết, Đinh Bun còn gắng sức hô to “Hồ Chủ tịch muôn năm”. Còn các anh Đinh Đen, Đinh Điều, Đinh Đứng, Đinh Trái, Đinh Búa... bị chúng nhốt vào tù. Các anh chẳng những không khai báo mà còn liên tục đấu tranh suốt trong ba năm tại nhà lao Quảng Ngãi, sau buộc địch phải thả các anh về.

Trong khi đó, nhân dân cùng du kích tự vệ ở địa phương tiếp tục đấu tranh với địch để giữ người, giữ nhà, giữ cửa không cho địch bắt, đốt, cướp. Nhiều ông, bà già đã nói thẳng với bọn chỉ huy và lính nguỵ: “Thời Việt Minh, người ta không giết người, bắt lính, cướp của, đốt nhà dân. Nay quốc gia làm những điều tội lỗi này, nên dân phải trốn tránh vào rừng sâu, khổ sở ốm đau, chết đường, chết nước, họ thù quốc gia lắm đó. Bọn bay chớ có chọc tức người Ca Dong”. Địch lúng vào thôn xóm bắt thanh niên đi lính, rình bắt những người cách mạng, chị Đinh Thị Riêng, Đinh Thị Văn đã huy động và dẫn đầu chị em phụ nữ đấu tranh giành giật với địch từng thanh niên, từng cán bộ bị bắt. Chị em đồng thanh la lớn : “Ở đây không có cộng sản”, “phản đối bắt lính”... làm cho địch chùn bước. Thế là vừa lý lẽ, vừa hù dọa; vừa đấu tranh chính trị vừa binh vận, đồng bào đã hạn chế được thiệt hại do địch gây nên. Đồn địch bị cô lập giữa biển nhân dân đầy căm hờn.

Từ tháng 3 đến tháng 10 - 1957, địch đã tiến hành tiếp bốn vụ bắt người. Tháng 3, chúng bắt 8 người ở xã Sơn Bao đưa xuống tỉnh giam cầm tra tấn, 6 người thoát ngục, còn 2 người bị địch tra tấn chết tại nhà lao Quảng Ngãi. Tháng 8, chúng bắt 12 người ở xã

Sơn Tinh đem về quận Sơn Hà tra tấn 12 ngày rồi thả. Tháng 9, chúng bắt ông Đinh Cha Hiền ở Sơn Mầu đưa xuống quận tra tấn rồi đưa xuống giam ở nhà lao Quảng Ngãi, ông Hiền đã chết trong nhà lao. Tháng 10, chúng lại bắt 4 người ở xã Sơn Tinh đưa xuống tỉnh tra tấn dã man, giết chết cả 4 người, trong đó có Đinh Gồ và Đinh Cha Vin là cơ sở của ta trong ngục quyền. Ngoài ra, địch còn cướp của nhân dân 133 con heo, trên 200 con gà và 18 gùi lúa ⁽¹⁾

Tình hình này không khác tình hình chung trong toàn tỉnh là mấy. Báo cáo chính trị của Tỉnh ủy tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III có đoạn viết “Từ cuối năm 1955 đến năm 1957 là thời kỳ khó khăn đen tối nhất của phong trào cách mạng tỉnh nhà. Mọi tư tưởng yêu nước, tình cảm thiêng liêng, quyền lợi tối thiểu, sinh hoạt lành mạnh của con người đều bị chà đạp” ⁽²⁾.

Giữa lúc phong trào cách mạng gặp khó khăn như thế, cán bộ và đảng viên tại địa bàn Sơn Tây được cấp trên truyền đạt tinh thần Nghị quyết 10 của Trung ương Đảng khóa II ra tháng 9-1956: “Giữ gìn và tích

(1)- Theo báo cáo tình hình miền tây Quảng Ngãi năm 1957 - Tài liệu lưu trữ tại bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh.

(2) Tạp chí Cờ Hồng của Tỉnh ủy Quảng Ngãi - Tlđd - trang 13.

trữ lực lượng, đấu tranh bền bỉ và lâu dài, chống phiêu lưu mạo hiểm, đồng thời chống thủ tiêu đấu tranh"⁽¹⁾.

Các chi bộ đã tổ chức học tập để quán triệt những nội dung cơ bản của văn kiện trên, liên hệ với thực tế tình hình địa phương để thấy được đúng, sai của mình thời gian qua và bàn cách vận dụng thực hiện đường hướng trên tại địa phương.

Tiếp thu sự chỉ đạo của Đảng, các chi bộ Đảng ở Sơn Tây đã lãnh đạo đấu tranh bằng vũ trang tự vệ để bảo vệ tính mạng tài sản nhân dân, bảo vệ lực lượng cách mạng. Cán bộ đi công tác được công khai mang súng và được quyền nổ súng để tự vệ khi cần thiết. Nhân dân được quyền dùng vũ khí để chống địch, bảo vệ ta.

Các chi bộ còn vận động và tổ chức nhân dân nhiều lần kéo đến đồn địch, có xã trưởng (người của ta bố trí) dẫn đầu, đấu tranh chống địch. Xã trưởng bảo với bọn chỉ huy đồn : “Quốc gia cho lính đến đây đóng đồn nói là để bảo vệ dân, cớ sao lại bắt người, đánh người, làm cho nhiều người phải chết ? Quốc gia có lính thì phải nuôi lính, cớ sao để lính đồn vào làng cướp lúa, bắt heo, bắt gà, phá phách nhân dân ? Dân không làm ăn được. Đồn đã nhiều lính, cớ sao còn ví

(1)- Khu V-30 năm chiến tranh giải phóng, tập II - Sdd - trang 38

bắt thanh niên vào lính, thanh niên chạy trốn vào rừng, cha mẹ vợ con nó ở nhà đói. Tất cả việc ấy, dân làng bắt đền xã trưởng, chúng tao lấy gì đền, nên đưa họ đến đây bắt đồn đền cho họ. Hàng trăm đồng bào giờ cao giáo, mác đồng thanh : Phải đó ! Phải đó ! Đền đi ! Đền đi ! Bọn chỉ huy rồi rít xin lỗi, hứa sẽ điều tra và đánh phạt lính nào đi ăn cướp, hứa sẽ không bắt thanh niên đi lính nữa.

Được lời như cời tấm lòng, đồng bào kéo về, còn để lại câu đe dọa: Lời hứa chém đất đày. Thế là ngày nào cũng có người lên đồn báo mất heo, mất bí, mất gà, mất mít. Bọn lính thì đưa này đồ tội cho đưa khác. Vụ nào chúng cũng phải đưa muối, gạo đền cho dân. Cuộc đấu tranh kéo dài hai, ba tháng. Thanh niên trong núi vác giáo, mác kéo về làng đi khắp nơi với hình thức hoan hô lính đồn không bắt lính, nhưng thực chất là biểu dương khí thế cách mạng của quần chúng. Một số lính địch đi lẻ vào làng, bị tên ở hốc cây, bờ suối bắn găm vào quần áo với lời nhắn : “Chúng tôi chỉ bắn cảnh cáo, nếu còn cướp phá nhân dân, chúng tôi sẽ diệt”. Có những đêm làng này hoặc làng khác nổi đuốc sáng rực, trống, mõ, tù-và rền vang cùng với tiếng la hét của đồng bào : “Cướp, cướp, cướp, bắt cướp”.

Không chịu nổi sức ép của nhân dân, cộng vào đó, việc tiếp tế từ Hà Thành, Di Lăng cho bọn địch ở đây không dễ, nên vào khoảng cuối năm 1957, bọn địch ở hai đồn Làng Rả và Xôn Nít tháo chạy xuống vùng thấp Sơn Hà.

Về tình hình này, báo cáo số 303 ngày 22-3-1957 của Tỉnh trưởng nguy quyền Quảng Ngãi viết : “Một bộ phận lực lượng bán quân sự của Việt cộng ở quận Sơn Hà, dưới quyền chỉ huy của tên Việt cộng đầu sỏ Đinh Nhá (tức Chánh Nhá) đang hành trưởng là một mối lo ngại cho chính quyền cơ sở của ta ở miền Thượng” ... “Những nơi có Việt cộng hoạt động như làng Men, Huy Măng, Gò Vành, Làng Rcn...” (1)

Như vậy, mặc dù địch cố đưa quân lên Sơn Tây đóng hai đồn khoảng một năm, gây cho ta một số khó khăn nhất định, nhưng chúng vẫn không kìm kẹp được dân. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cấp trên, sự chỉ đạo trực tiếp của các chi bộ địa phương, nhân dân Sơn Tây đã đuổi địch ra khỏi vùng đất của mình đưa phong trào cách mạng tiếp tục phát triển.

(1)- Tài liệu của Cục lưu trữ Trung ương II, đang lưu trữ tại bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ngãi. Địch sợ uy thế Chánh Nhá nên viết vậy, thực ra đồng chí Đinh Nhá đã tập kết ra Bắc từ cuối năm 1954.

Để thuận tiện cho việc lãnh đạo và chỉ đạo phong trào, tăng cường mở rộng xây dựng vùng căn cứ địa cách mạng cho cả tỉnh, ngày 20 - 7 - 1957, Tỉnh ủy quyết định tách 10 xã vùng cao Sơn Hà (Sơn Liên, Sơn Mùa, Sơn Bao, Sơn Tinh, Sơn Dung, Sơn Mầu, Sơn Long, Sơn Bua, Sơn Tân, Sơn Lập) thành lập Khu Bảy, một đơn vị hành chính tương đương cấp huyện, trực thuộc tỉnh. Trong điều kiện chưa tổ chức được đại hội Đảng bộ, Tỉnh ủy quyết định thành lập Ban cán sự Đảng Khu Bảy gồm các đồng chí Đinh Cày, Đinh Nía (Phó Nía), Đinh Văn Bình (Nan) và chỉ định đồng chí Đinh Cày làm bí thư.

Ban cán sự Đảng Khu Bảy đã khẩn trương sắp xếp bộ máy, bố trí cán bộ theo tổ chức mới và đề ra chủ trương, kế hoạch, biện pháp xây dựng Đảng, xây dựng cơ sở cách mạng trong thanh niên và lãnh đạo phong trào cách mạng của quần chúng trên địa bàn. Việc xây dựng vùng căn cứ địa đã có bước phát triển mới sau khi Khu Bảy được thành lập.

Phòng quân báo của ngụy quyền Quảng Ngãi đã nhận xét: “Một số cán bộ chủ trì của Việt cộng cùng các toán vũ trang di động khắp địa phương Sơn Hà để... lũng đoạn, cảm hóa dân Thượng, khiến dân Thượng tiếp tay hoặc trung lập, để chúng mặc nhiên

ấn nấp hoạt động ở địa phương, với dự định đặt vùng Thượng du là một căn cứ với sự ủng hộ hậu thuẫn của đồng bào Thượng”... “Đỉnh Cày, cựu cán bộ quân sự Việt cộng, nay là thành phần cán bộ xây dựng miền tây, cùng với số Thượng cộng hoạt động xây dựng cơ sở Thượng vận tại các vùng núi cao Sơn Hà”... ⁽¹⁾.

Với tài liệu đã dẫn, chứng tỏ hoạt động của các tổ chức Đảng, thực lực cách mạng, phong trào đấu tranh của quần chúng ở Khu Bảy đã phát triển mạnh trong năm 1957 và cũng chứng tỏ địch đã hoang mang lo sợ trước tình hình này.

Để chuẩn bị đối phó với âm mưu thủ đoạn của địch cần quét đánh phá vùng căn cứ của ta, đồng thời để xây dựng phát triển thực lực cách mạng lâu dài, nam nữ thanh niên Khu Bảy được sự hướng dẫn của các chi bộ Đảng đã tự nguyện “thoát ly” theo Đảng; kéo nhau vào núi để lập các “trại bí mật” chống Mỹ - Diệm. Ban cán sự Đảng Khu Bảy hướng dẫn thanh niên tổ chức thành từng đoàn, phân công khu vực dựng trại ở những nơi có địa thế tốt. Trại lớn nhất là trại Hà Rúc ở Sơn Liên. Thanh niên ở các trại bí mật này đã tổ chức sản xuất, học văn hóa, chính trị, luyện

(1)- Trích báo cáo số 243 ngày 23-8-1957 của thiếu tá Nguyễn Đình Mai, tiểu khu trưởng Quảng Ngãi, Tài liệu của Cục lưu trữ Trung ương II, đang lưu trữ tại bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ngãi.

tập quân sự, tự tạo vũ khí thô sơ... Họ trở thành lực lượng xung kích của phong trào cách mạng địa phương, luôn bám sát quê hương, đảm đương các nhiệm vụ liên lạc, trinh sát, bố phòng, bảo vệ cơ quan và cán bộ, tuyên truyền vận động nhân dân tham gia chống Mỹ Diệt.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Khu Bảy đã chỉ đạo toàn Đảng bộ bám sát, nắm và giải quyết kịp thời các diễn biến tư tưởng của đảng viên và quần chúng, phát động và tổ chức quần chúng sẵn sàng đấu tranh với địch để bảo vệ quyền lợi hàng ngày, bảo vệ cán bộ; dựa vào phong tục tập quán đồng bào dân tộc và lực lượng các trại bí mật, tổ chức các “nhóm trả đầu” để giữ thế vũ trang tự vệ, diệt ác, trừ gian, kết hợp hỗ trợ cho đấu tranh chính trị, giữ vững và phát triển phong trào...

Tập tục “trả đầu” phục thù ngày xưa ⁽¹⁾ sau Cách mạng Tháng Tám 1945 đã xóa bỏ, nay mang tinh thần và nội dung mới - nội dung cách mạng - phù hợp nguyện vọng nhân dân. Được Đảng cho thành lập các

(1) Trước năm 1945, các dân tộc sống trong tâm tối thù hằn. Bọn gian ác hay đi giết người làng khác, dân tộc khác để cướp của, bắt nô lệ. Những làng có người bị giết, dân làng họp nhau lại cử những trai tráng khỏe mạnh đi đòi “trả đầu”. Mỗi lần ra đi và mỗi khi trở về đều đâm trâu, giết heo uống rượu ăn thịt, hú chách cho núi rừng, mả mà ông cha nghe biết.

nhóm “trà dầu”, nhân dân rất phấn khởi. Hoạt động của các nhóm Vối Quít, Cha Cà, Cha Trớt ở Sơn Hà đã gây tiếng vang đến Khu Bảy. Ở Khu Bảy lúc này có “binh Chánh Nhá”, “binh Phó Nía”, “binh Vá Ra” đã phối hợp với “binh Cả Trươn” ở Trà Bồng, “binh Chánh Khanh” ở Ba Tơ...⁽¹⁾ hoạt động mạnh ở vùng cao, từng bước tạo nên thế trận liên hoàn chống Mỹ Diệm trên toàn miền tây Quảng Ngãi, gây thanh thế lớn cho cách mạng, làm cho kẻ địch hoang mang lo sợ.

Năm 1958, Ban cán sự Đảng Khu Bảy tiếp thu và triển khai thực hiện “Đề cương cách mạng miền Nam” do đồng chí Lê Duẩn, ủy viên Bộ chính trị, phụ trách miền Nam dự thảo, từ Trung ương cục gửi ra: “Mục đích cách mạng miền Nam là phải đánh đổ chính quyền địch. Để chống lại Mỹ Diệm, nhân dân miền Nam chỉ có con đường cách mạng, ngoài con đường cách mạng không có con đường nào khác... Toàn bộ các mặt hoạt động là nhằm đưa quần chúng tiến dần từng bước đến chỗ vùng dậy dùng bạo lực

(1)- Chánh Nhá, Phó Nía, Cả Trươn, Chánh Khanh nguyên là những cà rá có uy tín, đã giác ngộ cách mạng, đứng trong hàng ngũ của Đảng. Đồng chí Đình Trươn có lúc là Tỉnh ủy viên Quảng Ngãi, Bí thư Huyện ủy Trà Bồng, Đình Khanh có lúc là Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ. Ta vận dụng uy tín của những cà rá này để tập hợp lực lượng, tuy có những người đã tập kết ra Bắc.

lật đổ bọn thống trị”⁽¹⁾. Nghị quyết hội nghị tháng 2-1958 của Tỉnh ủy còn chỉ rõ :

- Đối với miền núi, đẩy mạnh việc xây dựng vùng căn cứ du kích mà trung tâm căn cứ là Trà Bồng, Ba Tơ, Sơn Hà⁽²⁾. Động viên, tổ chức các đội vũ trang tự vệ ở các xã. Bằng mọi cách vô hiệu hóa chính quyền nguy ở các địa phương. Kết hợp ba hình thức đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp và bất hợp pháp.

- Riêng những thôn xã vùng cao, khi tình hình thuận lợi và đã có thời cơ, có thể tiến hành khởi nghĩa xóa bỏ chính quyền địch, xây dựng chính quyền nhân dân tự quản và tiến hành chiến tranh nhân dân...

- Rút thanh niên lên vùng cao, lập các đơn vị vũ trang, tổ chức đào súng đạn trước đây đã chôn giấu, trang bị cho các đơn vị tự vệ bố phòng ở miền núi, xây dựng hành lang đồng bằng... miền núi... Cần đưa thanh niên ở đồng bằng lên miền núi để bổ sung cho lực lượng vũ trang và đưa những cán bộ có kinh nghiệm trên căn cứ bổ sung về cho đồng bằng để tổ chức các tổ công tác thọc sâu diệt ác ôn.

(1)- Nam trung bộ kháng chiến, 1945 - 1975 - Viện lịch sử Đảng và hội đồng biên soạn lịch sử NTBKC 1992 - trang 274.

(2) Sơn Hà bao gồm cả Khu Bảy, đáng lẽ tài liệu phải ghi rõ Khu Bảy vì nó được thành lập từ tháng 7 - 1957.

- Đối với những quận lỵ ở miền núi và những xã vùng thấp, chính quyền địch còn mạnh, đưa người của ta vào hoạt động và nắm chính quyền để giữ thế hợp pháp cho quần chúng, đẩy mạnh đấu tranh chính trị.

- Phát triển kinh tế tự túc, xây dựng cơ sở vật chất, thành lập những đội nông binh, chuẩn bị dự trữ lương thực, muối, gạo, vải, thuốc, nông cụ... ít nhất là ba năm.

Có thể nói “Đề cương cách mạng miền Nam” và nghị quyết tháng 2-1958 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi là nghị quyết tích cực chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Từ sau nghị quyết này vấn đề chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa được đẩy mạnh ở khắp các địa phương trong tỉnh, nhất là các huyện miền núi⁽¹⁾. Từ hội nghị này, cả Khu Bảy và các xã vùng cao Trà Bồng, Ba Tơ gọi là vùng A (trung tâm căn cứ cách mạng của tỉnh).

Triển khai thực hiện nghị quyết trên và cả nghị quyết tháng 5 - 1958 của Tỉnh ủy, Đảng bộ Khu Bảy đã trực tiếp chỉ đạo đưa mọi mặt công tác tại địa phương phát triển lên một bước mới.

(1)- Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm - Sdd - trang 163, 164.

Về xây dựng Đảng đã phát triển được hàng chục đảng viên mới. Riêng xã Sơn Dung tháng 4 - 1958 đã phát triển được các đồng chí Lê Văn Đường, Đinh Thang, Đinh Quảng, Đinh Bờ Rao. Xã nào cũng có chi bộ được củng cố vững chắc, bầu được bí thư, giữ được sinh hoạt, giữ được vai trò lãnh đạo nhân dân trong xã. Các xã đều có chi đoàn thanh niên, lực lượng hậu bị của chi bộ Đảng, lực lượng nòng cốt trong dân quân du kích xã thôn; chi hội phụ nữ và chi hội nông dân, lực lượng chủ lực trên mặt trận sản xuất và đóng góp cho cách mạng.

Về sản xuất, các thôn xã đều lập hội sản xuất. Hầu hết hội đoàn viên đều tham gia vào hội sản xuất. Mỗi xóm có một tổ từ 7 đến 15 người (quá 15 người thì chia thành hai tổ). Đảng viên và những người sản xuất giỏi được bầu làm tổ trưởng. Từng tổ có chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất và đóng góp cho cách mạng. Nhờ đặt mạnh chỉ đạo sản xuất, nên nhân dân các xã đều có đủ lương thực và thực phẩm chi dùng : 2/3 số thôn xã còn mang đi trao đổi với các nơi. Lương thực dự trữ chủ yếu là mỳ. Xã nào cũng có những rẫy mỳ dự trữ cho cách mạng.

Khó khăn của Khu Bảy là dự trữ muối. Số muối dự trữ từ năm 1954 đã hết. Trong khi đó, địch luôn bao

vây Khu Bẩy, không cho thương lái mang muối lên. Có lúc mỗi người mỗi tháng chỉ có một ít muối. Có cơ quan, đơn vị phải dùng nắp dầu cù là để đóng phần muối hằng ngày cho cán bộ, chiến sĩ. Có cán bộ phải kiểm điểm trước tập thể vì lỡ lấy ăn một hạt muối của nhà bếp giữa lúc đang run chân mồ măt. Có một bài thơ về muối như sau :

*Đợi chờ muối lắm muối ơi !
Chắc rằng muối ở phương trời nhớ ta.
Đây về vùng biển không xa,
Cách gần đồn giặc vài ba ngày đường.
Không lên không phải không thương,
Không lên nhưng trắng đêm trường đợi nhau...
Ngày mai bờ biển sẽ về ta,
Muối Sa Huỳnh bạc rắc ánh sao sa,
Ta nằm trên muối, lăn trên muối,
Xát khắp toàn thân thật mặn mà... (1)*

Để phục vụ cho sự chỉ đạo của cấp trên và bảo đảm thông tin liên lạc trên xuống, dưới lên, Tỉnh ủy chỉ thị cho Khu Bẩy lập một trạm giao liên gọi là trạm 5 (lần lượt đặt ở Nước Tút, Làng Ngo, Nước Mùn ở

(1) - Thơ của Thu Bốn.

Sơn Bua) do đồng chí Huỳnh Trầm phụ trách. Hàng chục nam nữ thanh niên Khu Bảy được chọn vào đội ngũ giao liên. Anh chị em đã không ngại nắng mưa, lũ lụt, núi cao, suối sâu, luôn luôn bảo đảm chuyển giao kịp thời tài liệu, báo chí cho các cơ quan, đơn vị, đón đưa cán bộ an toàn. Anh chị em đã dùng rựa làm dấu trên cây rừng để nhớ đường; rải lá khô sau khi đi qua để không lộ hành lang.

Giữa năm 1958, Liên khu ủy V họp đề ra phương hướng : Xây dựng Tây Nguyên và miền núi các tỉnh thành căn cứ địa cách mạng, xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang ở miền núi để làm nhiệm vụ tự vệ, bảo vệ căn cứ, bảo vệ cán bộ. Khôi phục phong trào đồng bằng. Dùng vũ trang phối hợp với đấu tranh chính trị tiêu diệt bọn Mỹ để khơi động tinh thần dân tộc chống Mỹ, diệt bọn phản động để tranh thủ bọn lưng chừng, diệt bọn đầu sỏ bên trên để lay chuyển bọn bên dưới ⁽¹⁾

Ngày 7-7-1958, Tỉnh ủy tổ chức đại hội đoàn kết các dân tộc toàn tỉnh tại Gò Rô, xã Trà Phong, huyện Trà Bồng. Đây là “đại hội Diên Hồng” chống Mỹ, cứu nước của nhân dân các dân tộc anh em ở Quảng Ngãi. Phó Nía từ Khu Bảy đến đại hội với truyền

(1)- Nam Trung bộ kháng chiến 1945 - 1975, Sđd- trang 275, 276 ghi là trích dự thảo Nghị quyết Liên khu ủy V giữa năm 1958.

thống mấy đời chống ngoại xâm; Đinh Cày (tức Lãnh) người dân tộc Hrê là một trong đội ngũ lãnh đạo kiên cường và một số cán bộ trung kiên hết mực của các dân tộc anh em Kinh, Ca Dong, Co, Hrê ở Khu Bảy, đem đến cho đại hội tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc miền tây Quảng Ngãi...

Đại hội phản ánh nguyện vọng nhân dân các dân tộc : Phải đánh Mỹ Diệt sớm chừng nào hay chừng ấy. Chúng nó như cây chùm gối, để lâu mọc nhiều rễ, khó đốn. Có cách mạng, có Bác Hồ lãnh đạo, Kinh - Thượng đoàn kết cùng đánh thì nhất định thắng. Nếu không đánh thì không đoàn kết được nhân dân, không thể bảo tồn lực lượng. Đại hội kêu gọi toàn dân đoàn kết chung quanh Đảng, vì nợ nước thù nhà kiên quyết chống Mỹ Diệt đến cùng, ra sức bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ, ra sức sản xuất và bố phòng bảo vệ nương rẫy, chuẩn bị lương thực thực phẩm để kháng chiến lâu dài, xóa bỏ mê tín dị đoan, không để ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất và hoạt động cách mạng; kêu gọi những người trong chính quyền địch và binh lính ở các đồn trở về với nhân dân ⁽¹⁾.

Tinh thần nghị quyết mới của Liên khu ủy V và hội nghị Gò Rô truyền thêm cho Đảng bộ và nhân

(1)- Phạm Thanh Biển, Nguyễn Hữu Nghĩa - Sdd - trang 49,50.

dân các dân tộc Khu Bảy ý chí cách mạng tiến công. Thanh niên rủ nhau vào trại bí mật càng đông, nhiều tổ du kích được hình thành. Nhiều rẫy mỳ, rẫy bắp, rẫy lúa cách mạng trải dài trên các sườn núi. Những kho dự trữ lương thực bí mật được dựng lên. Những lò rèn được lập ra để sản xuất nông cụ và vũ khí thô sơ. Nhân dân bí mật làm chông ba lá, chông bẫy, chông chùm, chông bay, thò đơn, thò liên đoàn... nhằm bảo vệ vùng căn cứ, trừng trị bọn địch đi lùng sục, càn quét... Các hoạt động vũ trang tuyên truyền, phát động quần chúng, diệt ác trừ gian... đều lấy danh nghĩa “binh Phó Nía”. Có lần, đồng chí Đỗ Minh Toại (nguyên Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi) ở binh vận khu về Sơn Hà cùng đồng chí Lê Ban (nguyên Bí thư Huyện ủy Sơn Hà 1978 - 1991) lấy danh nghĩa “binh Phó Nía” gọi loa vào đồn Di Lăng. “**Binh Phó Nía**” từ Khu Bảy nhiều lần xuống hoạt động ở vùng thấp Sơn Hà, có lúc kéo xuống Tĩnh Giang để hoạt động. “**Binh Phó Nía**” đã tham gia diệt một số ác ôn. Như “ngày 19-12-1958, Đinh Dưa, mật báo viên của đại đội 8 bảo an bị giết tại nhà riêng ở Hà Tây (tức Sơn Lăng - BT); Đinh Boá (tức Đinh Cha) thôn trưởng Long Phú, xã Hà Dung (tức Sơn Tinh - BT) bị giết tại nhà riêng bằng súng và mác” ⁽¹⁾. Nhiều cán bộ, cơ

(1)- Tài liệu của địch tại Cục lưu trữ Trung ương II - như đã dẫn.

sở cách mạng ở trung châu, đồng bằng đã chạy lên Sơn Tây tìm “binh Phó Nía” tức là tìm cách mạng, tìm Đảng, để được tiếp tục hoạt động ⁽¹⁾.

Bằng những hoạt động trên, chúng ta đã giữ vững quyền làm chủ cả Khu Bảy, góp phần tích cực vào việc xây dựng và bảo vệ khu căn cứ miền tây của tỉnh bao gồm 42 xã.

Cuối năm 1958, đồng chí Đinh Cày được điều động làm Bí thư Khu Sáu (năm 1965 gọi là huyện Sông Rho). Tỉnh ủy quyết định đưa đồng chí Trương Trí (tức Lê Văn Minh), Phó bí thư Huyện ủy Minh Long về làm Bí thư Ban cán sự Đảng Khu Bảy, đồng thời bổ sung một số đồng chí vào Ban cán sự, đưa số thành viên Ban cán sự Đảng Khu Bảy lên 5 người : Lê Văn Minh, Đinh Bình (người Ca Dong ở Sơn Bua). Đinh Qua (tức Phó Nía - người Hrê ở Sơn Tinh), Hoàng Thị Diệp (người Hrê ở Sơn Nham, từ miền Bắc mới về tháng 7-1958) và Lê Văn Đường (người Ca Dong ở Sơn Dung). Cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ được củng cố và tăng cường đã đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên mới, xây dựng và củng cố các chi bộ Đảng ở xã, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng hoạt động cho cán bộ cơ sở; tập trung sức lãnh đạo vận

(1)- Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà - Sdd-trang 150, 151.

động nhân dân đẩy mạnh sản xuất, chuẩn bị lực lượng, dự trữ lương thực thực phẩm phục vụ yêu cầu của cách mạng. Ban cán sự Đảng Khu Bảy đã cử hàng chục cán bộ đi học lớp bổ túc văn hóa đầu tiên do Tỉnh ủy mở tại Trà Quân và Trà Thọ (Trà Bồng) và mở ba lớp dạy văn hóa cho cán bộ xã để nâng cao trình độ, năng lực cho cán bộ.

Tháng 3 - 1959, Diệm tuyên bố “đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh” và “ngày 6-5-1959, Mỹ Diệm ra đạo luật phát xít 10/59” đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật. Phong trào đấu tranh chống Mỹ Diệm của nhân dân miền Nam Việt Nam đứng trước những thử thách ác liệt mới.

Tháng 5 và tháng 7-1959, địch tung sư đoàn 22 nguy mớ càn quét lớn lên miền núi Quảng Ngãi, trọng điểm là Trà Bồng và Khu Bảy. Ba tiểu đoàn địch đã đánh phá dài ngày ở Khu Bảy, gây thêm nhiều tội ác đối với nhân dân. Chúng giết người, cướp của, đốt nhà, phá hoại mùa màng của đồng bào ta. Trong trận càn này, một số đồng bào Khu Bảy đã bị địch giết. Có những người già đau ốm không chạy được bị chết thiêu trong nhà. Ông Đinh Lân bị địch bắn chết. Đồng chí Đinh Đấu (đảng viên thuộc chi bộ Sơn Dung) bị địch bắt. Đứng trước mũi súng của

hàng chục tên địch, đồng chí Đinh Dậu đã hiên ngang lôi từ trong ngực ra một lá cờ đỏ sao vàng phất cao lên và đồng dạc hô to : “Hồ Chủ tịch muôn năm - Đảng lao động Việt Nam muôn năm!”. Súng đạn địch đã làm đồng chí ngã xuống, nhưng tinh thần yêu nước, lòng dũng cảm, ý chí cách mạng bất khuất của đồng chí mãi mãi nêu cao, tỏa sáng trong lòng nhân dân các dân tộc Khu Bảy. Ông Đinh Lan, một cán bộ cơ sở ta, địch bắt được lấy gỗ đè lên ngực, rồi đập chết tại chỗ. Chúng còn bắt hàng chục người tra hỏi “Ai là cộng sản? Hiện đang ở đâu?”. Không một ai khai. Bà Đinh Thị Riêng chỉ một mực nói : “Ở đây không có cộng sản”. Cuối cùng địch phải thả về.

Ban cán sự Đảng Khu Bảy giải thích cho cán bộ, đảng viên và quần chúng thấy rõ : địch phải dùng đến những biện pháp phát xít, những lực lượng quân sự lớn, những thủ đoạn dã man nhất, chính là lúc chúng lâm vào thế suy yếu, đồng thời tuyên truyền sâu rộng trong đảng viên và nhân dân tấm gương hy sinh anh dũng của đồng chí Đinh Dậu. Đi đôi với công tác chính trị tư tưởng, Ban cán sự Đảng trực tiếp chỉ đạo các lực lượng chính trị và “binh Pháo Núi” liên tục tấn công vào các toán quân càn quét của địch, diệt và bắt được một số tên địch. Có lúc có nơi, du kích và đồng bào ta bằng bẫy đá, chông thò phối hợp đánh

địch suốt ngày. Anh Đinh Thanh ở miền Bắc mới về, có súng tiểu liên, chận đánh địch hết một băng đạn. Sau đó bị phê bình, anh cất tiểu liên, tự tạo súng bắn phát một để đánh địch. Thanh niên, du kích bắt chước Đinh Thanh làm nhiều súng tự tạo để đánh địch. Quân dân Khu Bảy đã phối hợp với các huyện bạn, có đơn vị 339 hỗ trợ (đơn vị vũ trang cách mạng đầu tiên của Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ, do Tỉnh ủy thành lập vào ngày 3-3-1959 tại Trà Bồng) đã bẻ gãy cuộc càn quét của địch, buộc chúng phải rút quân, chỉ để lại một lực lượng đóng đồn ở Di Men và Xôn Nít, hòng khống chế nhân dân, kiểm soát hành lang Sơn Hà - Kon Tum.

Giữa lúc cuộc đấu tranh giữa ta và địch đang giằng co quyết liệt, Đảng bộ và quân dân Khu Bảy được cấp trên phổ biến tinh thần nội dung nghị quyết 15 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa II (họp vào tháng 1-1959). Nghị quyết 15 đã xác định:

“Con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân”, “... cuộc khởi nghĩa của nhân dân miền Nam cũng có khả năng chuyển thành cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ. Trong tình hình đó, cuộc đấu tranh sẽ chuyển sang một cục diện mới là : chiến

tranh trường kỳ giữa ta và địch và thắng lợi cuối cùng nhất định về ta” (1)

Đây là một bước ngoặt lớn, vạch rõ đường lối, phương hướng, phương châm cách mạng miền Nam, một lối đi đúng đắn cho quần chúng cách mạng đang khao khát độc lập tự do.

Tại hội nghị Tỉnh ủy tháng 7-1959 học tập và bàn kế hoạch thực hiện nghị quyết 15, Tỉnh ủy khẳng định: “Nếu có điều kiện thì vùng cao trà Bồng và vùng cao Sơn Hà có thể là nơi nổ ra cuộc khởi nghĩa đầu tiên và từ đó cuộc nổi dậy có thể lan ra khắp núi rừng miền Tây” (2).

Ban cán sự Đảng Khu Bảy đã tổ chức học tập triển khai nhanh tinh thần nội dung của nghị quyết trên trong toàn Đảng bộ và lực lượng nòng cốt của cách mạng tại địa phương. Phong trào cách mạng ở Khu Bảy cùng với toàn tỉnh, như nắng hạn gặp mưa rào, “Đảng cho đánh rồi” như một luồng điện chạy đến mọi người, gây niềm phấn khởi tin tưởng vô hạn, thổi bùng lên khí thế cách mạng của quần chúng (3).

(1)- Lịch sử Đảng CSVN tập II 1954 - 1975 - Sdd - trang 102.

(2) - Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm - Sdd - tr.181.
Núi vùng cao Sơn Hà là nói đến Khu Bảy.

(3)- Trích báo cáo chính trị của Tỉnh ủy tại đại hội đại biểu lần thứ III Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (trong kháng chiến chống Mỹ) họp tháng 10-1968 - Tạp chí Cờ Hồng, số đặc biệt về đại hội-Nxb Giải phóng Quảng Quảng Ngãi - 1968 - trang 14.

Ngày 19-8-1959, tại thôn Tà Ngôm, xã Sơn Lập, Ban quân sự Tỉnh ủy phối hợp với Ban cán sự Đảng Khu Bảy tiến hành thành lập đơn vị vũ trang tập trung thứ hai của tỉnh mang tên đơn vị 89, gồm 36 chiến sĩ (có 4 chiến sĩ người Kinh, 32 chiến sĩ người Ca Dong và Hrê), trang bị hai trung liên, một số tiểu liên và súng trường, đứng chân hoạt động ở khu vực Sơn Hà.

Lúc này địch ráo riết chuẩn bị bầu cử Quốc hội khóa II của Mỹ Diệm vào ngày 30-8-1959. Theo chỉ thị của Diệm Nhu, ngụy quyền Quảng Ngãi ra lệnh cho ngụy quyền Sơn Hà “phải dồn cho được 100% cử tri đi bỏ phiếu. Ai không đi bầu sẽ bị giết, nhà bị đốt”.

Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Khu Bảy chủ trương và phân công nhau đi sát cơ sở hướng dẫn nhân dân tẩy chay bầu cử của địch, lãnh đạo các xã chuẩn bị lực lượng quần chúng để chống trả địch nếu địch ra mặt khủng bố. Còn nếu địch nhượng bộ thì vẫn giữ hòa hoãn với chúng để chuẩn bị tốt cho vũ trang khởi nghĩa.

Ở Trà Bồng, địch đã dùng súng đạn bắt ép nhân dân đi bầu cử vào ngày 28-8-1959, sớm hơn hai ngày so với các nơi khác. Khởi nghĩa đã nổ ra ở Trà Bồng. Khí thế đồng khởi, diệt tề, trừ gian, lật đổ ngụy quyền

xã thôn ở Trà Bồng đã lan nhanh đến Khu Bảy, làm cho tinh thần chống Mỹ Diệt của Đảng bộ và quân dân Khu Bảy càng dâng cao.

Giữa lúc đó, lính địch ở hai đồn Di Men và Xôn Nít bắt ép cử tri Khu Bảy phải xuống tận quận lỵ Sơn Hà, cách hai ngày đường, để bỏ phiếu bầu cử vào ngày 30-8-1959. Các xã trưởng (do ta bố trí) đã cùng nhân dân đấu tranh chống lại với nhiều lý do: xuống quận xa quá; nghèo đói không đi được; đi giữa đường gặp Việt cộng thì ai bảo vệ? Ngày 30-8-1959 chỉ một số rất ít người ở gần đồn phải đi cho có lệ, còn đại đa số nhân dân ra rẫy, vào rừng, chống đi bầu cử. Thanh niên các trại bí mật, các tổ du kích tự vệ đã cắm chông, gài bẫy khắp nơi và chuẩn bị lực lượng đánh trả địch nếu chúng lòng rắp, khủng bố.

Ngày 30-8-1959, không thấy cử tri vùng cao về quận bỏ phiếu và được tin nhân dân Trà Bồng khởi nghĩa, ngụy quyền Sơn Hà cho một đại đội từ quận lỵ lên Khu Bảy cùng quân đồn trú tại hai đồn Di Men và Xôn Nít khủng bố, đàn áp nhân dân ta. Khi chúng vừa đến xóm anh Thiết, xã Sơn Long, một số tên sa bẫy chông, thò. Số còn lại hốt hoảng chạy tán loạn, càng bị xóc chông, thò nhiều hơn. Địch phải khiêng số chết và bị thương kéo chạy về quận lỵ Sơn Hà.

Ban cán sự Đảng Khu Bảy đã kịp thời lãnh đạo nhân dân 10 xã đồng loạt nổi dậy, tuyên bố xóa bỏ ngụy quyền địch, giành quyền làm chủ về tay mình. Số lính địch ở hai đồn Di Men và Xôn Nít đang bị quần chúng bao vây, cô lập.

Theo nhận định và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Khu Bảy đã động viên tổ chức quân dân các xã chuẩn bị đánh địch càn quét phản kích trên qui mô lớn. Đơn vị 89 đã nhanh chóng triển khai làm nòng cốt cho du kích và nhân dân chuẩn bị chiến đấu chống địch.

Đúng như ta nhận định ngày 5-9-1959, địch từ quận lỵ Sơn Hà kéo lên cùng với quân đồn trú tại chỗ càn quét đánh phá Khu Bảy. Nhân dân đã thực hiện vườn không nhà trống, bố trí lực lượng chiến đấu trên tất cả các ngã đường. Đại đội địch đi lòng phía nam sông Rinh bị nhân dân Sơn Tinh, Sơn Dung chặn đánh phải tháo lui. Một cánh quân địch khác càn quét phía bắc sông Rinh cũng bị nhân dân Sơn Liên, Sơn Bao chặn đánh tới bờ. Địch chỉ đốt một số nhà dân ở các bìa xóm để trả thù cho hàng chục tên chết hoặc bị thương và đã hoảng sợ tháo chạy về quận lỵ Sơn Hà.

Nhưng ngay sau đó, ngày 7-9-1959, địch tung quân từ Trà My (Quảng Nam) vào, từ quận lỵ Sơn Hà lên

đánh phá Trà Bồng và Khu Bảy. Đảng bộ Khu Bảy đã động viên tổ chức quân dân trong khu phát huy thắng lợi vừa qua, phối hợp với quân dân Trà Bồng đánh trả quyết liệt các mũi tiến quân của địch ở dọc hai bên bờ sông Rinh. Dựa vào địa thế hiểm trở, du kích và nhân dân sử dụng chông, thò, bẫy đá, giáo mác, cung tên, cùng với bộ đội 89 đánh địch đạt hiệu quả cao. Bọn quân đồn trú trong các cứ điểm Di Men và Xôn Nít bị nhân dân và du kích bao vây, cắt tiếp tế, cắt nước uống, thường xuyên gọi loa kêu gọi đầu hàng gây cho chúng nhiều hoang mang. Nhân dân Sơn Dung, Sơn Tinh, Sơn Bao còn kéo vào đồn, cử đại biểu xuống tận quận lỵ Sơn Hà đấu tranh chống địch càn quét, khủng bố, đốt phá. Đình Cha Trường, xã trưởng Sơn Dung (do ta bố trí) gửi đơn xuống quận lỵ báo cáo : lính quốc gia lên càn quét đốt phá nên nhân dân bỏ chạy hết vào rừng. Nếu không càn quét, đốt phá, bắn giết nữa, nhân dân sẽ về làm ăn. Nếu còn càn quét, đốt phá, bắn giết nữa, nhân dân sẽ chạy lên gia nhập lĩnh Kon Tum (ngụy quyền Quảng Ngãi và Kon Tum đã từng tranh chấp vùng đất và dân ở đây). Lợi dụng thủ đoạn mị dân của địch, khuyến khích nhân dân trở về làng cũ làm ăn, đồng bào Ca Dong đã yêu sách đòi địch chấm dứt càn quét, đốt phá, đòi được cấp gạo, muối, vải, thuốc men, đòi được dùng

chông, thò, cạm bẫy để chống thú rừng, chống trộm cắp, bảo vệ nương rẫy, xóm làng... Sức mạnh đoàn kết và chính nghĩa của nhân dân đã buộc quận trưởng Sơn Hà nhượng bộ, hứa rút quân và chấp thuận giải quyết một số yêu sách của nhân dân. Các đòn tấn công chính trị, binh tế vận này đã góp phần làm suy sụp tinh thần nguy quân nguy quyền.

Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Đảng bộ và quân dân Khu Bảy đã giành được những thắng lợi quan trọng cả về chính trị, quân sự và binh tế vận; cùng các huyện bạn phối hợp hỗ trợ đặc lực cho Trà Bồng đánh bại cuộc càn quét lớn của địch, bảo vệ được thành quả của cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi.

Đi đôi với chỉ đạo bố phòng, đánh địch, bảo vệ vùng căn cứ giải phóng, các chi bộ đảng chọn lọc những quần chúng ưu tú kết nạp vào Đảng. Các chi bộ được xây dựng mạnh lên một bước. Các xã đều thành lập Ủy ban Nhân dân tự quản xã. Ủy ban nhân dân tự quản Khu Bảy được thành lập do đồng chí Đinh Qua (Phó Nía) làm chủ tịch. Đến cuối năm 1959, các đoàn thể quần chúng phát triển mạnh đều ở các xã. Ban cán sự Đảng Khu Bảy đã quyết định thành lập Ban chấp hành các đoàn thể cấp Khu và chỉ định đồng

chỉ lãnh đạo chung. Ban chấp hành thanh niên Khu Bảy do đồng chí Lê Văn Đường làm bí thư. Ban chấp hành phụ nữ do đồng chí Hoàng Thị Diệp làm hội trưởng. Ban chấp hành Hội sản xuất (Hội nông dân) do đồng chí Đinh Bình làm hội trưởng.

Từ đây, phong trào đấu tranh chống Mỹ Diệt của Đảng bộ và quân dân Khu Bảy chuyển sang một thời kỳ mới với một thế mới ngày càng vững chắc.

Như vậy, dưới ánh sáng các nghị quyết của Trung ương Đảng, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Khu ủy V và Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Đảng bộ Khu Bảy đã lãnh đạo quân dân Khu Bảy phối hợp nhịp nhàng với các huyện bạn làm nên cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi, phá vỡ thế ổn định tạm thời của chế độ Mỹ nguy, mở ra một vùng căn cứ giải phóng rộng lớn ở miền tây tỉnh ta kéo dài từ nam Trà My (Quảng Nam) đến bắc An Lão (Bình Định).

Khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi "mở đầu trang sử đấu tranh chính trị và vũ trang song song" ... "Nó là thắng lợi đầu lòng và đột xuất cổ vũ phong trào chung trong tỉnh, trong Khu phát triển mạnh mẽ" ... "Nó có giá trị lớn vì đã cung cấp được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc vận dụng nghị

quyết 15 không những ở Quảng Ngãi mà ở trong toàn khu”,⁽¹⁾

Tháng 12 - 1959, đoàn đại biểu của Đảng bộ Khu Bảy tham dự hội nghị quân sự các huyện miền núi do Tỉnh ủy tổ chức tại xã Sơn Bua. Qua hội nghị, lãnh đạo Khu Bảy đã trao đổi, học tập được những kinh nghiệm về chỉ đạo đấu tranh vũ trang hỗ trợ cho đấu tranh chính trị và tiếp thu phương hướng hoạt động vũ trang trong thời kỳ sau khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi.

Cũng trong tháng 12/1959, tại Sơn Mậu, Đảng bộ Khu Bảy mở đại hội lần thứ nhất⁽²⁾. 30 đại biểu tại đại hội đã nhất trí về đánh giá các mặt phong trào và nhận định tình hình địch ta trong Khu, quyết định những chủ trương biện pháp lớn để triển khai Nghị quyết của Tỉnh ủy, giữ vững và phát triển thành quả đã đạt được. Đại hội nhấn mạnh nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ là tích cực phát triển Đảng, xây dựng chính quyền tự quản và các đoàn thể quần chúng cách mạng, xây dựng và củng cố Đảng, bảo đảm tăng

(1)- Đồng chí Võ Chí Công, Bí thư Khu ủy V phát biểu tại đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (trong kháng chiến chống Mỹ) họp tháng 2-1960. Đã in trong tạp chí Cờ Hồng - Sđd - trang 15.

(2) Lịch sử Đảng bộ Sơn Hà - Sđd - trang 164-Theo đồng chí Trương Trí, đại hội họp vào ngày 6-1-1960.

cường vai trò lãnh đạo của Đảng bộ trên mọi mặt công tác; phát triển lực lượng vũ trang và phong trào nhân dân du kích chiến tranh, bảo vệ vững chắc vùng căn cứ giải phóng; đẩy mạnh sản xuất, thực hành tiết kiệm trong cứng tế để cải thiện đời sống nhân dân và đóng góp cho cách mạng, chăm lo đến sức khỏe và việc học hành của nhân dân... Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ Khu Bảy gồm 7 đồng chí ⁽¹⁾. Đồng chí Trương Trí (Lê Văn Minh) được bầu làm bí thư.

Đại hội đại biểu Đảng bộ khu Bảy là Đại hội Đảng bộ cấp huyện được tổ chức sớm nhất ở Quảng Ngãi trong kháng chiến chống Mỹ trong thời kỳ 1954-1959 đầy gay go, gian khổ, hy sinh; mở ra một thời kỳ đấu tranh mới đầy thử thách và triển vọng.

* *

*

TÓM LẠI, thời kỳ 1954-1959, tư tưởng chỉ đạo của Khu ủy V và Tỉnh ủy Quảng Ngãi đối với vùng cao Sơn Hà (vùng Ca Dong-Khu Bảy) là bảo tồn giữ vững lực lượng cách mạng, thành quả cách mạng trong 9

(1) - Một đồng chí người Kinh : Lê Văn Minh ; 3 đồng chí người Ca Dong: Đinh Bình (Sơn Bua), Lê Văn Đường (Sơn Dung), Đinh Bờ Lang (Sơn Mùa); 3 đồng chí người Hrê: Đinh Qua (Phổ Nía), Đinh Vinh ở Sơn Tinh, Hoàng Thị Diệp (Sơn Nam).

năm kháng chiến chống Pháp, giữ vững quyền làm chủ của nhân dân, chăm lo đời sống nhân dân, cùng với vùng cao Trà Bồng xây dựng thành trung tâm căn cứ cách mạng của tỉnh Quảng Ngãi.

Biến tư tưởng chỉ đạo trên thành hành động, cán bộ, đảng viên Khu Bảy đã tin tưởng, bám dựa vào dân, hòa mình trong quần chúng; xây dựng khối đoàn kết các dân tộc anh em, trên cơ sở đó mà bảo tồn và phát triển được thực lực cách mạng. Công tác động viên chính trị, giáo dục tư tưởng từ trong Đảng ra quần chúng được tiến hành thường xuyên, liên tục và có lúc phải quyết liệt nhằm phát huy mặt tốt, việc tốt, người tốt, đồng thời khắc phục các biểu hiện dao động, hữu khuynh, sợ hy sinh, ngại ác liệt, không dám xáp vào đấu tranh chính trị với địch và đấu tranh vũ trang đánh địch. Nhờ vậy, Đảng bộ Khu Bảy đã quán triệt và vận dụng đúng đắn, sáng tạo quan điểm quần chúng, quan điểm bạo lực, quan điểm cách mạng không ngừng và phương châm đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp, bất hợp pháp, chủ yếu là bất hợp tác với địch; đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang tự vệ, giữ vững thế cách mạng tiến công đánh địch, nhất là từ khi tiếp thu được nghị quyết 15 của Trung ương Đảng.

Trong thế bị địch bao vây bốn phía, Đảng bộ và quân dân Khu Bảy đã nêu cao tinh thần tự lực tự cường, dựa vào sức mình là chính. Nhờ đó, thực lực chính trị và vũ trang cách mạng được xây dựng ngày càng lớn mạnh; giữ vững được quyền làm chủ của nhân dân; động viên được phong trào, đẩy mạnh sản xuất để có lương thực thực phẩm bảo đảm đời sống cho nhân dân và đóng góp cho cách mạng.

Mỹ Diệm không thể thực hiện được việc “tổ cộng, diệt cộng” ở Khu Bảy, không thể lập được nguy quyền đích thực ở Khu Bảy. Bọn tay sai Mỹ Diệm ở tỉnh Quảng Ngãi, ở quận Sơn Hà không thể nắm được dân, kìm kẹp được dân ở Khu bảy. Đại diện xã (xã trưởng) Khu Bảy phần lớn do ta bố trí, số còn lại cũng đều do ta nắm cả. Lính nguy có đóng một vài đồn bót lẻ ở Khu Bảy và đã bị lực lượng quần chúng bao vây, đánh đuổi nhiều lần. Đồng bào các dân tộc Khu Bảy, già trẻ, gái trai đều tham gia cách mạng. Cán bộ thoát ly đến đâu, xóm nào, nhà nào là ở đó được nhân dân nuôi dưỡng và bảo vệ; cần người dẫn đường, đi liên lạc là có người làm ngay. Đây là một đặc điểm rất đặc biệt ở tỉnh Quảng Ngãi trong thời kỳ 1954 - 1959.

Thắng lợi này là nhờ Đảng bộ đã nghiêm chỉnh tiếp thu và vận dụng sáng tạo nghị quyết, chỉ thị của

cấp trên, đã phát huy truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân các dân tộc trong Khu và biết tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, chỉ viện, hợp đồng của cấp trên và các đơn vị, địa phương bạn.

Với những thắng lợi trên, Đảng bộ và quân dân Khu Bảy đã xây dựng Khu Bảy thành một trong những địa bàn quan trọng của trung tâm căn cứ cách mạng tỉnh Quảng Ngãi, góp phần làm nên cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi lịch sử, thành lập chính quyền tự quản và các đoàn thể cách mạng cấp huyện sớm nhất trong tỉnh, góp phần đẩy chế độ Mỹ nguy vào thế mất ổn định; mở ra một giai đoạn đấu tranh cách mạng mới, đẩy lùi địch từng bộ phận, đánh đổ địch từng phần, khởi nghĩa giành chính quyền cục bộ.

Chương sáu

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐÁNH THẮNG TẤT CẢ CÁC KIỂU CHIẾN TRANH CỦA ĐẾ QUỐC MỸ - GÓP PHẦN GIẢI PHÓNG TOÀN TỈNH, GIẢI PHÓNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ (1960 - 1975).

1- Tham gia đánh thắng chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ (1960 - 1965):

Sau thắng lợi của khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi, của đồng khởi Bến Tre và toàn miền Nam, từ năm 1960, phong trào cách mạng miền Nam có những bước phát triển mới.

Nhưng với bản chất ngoan cố, phản động, địch dùng nhiều biện pháp thâm độc hòng đối phó với phong trào cách mạng của nhân dân miền tây Quảng Ngãi, trong đó có Khu Bảy. Chỉ trong ba tháng đầu năm 1960, địch đã mở 52 cuộc càn quét từ một đại đội đến một trung đoàn đánh vào miền tây Quảng Ngãi hòng xóa bỏ thành quả cuộc khởi nghĩa, tái chiếm lại vùng đã mất về tay cách mạng. Chúng ráo

riết bao vây kinh tế, cấm việc đi lại mua bán giữa vùng cao và vùng thấp, triệt để kiểm soát với thủ đoạn “gạo đong từng lon, muối đếm từng hột”, hồng đẩy nhân dân vào cảnh đói khổ, buộc phải đầu hàng.

Lúc này, trên đất Sơn Hà địch có hơn 1.000 quân với đủ các sắc lính : cộng hòa, bảo an, biệt kích, dân vệ... có 15 cố vấn quân sự Mỹ chỉ huy. Ở Khu Bảy cuối năm 1959, địch rút chạy khỏi đồn Xôn Nít, còn đồn Di Men bị cô lập. Tháng 4-1960, địch đóng thêm đồn Bãi Mầu. Quân nguy ở quận lỵ thường tập trung cờ tiểu đoàn, có lúc cỡ trung đoàn, kéo lên phối hợp với quân đồn trú ở đồn Di Men, Bãi Mầu đánh phá vào Khu Bảy (trừ Sơn Bua địch không đến được). Nhiều ruộng rẫy, hoa màu của nhân dân dọc sông Rinh bị địch phá sạch. Nhiều nhà cửa của nhân dân ở Sơn Mùa, Sơn Bao, Sơn Long (Sơn Tân), Sơn Dung bị địch đốt đi đốt lại nhiều lần. Trong khi đó, hàng ngàn gia đình ở vùng thấp chạy lên vùng cao để lánh địch, gây thêm khó khăn cho vùng căn cứ Khu Bảy. Dân lánh cư ăn ở tạm bợ khắp rừng núi. Những kho lúa, rẫy mỳ dự trữ của dân đã cạn. Lúa, muối dự trữ của các trại thanh niên thoát ly, của đơn vị 89 đã phải xuất ra tiếp tế cho dân. Nhân dân lâm vào cảnh đói, lạt, ốm đau ngày càng nhiều.

Lúc này, Đảng bộ và nhân dân Khu Bảy nhận được lời kêu gọi của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Lời kêu gọi có đoạn viết :

“Đồng bào miền núi vì bị triệt phá làng mạc, bị chém giết hừa bãi, vì bị bức bách quá độ, căm thù Mỹ Diêm, đã đẩy nhân dân hàng chục làng bỏ nhà, chạy núi, chống lại.

“Bọn đồ tể Ngô Đình Diêm ôm chân Mỹ đã áp dụng nhiều thủ đoạn rừng rợn như chặt người làm ba khúc (Ba Ngạc, Ba Tơ), giết người xẻo tai, ăn thịt (Minh Long); đốt sống người cháy thiêu (Ca Dong - Sơn Hà).

“Là những người cộng sản, những người con trung thành của dân tộc, chúng tôi luôn luôn sát cánh cùng toàn thể đồng bào. Mấy năm nay, máu của nhiều đồng chí chúng tôi đã hòa lẫn cùng máu đồng bào là để giành từng chén cơm, manh áo, miếng đất cho nhân dân, ngăn chặn chiến tranh, giữ gìn hòa bình, đòi thống nhất độc lập cho Tổ quốc.

“Tỉnh ủy thiết tha kêu gọi toàn thể đồng bào đoàn kết, tin tưởng, quyết tâm chiến đấu đánh đổ chính quyền tay sai Ngô Đình Diêm, giải phóng miền Nam”. Cuối lời kêu gọi có khẩu hiệu: “Phản đối

chính sách khủng bố, bắn giết, triệt hạ làng mạc của đồng bào miền núi”⁽¹⁾

Lời kêu gọi được phổ biến đến nhân dân đã gây tác dụng phát động căm thù địch sâu sắc, từ đó đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống Mỹ Diêm.

Sau đó, cấp ủy Khu Bảy tiếp thu và triển khai thực hiện nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ nhất (trong kháng chiến chống Mỹ) họp vào tháng 2-1960: “Khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, đẩy mạnh mọi hoạt động du kích, vũ trang tuyên truyền thọc sâu vào lòng địch, diệt ác ôn, phá lỏng thế kẹp ở bên dưới, phá khu tập trung dân, hỗ trợ cho đồng bào đấu tranh. Ra sức phát triển và xây dựng thực lực cách mạng về mọi mặt”⁽²⁾. Các chi bộ phát triển đảng viên mới, tăng cường đảng viên vào hoạt động trong Ủy ban nhân dân tự quản, các đoàn thể quần chúng, đội du kích xã thôn, nhằm bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức này. Hàng chục thanh niên Khu Bảy đã được tuyển chọn chi viện cho tỉnh Kon Tum, góp phần xây dựng lực lượng vũ trang của tỉnh bạn.

(1)- Tài liệu lưu trữ tại bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Quảng Ngãi.

(2)- Phạm Thanh Biền, Nguyễn Hữu Nghĩa - Sđd - trang 91.

Thực hiện khẩu hiệu “người người vót chông, nhà nhà đặt chông”, đồng bào các xã tranh thủ làm hầm chông cam bẫy bao vây quanh các đồn địch. Công tác bố phòng xây dựng làng chiến đấu để chống địch, bảo vệ ta được đẩy mạnh. Trên các đường làng, đường rẫy có đủ các loại chông đu, chông đập, chông cố định, chông cơ động; bẫy đá, bẫy nước, bẫy trên cây, bẫy dưới đất, bẫy do người giật, bẫy tự động; thò đơn, thò liên hoàn một lúc phóng ra hàng chục mũi lao nhọn; ná bắn tên tẩm thuốc độc, chỉ cần trầy da địch lẫn ra chết tại chỗ; ná tự động bắn hàng chục mũi tên cũng một lúc, ná bắn tên mang lửa thiêu đốt đồn trại địch. Lực lượng du kích xã thôn phối hợp với lực lượng 89 của tỉnh phục kích, tập kích, liên tục tấn công địch. Nhiều trận, quân dân Khu Bảy đã buộc từng trung đội, đại đội địch đầy đủ vũ khí hiện đại phải mang đầu máu tháo chạy, hoảng hốt kêu lên : “Ghê quá, đá, tre cũng biết đánh nhau, cũng biết giết người. Ngược lên trời cũng thấy cái chết, nhìn xuống đất cũng thấy cái chết” (1).

Vừa đánh giặc giữ làng, đồng bào vừa thu mót lúa còn lại ở các rẫy để cứu đói và làm lúa giống. Có người đã hy sinh trong việc thu mót lúa quanh đồn

(1)- Lịch sử Đảng bộ Sơn Hà - Sđd - trang 171.

địch hoặc đang giăng co với quân địch đi càn. Việc nhường cơm xẻ áo giữa nhân dân vùng cao và vùng thấp, giữa cán bộ, chiến sĩ và nhân dân được thực hiện với bao tấm gương đầy xúc động. Việc sản xuất rau màu ngăn ngày được tranh thủ thực hiện ở nhiều nơi.

Bên cạnh đó, để giải quyết nạn thiếu dụng cụ nấu ăn cho nhân dân (do địch càn quét đập phá). Cấp ủy Khu Bảy chỉ đạo lập một tổ làm đồ gốm bốn người do ông Nguyễn Đình (người xã Tịnh Long, huyện Sơn Tịnh) phụ trách. Lúc đầu chưa có kinh nghiệm nhồi đất, làm bàn xoay... phải vừa làm vừa học. Sau mấy tháng, tổ làm đồ gốm đã sản xuất hàng ngàn nôi, niêu cho đồng bào các xã. Một tổ rèn cũng được lập ra để rèn dụng cụ sản xuất cho đồng bào. Một tổ đóng cối xay lúa, giảm nhiều công sức giã lúa của chị em phụ nữ. Nhân dân bảo nhau “Cán bộ Cụ Hồ giỏi, cái gì nó làm cũng được”.

Thiên tai, địch họa đã làm cho một số đồng bào ta mắc bệnh, nhất là sốt rét, kiết lỵ, đi lỏng, cúm... Thuốc men phòng trị bệnh tuy mậu dịch có cố gắng nhưng cũng không đáp ứng đủ. Cấp ủy đã chỉ đạo các xã vận động nhân dân tìm, trồng và dùng cây thuốc nam, dùng vỏ dền, củ nhăng, củ nghệ, củ gừng, củ

mài, rễ khai, lá trầu, các loại sâm... để sản xuất thuốc chữa bệnh cho nhân dân. Mỗi năm Khu Bảy sản xuất được hàng triệu viên thuốc nam các loại. Mỗi thôn xã đều cử người đi học y tá, cứu thương (do Ban dân y tỉnh đào tạo), tổ chức túi thuốc dân lập để chăm lo sức khỏe cho nhân dân. Có đợt 1.216 người mắc bệnh cúm, 1.500 người mắc bệnh kiết lỵ, hoặc hàng ngàn người đi lỏng, nhưng nhờ công tác y tế tốt nên đã ngăn chặn và điều trị khỏi.

Cấp ủy Khu Bảy còn tiếp tục cử hàng chục cán bộ cơ sở đi học các lớp bồi túc văn hóa do Tỉnh ủy mở nhằm nâng cao trình độ văn hóa và năng lực công tác cho cán bộ vùng văn cứ. Một số cán bộ và thanh niên Co, Hrê còn được tham gia học chữ Co, chữ Hrê, chữ Ca Dong. Các đồng chí Lê Văn Tư (tức Mã-người Nghĩa Lâm), Đinh Xuân Trâm, Y Bay, Quế đã đóng góp khá nhiều công sức nghiên cứu, dùng chữ La tinh phiên âm tiếng Co, Hrê ⁽¹⁾ báo cáo lên Ban tuyên huấn khu V và được Ban cho phổ biến để dạy cho đồng bào. Lần đầu tiên trong lịch sử của mình, dân tộc Co, Hrê, Ca Dong có chữ viết riêng. Các xã còn mở trường học cho con em mình. Việc này có tác động chính trị lớn, làm cho nhân dân các dân tộc anh em nức lòng phấn khởi.

(1)- 99% ngôn ngữ người Ca Dong ở Sơn Tây phát âm giống tiếng Hrê.

Cấp ủy Khu Bảy còn quyết định thành lập đội tuyên truyền văn nghệ của khu, tuyển chọn khoảng 10 thanh niên nam nữ biết đàn hát, trang bị một số nhạc cụ dân tộc, tập một số bài hát cách mạng và thường xuyên biểu diễn phục vụ đồng bào. Nhiều lần điệu cà lêu, cà chôi, ra nghệ, vơ lếch với nội dung mới, được sáng tác nhanh và phổ biến rộng khắp, góp phần động viên cổ vũ nhân dân hăng hái tham gia chống Mỹ Diêm. Chị Hoàng Thị Diệp là một trong những người sáng tác được nhiều bài hát cho đội.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, các mặt công tác xây dựng vùng căn cứ ngày càng đi vào chiều rộng và chiều sâu. Tinh thần cách mạng và ý thức dân chủ của đồng bào được nâng cao. Đảng bộ Khu Bảy đã phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng từ chính trị, quân sự, đến kinh tế, văn hóa xã hội.

Để nhỏ các đồn bót địch, làm cho Khu Bảy trở thành một vùng căn cứ hoàn chỉnh, được cấp trên chi viện lực lượng và vũ khí, cấp ủy Khu Bảy đã huy động phần lớn lực lượng vũ trang và chính trị địa phương, siết chặt vòng vây quanh các đồn địch, liên tục bắn tỉa, không cho địch vào làng cướp phá, kiếm ăn, chặn đường đánh quân tiếp viện và tiếp tế từ Komplong xuống, Sơn Hà lên, phát loa gọi hàng. Sau

một tháng bị ta bao vây tấn công, cuối tháng 8/1960, bọn địch ở đồn Bãi Mầu tháo chạy về Di Lăng.

Hưởng ứng phong trào đồng khởi toàn miền Nam, theo sự chỉ đạo của Khu ủy V và Tỉnh ủy Quảng Ngãi, tháng 10/1960, cấp ủy Khu Bảy huy động lực lượng toàn khu tiếp tục bao vây đánh đuổi địch huộc địch phải bỏ đồn Di Men tháo chạy xuống Di Lăng. Đến cuối tháng 10/1960, Khu Bảy đã quét sạch đồn bót địch, thực sự trở thành một vùng căn cứ hoàn chỉnh của tỉnh và của Khu V.

Cuối năm 1960, Đảng bộ Khu Bảy được truyền đạt tinh thần nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (họp tại Hà Nội vào tháng 9/1960): “Nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là “Đoàn kết toàn dân kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của Đế Quốc Mỹ, thiết lập một chính quyền liên hiệp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, các quyền tự

do dân chủ và cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới” (1)

Sau đó, Đảng bộ và quân dân Khu Bảy được tin ngày 20-12-1960, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra đời, thông qua tuyên ngôn và chương trình hành động 10 điểm, cụ thể hóa đường lối cách mạng miền Nam nêu trong nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III.

Nghị quyết của Đại hội Đảng và tuyên ngôn của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam đã thắp sáng thêm niềm tin, tiếp thêm sức mạnh mới cho nhân dân các dân tộc Khu Bảy trên con đường theo Đảng làm cách mạng.

Để cứu vãn sự sụp đổ của chế độ thực dân mới, từ năm 1961, đế quốc Mỹ tiến hành chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, dùng quân nguy với cố vấn quân sự, vũ khí và phương tiện chiến tranh của Mỹ để chống lại phong trào yêu nước của nhân dân ta.

Trong giai đoạn này, đối với Khu Bảy, địch không bắt được lính, không lập được đồn, không xây được ấp chiến lược, không cài cấy lại được tề điệp... mà

(1) - Lịch sử Đảng CSVN, tập II, 1954 - 1975 - Sdd - trang 135.

chỉ dùng máy bay bắn phá liên tục vào căn cứ ta, nhiều lần rải chất độc vào Sơn Liên, Sơn Lập..., cho gián điệp giả bộ đội ta hoặc giả thương lái đến dò la tình hình, tung tin đồn nhảm, nói xấu miền Bắc, và mùa khô xua quân lên căn quét, đốt phá nhà cửa hoa màu của dân, gây cho ta nhiều thiệt hại và khó khăn.

Theo sự chỉ đạo của Trung ương và Khu ủy V, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chỉ thị “phát động quần chúng đấu tranh chính trị, đẩy mạnh hơn nữa hoạt động vũ trang hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh chính trị, động viên thanh niên đồng bằng thoát ly lên căn cứ miền núi, phát triển lực lượng vũ trang của tỉnh và các đội công tác ở huyện làm cơ sở cho đấu tranh chính trị và phong trào lâu dài về sau” (1)

Giữa năm 1961, Đảng bộ Khu Bảy mở đại hội lần thứ II tại Mang Bloóc xã Sơn Mùa. Đại hội đã đánh giá mặt mạnh yếu của Đảng bộ và phong trào cách mạng của quần chúng trong Khu, biểu dương những thành tích to lớn của quân dân Khu Bảy từ năm 1957 đến năm 1960. Căn cứ vào các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và tình hình địa phương, đại hội chủ trương: “Ra sức phát triển thực lực cách mạng cả vũ trang và chính trị, xây dựng, củng cố và giữ vững vùng căn cứ

(1)- Chỉ thị đầu năm 1962 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi về “tổ chức quần chúng” - lưu tại văn phòng Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

địa trung tâm của tỉnh, phát triển mạnh mẽ phong trào du kích chiến tranh trong toàn Khu, đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn của địch; đẩy mạnh sản xuất tư túc, cứu đói, cứu đau, chăm lo đời sống nhân dân”⁽¹⁾. Tại đại hội này, đồng chí Nguyễn Hữu Đức được cử làm Bí thư Đảng bộ.

Giữa năm 1963, đại hội lần thứ III của Đảng bộ Khu Bảy đã họp tại xã Sơn Mùa. Sau kiểm điểm đánh giá tình hình, rút kinh nghiệm trong nhiệm kỳ qua, đại hội đề ra nhiệm vụ cho nhiệm kỳ 1963-1965 “Ra sức xây dựng Khu Bảy lớn mạnh về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, động viên toàn Đảng bộ và quân dân trong Khu nỗ lực cao hơn nữa trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước”. Đại hội đã bầu ra Ban chấp hành khóa III do đồng chí Nguyễn Văn Lập (Nguyễn Quỳ) làm bí thư⁽²⁾.

Được Tỉnh ủy chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời, từ năm 1961 đến năm 1965, Đảng bộ và quân dân Khu Bảy đã từng bước đẩy mạnh các mặt công tác, thực hiện tốt mọi nhiệm vụ của một vùng căn cứ địa cách mạng.

Số lượng và chất lượng đảng viên được nâng cao rõ rệt. Chính quyền tự quản và các đoàn thể giải phóng từ cấp Khu đến xã, thôn được xây dựng vững mạnh thêm một bước. Hầu hết quần chúng cách

(1) (2)- Lịch sử Đảng bộ Sơn Hà - Sdd - trang 170, 185.

mạng tham gia vào các đoàn thể giải phóng. Toàn Khu Bảy có 1.241 hội viên phụ nữ giải phóng, 876 hội viên nông dân giải phóng, 371 đoàn viên thanh niên nhân dân cách mạng và hàng trăm đội viên thiếu niên tiên phong⁽¹⁾. Ban chấp hành các đoàn thể ở xã đã được hình thành, có đảng viên làm nòng cốt lãnh đạo. Nhiều cán bộ, đảng viên là người Ca Dong, Hrê, Co được tôi luyện trưởng thành qua đấu tranh đánh địch, đã nhận được nhiệm vụ lãnh đạo các mặt phong trào xã thôn. Có đồng chí được đề bạt vào cương vị lãnh đạo cấp huyện như Đinh Văn Bình, Lê Văn Đường, Đinh Văn Tiếp, Đinh Qua (Phó Nía), Đinh Văn Trinh. Tại đại hội lần thứ nhất Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh Quảng Ngãi (tháng 11-1961), đồng chí Đinh Qua là một trong 13 người được bầu vào Ủy ban Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh⁽²⁾. Năm 1964, đồng chí Lê Văn Đường được giao nhiệm vụ Huyện đội trưởng quân sự... Nhiều cán bộ người Kinh lẫn lộn, trụ bám sống chết với nhân dân các dân tộc và phong trào cách mạng Khu Bảy đã trưởng thành rõ rệt, trở thành những cán bộ không thể thiếu của Đảng bộ Khu Bảy.

(1)- Theo báo cáo năm 1962 của Khu Bảy - lưu tại bộ phân lịch sử Đảng tỉnh.

(2)- Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất tỉnh Quảng Ngãi - Sơ thảo - 1930 - 1975 - Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi xuất bản năm 1995 - trang 187.

Cuối năm 1961, cấp ủy Khu Bảy và Khu Ba (vùng thấp Sơn Hà) phối hợp chỉ đạo mở đại hội đoàn kết các dân tộc lần thứ nhất tại Nước Bloóc (Sơn Mùa-Khu Bảy), có trên 300 đại biểu dự. Đại hội đã tổng kết 6 năm đấu tranh chống Mỹ Diêm, biểu dương tinh thần yêu nước, đấu tranh kiên cường, bất khuất của nhân dân; động viên tăng cường tình đoàn kết giữa các dân tộc; khắc sâu lòng tin vào Đảng, Bác Hồ, tin vào thắng lợi của cách mạng. Đại hội đã tuyên bố xử tử hình vắng mặt Đinh Ngô và Đinh Ênh, tay sai đắc lực của Mỹ Diêm.

Đại hội nhất trí bầu ông Phó Nía làm Chủ tịch UBMTDTGP Khu Bảy và Khu Ba.

Đây là sự kiện chính trị quan trọng ở miền tây Quảng Ngãi, góp phần động viên cổ vũ nhân dân tăng cường đoàn kết, đấu tranh chống Mỹ - Diêm.

Về vũ trang, Khu Bảy đã xây dựng được hai trung đội bộ đội địa phương và một tiểu đội trinh sát, có đảng viên lãnh đạo. Mỗi xã đều có trung đội du kích xã và các tiểu đội du kích thôn xóm. Toàn bộ lực lượng vũ trang này đều được nhân dân đùm bọc, đóng góp, nuôi dưỡng khi tập luyện và đi chiến đấu. Với thế trận du kích chiến tranh, hệ thống công sự, hầm hào, làng chiến đấu và mạng lưới vũ khí thô sơ bố phòng dày đặc, quân dân Khu Bảy đã đánh bại tất cả

các cuộc càn quét lớn nhỏ của địch. Có trận chỉ một tổ du kích đã đánh lui một tiểu đoàn địch khi chúng kéo lên định lấn chiếm Bãi Mầu, Sơn Long (Sơn Tân), Tà Mực vào ngày 10-7-1963. Vừa đánh địch, vừa bảo vệ mình, ta đã hạn chế được những thiệt hại do phi pháo địch gây nên. Nhờ tinh thần cảnh giác cách mạng cao, quân dân Khu Bảy đã bắt được một số tên gián điệp, biệt kích của địch. Tên Pờ Rây ở Mang Rây (Kon Tum) xuống dò đường cho biệt kích, tên Gờ Rum ở Sơn Bao cầm đầu tổ chức việc đi đêm để hù dọa dân... đều bị quân dân ta tóm gọn. Nhờ đó, an ninh chính trị vùng căn cứ Khu Bảy được giữ vững.

Bộ đội, du kích và đồng bào Khu Bảy còn phối hợp với các lực lượng vũ trang giải phóng của cấp trên và quân dân Trà Bồng đánh bại hai cuộc càn quét lớn của địch vào vùng trung tâm căn cứ của ta : cuộc càn quét ngày 30 - 8- 1962, địch dùng 30 máy bay lên thẳng đánh phá chớp nhoáng vào thung lũng Nà Niêu, địch gọi là căn cứ Đỗ Xá của Việt cộng, hồng tiêu diệt cơ quan Khu ủy và Bộ tư lệnh Quân khu V của ta. Nguyễn Khánh, tướng ngụy đã đáp xuống đỉnh núi An (ở Sơn Mùa) để chỉ huy cuộc càn quét này. Cuộc hành quân càn quét tháng 4-1964 mang tên “quyết thắng 203” của 5.000 quân ngụy, với 80 máy bay các loại, do cố vấn Mỹ chỉ huy, đánh vào

căn cứ Mang Xinh và Khu Bảy của ta suốt cả tháng trời.

Trong hai trận chống căn này, bộ đội và du kích Khu Bảy chiến đấu rất dũng cảm, lần đầu tiên dám bắn vào máy bay Mỹ. Đồng bào Khu Bảy đã vượt qua bom đạn địch, tận tình tiếp tế cho bộ đội, chuyển thương về phía sau và chăm sóc nuôi dưỡng thương binh. Quân dân Khu Bảy đã góp phần tiêu diệt 500 tên địch, bắn rơi và bị thương 51 máy bay địch, đánh bại chiến thuật “trục thăng vận” của địch, đánh đuổi địch ra khỏi vùng căn cứ, hành lang của ta, bảo vệ an toàn cho các cơ quan lãnh đạo kháng chiến của Khu V. Ngoài ra, bộ đội và du kích Khu Bảy còn được Ban quân sự Tỉnh ủy điều đi tham chiến đánh địch tại Di Lăng, Tà Ma, Giá Vụt, quận lỵ Trà Bồng... góp phần tiêu diệt hàng trăm tên địch, thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng. Chỉ riêng năm 1963, các lực lượng vũ trang Khu Bảy đã đánh 20 trận, giết 75 tên, làm bị thương 49 tên địch. Những thắng lợi của Đảng bộ và quân dân Khu Bảy đã góp sức với toàn tỉnh, toàn miền làm sụp đổ chế độ độc tài gia đình trị Ngô Đình Diệm. Ngày 1-11-1963, đế quốc Mỹ đã cho bọn tay sai thân tín làm đảo chính, giết Diệm - Nhu, thay ngựa giữa dòng.

Đi đôi với đánh địch bảo vệ vùng căn cứ, Đảng bộ Khu Bảy còn chỉ đạo xây dựng phong trào vòng đời

198

công, hợp tác tương trợ lao động (VĐV, HTTTLĐ), đẩy mạnh sản xuất, chăm lo đời sống nhân dân và góp lương thực nuôi quân với tinh thần “thực túc binh cường”. Đến năm 1964, Khu Bảy xây dựng được 416 tổ VĐV và tổ HTTTLĐ với trên 3.000 lao động, 6.000 nhân khẩu. Tổ chức VĐV, HTTTLĐ không chỉ nhằm đẩy mạnh sản xuất giải quyết đời sống vật chất cho nhân dân mà còn củng cố khối đoàn kết trong nhân dân, hợp lý hóa việc sản xuất, thúc đẩy các mặt công tác cách mạng.

Với sức lao động tập thể, đồng bào vừa làm rẫy, vừa vỡ nà làm ruộng, vừa tủa lúa, vừa trồng màu, nhất là bắp, huỳnh tinh... những loại màu chống được chất độc hóa học của địch. Và cũng chính với sức lao động tập thể có tổ chức, có lãnh đạo này mà sau cơn lũ lụt lớn cuối năm 1964, đồng bào Khu Bảy đã nhanh chóng khôi phục sản xuất trên nhiều đám rẫy lở lói, nhiều đám ruộng bị thủy phá sa bồi. Lúa, bắp, mỳ, lang lại mọc lên xanh tốt.

Nhờ vậy, đến năm 1964, toàn Khu Bảy đã đạt bình quân 460kg chất bột/người/năm. Thành tích sản xuất khá nhất là các xã Sơn Bao, Sơn Bua, Sơn Mùa, Sơn Dung. Xã Sơn Bao đạt trên 650 kg chất bột/người/năm, đoạt cờ đầu về sản xuất ở các xã miền

núi Quảng Ngãi. Tổ Cha Dom (Sơn Dung) đạt gần 1.000 kg/người/năm; tổ Vọt Phan (Sơn Bao) có 5 gia đình với 9 lao động chính, 5 lao động phụ, bình quân mỗi lao động tĩa 5 ang giống lúa, 10 lon giống bắp, trồng 5.200 gốc mỳ, thu hoạch chung được 880 ang lúa, đóng góp quỹ nuôi quân 180 ang. Trong báo cáo 1963, 1964 của Ban kinh tài tỉnh đánh giá : Khu Bảy dẫn đầu về phong trào VĐC HTTTLĐ ở miền tây Quảng Ngãi; đạt mức cao nhất về lúa và mỳ, còn bắp thì đứng thứ nhì (sau Trà Bồng). Cùng với trồng trọt, đồng bào còn tích cực chăn nuôi, đến năm 1964, Khu Bảy có 35 con trâu, 33 con bò, 5.538 con heo, 8.349 con gà, 432 con dê... ⁽¹⁾. Cấp ủy Khu Bảy đã chỉ đạo tổ chức các đoàn dân công thay phiên nhau xuống vùng biển mua muối chuyển về. Nhờ vậy, nhân dân có lượng muối dùng ngày càng nhiều hơn : bình quân đầu người năm 1963 là 1,5 lon, năm 1964 là 3,5 lon, năm 1965 là 6 lon ⁽²⁾.

Đồng bào còn phát triển mạnh việc trồng chè, quế, trâu, cau và tìm lâm thổ sản, nhờ đó mà có được nhiều sản phẩm chè, quế, cau, tiêu, mây, nứa, xương cọt, ngà voi... trao đổi với Mậu dịch để lấy muối, vải, dầu, nông cụ, thuốc men, giấy viết phục vụ cuộc sống của

(1), (2)- Theo số liệu trong báo cáo hàng năm của Khu Bảy và Tỉnh ủy Quảng Ngãi - lưu tại bộ phận nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh.

mình. Ngoài ra đồng bào còn đóng góp nhiều công sức tham gia xây dựng và phát triển trại sản xuất của tỉnh đặt tại Khu Bảy. Đồng thời đồng bào học hỏi kinh nghiệm các trại sản xuất này để phát triển nghề làm lúa nước.

Nhờ phong trào VĐC HTTTLD sản xuất phát triển khá, nên nhân dân các dân tộc Khu Bảy đã hăng hái tự nguyện đóng góp nhân vật tài lực để phục vụ kháng chiến. Hàng trăm nam nữ thanh niên đã tham gia bộ đội giải phóng, đi thanh niên xung phong, phục vụ hoặc bảo vệ các cơ quan đơn vị của cấp trên đóng tại địa phương; hàng ngàn đồng bào tham gia vào đội quân mở đường và vận tải trên hành lang đường dây 559 ⁽¹⁾. Hành lang đường dây 559 của Trung ương chạy suốt theo chiều dài của Khu Bảy khoảng 20 cây số, có bốn trạm :

Trạm Làng Ngo tại ranh giới Trà My - Khu Bảy do anh Vân làm trạm trưởng.

Trạm tại Sơn Bua do anh Cầu làm trạm trưởng.

Trạm tại Vi Pờ Rco (Sơn Dung) do anh Ba làm trạm trưởng.

(1)- Tháng 5 - 1959, Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch quyết định mở đường dọc theo Trường Sơn để đưa bộ đội, cán bộ, vũ khí lương thực... vào chiến trường miền Nam; nên gọi là đường dây 559; về sau gọi là đường mòn Hồ Chí Minh.

Trạm tại Nước Rể (Sơn Lập) do anh Hương làm trạm trưởng.

Ngoài ra có một trạm của đường dây tỉnh đặt tại Sơn Bua, do anh Bờ làm trạm trưởng, nhận đưa cán bộ và chuyển vũ khí, lương thực từ đường dây Trung ương về tỉnh. Đồng bào đã góp nhiều công của xoi mở đường hành lang Bắc Nam, xây dựng các trạm, bảo vệ an toàn cho các trạm trên địa bàn Khu Bảy. Đồng bào còn đặt nhiều rau quả bên đường ủng hộ cán bộ, chiến sĩ qua lại. Trên địa bàn Khu Bảy có đường dây giao liên từ làng này qua làng khác do chính các cháu thiếu niên 14-15 tuổi đảm nhận nhiệm vụ dẫn đường và bảo vệ cán bộ, bộ đội từ Khu Bảy về tỉnh Quảng Ngãi.

Từ năm 1960 - 1961, mỗi trạm có từ 10 đến 15 người, về sau càng nhiều người hơn, trong đó người Ca Dong, Hrê, Co, Kinh ở Khu Bảy chiếm một tỉ lệ đáng kể. Có những đợt hàng về nhiều, các trạm phối hợp với địa phương huy động hàng trăm dân công vận chuyển 5,7 ngày cho xong. Đồng bào Khu Bảy, kể cả các cháu thiếu niên 14, 15 tuổi rất hăng hái trong việc này. Trạm đặt ở đâu cũng được nhân dân địa phương đùm bọc, nuôi nấng, bảo vệ. Về sau, chi bộ và Ủy ban tự quản các xã giao đất rừng, giúp nông cụ, giống má để các trạm sản xuất tự túc lương thực từ 6 đến 8 tháng.

Những năm sau còn có một trạm của đường dây Trung ương gồm 9 nữ thanh niên, do chị Ngà làm trạm trưởng, gọi là “trạm 9 cô” lúc ở Sơn Bua, lúc ở Sơn Tinh, cũng đã được nhân dân hết lòng thương yêu, bảo bọc, giúp đỡ.

Nhân dân Khu Bảy đã tự nguyện đóng góp cho quỹ nuôi quân khá nhiều. Chỉ tính từ 1960 đến tháng 2 - 1964, nhân dân Khu Bảy, Khu Sáu (sông Rhe), Ba Tơ đã đóng góp 315.047 ang lúa (khoảng 1.418 tấn) và 299 con trâu ⁽¹⁾. Riêng xã Sơn Bao năm 1965 đã đóng góp 3.574 ang lúa, bằng cả hai năm 1963, 1964 cộng lại ⁽²⁾.

Ngoài ra nhân dân Khu Bảy đã thường xuyên ủng hộ mỳ, bắp, đậu, trâu, heo, gà, rau, củ cho các cơ quan, đơn vị đóng quân tại quê mình. Tháng 7 - 1961, tiểu đoàn 19, đơn vị chủ lực đầu tiên từ miền Bắc vào, đóng tại Tà Ngôm, lấy hàng trăm thanh niên các huyện đồng bằng, miền núi Quảng Ngãi lên để bổ sung quân số, chia thành hai tiểu đoàn 90, 95 huấn luyện hàng tháng trời. Năm 1962, 1963 các tiểu đoàn chủ lực 120, 80, 97 từ miền Bắc vào đều đứng chân

(1)- Theo báo cáo tại Đại hội đoàn kết các dân tộc miền tây Quảng Ngãi ngày 19-3-1964, lưu tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh.

(2)- Sơn Bao đổi đời - bài in trong thông tin nội bộ (do Tỉnh ủy chỉ đạo biên soạn) số 7 tháng 10-1966, lưu tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh.

tại Khu Bảy để bổ sung quân, huấn luyện rồi mới chuyển đi nơi khác. Cơ quan Tỉnh ủy Kon Tum thường xuyên đóng tại Khu Bảy, tổ chức nhiều hội nghị quan trọng tại đây. Lớp huấn luyện đào tạo y tá đầu tiên do Ban dân y tỉnh mở vào năm 1961 tại xã Sơn Tinh. Trường Đảng tỉnh đã mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ toàn tỉnh tại Khu Bảy. Đại hội lần thứ nhất Mặt trận dân tộc giải phóng tỉnh vào tháng 11 - 1961 gồm trên 300 đại biểu được tổ chức tại xã Sơn Bua. Đại hội đoàn kết các dân tộc miền tây Quảng Ngãi vào tháng 3-1964 gồm trên 300 đại biểu được tổ chức tại Xà Ruồng, xã Sơn Tinh... Bên cạnh ủng hộ thực phẩm, nhân dân các xã đã góp nhiều ngày công, tranh tre nứa lá để làm hội trường, nhà ở, đào hầm, bảo vệ và phục vụ các đại hội, lớp học, cơ quan, đồng thời còn đóng góp lương thực thực phẩm để phục vụ các đại hội. Riêng đại hội đoàn kết các dân tộc, thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng huyện Sơn Hà và Khu Bảy tổ chức tại Sơn Mùa, nhân dân Khu Bảy đã ủng hộ 5 con trâu, 6 con heo và rất nhiều gà. Chẳng những thế, cấp ủy Khu Bảy còn tổ chức lực lượng dân công sẵn sàng làm kho chứa hàng, giã gạo, vào tận Sa Huỳnh mua, vận chuyển muối về phục vụ nhu cầu ngày càng lớn của nhân dân và các lực lượng kháng chiến đứng trên địa bàn Khu Bảy. Chuyển

công muối tháng 4-1961 của 200 dân công Khu Bảy do anh Đinh Hồ (Sơn Dung) chỉ huy đã bị địch phục kích ở Ba Lế (Ba Tơ), anh Hồ đã bị thương. Từ năm 1963, trại giam của tỉnh được xây dựng tại Sơn Dung, giam giữ cải tạo hàng trăm tên ác ôn, tề điệp, cầm đầu các đảng phái phản động. Nhân dân Khu Bảy vừa giúp tỉnh dùng lao động để cải tạo phạm nhân, vừa nâng cao ý thức cảnh giác, phối hợp chặt với lực lượng quần giáo của trại để quản lý tù nhân. Nhờ vậy, từ 1963 đến mùa xuân 1975, trại giam này đã giáo dục cảm hóa khoảng 1.200 phạm nhân; chỉ có 60 trường hợp phạm nhân bỏ trại chạy trốn và nhân dân ở đây đã góp sức bắt lại 45 tên⁽¹⁾.

Với những thành tích to lớn, toàn diện nêu trên chứng minh Đảng bộ và quân dân Khu Bảy đã nghiêm chỉnh chấp hành và vận dụng sáng tạo nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III và nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất. Nhờ vậy, đã giải quyết được những vấn đề rất cơ bản của một vùng trung tâm căn cứ cách mạng của tỉnh trong thời 1960 - 1965:

- Thực lực chính trị và vũ trang cách mạng được xây dựng và phát triển đều khắp, có hệ thống từ cấp

(1)- Tư liệu do đồng chí Nguyễn Nghĩa, nguyên Trưởng ban an ninh tỉnh cung cấp.

Khu đến cấp xã thôn, bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong các tổ chức cách mạng, kháng chiến. Giác ngộ cách mạng của quần chúng và trình độ của cán bộ, đảng viên ngày càng cao.

- Phong trào nhân dân du kích chiến tranh không ngừng lớn mạnh, vận dụng tốt phương châm lấy nhỏ đánh lớn, lấy ít đánh nhiều, lấy yếu đánh mạnh, lấy vũ khí thô sơ đánh với vũ khí hiện đại, lấy sức mạnh vô địch của đoàn kết dân tộc và chính nghĩa cách mạng đánh thắng địch. Vì vậy, ta đã nhanh chóng đánh đuổi, quét sạch địch ra khỏi Khu Bảy, đưa Khu Bảy trở thành một huyện giải phóng hoàn chỉnh sớm nhất trong toàn tỉnh.

- Phong trào VĐC HTTTLĐ phát triển sâu rộng, thực sự trở thành một phong trào cách mạng của nhân dân. Từ đó, đẩy mạnh được sản xuất, bảo đảm được đời sống nhân dân. Trong hoàn cảnh địch liên tục đánh quá Khu Bảy bằng bom đạn, chất độc hóa học, càn quét, cướp bóc, phá hủy hoa màu, trời gây lũ lụt lớn, nước cuốn chảy rã, cát lấp ngập đồng... Thế mà đồng bào vẫn sản xuất bảo đảm cuộc sống cho mình, không để nạn đói xảy ra, không phải nhờ cấp trên cứu đói, vẫn cung cấp nhiều sức người sức của cho kháng chiến. Nhiều cán bộ, chiến sĩ các đơn vị,

địa phương bạn đã phải thốt lên: “Đến đâu cũng khổ, chỉ về Khu Bảy là sướng” hoặc “Khu Bảy là nhà ta”. Có thể nói không quá đáng rằng : Khu Bảy là một trong những nơi dung trú, tích lũy, xây dựng và phát triển thực lực cách mạng và kháng chiến của tỉnh Quảng Ngãi và Khu V.

Để nâng cao vị trí của một vùng trung tâm căn cứ địa, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo và chỉ đạo trước tình hình mới, Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định lấy toàn bộ Khu Bảy thành lập huyện Sơn Tây.

Ngay sau đó, ngày 15-5-1965, Đảng bộ huyện Sơn Tây mở Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ IV để kiểm điểm đánh giá kết quả nhiệm kỳ qua, bàn phương hướng nhiệm vụ cho thời kỳ mới, và bầu Ban chấp hành Đảng bộ khóa IV. Sau khi đánh giá mặt mạnh mặt yếu của Đảng bộ và phong trào mọi mặt của địa phương, đại hội chủ trương : “Tích cực củng cố và phát triển Đảng, xây dựng chi bộ và đảng viên bốn tốt, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, xây dựng và bảo vệ vững chắc vùng căn cứ địa, hành lang của tỉnh, của Khu V, động viên sức người sức của phục vụ mở ra giành dân ở phía trước⁽¹⁾. Đại hội đã bầu Ban chấp

(1)- Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà - Sdd - trang 190, 191.

hành Đảng bộ huyện. Đồng chí Lê Văn Đường được cử làm bí thư.

Ngay sau đại hội, Huyện ủy đã chỉ đạo huy động sức người, sức của của Sơn Tây tham gia vào chiến dịch xuân hè 1965 do Tỉnh ủy và Bộ tư lệnh Quân khu V chỉ đạo và chỉ huy. Hàng trăm dân công ngày đêm khẩn trương vận chuyển vũ khí, lương thực, thuốc men phục vụ chiến trường. Du kích các xã được điều động ra phía trước để phối hợp với các lực lượng của cấp trên bao vây tấn công địch ở Sơn Hà, Trà Bồng, Minh Long, Giá Vụt...

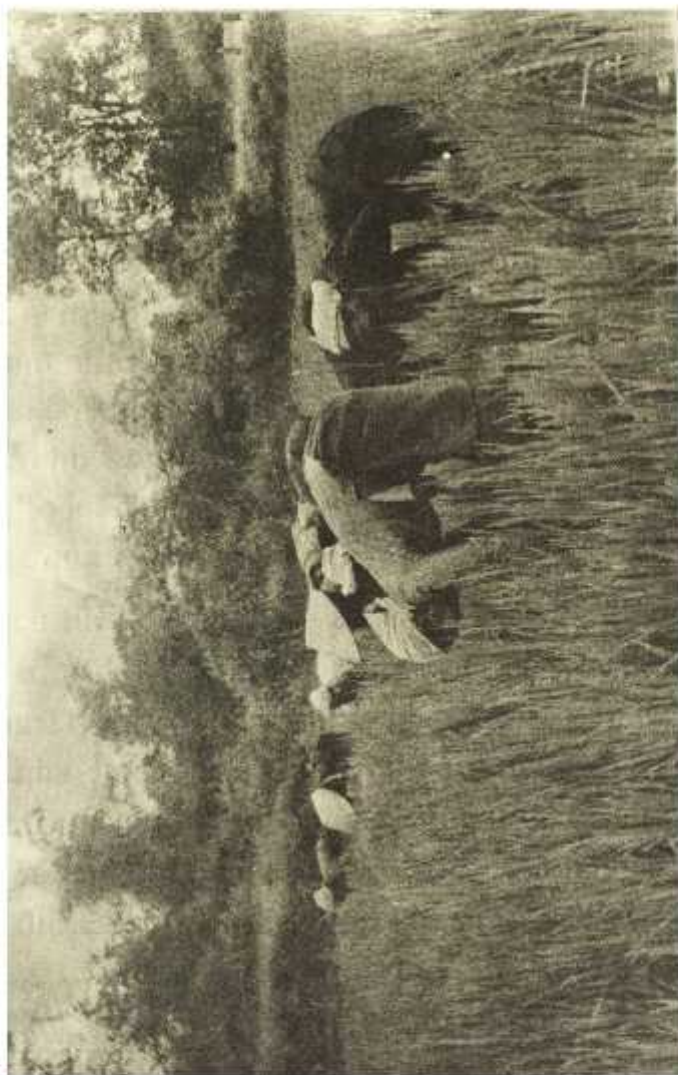
Với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, Đảng bộ và quân dân huyện Sơn Tây đã góp sức cùng toàn tỉnh làm nên chiến thắng Ba Gia lịch sử vào cuối tháng 5-1965, tiêu diệt một chiến đoàn ngụy, giải phóng toàn bộ vùng tây Sơn Tịnh, vùng đất mà nhân dân đã từng gắn bó máu thịt với nhân dân các dân tộc Sơn Tây. Chiến thắng Ba Gia đã góp phần đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ, càng củng cố niềm tin, tăng thêm phần khởi trong nhân dân, tạo thế thuận lợi cho Đảng bộ và nhân dân Sơn Tây tiếp tục đẩy mạnh phong trào đấu tranh chống Mỹ, cứu nước.



Nhân dân Sơn Tây
"góp những chõng tre trừ giặc cướp"



Nhân dân Sơn Tây bạt núi mở đường cho lực lượng
ta tiến phương xông tới



Sản xuất lương thực một trong những nhiệm vụ cơ bản nhất của nhân dân vùng căn cứ Sơn Tây.



2- Tham gia đánh thắng chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ (1965 - 1968):

Bị thất bại trong chiến lược “chiến tranh đặc biệt”, giữa năm 1965, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “chiến tranh cục bộ” ô ạt xua quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào trực tiếp xâm lược miền Nam, tăng cường đánh phá miền Bắc bằng không quân và pháo hạm. Ở miền Nam Việt Nam, quân Mỹ, ngụy và chư hầu mở nhiều cuộc hành quân lớn, nhất là trong các kế hoạch mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967 để “tìm diệt” chủ lực ta hòng “bẻ gãy” xương sống “Việt cộng” và “bình định” hòng chiếm lại các vùng giải phóng của ta.

Địch biết Sơn Tây là một hậu cứ quan trọng của Mặt trận dân tộc giải phóng Quảng Ngãi và miền Trung Trung bộ, có hành lang quân sự Bắc Nam của ta đi qua, là nơi đứng chân của nhiều cơ quan, đơn vị quan trọng của “Việt cộng”... cho nên địch đánh phá Sơn Tây ác liệt hơn trước bội phần. Địch thường tung gián điệp, biệt kích Trường Sơn, thám báo từ phía tây xuống, từ phía đông lên để dò la lực lượng, cơ quan, kho tàng của ta rồi dùng máy bay đánh phá, hoặc lén ám sát cán bộ, bộ đội, đốt phá kho tàng của ta. Ác liệt nhất là địch dùng đủ loại máy bay, bom đạn oanh tạc nặng nề khắp các xã của Sơn Tây. Trong hai mùa

khô 1965 - 1966, 1966 - 1967, máy bay B52 của Mỹ đã ném bom rải thảm trên 60 điểm; máy bay B57 và các loại máy bay chiến đấu khác đêm ngày thả bom tấn theo tọa độ, bom xăng, bom napan, bom bi gây sát thương lớn. Máy bay Đa-cô-tà rải chất độc hóa học xuống khắp xóm làng, nương rẫy, đồng ruộng của Sơn Tây. Tàu rọ Mỹ quần lượn trên mọi ngọn núi, luồn lách dọc sông, khe suối, đường hẻm, lối mòn, tung lựu đạn xuống từng căn nhà, nhả đạn vào từng con người, con trâu, con bò chúng phát hiện được. Các loại pháo 105mm, 155mm từ quận lỵ Sơn Hà, Trà Bồng, từ các điểm núi cao vùng giáp ranh thường xuyên bắn phá Sơn Tây cả ngày lẫn đêm. Có trận, một lúc địch bắn vào Sơn Tây hàng ngàn quả đạn pháo các cỡ. Rừng núi, xóm làng dọc theo đường dây 559 đã bị địch đánh phá ác liệt nhất. Mặt khác, địch thường xuyên cho máy bay rải truyền đơn, gọi loa “chiêu hồi Việt cộng”, tung ra nhiều luận điệu phản tuyên truyền ta để lũng đoạn tư tưởng quần chúng.

Với tất cả những thủ đoạn tàn bạo nói trên, Mỹ - ngụy hòng tiêu diệt tiềm lực kháng chiến của ta, ngăn chặn lực lượng ta tiến quân chi viện cho nông thôn đồng bằng, đánh vào cơ quan đầu não lãnh đạo kháng chiến của Quảng Ngãi, đánh vào dạ dày của nhân

dân Sơn Tây. Từ cuối năm 1965 đến cuối năm 1967, bom đạn, chất độc hóa học của Mỹ đã giết hại và làm bị thương hàng trăm đồng bào Sơn Tây, phá hủy hàng trăm ngôi nhà, hàng ngàn ang-lúa gạo, giết hại hàng ngàn trâu, bò, dê, heo; hủy diệt hàng ngàn ang giống lúa rẫy và lúa ruộng, hàng triệu gốc mỳ, hàng ngàn ha rừng ⁽¹⁾.

Thật là : *"Ngàn năm xưa, nước non này*

Chưa từng đau khổ như ngày Mỹ sang !" ⁽²⁾

Địch đánh phá ác liệt, người chết, tài sản, hoa màu tổn thất nhiều hơn trước. Rừng núi trụi lá, tro cảnh. Xóm làng, nương rẫy chỉ chít hố bom như bị cày xới tung lên. Sản xuất đã khó khăn lại dễ bị thiệt hại. Nhiều thôn, xóm đồng bào không còn củ mỳ để ăn, lâm vào cảnh đói khổ gay gắt... Vì vậy, một bộ phận cán bộ đảng viên, chiến sĩ và đồng bào nảy sinh tư tưởng bi quan dao động. Nhiều câu hỏi đặt ra : "Liệu ta có đánh thắng được đế quốc Mỹ không?" "Đánh Mỹ bằng cách nào đây trong khi ta không có xe tăng, máy bay, đại bác?" ... chưa có lời giải đáp ngay một lúc.

(1)- Lịch sử Đảng bộ Sơn Hà - xuất bản 1993 - trang 200 nêu con số thiệt hại chung của Sơn Hà và Sơn Tây : 293 người chết và bị thương; 956 ngôi nhà và 11.950 ang lúa, gạo bị đốt, phá, cướp ; 3.450 con trâu, bò, dê, heo bị giết, cướp ; 7.460 ang giống lúa ruộng rẫy, 6 triệu gốc mỳ, hàng ngàn héc-ta rừng bị hủy diệt.

(2) Quảng Ngãi trường ca của Hồng Nhân - Cờ Hồng - Sdd - trang 121.

Thấu hiểu tư tưởng, tình cảm của đồng bào, trong lời kêu gọi ngày 20-7-1965, Hồ Chủ tịch chỉ rõ : “Đứng trước nguy cơ giặc Mỹ cướp nước, đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu; dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn”. Bác còn khẳng định: “Địch nhất định thua ! Ta nhất định thắng!”⁽¹⁾.

Được Tỉnh ủy chỉ đạo, Huyện ủy Sơn Tây họp hội nghị mở rộng học tập lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, đồng thời triển khai thực hiện các nghị quyết của tỉnh, của đại hội Đảng bộ huyện trong tình hình mới, sau đó, tổ chức cho toàn Đảng bộ, lực lượng du kích, các đoàn thể giải phóng học tập , phát động trong toàn huyện một cuộc đấu tranh phê phán mọi biểu hiện của tư tưởng hữu khuynh, sợ Mỹ, ngại ác liệt, sợ hy sinh. Huyện ủy còn chỉ đạo tuyên truyền sâu rộng và phát huy kịp thời những trận đánh thắng quân viễn chinh Mỹ đầu tiên ở các xã đông Bình Sơn, đặc biệt là chiến thắng Vạn Tường. Cuối tháng 5-1965, du kích xã Bình Đông diệt 7 tên Mỹ đầu tiên; Nguyễn Phụng du kích xã Bình Mỹ diệt 21 tên, Đào Văn

(1)- Hồ Chí Minh toàn tập, xuất bản lần thứ hai, tập II, 1963 - 1965 - Nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội 1996 - trang 470, 474.

Luyện 14 tuổi ở xã Bình Thạnh diệt 14 tên Mỹ. Trần Văn Tường, quân dân ta đánh với 8.000 lính thủy đánh bộ Mỹ, có hàng trăm máy bay, tàu chiến, xe tăng trợ chiến; chỉ trong một ngày chiến đấu ta đã diệt 919 tên Mỹ, bắn cháy 22 xe tăng, xe bọc thép và 13 máy bay Mỹ. Tình hình này làm cho Đảng bộ và quân dân Sơn Tây thêm tin tưởng : “Bình Sơn đánh Mỹ được thì Sơn Tây cũng đánh Mỹ được”.

Tiếp theo đó, Đảng bộ và quân dân Sơn Tây tiếp thu tinh thần nội dung đại hội chiến sĩ thi đua của các lực lượng vũ trang toàn tỉnh (họp vào giữa tháng 9-1965): khẳng định tư tưởng ta dám đánh và quyết đánh thì nhất định đánh thắng được quân Mỹ; khẳng định phương châm: lấy ít đánh nhiều, lấy nhỏ thắng lớn, lấy tinh nhuệ thắng số đông, kết hợp vũ khí thô sơ tự tạo với vũ khí hiện đại để đánh thắng đế quốc Mỹ.

Đầu năm 1966, Huyện ủy lại tổ chức cho toàn Đảng bộ học tập quán triệt Nghị quyết 12 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa III ra tháng 12 - 1965: “Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, lực lượng so sánh giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn”... “Động viên lực lượng của cả nước kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình

huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà"... "Kiên quyết đẩy mạnh đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị, đánh bại đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai trên chiến trường chính là miền Nam"... "Phương châm chiến lược chung là... đánh lâu dài dựa vào sức mình là chính"... (1). Đồng thời Huyện ủy cũng làm cho toàn Đảng bộ Sơn Tây quán triệt Nghị quyết tháng 1-1966 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi: "Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất kỳ loại chiến tranh nào"... "Tìm Mỹ mà đánh, tìm nguy mà diệt" (2)

Khi đế quốc Mỹ tiếp tục ồ ạt xua quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam Việt Nam từ 18 vạn tên năm 1965 lên 39 vạn tên 1966, ngày 17-7-1966, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi đồng bào, chiến sĩ cả nước, nêu bật ý chí của toàn dân tộc "Không có gì quý hơn độc lập tự do". Ngay sau đó, được Khu ủy V chỉ đạo, đại hội đại biểu các dân tộc Tây Nguyên đã họp tại xã Sơn Mùa (nay là Sơn Tân) dưới sự chủ tọa của ông Y - bi A-lê-ô, Chủ tịch Mặt trận dân tộc giải phóng Tây Nguyên, Trên 300 đại biểu các dân tộc các tỉnh Tây Nguyên và miền tây các tỉnh Trung Trung bộ hội tụ

(1)- Lịch sử Đảng CSVN, tập II Sdd - trang 308, 309.

(2)- Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm - Sdd - tr.271.

về Sơn Tây thể “Quyết tâm vâng theo lời Bác, đánh Mỹ đến cùng”.

Trong mọi công tác, Huyện ủy Sơn Tây đặc biệt coi trọng công tác động viên chính trị, giáo dục tư tưởng, làm cho ý chí “Không có gì quý hơn độc lập tự do” thấm sâu vào đảng viên, quần chúng, biến thành sức mạnh vật chất để xây dựng và bảo vệ vùng căn cứ, góp phần đánh thắng quân thù. Từ các chi bộ đến lực lượng vũ trang, du kích và quần chúng đều nêu cao quyết tâm “thể cùng giặc Mỹ: có tao không mày”, “thể cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Toàn huyện được phát động nhiều phong trào thi đua sôi nổi, có ý nghĩa sâu sắc, đạt hiệu quả rõ rệt :

Phong trào ba nhớ : *Nhớ lời Bác*

Nhớ ơn Đảng

Nhớ truyền thống

Phong trào bốn bám : *Trên bám dưới*

Đảng bám dân

Dân bám ruộng rẫy để sản xuất

Du kích bám đánh địch

Phong trào xã ba vững mạnh:

Vững mạnh về chính trị

Vững mạnh về du kích chiến tranh.

Vững mạnh về sản xuất

Phong trào thôn, nóc ba sạch: *Ăn sạch*
Ở sạch
Uống sạch

Phong trào ba chống : *Chống âm mưu địch*
Chống nghèo đói
Chống lạc hậu, mê tín dị đoan.

Từng đoàn thể có những phong trào riêng phù hợp với đặc điểm của hội, đoàn viên mình.

Hội nông dân giải phóng có phong trào: ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ, hậu phương thi đua với tiền phương, sản xuất tốt, đóng góp tốt.

Hội phụ nữ giải phóng có phong trào bốn đảm đang: đảm đang đánh giặc giữ làng, đảm đang trong sản xuất, đảm đang nuôi dạy con, đảm đang công tác xã hội, nhất là chăm sóc nuôi dưỡng thương binh.

Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng có phong trào 5 xung phong : xung phong vào du kích đi bộ đội; xung phong đi thanh niên xung phong; xung phong đánh giặc giữ làng; xung phong đi dân công hỏa tuyến ; xung phong sản xuất và phong trào thi đua đạt danh hiệu : “Thanh niên quyết thắng”.

Đội thiếu niên tiên phong có phong trào “tuổi nhỏ làm việc nhỏ, tùy theo sức của mình, cùng cha anh đánh giặc, cứu nước”.

Huyện ủy coi xây dựng Đảng bộ là công tác then chốt quyết định mọi phong trào quần chúng trong huyện. Qua học tập các nghị quyết, chỉ thị của Đảng cấp trên, qua sinh hoạt chi bộ định kỳ, Huyện ủy thường xuyên làm cho cán bộ, đảng viên quán triệt sâu sắc bốn quan điểm cơ bản của Đảng : quan điểm cách mạng không ngừng, quan điểm bạo lực, quan điểm đấu tranh lâu dài, quan điểm cách mạng là sự nghiệp của quần chúng; từ đó nâng cao tính giai cấp, tính tiên phong cho đảng viên. Huyện ủy đặc biệt coi trọng xây dựng Đảng cả về mặt chính trị tư tưởng và tổ chức, tập trung vào việc giáo dục, rèn luyện, xây dựng đảng viên bốn tốt, chi bộ bốn tốt (lập trường, quan điểm, tư tưởng, đạo đức tốt; chiến đấu, công tác tốt; quan hệ với quần chúng tốt; lao động sản xuất tốt); gắn công tác xây dựng Đảng với đẩy mạnh mọi mặt công tác của địa phương.

Tháng 5 - 1967, Huyện ủy Sơn Tây đã triệu tập Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ V. Sau khi kiểm điểm đánh giá mọi mặt tình hình trong huyện hai năm qua, đại hội một lần nữa xác định vị trí quan trọng của Sơn Tây trong vùng căn cứ địa kháng chiến của toàn tỉnh, hậu phương trực tiếp của Sơn Hà. Đại hội chủ trương : “Động viên toàn Đảng bộ và quần dân trong huyện nỗ lực cao nhất trong xây dựng ta, sẵn sàng vượt mọi gian khó, ác liệt, hy sinh, chiến đấu đánh bại mọi cuộc hành quân càn quét của địch,

bảo vệ trọn vẹn vùng căn cứ địa, đẩy mạnh phong trào đổi công hợp tác sản xuất, tích cực chi viện cho phía trước”. Tại đại hội này, đồng chí Lê Văn Đường được tái cử làm Bí thư Huyện ủy ⁽¹⁾.

Nhờ sự chỉ đạo của Đảng cấp trên, với những chủ trương, biện pháp sát đúng của Huyện ủy, toàn huyện đã dấy lên một phong trào thi đua sôi nổi rộng khắp, động viên toàn Đảng bộ và quân dân Sơn Tây vượt qua ác liệt, gian khổ, hy sinh của thời kỳ 1965 - 1967, lập nên những thành tích mới với tinh thần và ý chí quyết tâm đánh thắng chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.

Sơn Tây có 15 chi bộ (10 chi bộ xã, 4 chi bộ cơ quan, 1 chi bộ lực lượng vũ trang) với trên 200 đảng viên. Trong đó 6 chi bộ đạt tiêu chuẩn bốn tốt, 8 chi bộ trung bình, 1 chi bộ kém; gần 50% đảng viên đạt tiêu chuẩn bốn tốt, 45% đạt trung bình, 5% đảng viên kém. Huyện ủy đã chú trọng xây dựng chính quyền cách mạng các cấp, UBND tự quản huyện, xã đã chuyển thành UBND cách mạng, phát huy tác dụng tích cực trong huy động nhân vật lực phục vụ kháng chiến.

(1) - Trích nghị quyết đại hội V Sơn Tây.

Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng huyện được xây dựng mạnh về số lượng và chất lượng. Đã có hàng trăm thanh niên trở thành lớp đoàn viên thanh niên Hồ Chí Minh vào dịp kỷ niệm thành lập Đảng 3-2 và kỷ niệm ngày sinh Hồ Chủ tịch 19 - 5 - các năm 1966, 1967. Một số đoàn viên ưu tú đã được đứng vào hàng ngũ của Đảng. Hàng trăm đoàn viên và thanh niên Sơn Tây đã hăng hái tòng quân nhập ngũ, lên đường đánh Mỹ.

Lực lượng du kích xã có 560 chiến sĩ, trong đó có 42 đảng viên, 53 đoàn viên, 44 chiến sĩ gái. Du kích thôn có 138 chiến sĩ, trong đó có 3 đảng viên, 5 đoàn viên, 37 chiến sĩ gái; thiếu niên du kích có 462 em, trong đó có 87 em gái. Lãnh đạo và chỉ huy lực lượng du kích này có 28 cán bộ xã đội (10 xã), trong đó có 11 đảng viên, 5 đoàn viên, 6 nữ. Về xây dựng làng chiến đấu: 2 xã đạt loại khá, 4 xã đạt yêu cầu, 4 xã chưa đạt yêu cầu⁽¹⁾.

Bộ đội huyện và du kích các xã Sơn Tây được điều ra phía trước chi viện cho Sơn Hà đánh địch, mở ra giành dân, giữ vững vùng giải phóng. Trên địa bàn huyện Sơn Hà trong hai mùa khô 1965 - 1966, 1966 - 1967 các lực lượng vũ trang của Sơn Tây đã cùng

(1)- Trích báo cáo thống kê phân loại phong trào du kích chiến tranh 6 tháng đầu năm 1968 của tỉnh - lưu tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh.

các lực lượng vũ trang Sơn Hà đánh 139 trận lớn nhỏ, diệt 478 tên, có 30 tên Mỹ, làm bị thương 102 tên khác, có 10 tên Mỹ, bắn rơi 19 máy bay địch, bắn hỏng 19 chiếc khác, thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng⁽¹⁾.

Trong chiến dịch thu 1967, chấp hành mệnh lệnh của Quân khu V và Nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Huyện ủy Sơn Tây đã điều động 2/3 lực lượng bộ đội huyện và du kích xã ra phía trước cùng với bộ đội và du kích Sơn Hà bao vây, tấn công địch ở Hà Thành, Xã Diệu, sông Rin... Số còn tại địa phương phải tích cực truy lùng biệt kích địch, sẵn sàng đánh bại càn quét của địch nếu chúng phản kích; kiên quyết bảo vệ hành lang, hậu cứ.

Nhờ chuẩn bị trước, giữa tháng 8-1967, bộ đội và du kích Sơn Tây đã cùng với quân dân Sơn Hà, Ba Tơ hiệp đồng chiến đấu với tiểu đoàn 20 bộ binh của Khu và tiểu đoàn 107 hỏa lực 12 ly 7 của tỉnh, đánh bại cuộc càn quét lớn của sư đoàn kỵ binh bay không vận số một của Mỹ tại lưu vực sông Rhe, tiêu diệt 210 tên giặc Mỹ, bắn rơi 61 máy bay Mỹ, trong đó bộ đội huyện và du kích các xã Sơn Hà, Ba Tơ, Sơn Tây bắn rơi 26 máy bay Mỹ⁽²⁾. Ngay sau đó, các lực

(1), (2)- Lịch sử Đảng bộ Sơn Hà-Sdd-trang 206, 207.

lượng vũ trang Sơn Tây cùng quân dân Sơn Hà nổ súng tấn công vào chi khu quân sự địch tại Hà Thành, tiêu diệt, làm bị thương và bắt sống một số tên địch. Đây là một trong 30 mục tiêu của địch trên toàn tỉnh bị quân dân ta tấn công trong đêm 30-8-1967.

Để đề phòng sự phản kích của địch, Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ban an ninh tỉnh cùng Huyện ủy Sơn Tây phối hợp bảo vệ trại giam phạm nhân chính trị ở Ra Manh (Sơn Dung). Lực lượng công an, du kích và đồng bào Sơn Dung đã cùng lực lượng an ninh tỉnh, lực lượng công an quản lý trại giam bí mật di chuyển toàn bộ số phạm nhân đi nơi khác. Đúng như ta dự kiến, sáng ngày 3-9-1967, địch cho nhiều máy bay chiến đấu đến oanh tạc xung quanh khu vực trại giam Ra Manh. Sau đó nhiều máy bay trực thăng đổ quân xuống nhằm hốt số phạm nhân chính trị do ta giam giữ ở đây. Nhưng địch chỉ thấy toàn những căn nhà trống. Bọn địch cảm nhận cái chết đang chờ chúng, nên vội vàng leo lên trực thăng chuồn thẳng về thị xã.

Sau hai mùa khô, Mỹ ngụy không thực hiện được “tìm diệt” chủ lực ta và “bình định” nông thôn Việt Nam; không cắt đứt được hành lang, không ngăn chặn được chi viện của miền Bắc; trái lại còn bị thiệt hại rất lớn về người, về của, về phương tiện chiến tranh. Tháng 12-1967, Bộ Chính trị ra nghị quyết về tổng

công kích và tổng khởi nghĩa, được hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 1-1968) thông qua và trở thành nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương. Nghị quyết nhận định: “Điểm cơ bản của tình hình vẫn là ta đang ở thế thắng, thế chủ động và thuận lợi. Địch đang ở thế thua, thế bị động và khó khăn” và đề ra “Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách của ta trong thời kỳ mới là động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta ở cả hai miền, đưa cuộc chiến tranh cách mạng của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích và tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định” (1).

Quán triệt nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy Quảng Ngãi chủ trương: “Động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh nỗ lực phi thường, quyết tâm cao độ, thực hiện nhiệm vụ tổng tấn công và nổi dậy đồng loạt trên toàn chiến trường... tiến lên giành chính quyền về tay nhân dân và kiên quyết bảo vệ chính quyền đó...” (2).

Tinh thần các nghị quyết trên cùng với lời thơ chúc tết 1968 (xuân Mậu Thân) của Hồ Chủ tịch:

(1)- Lịch sử Đảng CSVN tập II 1954-1975-Sổd- trang 387, 388.

(2)- Nghị quyết tháng 12-1967 của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, trích in trong Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm-Sổd-trang 306.

*“Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua
Thắng trận tin vui khắp nước nhà
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ
Tiến lên ! Toàn thắng ắt về ta!”*

đã gieo vào lòng Đảng bộ và quân dân Sơn Tây một niềm phấn khởi tin tưởng mới, càng thêm quyết tâm giành thắng lợi to lớn.

Sau khi học tập quán triệt nội dung nghị quyết của cấp trên, Huyện ủy đã vạch chương trình hành động và kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện, phân công một số huyện ủy viên trực tiếp chỉ đạo lực lượng đi phía trước và chỉ đạo từng mặt công tác ở phía sau. Huyện ủy Sơn Tây đã biến tinh thần “thời cơ ngàn năm có một” và khẩu hiệu “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng, tất cả để giành chính quyền về tay nhân dân” thành hành động; huy động, tổ chức một lực lượng khá lớn tham gia chiến dịch tổng công kích tổng khởi nghĩa xuân Mậu Thân:

- Tiến đưa gần 100 thanh niên lên đường gia nhập quân giải phóng.

- Trên 1.000 dân công vận chuyển hàng từ miền Bắc vào qua hành lang ngang huyện về cho tỉnh Quảng Ngãi. đi nhiều đợt, mỗi đợt 15 ngày.

- Trên 100 dân công (cùng với 100 dân công của huyện sông Rhe) vận chuyển hàng từ miền Bắc về,

mỗi ngày từ 4 đến 5 tấn hàng từ Con-Cờ-Lâu đi Con-Bờ-Ê cho tỉnh bạn.

- 270 dân công phục vụ các đơn vị bộ đội chủ lực trong 6 tháng (trước, trong và sau chiến dịch).

- 800 dân công xung kích được tổ chức thành trung đội, đại đội, tiểu đoàn có đủ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, chia làm 3 đợt, mỗi đợt từ 30 đến 60 ngày, sẵn sàng phục vụ chiến trường.

Như vậy là trên 50% lao động của huyện Sơn Tây tham gia chiến dịch xuân Mậu Thân ⁽¹⁾.

Lực lượng dân công trên hăng hái lên đường với khẩu hiệu thi đua “cống thêm một cân hàng là diệt thêm một tên giặc Mỹ”.

Cùng với huy động nhân lực, Huyện ủy còn tích cực tuyên truyền giáo dục vận động quần chúng thi đua đóng góp lương thực với mức cao nhất để phục vụ cho chiến dịch. Tổ sản xuất thi đua với tổ, xã thi đua với xã. Kết quả đã huy động nhân dân các dân tộc toàn huyện tự nguyện nộp vào kho 367 tấn lương thực (trong đó có 167 tấn gạo và 200 tấn màu quy thành gạo), so với năm 1966 tăng lên 201 tấn. Bình quân mỗi lao động đã đóng góp 99 kg gạo, là mức đóng góp khá cao so với toàn tỉnh, xếp vào loại nhất

(1)- Tài liệu lưu tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh.

nhì miền núi. Trong đó xuất hiện nhiều xóm, tổ đóng góp vượt mức, đặc biệt là tổ Cha Dom (Sơn Dung), tổ Anh Du (Sơn Bao) có 23 lao động đã đóng góp 1.700 ang lúa, bình quân mỗi lao động đóng góp 74 ang lúa, bằng 333 kg gạo.

Trong những ngày giáp tết, một bộ phận lực lượng huyện và du kích các xã của Sơn Tây được lệnh hành quân xuống tập kết quanh quận lỵ Sơn Hà để tham gia tổng công kích, tổng khởi nghĩa. Trong khi địch đang say sưa vui chơi tết, 2 giờ 30 phút sáng mùng 2 tết Mậu Thân, quân dân Sơn Hà có sự chi viện của lực lượng bộ đội du kích Sơn Tây, đã bất ngờ nổ súng tấn công vào các cơ quan nguy quân nguy quyền tại chi khu quận lỵ Sơn Hà; đánh trúng các mục tiêu, tiêu diệt một số tên địch và cơ sở chỉ huy hậu cần của địch.

Như vậy là trong chiến dịch xuân Mậu Thân, Đảng bộ và nhân dân Sơn Tây đã đóng góp nhiều nhân lực, vật lực cho tổng công kích tổng khởi nghĩa, trực tiếp tham gia tấn công đánh địch ở quận lỵ Sơn Hà, góp phần cùng toàn tỉnh, toàn miền làm rối loạn hậu phương địch, đảo lộn thế chiến trường bất lợi cho địch, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh. Từ đó đến

cuối năm 1968, bộ đội và du kích Sơn Tây tiếp tục tham gia tấn công địch ở phía trước trong các chiến dịch xuân, hè, thu 1968 và chống địch càn quét phản kích ở Sơn Hà, Trà Bồng, sông Rhe...

Huyện ủy vừa chỉ đạo quân dân trong huyện góp phần đánh địch ở phía trước và bảo vệ vùng căn cứ an toàn, vừa chú trọng chỉ đạo đẩy mạnh phong trào đổi công hợp tác tương trợ lao động phát triển sản xuất, coi đây là công tác quan trọng số một ở hậu cứ và xây dựng thực lực ta mạnh lên về mọi mặt.

Đến năm 1967, toàn huyện đã xây dựng và củng cố được 103 tổ hợp tác với 2.265 tổ viên, 65 tổ vòng đổi công với 1.100 tổ viên. Hầu hết hội viên nông dân, phụ nữ, đoàn viên thanh niên đều vào tổ hợp tác, phát huy vai trò nòng cốt trong sản xuất tập thể. Các xã Sơn Bao, Sơn Liên, Sơn Mùa, Sơn Dung... xây dựng nhiều tổ hợp tác nhất. Đây là sự tiến bộ đáng kể về hình thức lao động tập thể và trình độ quản lý của cán bộ cơ sở, mở đầu quá trình hợp tác hóa sản xuất nông nghiệp ở miền núi.

Chính nhờ vào lực lượng đổi công, nhất là hợp tác lao động mà nhân dân các dân tộc Sơn Tây nhanh chóng khắc phục những hậu quả do bom đạn, chất

độc hóa học của địch và thiên tai gây nên, giữ vững và phát triển nhịp độ sản xuất, bảo đảm đời sống và đóng góp phục vụ kháng chiến. Tính chung ba năm 1966, 1967, 1968 mức lương thực bình quân đầu người ở Sơn Tây vẫn bảo đảm từ 450 đến 500 kg chất bột/năm. Riêng năm 1966, Sơn Mùa đạt 548 kg, Sơn Dung đạt 477kg, Sơn Bao đạt 455 kg chất bột/người. Toàn huyện chăn nuôi đạt 35 kg thịt/người.

Cũng trong ba năm nói trên, Sơn Tây đã huy động nhân dân đóng góp cho kháng chiến 846 tấn gạo (trong đó có 550 tấn màu quý gạo). Bình quân mỗi lao động mỗi năm đóng góp cho kháng chiến trên 70 kg gạo. Đây là thành tích đáng khâm phục trong điều kiện địch đánh phá Sơn Tây rất ác liệt.

Ngoài ra, nhân dân còn bán cho hậu phương hàng trăm tấn gạo, hàng ngàn kg đậu, hàng vạn gốc mỳ để đổi lấy muối, nông cụ, thuốc chữa bệnh và các mặt hàng tiêu dùng cần thiết khác. Chỉ riêng xã Sơn Bao đã bán lương thực cho hậu phương mua về 6.000 lon muối, 727 bộ quần áo, 574 cà tu, 72 đôi chiếu, 57 chiếc khăn, 643 nông cụ sản xuất, 35 mét nilon...⁽¹⁾.

Ngoài tự nguyện nộp lương thực vào kho kháng chiến, nhân dân các dân tộc Sơn Tây còn ủng hộ các

(1)- Dựa theo báo cáo sản xuất hàng năm của Sơn Tây hoặc của tỉnh nói về Sơn Tây. Tài liệu lưu tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh.

cơ quan, đơn vị của cấp trên, của địa phương bạn đặt tại Sơn Tây nhiều gạo, mỳ, bắp, đậu, rau, củ, củi, heo, gà, dê, trâu, bò... để nuôi quân, ủy lạo bộ đội, nuôi thương bệnh binh, phục vụ các đại hội lớn.

Nhân dân Sơn Tây còn góp hàng ngàn ngày công làm nhà, dựng hội trường, đào hầm bảo vệ và phục vụ đại hội Đảng bộ huyện Sơn Tây lần thứ IV gồm hàng trăm đại biểu họp tại Sơn Tinh; đại hội đoàn kết các dân tộc Tây Nguyên gồm trên 300 đại biểu họp tại Sơn Mùa. Từ đó cho đến những năm cuối thập kỷ 60, đầu thập kỷ 70, nhân dân Sơn Tây đã đóng góp sức người sức của phục vụ hàng chục cơ quan, đơn vị của cấp trên với hàng ngàn quân đứng chân tại Sơn Tây:

- Ở Sơn Dung có các tiểu đoàn 20, 80 của Quân khu V, trại giam phạm nhân của tỉnh.

- Ở Sơn Tinh có đại đội 89, bộ đội địa phương của huyện Sơn Hà.

- Ở Sơn Mùa, Sơn Liên có xưởng sản xuất mìn, lựu đạn, đạn... trường y sĩ, trại sản xuất của tỉnh.

- Ở Sơn Bao có xưởng sửa chữa vũ khí của tỉnh.

- Ở Sơn Lập (nay là Sơn Tinh) có tiểu đoàn 95, trường quân chính, bệnh viện quân y của Quân khu V.

- Ở Sơn Mậu (nay là Sơn Tân) có trường đặc công, trường thông tin của Quân khu V và trường sư phạm miền Trung Trung bộ.

- Ở Sơn Bua có xí nghiệp dứa và trường Đảng tỉnh, cơ quan khu Sơn Trà.

- Ở Sơn Bao có các cơ quan huyện Sơn Hà, H 29 của Kon Tum ⁽¹⁾.

Sự đóng góp về nhân tài vật lực của nhân dân các dân tộc Sơn Tây cho kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong những năm 1965 - 1968 không lời nào tả cho hết, không bút giấy nào nói cho đủ.

Với những chiến công và thành tích nói trên, Đảng bộ và quân dân Sơn Tây đã góp phần xứng đáng cùng toàn tỉnh, toàn miền đánh bại chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ; đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước phát triển tiến lên, giành nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa trong thời kỳ tiếp theo.

Để biểu dương, khen thưởng phong trào thi đua yêu nước, kháng chiến chống Mỹ của nhân dân, nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (20/12/1960 - 20/12/1965), Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tặng thưởng:

(1)- Theo hồi ký đồng chí Lê Văn Đường.

- Huân chương thành đồng hạng III cho miền tây Quảng Ngãi ⁽¹⁾.

- Huân chương giải phóng hạng nhất cho quân dân xã Sơn Bao ⁽²⁾.

Ủy ban Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã tặng cho Đảng bộ và quân dân huyện Sơn Tây Huân chương giải phóng hạng III về thành tích toàn diện trong năm 1968 ⁽³⁾.

Tại đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ III (tháng 10-1968), đồng chí Lê Văn Đường đã báo cáo đánh giá chung về tình hình Sơn Tây thời kỳ 1965 - 1968 như sau:

"... Ca Dong là một dân tộc ít người ở vùng cao tỉnh nhà. Trước đây, người Ca Dong không biết làm cách mạng, đói khổ, mù chữ, lạc hậu. Nhờ có Đảng về mà nay người Ca Dong biết làm cách mạng, biết cái chữ, đọc được sách báo; biết làm ăn tập thể đi lên hợp tác lao động nên đời sống no đủ... Rất nhiều thanh niên đi bộ đội, vào du kích. Các phong tục tập quán lạc hậu đã được xóa bỏ nhiều... Tất cả đều là nhờ công ơn của Đảng.

(1)- Trong đó có Đảng bộ và quân dân huyện Sơn Tây.

(2) Tài liệu tại bộ phân lịch sử Đảng tỉnh.

(3)- Sự kiện này đã được đưa lên báo Cờ giải phóng miền Trung - Trung bộ - Số 88 ra ngày 20/12/1968.

Nhưng vẫn còn một số cán bộ, đảng viên không muốn đi xa, chưa gương mẫu trong xây dựng lề lối làm ăn tập thể; sản xuất chưa định canh, định cư; việc cúng bái có nơi, có lúc lại phát triển.

Chúng tôi xin chịu trách nhiệm trước đại hội về việc khắc phục các khuyết điểm trên, đồng viên giáo dục cán bộ, đảng viên và quần dân ở vùng Ca Dong thực hiện tốt nghị quyết đại hội. Người Ca Dong thể một lòng trung thành với Đảng^{a(1)}.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III đã trang trọng tuyên dương Đảng bộ huyện Sơn Tây trong thời kỳ 1965 - 1968: “Đã lãnh đạo xây dựng và giữ vững phong trào đổi công hợp tác tương trợ lao động, đẩy mạnh sản xuất đạt năng suất bình quân đầu người cao nhất trong tỉnh; nâng cao đời sống quần chúng và có thành tích đóng góp nhân tài vật lực cho kháng chiến”⁽²⁾.

Những đánh giá nhận xét trên là sự tổng kết chính xác, đầy đủ về sự lãnh đạo của Đảng bộ và phong trào kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân Sơn Tây trong thời kỳ 1965 - 1968, góp phần cùng toàn tỉnh, toàn miền đánh thắng “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ.

(1) - (2)- Tạp chí Cờ Hồng- Tlđđ - trang 56, 68.

3- Tham gia đánh thắng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ (1969 - 1975):

Thất bại trong chiến lược “chiến tranh cục bộ”, đế quốc Mỹ buộc phải xuống thang chiến tranh, chủ trương “phi Mỹ hóa” cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, sau đó chuyển thành chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”, rút dần quân Mỹ và chư hầu về nước; chính quyền Mỹ buộc phải ngồi vào bàn đàm phán với đại diện Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa và Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam tại Paris từ ngày 25-1-1969.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng ta nhận định: “Mỹ phải xuống thang chiến tranh nhưng lại muốn xuống thang trên thế mạnh, phải rút quân Mỹ ra mà lại muốn quân nguy mạnh lên, muốn giảm thương vong và chiến phí cho quân Mỹ nhưng lại buộc rút nhỏ giọt. Đây chính là những chỗ yếu cơ bản của chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” (1).

Ở Sơn Tây, thời kỳ 1969 - 1972 vẫn bị địch liên tục đánh phá, thủ đoạn của địch là tung do thám, gián điệp, biệt kích, đến dò la tình hình, đổ quân, đánh phá cơ quan, kho tàng, xóm làng ta. Điển hình là trận đánh phá của 100 tên biệt kích từ Kon Tum xuống

(1)- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II-Sdd-trang 437.

vào tháng 1-1969. Tháng 3-1970, trung đoàn 2 nguy
mở một trận càn lớn vào Sơn Tây. Đầu tháng 7-1971,
địch cho máy bay trực thăng đổ quân, xe ủi, pháo
105mm xuống đồi PaĐúc (Sơn Tân), Ngọc Tà Rua
(Sơn Dung), Sơn Mùa, Sơn Bua đánh phá ta đến giữa
tháng 8-1971. Địch còn liên tục ném bom, bắn pháo,
rải chất độc hóa học xuống tất cả các xã. Hai năm
1969 - 1970 đã có 147 lượt chiếc máy bay B52 ném
bom rải thảm xuống Sơn Tây. Chủ yếu địch đánh phá
hành lang Bắc Nam và tiềm lực kháng chiến của ta
tại vùng căn cứ Sơn Tây.

Với những thủ đoạn trên, địch đã gây cho Sơn Tây
khá nhiều tổn thất⁽¹⁾. Riêng hoa màu năm 1969 toàn
huyện bị chất độc hóa học hủy diệt 190 ang giống lúa
nước, 8.750 ang giống lúa rẫy, 4 triệu gốc mỳ, 17.850
lon giống bắp, 443 công giống dây lang...

Vừa đánh phá, hủy diệt ta, địch vừa cho máy bay
đi loa “kêu gọi cán binh Việt Cộng và dân chúng hãy
nghe theo chính sách chiêu hồi, chiêu an của quốc
gia”; chúng còn giả nhân giả nghĩa kêu gọi đồng bào
ta xuống Hà Thành để nhận tiền bồi thường, tiền cho

(1)- Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà - Sdd - trang 219 ghi: “Từ năm 1969 đến năm 1972 ở huyện Sơn Hà và Sơn Tây có 718 người chết, 999 người bị thương, 3.895 nóc nhà bị đốt, 11.322 ang giống lúa, 600 ang giống bắp, 7 triệu gốc mỳ bị hủy diệt, 4.893 con trâu, bò, heo bị giết và bị cướp”.

vay chăn nuôi... Đồng bào ta càng nhận rõ âm mưu lừa bịp, đồn dân, bắt lính của địch.

Về ta, sau một năm dốc sức người sức của tham gia tổng tấn công và nổi dậy, trong Đảng bộ và nhân dân xuất hiện tư tưởng mệt mỏi, ngán lâu dài, giảm sút ý chí chiến đấu. Sự đánh phá của địch đã gây nhiều thiệt hại cho ta nên việc sản xuất bị hạn chế. Một số thôn xóm đã bị đói cơm, lạt muối, bệnh dịch hoành hành. Đồng chí Bí thư Huyện ủy Lê Văn Đường bị bệnh, ra Bắc điều trị từ cuối năm 1968.

Thường vụ Tỉnh ủy quyết định đưa đồng chí Nguyễn Văn Hai (Đỗ Xa) người Bình Sơn làm Bí thư Huyện ủy Sơn Tây. Huyện ủy đã truyền đạt đến các chi bộ, đoàn thể và nhân dân các dân tộc về nhiệm vụ trong thời kỳ mới là “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào” (Thư chúc mừng năm mới ngày 1-1-1969 của Hồ Chủ tịch); đồng thời triển khai việc học tập và tổ chức thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III. Huyện ủy chủ trương: “Động viên toàn Đảng bộ và quân dân trong huyện kiên quyết giữ vững và xây dựng vùng căn cứ địa vững mạnh; bảo đảm đánh thắng địch tại chỗ và tấn công địch ở phía trước; thực hiện phong trào cán bộ bám dân, giữ dân, du kích và bộ đội bám đánh địch, dân bám ruộng rẫy, đẩy mạnh sản xuất. Khẩu hiệu hành động lúc này là “Thề quyết tử giữ quê hương”, “Cố dân là cố tất cả”,

“Kiên quyết đánh bại “Việt Nam hóa chiến tranh của đế quốc Mỹ”. Hàng loạt cuộc hội nghị học tập ở các ngành giới huyện đến các chi bộ xã, thôn, xóm, cùng nhau ký nhiều quyết tâm thư trên vải đỏ gởi lên huyện, tỉnh, thế:

- Kiên quyết theo Đảng đánh Mỹ đến cùng!

- Thề quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh!

- Quyết tâm tiêu diệt giặc Mỹ để trả thù cho đồng bào Sơn Mỹ ⁽¹⁾.

Những quyết tâm thư trên đã biến thành hành động cách mạng sôi nổi trong toàn huyện.

Ngày 6/6/1969, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam được thành lập. Sự kiện chính trị này động viên cổ vũ lớn lao đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân miền Nam.

Trong lúc cuộc chiến đấu giữa ta và địch đang diễn ra gay go ác liệt thì một tin đau đớn truyền đến Sơn Tây qua đài tiếng nói Việt Nam: Bác Hồ muôn vàn kính yêu, lãnh tụ vĩ đại của Đảng ta và của đại gia đình các dân tộc Việt Nam đã qua đời tại Hà Nội vào lúc 9 giờ 47 phút ngày 3/9/1969 ⁽²⁾. Đồng chí, đồng

(1)- Ngày 16/3/1968, giặc Mỹ giết hại 504 thương dân Sơn Mỹ (xã Tịnh Khê, huyện Sơn Tịnh).

(2)- Tháng 8/1990, Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng chính thức thông báo : Bác qua đời ngày 2/9/1969.

bào các dân tộc và chiến sĩ ta vô cùng đau buồn, thương tiếc Bác. Nhiều người đã khóc Bác với lòng ân hận là mình chưa đáp ứng được lòng mong mỏi thiết tha của Bác : giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước để Bác vào thăm.

Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, ngày 9/9/1969, Huyện ủy Sơn Tây long trọng tổ chức lễ truy điệu Hồ Chủ tịch, có hàng ngàn người dự. Đồng chí, đồng bào và chiến sĩ đã hướng về thủ đô Hà Nội, lắng nghe từng lời di chúc thiêng liêng của Bác và diếu văn của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Trước bàn thờ Bác, đồng chí Bí thư Huyện ủy Nguyễn Văn Hai thay mặt toàn Đảng bộ và quân dân Sơn Tây hứa với Bác: “Đoàn kết chặt chẽ xung quanh Ban chấp hành Trung ương Đảng quyết tâm thực hiện cho bằng được di chúc của Bác và 5 lời thề của Trung ương, nguyện chấp hành tốt mọi nghị quyết, chỉ thị của cấp trên, đem hết sức mình cùng toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trong tỉnh, trong nước chiến đấu đến cùng, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, như lời Bác dạy trước lúc đi xa”. Huyện ủy đã phát động phong trào “thi đua lập công đền ơn Bác”, “biến đau thương thành sức mạnh, lập thành tích cao nhất trong sản xuất, chiến đấu và xây dựng căn cứ địa”.

Để góp phần đánh thắng “Việt Nam hóa chiến tranh” của địch, Khu ủy V và Tỉnh ủy Quảng Ngãi tiếp tục chỉ đạo xây dựng vùng căn cứ địa:

Đầu năm 1970, Khu ủy V quyết định nhập huyện Sơn Tây với đông huyện Trà Bồng (trừ các xã người Kinh Trà Xuân, Trà Phú, Trà Hòa) và tây huyện Trà Bồng, thành lập khu Sơn Trà, trực thuộc Khu ủy V do đồng chí Nguyễn Viết Chới⁽¹⁾ - Ủy viên Ban thường vụ Tỉnh ủy làm bí thư, đặt cơ quan tại huyện Sơn Tây và Mang Xin lớn.

Tháng 11-1970, Tỉnh ủy ra nghị quyết: “Vùng căn cứ có một vị trí chiến lược vô cùng quan trọng. Phải khẩn trương xây dựng căn cứ địa vững mạnh về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa - xã hội làm chỗ dựa vững chắc cho cách mạng, bảo đảm giành thắng lợi trong mọi tình huống”⁽²⁾. Đồng thời, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi quyết định chia địa bàn tỉnh thành ba vùng để chỉ đạo cho sát. Vùng I gồm các huyện miền núi (trong đó có Sơn Tây) và tiểu đoàn 20, đơn vị vũ trang tập trung quân khu vừa giao về cho tỉnh.

Tháng 9/1971, Tỉnh ủy ra tiếp nghị quyết: “Căn cứ địa cách mạng là nhân tố rất quan trọng để kiên

(1)- Đồng chí Nguyễn Viết Chới, nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy Nghệ An, được Trung ương điều động bổ sung cho Tỉnh ủy Quảng Ngãi từ năm 1966.

(2)- Lưu tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh.

trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước hiện nay đến thắng lợi hoàn toàn để giữ nước và dựng nước lâu dài.

“Căn cứ địa phải được xây dựng toàn diện, lấy mặt chính trị làm cơ sở (phát động quần chúng, xây dựng Đảng, đào tạo cán bộ địa phương), lấy xây dựng kinh tế đẩy mạnh sản xuất lương thực, cải thiện đời sống quần chúng và phục vụ kháng chiến làm khâu trung tâm cho trước mắt và lâu dài, gắn chặt các mặt nói trên với phát triển phong trào nhân dân du kích chiến tranh chống địch, bảo vệ căn cứ, hành lang...”⁽¹⁾.

Huyện ủy Sơn tây mở nhiều đợt sinh hoạt chính trị từ trong Đảng ra cán bộ quân dân chính huyện, xã và các đoàn thể quần chúng với nội dung học tập và làm theo di chúc Bác và các nghị quyết của Đảng; tự phê bình và phê bình, phát huy những điển hình “tiên tiến”, “quyết thắng” và đấu tranh khắc phục những biểu hiện dao động, ngán lâu dài, ngại ác liệt, sợ hy sinh, nặng gia đình; lập chương trình cụ thể để biến di chúc Bác và các nghị quyết của cấp trên thành hành động cụ thể.

Nhờ đó, từ năm 1969 đến năm 1972, các nhiệm vụ trọng tâm xây dựng căn cứ địa do Tỉnh ủy và Huyện

(1)- Lưu tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh.

ủy đề ra được triển khai thực hiện rộng khắp, đạt được những thành tích rất đáng phấn khởi.

Về xây dựng Đảng, toàn huyện phát triển thêm gần 90 đảng viên, đưa tổng số đảng viên của Đảng bộ Sơn Tây lên 399 đồng chí. Đinh Cha Lập ở Sơn Dung, 51 tuổi được kết nạp vào Đảng năm 1969, rất phấn khởi, sản xuất được bao nhiêu ủng hộ hết cho cách mạng. 96% đảng viên tham gia học các nghị quyết của Đảng, 94% cán bộ nhân viên cơ quan huyện học chính huấn ⁽¹⁾. Công tác xây dựng đảng viên bốn tốt, chi bộ bốn tốt và xây dựng xã ba vững mạnh phát triển vào chiều sâu, gắn kết với thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của chi bộ, của các xã.

Đoàn thanh niên nhân dân cách mạng phát triển trên 50 đoàn viên, đưa tổng số đoàn viên toàn huyện lên 253 người ⁽²⁾. Hầu hết đoàn viên và thanh niên Sơn Tây nằm trong lực lượng vũ trang huyện, du kích xã, thôn.

Tổ chức vòng đối công hợp tác tương trợ lao động được duy trì và củng cố vững chắc. Toàn huyện có 3.750 lao động thì đã có 1.870 người tham gia 61 tổ vòng đối công (hình thức lao động tập thể thấp), 1.803 người tham gia 69 tổ hợp tác (hình thức lao động tập thể cao) ⁽³⁾, hoạt động ngày càng tích cực.

(1), (2), (3)- Số liệu trích từ các báo cáo hằng năm của huyện, hoặc của tỉnh nói về Sơn Tây - lưu trữ tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh.

Vai trò đoàn thể nông dân và phụ nữ giải phóng ngày càng phát huy tác dụng tốt trong tổ chức vòng đời công và hợp tác tương trợ lao động, mang lại hiệu quả ngày càng cao về đoàn kết nông thôn, đẩy mạnh sản xuất và đóng góp phục vụ kháng chiến.

Cùng với xây dựng Đảng và các đoàn thể quần chúng, Huyện ủy đã trực tiếp chỉ đạo xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng của nhân dân ngày càng vững mạnh. Từ sau ngày 6/6/1969, công tác xây dựng chính quyền cách mạng đã đi vào nề nếp. Nhân dân được học tập về ý nghĩa thắng lợi to lớn của việc thành lập Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Hội đồng cố vấn của Chính phủ; về ý nghĩa mục đích thành lập chính quyền cách mạng các cấp; học tập nguyên tắc, thể lệ ứng cử, bầu cử... Từ đó, nhân dân tự giác hăng hái tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân xã. Hội đồng nhân dân xã bầu ra Ủy ban nhân dân cách mạng xã. Sau đó, Hội đồng nhân dân các xã bầu ra Hội đồng nhân dân huyện; Hội đồng nhân dân huyện bầu ra Ủy ban nhân dân cách mạng huyện. Qua lãnh đạo và chỉ đạo các đợt bầu cử này, Đảng bộ Sơn Tây đã trưởng thành nhiều về xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân; thực hiện được vai trò “Đảng cầm quyền” ở vùng căn cứ. Nhiều cán bộ, đảng viên trẻ, nữ, người dân tộc đã được các cấp bộ Đảng trong huyện bồi dưỡng,

bố trí vào các cương vị lãnh đạo trong Ủy ban nhân dân cách mạng và các ngành thuộc khối chính quyền ở cấp huyện và các xã.

Trong bốn năm, Huyện ủy đã đưa hàng trăm lượt cán bộ huyện đi học tập ở trường Đảng tỉnh và trường Đảng Khu V, hàng trăm lượt cán bộ xã đi học trường Đảng tỉnh. Qua đó, chất lượng chính trị tư tưởng, trình độ năng lực vận động quần chúng của đội ngũ cán bộ Sơn Tây ngày càng được nâng cao, hầu hết bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Đảng bộ và chính quyền cách mạng huyện Sơn Tây tiếp tục xây dựng phong trào nhân dân du kích chiến tranh, làng chiến đấu, các tuyến bố phòng bằng chông, thò, mìn tự tạo, hầm hố tránh phi pháo. Công sự tác chiến thường xuyên được kiểm tra tu bổ, làm mới để đối phó với địch. Lực lượng dân quân du kích xã thôn được xây dựng đạt bình quân hằng năm 12,8% dân số, năm 1969 cao nhất đạt 14%. Xã nào cũng có một trung đội du kích tập trung và một ban chỉ huy xã đội từ 4 đến 6 người. Đến năm 1970 lực lượng bộ đội huyện từ hai trung đội đã xây dựng lên thành một đại đội, gồm ba trung đội gần 100 tay súng, được bồi dưỡng lập trường, quan điểm, tư tưởng cách mạng sâu sắc hơn, được trang bị vũ khí, quân trang quân dụng khá hơn trước, được huấn luyện cách đánh

mới. Năm 1969, Sơn Tây có 854 du kích xã thôn. Đến năm 1972 tăng lên 975 người (có 458 du kích xã, 517 du kích thôn). Với phong trào nhân dân du kích chiến tranh vững mạnh đều khắp, với tinh thần sẵn sàng chiến đấu đánh địch cao, quân dân Sơn Tây đã đánh bại các cuộc hành quân càn quét của địch trong các năm 1969, 1970, 1971, tiêu diệt được một số tên địch, bắt được một số tên biệt kích, do thám, gián điệp, bảo vệ an toàn vùng căn cứ địa. Ngoài ra, hai phần ba bộ đội huyện và gần 50% du kích xã thường xuyên được Tỉnh đội điều động ra phía trước phối hợp với các lực lượng của tỉnh, quân khu và các huyện bạn đánh địch ở phía trước Sơn Hà, Trà Bồng, sông Rhe...

Tháng 1/1972, Tỉnh ủy ra nghị quyết mới: "...Tranh thủ thời gian, nắm bắt thời cơ lớn, tạo thế tạo lực, tạo thời cơ phát triển thế tấn công địch bằng ba mũi giáp công trên cả ba vùng. Kiên quyết đánh bại về cơ bản kế hoạch "bình định" nông thôn của địch ở địa phương, góp phần đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ..."⁽¹⁾. Thực hiện nghị quyết trên, quân dân Sơn Tây đã phối hợp với quân dân Sơn Hà tấn công tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

(1)- Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm-Sdd - tr. 363.

Tính chung từ năm 1969 đến 1972, bộ đội và du kích Sơn Tây đã phối hợp với Sơn Hà đánh địch 374 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 3.024 tên địch, có 595 tên Mỹ, bắn rơi 27 máy bay địch, bắn hỏng 26 chiếc khác, thu 159 súng các loại ⁽¹⁾.

Huyện ủy đã tăng cường chỉ đạo xây dựng kinh tế, đẩy mạnh sản xuất lương thực, cải thiện đời sống quần chúng và phục vụ kháng chiến, coi đây là nhiệm vụ trung tâm của vùng căn cứ, với tinh thần “xem sản xuất như giết giặc, chỉ tiêu kế hoạch như mệnh lệnh chiến đấu, sản xuất phải đi đôi với bảo vệ sản xuất”. Lúc này, tỉnh đã điều động về Sơn Tây một kỹ sư và một số cán bộ trung cấp nông nghiệp. Đây là những cán bộ kỹ thuật nông nghiệp đầu tiên giúp Sơn Tây đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Huyện ủy và chính quyền cách mạng huyện đã bỏ vốn mua mấy đôi trâu, giúp các tổ vùng công, hợp tác cày ruộng; lập một lò rèn công doanh để sản xuất nông cụ cho nhân dân.

Năm 1969, chất độc hóa học và bom đạn địch đánh phá nhiều, làm hư 8.700 ang giống lúa, 4 triệu gốc mì. Vì vậy, lương thực bình quân đầu người chỉ đạt 249 kg, giảm sút nhiều so với mấy năm trước.

(1)- Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà - Sdd - trang 228.

Năm 1970, với phong trào thi đua “lập công đền ơn Bác”, “Quyết tâm thực hiện di chúc Bác”, Lập thành tích chào mừng kỷ niệm 40 năm thành lập Đảng, 25 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc Khánh 2- 9 (1945 - 1970), toàn huyện đã đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện. Nhân dân đã vỡ thêm ruộng lúa nước, đưa diện tích hai vụ lên 800 ang giống; trồng mới 6 triệu gốc mỳ... Bình quân mỗi lao động Sơn Tây sản xuất 4,6 ang giống lúa, 4.000 gốc mỳ. Riêng Sơn Bua, mỗi lao động sản xuất 6 ang giống lúa, 7.000 gốc mỳ. Sơn Liên, Sơn Dung mỗi lao động 5 ang giống lúa. Nhờ đó tổng sản lượng lương thực quy thóc cả năm đạt trên 2.884 tấn ⁽¹⁾, bình quân lương thực đầu người 412 kg, mức cao nhất trong năm 1969 - 1972.

Tính chung trong bốn năm trên, huyện Sơn tây đã sản xuất được 10.552 tấn lương thực quy thóc. Năm 1972, sản lượng lương thực quy thóc khá cao : 3.037 tấn, song bình quân đầu người thấp hơn năm 1970, chỉ có 405 kg, vì dân số tăng từ trên 7.200 người lên trên 7.500 người. Đi đôi với trồng trọt, nhân dân đã phát triển chăn nuôi gia súc gia cầm. Năm 1972, đàn

(1)- Số liệu trích từ các báo cáo hàng năm của Sơn Tây, hoặc báo cáo của tỉnh nói về Sơn Tây - Lưu tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh. Riêng năm 1970, tổng sản lượng lương thực quy thóc cả khu Sơn Trà là 6.587,2 tấn.

heo gần 5.000 con, trâu 50 con, dê 60 con, gà gần 5.000 con; so với năm 1969 tăng 1.700 con heo, 5 con trâu, 8 con dê, 1.900 con gà (chưa tính số giết thịt trong bốn năm). Bình quân đầu người 15,7 kg thịt/năm⁽¹⁾.

Nhờ đẩy mạnh sản xuất, Đảng bộ và chính quyền huyện đã tích cực động viên và nhân dân tự nguyện đóng góp lương thực phục vụ kháng chiến ngày càng cao. Năm 1969, toàn huyện chỉ đóng góp được 25 tấn, năm 1972, đã đóng góp được 85 tấn và nhiều rẫy mỳ dự trữ với hàng triệu gốc mỳ, mỗi gốc hai, ba kg củ tươi. Năm nào nhân dân Sơn Tây cũng bán cho chính quyền cách mạng từ 150 đến 260 tấn lương thực. Ngoài ra, mỗi năm nhân dân còn ủng hộ hàng chục con trâu, bò, dê, hàng trăm con heo, con gà cho các cơ quan, đơn vị đóng tại huyện, các cuộc đại hội, hội nghị mở tại huyện và các đơn vị bộ đội, các đoàn cán bộ đi trên hành lang 559 qua huyện.

Những thành tựu về sản xuất, bảo vệ sản xuất, động viên đóng góp và thu mua lương thực nuôi quân là kết quả rõ nhất trong việc thực hiện phương

(1)- Số liệu trích từ các báo cáo hằng năm của Sơn Tây, hoặc báo cáo của tỉnh nói về Sơn Tây - Lưu tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh.

hướng Huyện ủy đề ra: “Ăn no đánh thắng”, “Thực túc binh cường”.

Đi đôi với sản xuất, Sơn Tây đã có hàng trăm thanh niên tòng quân gia nhập quân giải phóng, hàng ngàn dân công tham gia vận chuyển hàng hóa từ miền Bắc vào miền Nam. Năm 1970, thanh niên Sơn Tây nô nức tòng quân thực hiện di chúc Bác Hồ “Hễ còn một tên giặc Mỹ trên đất nước ta thì chúng ta còn phải chiến đấu quét sạch nó đi”. Dân công Sơn Tây thi đua: “Cống thêm 1 kg hàng là diệt thêm một tên giặc Mỹ”. Với tinh thần đó, chỉ riêng năm 1972 đã có 86 thanh niên tòng quân, dân công Sơn Tây đã vận chuyển được 230.000 kg hàng sâu xuống hướng đông, vào hướng nam, đến các chiến trường tỉnh ta và các tỉnh miền Nam Trung bộ. Ngoài ra, năm 1972, nhân dân Sơn Tây đã góp 9.000 ngày công mở đường cho xe cơ giới, xe kéo pháo của ta tiến về Nam và tiến xuống đồng bằng.

Về mặt văn hóa xã hội, từ năm 1969 đến năm 1972, Sơn Tây đã có những thành tích và tiến bộ mới. Những lớp học cho con em bị địch đánh phá đã được xây dựng tu sửa lại. Một số xã làm mới những lớp học chắc chắn và đẹp hơn. Nhiều con em đồng bào các dân tộc được đi học. Một số thanh niên Ca Dong biết chữ khá và thanh niên Kinh đã được chọn đưa đi

học sư phạm do Tiểu ban giáo dục tỉnh đào tạo, về dạy học cho con em. Đồng bào các xã Sơn Bua, Sơn Bao, Sơn Dung xây dựng quỹ giáo dục để nuôi giáo viên. Từ năm 1972, máy bay bom đạn địch giảm bớt, nên cả ban ngày lẫn ban đêm, trong các thôn xóm đã vang lên tiếng trẻ em học bài rộn ràng vui vẻ. Người lớn cũng hăng hái tham gia học bổ túc văn hóa. Đến năm 1972, nhiều cán bộ xã thôn có trình độ học vấn lớp 3, còn số khác ít nhất cũng học xong lớp một.

Hầu hết nhân dân sơ tán vào rừng đã về lại làng, làm nhà mới, sửa nhà bị hư, làm lại chuồng trâu, bò, heo, dê xa nhà, tiếp tục thực hiện phong trào ăn sạch, ở sạch, uống sạch...

Trạm y tế huyện được củng cố do một bác sĩ người dân tộc phụ trách, bổ sung y tá mới ra trường. Được sự giúp đỡ của Ban dân y tỉnh và một số đơn vị quân y trên địa bàn, Sơn Tây đã cử một số nam nữ thanh niên đi đào tạo y tá, hộ sinh đợt I, đưa một số y tá đợt I đi đào tạo y tá đợt II, đẩy mạnh hoạt động của các tổ sản xuất thuốc nam..., bổ sung cán bộ cho trạm y tế các xã, lập tủ thuốc xã.

Nhờ các hoạt động trên, số đồng bào bị bệnh, bị thương dần dần được cứu chữa điều trị khỏi; sức khỏe của nhân dân được chăm sóc chu đáo hơn, nên ngày một khá lên.

Phong trào văn nghệ quần chúng được khôi phục và phát triển. Đêm đêm, tiếng trống chiêng, nhạc cụ dân tộc lại vang vọng khắp thôn xóm núi rừng. Cán bộ, bộ đội dạy hát cho thanh thiếu nhi. Không khí vùng căn cứ giải phóng trở lại vui tươi, góp phần xua tan căng thẳng sau những trận chiến đấu, những chuyển chuyển hàng, những đợt thi đua lao động... góp phần tăng thêm phần khởi, tin tưởng, lạc quan cách mạng trong nhân dân.

Những chiến công và thành tích của Đảng bộ và quân dân Sơn Tây từ năm 1969 đến năm 1972 đã góp phần xứng đáng cùng toàn tỉnh, toàn miền đánh bại một bước rất cơ bản chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của đế quốc Mỹ.

Bị thất bại nặng nề trên khắp chiến trường miền Nam trong năm 1972, lại bị quân dân miền Bắc đập tan cuộc tập kích bằng không quân vào Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh miền Bắc trong những ngày cuối năm 1972, chính quyền Mỹ buộc phải ký kết hiệp định Paris vào ngày 27-1-1973, cam kết: chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân Mỹ và chư hầu về nước; tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam; chấm dứt dính líu quân sự và can thiệp vào nội bộ miền Nam Việt Nam;

thừa nhận thực tế ở miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội ⁽¹⁾.

Đây là thắng lợi rất to lớn của nhân dân ta, là thất bại rất nặng nề của đế quốc Mỹ và tay sai.

Cách mạng miền Nam bước sang một giai đoạn mới. So sánh lực lượng giữa ta và địch thay đổi căn bản có lợi cho ta, bất lợi cho địch. Chúng ta đã đánh cho Mỹ cút. Đây là điều kiện thuận lợi để tiến lên đánh cho ngụy nhào, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Nhưng với bản chất phản động, hiếu chiến, đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ chính sách áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam, âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Trước khi ký kết hiệp định, Mỹ đã đưa thêm vào miền Nam Việt Nam nhiều máy bay, tàu chiến, xe tăng, xe bọc thép, pháo hạng nặng, đưa “dự trữ vật tư chiến tranh lên gần 2 triệu tấn” ⁽²⁾. Sau ngày làm lễ cuốn cờ (tại Sài Gòn) để rút quân (27-3-1973), Mỹ vẫn để lại hàng loạt nhân viên quân sự đội lốt dân sự và duy trì một lực lượng răn đe ở Đông Nam Á.

(1)- Hai chính quyền là Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và ngụy quyền Sài Gòn; hai quân đội là quân giải phóng Việt Nam (trước họ cứ đòi quân đội Bắc Việt Nam phải rút về miền Bắc) và quân ngụy Sài Gòn.

(2)- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập II - Sdd - trang 591.

Được Mỹ hà hơi tiếp sức, hiệp định Paris chưa ráo mực, tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu đã thực hiện kế hoạch “tràn ngập lãnh thổ”, hòng “xóa thế đa bảo” ở nông thôn đồng bằng; tiếp tục dùng phi pháo đánh phá vào hành lang, căn cứ hậu phương của ta ở miền núi.

Riêng năm 1973, địch đã 9 lần dùng máy bay và pháo lớn ném bom, bắn phá vào Sơn Tây, gây thêm những tổn thất mới về người và của cho nhân dân ta. Địch tung bọm do thám, gián điệp, biệt kích đến dò la, đánh phá ta, cho máy bay đi loa tung ra nhiều luận điệu chiến tranh tâm lý như “Có hiệp định Paris là do Mỹ đã thắng, nguy đã mạnh đủ sức chống cộng”, “Mỹ chỉ rút quân ra hạm đội 7, nếu Việt cộng đánh lớn, Mỹ sẽ trở lại”, vu cáo ta “vi phạm hiệp định” hòng lung đoạn tư tưởng quần chúng. Ta mở đường ô tô thì chúng tuyên truyền là sẽ tạo điều kiện cho quân đội cộng hòa hành quân từ Nà Niêu vào hay từ Kon Tum xuống.

Rõ ràng là đế quốc Mỹ đang tiếp tục cuộc chiến tranh xâm lược không có lính Mỹ, chứ không phải “nội chiến” như chúng rêu rao.

Đầu năm 1973, đồng chí Lê Văn Đường từ miền Bắc trở về quê hương. Tháng 6-1973, Đại Hội đại

biểu Đảng bộ huyện Sơn Tây lần thứ VII họp tại Sơn Dung. Sau khi kiểm điểm đánh giá sự lãnh đạo của Đảng bộ và các phong trào cách mạng của quần chúng trong thời gian qua, đại hội đã đề ra nhiệm vụ mới, tập trung vào mục tiêu xây dựng huyện mạnh lên về mọi mặt để làm tròn trách nhiệm vùng căn cứ hành lang của tỉnh, của Khu V trong thời kỳ mới. Đại hội đã bầu 21 đồng chí vào Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa VII (có 2 dự khuyết). Đồng chí Lê Văn Đường được cử làm bí thư ⁽¹⁾.

Thấy rõ âm mưu địch, tháng 7-1973, hội nghị lần thứ 21 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã vạch rõ nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ V (họp tháng 8-1973) đã xác định: “Con đường tất yếu để giải phóng quê hương, giải phóng miền Nam là con đường bạo lực. Phải tổ chức lực lượng, giữ vững địa bàn, nắm vững tư tưởng chiến lược tiến công, kiên quyết đánh bại âm mưu “bình định” lấn chiếm của địch” ⁽²⁾.

Huyện ủy Sơn Tây đã tổ chức học tập các nghị quyết nói trên từ trong Đảng ra quần chúng, làm cho

(1)- Giữa đại hội lần thứ V (tháng 5-1967) và đại hội lần thứ VII (6-1973) có đại hội lần thứ VI vào năm 1970 nhưng chưa sưu tầm được tài liệu đầy đủ.

(2)- Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm-Sdd-trang 400.

cán bộ, đảng viên, chiến sĩ, du kích và đồng bào trong huyện nhận thức rõ về ý nghĩa thắng lợi của việc ký kết hiệp định Paris, nhận thức rõ về địch, ta trong tình hình mới, về con đường cách mạng bạo lực. Qua đó từng bước khắc phục những biểu hiện nhận thức tư tưởng lệch lạc trong một bộ phận đảng viên, chiến sĩ và quần chúng như ảo tưởng hòa bình, mơ hồ mất cảnh giác với địch, hữu khuynh cơ thủ, nặng gia đình, muốn nghỉ ngơi, xả hơi cho lại sức... Nhờ vậy, Đảng bộ và quân dân Sơn Tây vẫn giữ vững và phát triển tốt các mặt công tác xây dựng hậu cứ về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa xã hội.

Địch dùng bom pháo đánh phá một số vùng, cho biệt kích đi lùng ngày càng thưa thớt hơn, không ác liệt căng thẳng như trước. Đó là tương quan lực lượng trên chiến trường giữa ta và địch đã thay đổi bất lợi cho địch, địch chỉ còn sức lực đối phó với ta ở nông thôn đồng bằng và đô thị. Vì thế, Sơn Tây có điều kiện củng cố và phát triển thực lực cách mạng vững mạnh hơn, đẩy mạnh sản xuất tốt hơn, tham gia đông hơn, dài ngày hơn vào việc mở đường cho xe cơ giới và pháo binh ta tiến ra tiền tuyến.

Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Tỉnh ủy và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII,

Huyện ủy Sơn Tây chỉ đạo tập trung sức củng cố các tổ chức Đảng, xây dựng chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng từ huyện đến xã mạnh lên một bước, tiếp tục đẩy mạnh phong trào nhân dân du kích chiến tranh, củng cố và phát triển lực lượng công an 10 xã lên 192 chiến sĩ; đánh bại mọi âm mưu đánh phá của địch, bảo vệ vững chắc hành lang bàn đạp vùng hậu cứ; tiếp tục đưa một bộ phận lực lượng huyện và du kích xã ra phía trước tham gia tấn công tiêu diệt địch ở vùng quanh quận lỵ Sơn Hà, Trà Bồng, Giá Vụt... Ngày 2-9-1973, chiếc ô tô đầu tiên của miền Bắc đã đến Sơn Tây, một điều mới lạ xưa nay chưa từng có ở đây, đem lại cho đồng bào niềm tin tưởng, phấn khởi mới. Trong hai năm 1973-1974 các lực lượng vũ trang Sơn Tây đã phối hợp với quân dân huyện Sơn Hà đánh 167 trận, loại khỏi vòng chiến đấu 174 tên địch, thu 31 súng⁽¹⁾. Trong chiến thắng giải phóng hoàn toàn huyện Minh Long tháng 8-1974 và tiêu diệt cụm cứ điểm địch tại Giá Vụt, giải phóng hoàn toàn huyện Ba Tơ vào tháng 9-1974, có sự đóng góp sức người, sức của của quân dân Sơn Tây. Cũng trong 2 năm này, nhân dân Sơn Tây đã góp gần 2 vạn ngày công tham gia hoàn thành việc mở tuyến đường từ Eo Xà Lang đến Tà Ma; từ biên

(1)- Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà - Sdd - trang 244.

giới huyện Trà My (Quảng Nam) đến Sơn Mùa, xuống Di Lăng... làm cho đường mòn Hồ Chí Minh đông Trường Sơn vươn dài về phía đông, nối với các tuyến đường miền tây Quảng Ngãi xuống trung châu. Đến đầu năm 1974, ngày nào cũng có từng đoàn xe ô tô ta chở vũ khí, khí tài, lương thực... băng qua Sơn Tây, tạo nên một không khí sôi nổi, hồ hởi, phấn khởi trong nhân dân.

Phong trào vòng đổi công hợp tác tương trợ lao động trong sản xuất được tiếp tục đẩy mạnh. Nét nổi bật trong trồng trọt và chăn nuôi ở Sơn Tây lúc này là đấu tranh khắc phục được một phần tư tưởng thủ cựu, nhờ trời. Nhiều tổ lao động đã biết tiếp thu tiến bộ kỹ thuật mới, thay giống lúa mới có năng suất cao, khôi phục làm mới một số công trình thủy lợi nhỏ, đưa nước vào ruộng. Nước, phân, giống cộng với tinh thần cần cù làm cỏ, chăm bón, đã đưa sản lượng lương thực toàn huyện năm 1974 lên đến gần 3.400 tấn, so với năm 1972 tăng 360 tấn. Về chăn nuôi, nhiều tổ đã biết sản xuất thuốc thú y từ lá, rễ cây rừng và dùng thuốc thú y ở miền Bắc đưa vào để chữa bệnh cho gia súc. Đến năm 1974 toàn huyện có đàn trâu, bò 177 con, đàn heo 8.052 con (bình quân mỗi hộ có 4,6 con heo), đàn gà 52.200 con (bình quân mỗi nhân khẩu 7 con gà), đàn dê 179 con. Như vậy, so với năm 260

1972 tăng 127 con trâu, bò; trên 3.000 con heo, trên 45.000 con gà... (1).

Sản xuất phát triển khá, thu hoạch cao hơn trước, đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Quân dân Sơn Tây càng hăng hái đóng góp sức người sức của cho kháng chiến nhiều hơn trước.

Tiếp thu sự chỉ đạo của Trung ương: quyết tâm giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, tháng 12-1974, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã chỉ đạo toàn tỉnh: “Phải ra sức tiêu diệt lớn sinh lực địch, phá hủy phương tiện chiến tranh, giải phóng địa bàn. Phải chuẩn bị lực lượng cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật ở mức cao nhất, tốt nhất và có cách đánh thích hợp. Tư tưởng, phương châm chỉ đạo cần nắm vững là: táo bạo, kiên quyết, vững chắc, linh hoạt, kịp thời, tranh thủ thời cơ và tạo thời cơ giành thắng lợi lớn” (2).

Giữa tháng 2-1975, Huyện ủy Sơn Tây tiếp thu kế hoạch của Tỉnh ủy chỉ đạo tấn công địch trong xuân hè 1975, trong đó có tấn công tiêu diệt địch tại một

(1)- Số liệu trích từ các báo cáo hiện lưu tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh.

(2)- Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm - Ssd - trang 415.

số mục tiêu ở Sơn Hà, Trà Bồng, Huyện ủy đã phân công một số cấp ủy viên, cán bộ ngành giới huyện, cán bộ xã đội cùng một bộ phận lực lượng vũ trang huyện, du kích xã ra phía trước phối hợp với quân dân Sơn Hà, Trà Bồng bao vây, tấn công địch tại hai quận lỵ này. Mặt khác, Huyện ủy cũng đã huy động hàng ngàn dân công, thanh niên xung phong, thanh niên hỏa tuyến chạy đua với thời gian, tham gia vận chuyển lương thực, vũ khí, thuốc men phục vụ tiền tuyến. Trong các cuộc sinh hoạt, học tập của các đoàn thể, thôn xóm, trên khắp đường làng rộn ràng khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến! Tất cả để chiến thắng!" "Tất cả để giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân!".

Tin chiến thắng ta đánh chiếm thị xã Buôn Ma Thuột, ngày 10-3-1975, giải phóng hoàn toàn tỉnh Đắk Lắk, rồi địch tháo chạy khỏi Tây Nguyên, toàn bộ Tây Nguyên được giải phóng, bay đến Sơn Tây, làm cho Đảng bộ và quân dân Sơn Tây càng mừng vui, càng tin tưởng vào thắng lợi cuối cùng.

Theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy đã điều động nhiều cán bộ, đảng viên, bộ đội và du kích Sơn Tây đi phía trước, tích cực tham gia bao vây, tấn công

địch, buộc chúng phải tháo chạy khỏi quận lỵ Sơn Hà ngày 17-3 và tháo chạy khỏi quận lỵ Trà Bồng ngày 19-3-1975⁽¹⁾. Toàn miền tây Quảng Ngãi được giải phóng. Đảng bộ và quân dân Sơn Tây tiếp tục chạy đua với thời gian trong cao trào công kích và khởi nghĩa đang dâng cao, khẩn trương huy động sức người sức của góp vào trận quyết chiến chiến lược cuối cùng, tiêu diệt và bắt sống toàn bộ lực lượng địch, giải phóng toàn tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 24-3-1975. Tiếp ngay sau đó là góp phần phục vụ chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng Sài Gòn và toàn bộ miền Nam Việt Nam vào ngày 30-4-1975.

* *

*

TÓM LẠI, trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Khu Bả được thành lập tháng 7-1957, sau đổi thành huyện Sơn Tây. Một đơn vị cấp huyện ra đời giữa lúc Mỹ ngụy tố cộng, diệt cộng điên cuồng nhất, phong trào cách mạng của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng gặp khó khăn nhất. Đảng bộ Sơn Tây từng bước được xây dựng lớn mạnh. Từ vài chục đảng viên thời kỳ 1954 - 1955, đến cuối năm 1974,

(1)- Địch ở quận lỵ Sơn Hà, một số tháo chạy bằng trực thăng, số còn lại lẫn trốn vào rừng đều bị ta bắt lại. Địch ở quận lỵ Trà Bồng tháo chạy bị lực lượng ta phục kích tại Dốc Phú tiêu diệt và bắt sống.

Đảng bộ có trên 400 đảng viên; quan điểm, lập trường, đạo đức, ý chí cách mạng được nâng cao qua rèn luyện thử thách trong các phong trào cách mạng của quần chúng và qua chiến đấu trường kỳ quyết liệt đánh thắng tất cả các kiểu chiến tranh của địch.

Giữa vòng vây của quân thù, Đảng bộ luôn luôn nắm được dân, được dân tin, lãnh đạo nhân dân giữ vững quyền làm chủ quê hương núi rừng; từng thời kỳ vận dụng sáng tạo phương châm kết hợp đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp, bất hợp pháp, đánh bại mọi âm mưu thủ đoạn của địch; góp phần tích cực làm nên cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền tây Quảng Ngãi vào mùa thu 1959; xây dựng chính quyền cách mạng, mặt trận đoàn kết các dân tộc, các đoàn thể giải phóng cùng lực lượng vũ trang cách mạng không ngừng lớn mạnh, tiêu diệt và đánh đuổi địch ra khỏi địa bàn từ năm 1960; vừa đánh địch tại chỗ, vừa tham gia tấn công địch ở phía trước, bảo vệ vững chắc thành quả cách mạng; xây dựng Sơn Tây thành vùng căn cứ địa an toàn khu, góp phần dung trú, tích lũy và phát triển lực lượng kháng chiến của tỉnh Quảng Ngãi và của Khu V; góp phần xây dựng và bảo vệ một cung đoạn quan trọng trong hành lang giao thông Bắc Nam (đường 559 - đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại) của Trung ương, mạch máu nuôi sống

và làm cho cách mạng miền Nam không ngừng lớn mạnh.

Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân vượt qua mưa bom bão đạn, chất độc hóa học của địch và thiên tai rất khắc nghiệt, liên tục bám ruộng rẫy đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm cuộc sống của cả một cộng đồng cư dân ngày càng tăng (năm 1955 khoảng non 5.000 dân, cuối năm 1974 trên 7.500 người), không để cho dân bị chết chóc vì đói, lụt, dịch bệnh và còn đóng góp ngày càng nhiều lương thực, thực phẩm, nhân lực phục vụ cho kháng chiến từ hậu phương đến tiền tuyến. Có thể nói đây là công lao hàng đầu của Đảng bộ và quân dân Sơn Tây.

Đạt được những thắng lợi và thành tích to lớn nói trên, còn nhờ Đảng bộ đã nghiêm túc chấp hành và vận dụng đúng đắn sáng tạo chính sách đoàn kết dân tộc, đường lối chiến tranh nhân dân và các quan điểm cơ bản của Đảng cùng các nghị quyết, chỉ thị của Đảng cấp trên vào điều kiện cụ thể của Sơn Tây; thường xuyên làm cho cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và quần chúng đánh giá đúng địch, ta; rèn luyện ý chí “cảm tử cho Tổ quốc quyết sinh”, đấu tranh phê phán, khắc phục mọi biểu hiện mơ hồ địch ta, hữu khuynh, ngại ác liệt, sợ hy sinh, cá nhân chủ nghĩa...

Sự lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, sự chi viện ngày càng to lớn của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, sự hiệp đồng chiến đấu và giúp đỡ của các huyện bạn, kể cả các huyện ở Kon Tum, Quảng Nam bên cạnh Sơn Tây, các ban ngành ở tỉnh... cũng là những nhân tố rất quan trọng giúp Sơn Tây viết nên những trang sử vẻ vang của mình.

Nhân dân các dân tộc Sơn Tây đã trải qua hàng trăm năm đấu tranh để giành và giữ lấy quyền sống, quyền con người, quyền làm chủ quê hương, núi rừng của mình. Nhưng chỉ từ ngày đi theo Đảng cộng sản Việt Nam, Đảng do Bác Hồ sáng lập và rèn luyện, trong vòng 30 năm, 40 năm, nhân dân các dân tộc Sơn Tây mới thấy cuộc đấu tranh của mình có ý nghĩa, có mục đích và đạt kết quả. Cộng đồng người Ca Dong, Hrê, Co, Kinh ở Sơn Tây hoàn toàn có quyền tự hào chính đáng vì đã góp phần đắc lực vào cuộc chiến tranh giải phóng 30 năm đánh thắng hai đế quốc to, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước; cùng cả nước tiến lên xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, một xã hội thực sự mang lại ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc cho tất cả các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.



Đồng chí
Trương Trí
(Lê Văn Minh)
Bí thư Khu Bảy
1959 - 1961



Đồng chí
Nguyễn Hữu Đức
Bí thư Khu Bảy
1961 - 1963



Đồng chí Lê Văn Đường,
Bí thư huyện ủy Sơn Tây
1965 - 1968, 1973 - 1976



Đồng chí Nguyễn Văn Hai
(Đỗ Xa) Bí thư Huyện ủy
Sơn Tây 1968-1973



Đoàn đại biểu Đảng bộ Huyện Sơn Tây cùng các đoàn
đại biểu Đảng bộ các huyện miền Tây Quảng Ngãi tại
Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ V
(1974).

PHẦN THỨ TƯ

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN CÙNG CẢ NƯỚC ĐI VÀO CHẶNG ĐƯỜNG ĐẦU TIÊN CỦA THỜI KỲ QUÁ ĐỘ TIẾN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1975 - 1998)

Chương bảy

THỜI KỲ MỚI GIẢI PHÓNG VÀ HỢP NHẤT VỚI HUYỆN SƠN HÀ (1975 - 1994)

Sơn Tây bước ra khỏi cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, trên mình mang đầy thương tích. Khắp núi rừng, thôn, xóm chi chít hố bom, đạn pháo. Nhiều mìn jip của địch còn ẩn náu dưới lá rừng sẵn sàng gây những cái chết bất ngờ cho nhân dân. Nhiều xóm thôn bị san bằng thành bình địa. Hàng vạn héc ta rừng bị tàn rụi. Con người, gia súc, núi rừng, vườn tược chịu di họa của chất độc màu da cam. Những hậu quả này gây ảnh hưởng trực tiếp trước mắt và lâu dài đến đời sống của nhân dân các dân tộc Sơn Tây.

Cộng vào đó, tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, chiến sĩ diễn biến phức tạp. Một số cán bộ, đảng viên muốn nghỉ ngơi. Cán bộ người Kinh xin về đồng bằng, cán bộ người dân tộc xin hoặc tự động nghỉ việc để lo gia đình. Cán bộ, bộ đội của cấp trên đã rút khỏi Sơn Tây. Nhân dân không còn được trao đổi tình cảm, tin tức, hàng hóa như trước.

Nhưng Đảng bộ và quân dân Sơn Tây bước vào giai đoạn cách mạng mới với nhiều thuận lợi lớn. Chiến tranh đã chấm dứt, đất nước đã hòa bình. Lòng dân hồ hởi, phấn khởi trong khí thế chiến thắng. Uy tín của Đảng nói chung và của Đảng bộ Sơn Tây nói riêng được nâng cao.

Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy Sơn Tây đã họp đề ra chủ trương: phát huy khí thế chiến thắng và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, khẩn trương củng cố chính quyền, mặt trận và các đoàn thể cách mạng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, ổn định tư tưởng trong Đảng và quần chúng, hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục và phát triển sản xuất kinh tế, chăm lo đời sống nhân dân.

Sau đó, Đảng bộ mở nhiều đợt học tập sinh hoạt chính trị, làm cho đảng viên, chiến sĩ và quần chúng nhận thức rõ ý nghĩa lớn lao của thắng lợi trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước, thấy rõ tình hình nhiệm

vụ mới, động viên thi đua thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế xã hội do Huyện ủy đề ra. Hàng trăm đồng bào Sơn Tây trong những bộ quần áo lễ hội đẹp nhất đã kéo về thị xã Quảng Ngãi dự cuộc mít-tinh toàn tỉnh tại sân vận động Diên Hồng để chào mừng miền Nam hoàn toàn giải phóng, kỷ niệm ngày Quốc tế lao động và chào mừng UBNDCM tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 1-5-1975. Ngày 2-9-1975, các đại biểu nhân dân Sơn Tây đã kéo về sân bay Quảng Ngãi dự mít-tinh toàn tỉnh kỷ niệm 30 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9 (1945-1975). Đồng bào vô cùng phấn khởi tự hào thấy mình cùng đứng trong đội quân chiến thắng trùng trùng điệp điệp của cả tỉnh, cả nước.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, các chi bộ Đảng, chính quyền cách mạng, các đoàn thể quần chúng đã động viên nhân dân tương trợ giúp nhau công sức, tranh tre sửa lại nhà cửa, quyền góp lương thực cứu đói cho những gia đình khó khăn. Mậu dịch quốc doanh đã gấp rút mua, vận chuyển muối, dầu hỏa, vải, quần áo may sẵn, dụng cụ gia đình và nông cụ về bán và trao đổi nông lâm sản cho nhân dân, giúp nhân dân nhanh chóng ổn định cuộc sống và khôi phục sản xuất. Nhờ lực lượng công binh của tỉnh giúp đỡ, bộ đội và du kích Sơn Tây đã thu gom, phá hủy hàng ngàn mìn jip, khai thông các con đường giữa các xóm, xã và lên nương rẫy, tạo thuận lợi cho nhân dân đi lại và sản xuất.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chính phủ, được Tỉnh ủy và UBND tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo, đầu năm 1976, huyện Sơn Tây và huyện Sơn Hà hợp nhất thành một huyện, mang tên huyện Sơn Hà, huyện lỵ đặt tại Di Lăng. Phần lớn cán bộ Đảng, chính quyền, mặt trận, ngành giới huyện Sơn Tây về công tác tại huyện Sơn Hà.

Cuối tháng 10, đầu tháng 11-1976, Đảng bộ Sơn Hà họp đại hội đại biểu lần thứ nhất (tính từ sau ngày giải phóng) tổng kết đánh giá những việc đã làm được sau gần 2 năm giải phóng, nhận định mặt mạnh mặt yếu của Đảng bộ và phong trào cách mạng của quần chúng trong toàn huyện. Từ đó, đại hội vạch ra phương hướng chung cho toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong toàn huyện: “Tiếp tục nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, xây dựng Đảng bộ vững mạnh trên cơ sở xây dựng khối đoàn kết các dân tộc anh em, dựa vào sức mình là chính, ra sức phát huy những thành tích đã đạt được, khắc phục khuyết nhược điểm tồn tại, vượt mọi khó khăn, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước XHCN, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất 1976-1980, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, từng bước khôi phục và cải thiện đời sống nhân dân”⁽¹⁾. Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ huyện thống nhất. Đồng chí Lê Đà (tức Hồng) - ủy

(1)- Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà - Sdd - trang 266.

viên Ban thường vụ Tỉnh ủy được cử làm bí thư Huyện ủy.

Cũng từ đây, 10 xã của Huyện Sơn Tây hợp nhất thành 4 xã lớn: Sơn Mùa (bắc sông Rinh), Sơn Tinh, Sơn Dung, Sơn Tân (nam sông Rinh). Các chi bộ xã cũ hợp nhất thành Đảng bộ của xã mới, tiến hành đại hội bầu Ban chấp hành và triển khai thực hiện Nghị quyết của đại hội Đảng bộ huyện.

Từ đầu năm 1977, theo sự chỉ đạo của Huyện ủy, các Đảng bộ xã vùng Sơn Tây tổ chức học tập, bàn biện pháp vận dụng Nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV⁽¹⁾ và Nghị quyết đại hội lần thứ nhất của Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình⁽²⁾ vào điều kiện cụ thể của vùng cao Sơn Hà, quyết tâm thực hiện cho kỳ được các nhiệm vụ cơ bản trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ tiến lên CNXH. Đó là:

- Ra sức xây dựng Đảng bộ vững mạnh, tăng cường năng lực và trình độ lãnh đạo toàn diện của Đảng; kiện toàn và phát huy hiệu lực quản lý của chính quyền nhân dân, nắm vững chuyên chính vô sản; phát huy truyền thống đoàn kết yêu nước và quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

(1)- Đại hội họp từ ngày 14-12-1976, Đảng chính thức lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đại hội đề ra đường lối chung về cách mạng XHCN trong cả nước.

(2)- Thực hiện nghị quyết của Khu ủy V, từ tháng 11-1975, tỉnh Quảng Ngãi và tỉnh Bình Định hợp nhất thành tỉnh Nghĩa Bình. Đại hội họp vào tháng 3-1977.

- Tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng nhằm xây dựng chế độ làm chủ tập thể; xây dựng và phát triển kinh tế theo hướng XHCN; xóa bỏ nghèo nàn, lạc hậu. Trước mắt, nỗ lực hoàn thành khôi phục kinh tế, tiến hành cải tạo XHCN, từng bước ổn định và cải thiện đời sống nhân dân.

- Đề cao cảnh giác, ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, đập tan mọi âm mưu chống, phá cách mạng XHCN của các thế lực thù địch.

Những nội dung cơ bản nói trên cùng với tinh thần các Nghị quyết của đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, thứ VI, thứ VII, các Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh Nghĩa Bình lần thứ II, thứ III, thứ IV, các nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIV⁽¹⁾, các Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện Sơn Hà lần thứ II, III, IV, V, VI là sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình lãnh đạo và hoạt động của các xã Sơn Mùa, Sơn Tinh, Sơn Dung, Sơn Tân từ năm 1977 đến 1994.

Trong 17 năm đó, với chính sách đào tạo cán bộ người dân tộc thiểu số của Đảng, nhiều cán bộ người Ca Dong đã được học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, trình độ lý luận Mác-Lênin, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, trực tiếp tham gia bộ máy lãnh đạo của huyện Sơn Hà và các xã vùng Sơn Tây cũ. Trong đó, đồng chí Lê Văn Đường được Đảng bộ

(1)- Từ tháng 7-1989, tỉnh Nghĩa Bình chia ra thành hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi như cũ.

và Hội đồng nhân dân huyện tín nhiệm cử làm Phó bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà.

Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện, từ năm 1976 đến 1994, Đảng bộ bốn xã Sơn Mùa, Sơn Tinh, Sơn Dung, Sơn Tân đã vận dụng sức mạnh của tập thể lãnh đạo, của khối đoàn kết các dân tộc, phấn đấu thực hiện đường lối chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt được nhiều thành tích đáng kể.

I- Đẩy mạnh sản xuất, phát triển kinh tế theo con đường xã hội chủ nghĩa:

1) Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng nông lâm kết hợp, khai thác mọi tiềm năng lao động, đất, rừng và những tiến bộ khoa học kỹ thuật để đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp.

Trong nông nghiệp, đã tu bổ và làm mới một số công trình thủy lợi vừa và nhỏ, chủ động tưới cho hàng trăm héc-ta ruộng lúa nước hai vụ, đã thay giống mới trên các đồng ruộng và lúa rẫy, áp dụng rộng rãi việc làm cỏ bón phân cho lúa; tiếp tục đẩy mạnh việc trồng mỳ, các loại cây họ đậu và các loại cây ăn trái, nhất là thơm (dứa), chuối, đu đủ. Nhờ đó, sản lượng lương thực (cả lúa và mỳ) đã được nâng cao.

Về cây công nghiệp, bốn xã duy trì và phát triển mạnh cây quế, cây cau... cho thu hoạch khá hơn trước, đã tạo thêm sản phẩm hàng hóa để trao đổi, bán đi nơi khác.

Chăn nuôi vốn là nghề truyền thống của nhân dân bốn xã này nên đồng bào đã phát triển mạnh đàn trâu, bò, dê, heo, gà vừa tăng thêm sức kéo để làm ruộng lúa nước, vừa tăng thêm nguồn thực phẩm giàu chất đạm cho con người.

Việc trồng rừng, bảo vệ rừng, khai thác lâm thổ sản đã được nhân dân tích cực tham gia. Nhiều cánh rừng trở lại xanh tốt. Một số đồi núi trọc đã được phủ xanh. Bên cạnh đó, nhân dân đã khai thác được các loại gỗ, mây, tre, nứa, trầm, mật ong, dược liệu để làm lại nhà cửa ngày càng khang trang, để làm hàng hóa trao đổi với các nơi khác lấy các nhu yếu phẩm cho cuộc sống hàng ngày.

Để phát triển nông nghiệp theo con đường XHCN, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng cấp trên, các Đảng bộ xã ở bốn xã vùng Sơn Tây cũ đã chỉ đạo đẩy mạnh công cuộc cải tạo XHCN đối với nông nghiệp. Các tổ vòng đổi công, hợp tác tương trợ lao động đã được xây dựng thành các tập đoàn sản xuất, hoặc hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, đưa hầu hết nông dân vào con đường làm ăn tập thể ở trình độ cao hơn. Mặt khác, các xã tập trung sức xây dựng một số khu định canh định cư, từng bước hướng dẫn, tổ chức cho phần lớn nhân dân ở các vùng núi cao, xuống sản xuất và sinh sống ở vùng thấp, xóa bỏ dần tập tục du canh du cư, hạn chế nạn phá rừng làm

nướng rẫy. Một số khu định canh định cư đã góp phần đáng kể vào việc ổn định việc sản xuất, ăn ở hợp vệ sinh, chăm lo đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho nhân dân. ⁽¹⁾

Từ năm 1989, thực hiện đường lối đổi mới do đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đề ra, Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về cải tiến quản lý hợp tác xã sản xuất nông nghiệp, Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị về xây dựng vùng trung du miền núi, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Đảng bộ các xã đã hướng dẫn thực hiện phát triển kinh tế hộ gia đình, lấy hộ gia đình làm đơn vị kinh tế độc lập tự chủ trong sản xuất nông nghiệp; lấy hộ gia đình làm đối tượng giao rừng, giao đất ổn định lâu dài để nhân dân có điều kiện tập trung đầu tư phát triển sản xuất.

Nhờ tinh thần nỗ lực cần cù lao động của nhân dân, kết quả sản xuất, hiệu quả kinh tế hằng năm được nâng cao. Đến năm 1994, sản lượng lương thực quy thóc đạt 643,3 tấn; trồng được 60 ha quế, 191,8 ha cau và các loại cây công nghiệp, cây ăn quả khác, trồng mới 10 ha rừng tập trung, khoanh nuôi, bảo vệ 200 ha rừng cũ, khai thác 101,2 m³ gỗ, 302.000 cây

(1)- Lịch sử Đảng huyện Sơn Hà - Sdd- trang 270, 271 ghi: đến năm 1978, toàn huyện xây dựng được một hợp tác xã, 96 tập đoàn sản xuất, định canh định cư được 1.084 hộ với 6.461 nhân khẩu. 3.298 lao động. Đến năm 1985, xây dựng được 7 HTX sản xuất nông nghiệp, 75 tập đoàn sản xuất, 27 tổ vòng đổi công.

tre, nửa... Tổng giá trị sản xuất cả năm đạt 7 tỷ 151 triệu đồng, trong đó nông nghiệp 5 tỷ 880 triệu đồng, lâm nghiệp 1 tỷ 271 triệu đồng. Đó là tính theo giá cố định năm 1994, còn nếu tính theo giá hiện hành 1998 thì tổng giá trị sản xuất là 10 tỷ 834 triệu đồng. Với dân số 1994 là 13.310 người, bình quân nhân khẩu đạt giá trị sản xuất 757.550 đồng⁽¹⁾. So với kết quả sản xuất chung cả huyện, cả tỉnh thì còn thấp, nhưng với bốn xã vùng cao này, hầu hết là núi đá thì kết quả này là một sự cố gắng rất lớn.

2) Đi đôi với phát triển sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nhân dân các xã đã góp hàng vạn ngày công chăm lo khôi phục và mở rộng giao thông miền núi. Đường từ Di Lăng lên và các đường liên xã, liên thôn được phát quang, đào đắp, tạo thuận tiện cho việc đi lại của nhân dân.

3) Để phục vụ đời sống và sản xuất của nhân dân, từ các năm 1976 - 1977, ở bốn xã Sơn Tây đã có một cửa hàng thương nghiệp quốc doanh, thu mua nông lâm sản và bán gạo, muối, vải, dầu, nilon, nông cụ... cho nhân dân các dân tộc. Nhờ vậy, hạn chế được tư thương ép giá mua rẻ, bán đắt đối với đồng bào vùng cao này. Từ năm 1989, thực hiện chủ trương phát triển kinh tế theo cơ chế thị trường, theo định hướng

(1)- Theo báo cáo tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế xã hội từ 1994 đến 1998 của phòng kế hoạch và đầu tư huyện Sơn Tây ngày 11-7-1998.

XHCN cổ sự quản lý của nhà nước, thương nghiệp quốc doanh được củng cố đi đôi với mở rộng thương nghiệp tư nhân, nên các nhu cầu thiết yếu của nhân dân được đáp ứng ngày càng tốt hơn.

II- Phát triển văn hóa - xã hội - chăm lo cho con người:

Con người là vốn, là tài sản quý nhất của xã hội trong cách mạng. Nhận thức này ngày càng thấm sâu vào các Đảng bộ. Từ đó, theo sự chỉ đạo của Đảng cấp trên, các Đảng bộ xã ở Sơn Tây đã chăm lo nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, cải thiện đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

1- Về giáo dục:

Từ sau ngày giải phóng, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các xã đã tập trung công sức tiền của xây dựng trường lớp cho con em, động viên khuyến khích nhân dân đưa con em đến trường; tổ chức học tập xóa nạn mù chữ cho người lớn trong độ tuổi lao động; chăm sóc đội ngũ giáo viên (phần lớn là người Kinh từ trung châu lên). Nhờ đó, đến năm 1994, bốn xã đã có 2.751 học sinh phổ thông cấp I. Đến nay có 120 em học sinh được học tập tại Trường Dân tộc nội trú của huyện và nhiều em học Trường Dân tộc nội trú của tỉnh, hàng ngàn người dân lao động đã xóa nạn mù chữ, học hết lớp 1, lớp 2. Bên cạnh đó, hàng trăm lượt cán bộ huyện, xã được đi học bổ túc văn hóa cấp

II ở huyện và tỉnh. Nhờ phát triển sự nghiệp giáo dục mà trình độ dân trí của nhân dân, trình độ và năng lực công tác của cán bộ, đảng viên đã được nâng lên một bước đáng kể.

2- Về y tế:

Thực hiện chủ trương của cấp trên, các Đảng bộ đã chỉ đạo và hướng dẫn nhân dân “phòng bệnh hơn chữa bệnh”, “kết hợp đông tây y với các phương thuốc gia truyền của đồng bào các dân tộc để chữa bệnh cho nhân dân”, “bảo vệ bà mẹ trẻ em”, “chống suy dinh dưỡng”, “đập tắt dịch bệnh sốt rét”...

Sau ngày giải phóng, nhân dân càng có điều kiện thực hiện phong trào “ăn sạch, ở sạch, uống sạch”, xây dựng ba công trình vệ sinh (giếng nước, chuồng gia súc xa nhà, hố xí). Đến năm 1985, bốn xã Sơn Mùa, Sơn Tinh, Sơn Dung, Sơn Tân (cũng như toàn huyện Sơn Hà) được Bộ Y tế công nhận “hoàn thành dứt điểm ba công trình” và “dứt điểm tiêu diệt bệnh sốt rét”⁽¹⁾.

Đến năm 1990, ở bốn xã có 4 trạm y tế xã, mỗi trạm y tế có 2 - 3 y tá và một trung tâm y tế khu vực của huyện đặt tại Sơn Dung có 2, 3 y sĩ và hàng chục y tá, hộ sinh, hộ lý chăm lo việc chữa bệnh cho nhân dân. Với mạng lưới y tế này, hàng năm đã cứu chữa điều trị cho hàng ngàn lượt người khỏi bệnh, làm vơi bớt những nỗi lo buồn cho nhân dân.

(1) Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà - Sdd-trang 276.

Người phụ nữ dân tộc thiểu số, trước đây rất kiên cường và giữ kín việc sinh đẻ, nhiều chị em đã trốn ra rừng để sinh. Nhưng từ ngày giải phóng nhiều chị em đã đến trạm y tế để khám thai, sinh đẻ.

Do đời sống đã được cải thiện một bước, lại có chính sách y tế của Nhà nước chăm sóc sức khỏe, bệnh tật bị đẩy lùi, nên chị em phụ nữ dân tộc thiểu số sinh đẻ nhiều và nuôi con tốt hơn trước, thoát khỏi cái cảnh hữu sinh vô dưỡng (có sinh nhưng không nuôi được). Vì vậy, dân số Sơn Tây năm 1975 là 7.500 người, đến năm 1994 bốn xã đã có 13.310 người.

3- Về văn hóa:

Nhờ sự quan tâm của tỉnh, huyện, từ sau ngày giải phóng, nhân dân các dân tộc ở Sơn Tây đã thường xuyên được xem phim, xem văn nghệ, do đội chiếu bóng của huyện, đội thông tin văn hóa miễn phí của tỉnh phục vụ. Bên cạnh đó, nhân dân các dân tộc vùng cao này vẫn duy trì và phát triển phong trào văn nghệ quần chúng với nhiều làn điệu dân ca và nhạc cụ dân tộc đa dạng phong phú; tham gia các lễ hội truyền thống của dân tộc, làm cho đời sống văn hóa tinh thần ngày càng được nâng cao. Đội văn nghệ quần chúng xã Sơn Mùa là một trong những đội mạnh của huyện, của tỉnh, đã từng đoạt huy chương vàng, bạc ở các hội diễn cấp tỉnh và toàn quốc.

Việc xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa đã được đồng bào tích cực hưởng ứng tham gia,

ra sức xây dựng cái mới tốt đẹp hơn và đấu tranh khắc phục các biểu hiện tiêu cực, các tệ nạn xã hội, phong tục tập quán lạc hậu, mê tín dị đoan còn rơi rớt lại. Nhờ đó, quan hệ ứng xử giữa người và người, tình thân cố kết cộng đồng và đoàn kết dân tộc, nếp sống trật tự, vệ sinh ở nhiều thôn xóm... nói chung có những tiến bộ; nhân dân có được cuộc sống bình yên, an tâm lao động sản xuất, học tập, xây dựng cuộc sống mới trên quê hương mình.

4- Cùng với phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, các Đảng bộ còn quan tâm chăm sóc các đối tượng chính sách, nhất là đối với các gia đình liệt sĩ, thương bệnh binh, cán bộ hưu trí, gia đình có công với cách mạng...

Từ những thành tựu phát triển kinh tế xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đến năm 1994, quê hương, con người, đời sống của nhân dân các dân tộc ở Sơn Mùa, Sơn Tinh, Sơn Dung, Sơn Tân đã có những đổi mới, tiến bộ rất đáng phấn khởi.

III- Giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội:

Bốn xã vùng cao Sơn Hà là địa bàn chiến lược giáp bắc Tây Nguyên, rừng núi hiểm trở, là nơi các thế lực thù địch của cách mạng thường chú ý. Trong khi đó, trình độ dân trí còn thấp, đời sống nhân dân còn khó khăn, một bộ phận quần chúng còn chưa quen

cái mới, chưa quên cái cũ... Đó là những kẻ hờ các thế lực thù địch để luôn vào để tuyên truyền, lung đoạn tư tưởng quần chúng, xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, hòng chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Từ năm 1976 đến năm 1978, cũng đã có lúc bọn sĩ quan, nhân viên nguy quyền từ vùng thấp, bọn Fulro⁽¹⁾ từ Kon Tum men men mò đến các xã vùng cao Sơn Hà để hoạt động.

Nhưng nhờ sự chỉ đạo của Đảng cấp trên và các Đảng bộ địa phương, nhờ tinh thần cách mạng cao của nhân dân, nhờ kinh nghiệm chuyên môn nghiệp vụ và ý thức trách nhiệm của lực lượng công an các xã, bọn địch không có đất để hoạt động ở vùng này.

Từ năm 1989 đến 1991, lợi dụng sự sụp đổ của hệ thống XHCN tập trung quan liêu ở Liên Xô và các nước Đông Âu, kẻ địch cũng đã lén lút tuyên truyền xuyên tạc CNXH, cùng đường lối, chủ trương của Đảng ta, kích động chia rẽ Kinh - Thượng, phổ biến con đường tự do dân chủ cực đoan, đa nguyên đa đảng, tuyên truyền phát triển đạo Tin lành, khơi dậy những tập tục lạc hậu, hòng gây rối, làm mất ổn định tình hình tư tưởng của quần chúng và tình hình chính

(1)- Viết tắt tên tổ chức "Front unifié de la libération des rases opprimé" (Mặt trận liên minh giải phóng các dân tộc bị áp bức) do Pháp lập ra trước kia, sau để quốc Mỹ sử dụng.

trị trong địa phương, phục vụ mưu đồ “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch cách mạng XHCN.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cấp trên, các Đảng bộ xã đã tăng cường công tác động viên chính trị, giáo dục tư tưởng từ trong Đảng ra quần chúng, vạch trần và đập tan các luận điệu tuyên truyền xuyên tạc cùng những âm mưu nham hiểm của kẻ thù, giữ vững trận địa tư tưởng cách mạng trong nhân dân. Qua học tập nghị quyết 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VI và theo dõi các phương tiện thông tin đại chúng, đảng viên các xã vùng Sơn Tây càng củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tin tưởng vào con đường cách mạng XHCN mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Có thể khẳng định ở bốn xã vùng cao Sơn Hà, không một ai bị mê hoặc, dao động bởi các luận điệu tuyên truyền phản động của địch, không một ai tham gia vào đạo Tin lành. Các Đảng bộ xã đã giữ vững sự ổn định về chính trị và tư tưởng tại địa phương.

Bên cạnh đó, các lực lượng dân quân tự vệ, an ninh nhân dân xã thôn được xây dựng và củng cố, được bồi dưỡng học tập chính trị, chiến kỹ thuật để nâng cao ý chí và trình độ chiến đấu thực hiện tốt các kế hoạch bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền cách mạng,

bảo vệ nhân dân, bảo vệ thành quả cách mạng và cuộc sống bình yên cho nhân dân.

IV- Củng cố và phát triển hệ thống chính trị:

1- Về xây dựng Đảng: Theo sự chỉ đạo của Đảng cấp trên, các Đảng bộ xã coi công tác xây dựng Đảng là công tác số một, nhằm làm cho Đảng bộ ngày càng trong sạch vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức để tăng cường vai trò lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng tại địa phương. Đây là yếu tố quyết định nhất trong việc tổ chức và lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên CNXH.

Công tác tư tưởng luôn luôn được đặt lên hàng đầu gắn chặt với công tác tổ chức và kiểm tra. Các đảng ủy đã cố gắng tổ chức tốt các đợt học tập nghị quyết chỉ thị của Đảng cấp trên, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, sinh hoạt Đảng, tự phê bình và phê bình trong nội bộ, dựa vào quần chúng góp ý phê bình đảng viên và giới thiệu người vào Đảng; phân loại đảng viên... Bên cạnh đó, các Đảng bộ thường xuyên chú trọng phát triển đảng viên mới, kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước, kịp thời xử lý những đảng viên vi phạm kỷ luật;

tổ chức tốt việc nhận xét, phát thẻ Đảng cho những đảng viên đủ tư cách.

Bằng những biện pháp nêu trên, các Đảng bộ Sơn Mùa, Sơn Tinh, Sơn Dung, Sơn Tân giữ được bản lĩnh chính trị vững vàng trong mọi tình thế, kiên định mục tiêu lý tưởng XHCN, kiên định lập trường đấu tranh giữa hai con đường - chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản - giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội; giữ vững quyền lãnh đạo của Đảng, không chấp nhận đa nguyên đa đảng. Các Đảng bộ giữ vững sự đoàn kết nhất trí, nghiêm túc thực hiện các đường lối, chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng, Tuyệt đại đa số đảng viên giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, nêu cao tính thần trách nhiệm trước Đảng và nhân dân, nêu cao tính tiên phong gương mẫu, giữ vững ý thức tổ chức kỷ luật, hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.

Từ năm 1976 đến 1994, bốn Đảng bộ xã phát triển thêm được 63 đảng viên mới, đưa tổng số đảng viên lên 161 đồng chí, đã trừ một số đảng viên điều động công tác nơi khác và qua đời⁽¹⁾. Hàng trăm lượt cán bộ, đảng viên được cử đi đào tạo ở trường Đảng, trường ngành các cấp từ Trung ương đến huyện. Qua huấn luyện và qua thực tiễn công tác, các Đảng ủy

(1)- Theo số liệu của Văn phòng Huyện ủy Sơn Tây cung cấp.

xã, chi ủy chi bộ thôn được củng cố, Cán bộ người Ca Dong, Hrê, Co ngày càng trưởng thành, đảm nhận được những trọng trách của Đảng bộ và chính quyền xã, thôn.

Với những thành tích xây dựng Đảng nói trên, các Đảng bộ xã Sơn Mùa, Sơn Tinh, Sơn Dung, Sơn Tân đã góp phần quan trọng để Ban bí thư Trung ương Đảng công nhận và tặng cờ “Đảng bộ huyện vững mạnh” cho huyện Sơn Hà hai lần: năm 1980 - 1981 và từ năm 1983 đến năm 1986 ⁽¹⁾.

2- Xây dựng và củng cố chính quyền của nhân dân:

Giành chính quyền đã khó, giữ chính quyền lại càng khó hơn. Sau ngày giải phóng, các Đảng bộ thường xuyên quan tâm xây dựng và củng cố chính quyền ngày càng vững mạnh, thực sự trở thành chính quyền của dân, do dân và vì dân; dùng chính quyền làm công cụ thực hiện dân chủ XHCN với nhân dân, trấn áp và trừng trị các loại tội phạm; tập hợp động viên và tổ chức quần chúng phát huy quyền làm chủ chính trị, làm chủ kinh tế, làm chủ xã hội để xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước, xây dựng cuộc sống mới, làm tròn nghĩa vụ với Tổ quốc XHCN.

Công dân thuộc các dân tộc ở vùng Sơn Tây đã thực sự hưởng quyền dân chủ trong ứng cử và bầu cử

(1)- Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà - Sdd - trang 286.

Hội đồng nhân dân ba cấp (xã, huyện, tỉnh) và Quốc hội của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. HĐND cấp xã đã cố gắng thực hiện tốt chức năng hoạch định mục tiêu phát triển kinh tế xã hội ở xã, bầu ra UBND xã, giám sát các hoạt động của Ủy ban và các ngành, giới ở xã. UBND các xã đã cố gắng thực hiện tốt chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế xã hội tại địa phương. Hầu hết thành viên HĐND và UBND các xã là người dân tộc thiểu số, am hiểu các dân tộc ở địa phương nên hoạt động có hiệu quả. Đây là một thành tựu trong việc thực hiện chính sách dân tộc của Đảng.

Các Đảng bộ xã cầm nắm và lãnh đạo chính quyền bằng cách: ra nghị quyết xác định đúng các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội địa phương, đồng thời phân công cấp ủy viên và đảng viên có năng lực vào hoạt động trong HĐND, UBND và các ngành thuộc khối chính quyền, biến nghị quyết của Đảng bộ thành chương trình hành động của chính quyền. Nhờ đó, vừa giữ vững nguyên tắc Đảng lãnh đạo chính quyền, vừa phát huy dân chủ, sáng tạo trong hoạt động chính quyền; Đảng ủy không bao biện làm thay công việc của chính quyền.

Hầu hết cán bộ chính quyền bốn xã một lòng một dạ phục vụ nhân dân. Rất ít cán bộ chính quyền bị nhân dân khiêu nại, kêu kiện.

3- Xây dựng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất:

Hồ Chủ tịch đã dạy: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công”. Xây dựng và củng cố Mặt trận dân tộc thống nhất để thực hiện lời dạy trên, nhằm phát huy sức mạnh cách mạng của toàn dân. Đây cũng là một trong những nhiệm vụ chiến lược quan trọng của Đảng.

Từ sau ngày giải phóng, trong các nghị quyết của đại hội các Đảng bộ xã và chương trình công tác hằng năm của các Đảng ủy xã đều vạch rõ mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp lớn về công tác dân vận, mặt trận. Các Đảng ủy xã phân công đồng chí ủy viên Thường vụ và một số đảng ủy viên trực tiếp phụ trách công tác dân vận mặt trận và các đoàn thể quần chúng, biến nghị quyết của Đảng bộ thành các chủ trương của mặt trận và đoàn thể, động viên quần chúng hành động cách mạng trên tất cả các lĩnh vực.

Mặt trận Tổ quốc các xã đã thể hiện được vai trò trung tâm thực hiện chính sách đoàn kết, bình đẳng, tương trợ giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các dân tộc anh em ở xã mình; động viên, tổ chức và hướng

dẫn đồng bào thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chăm sóc người già, trẻ em, thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ, gia đình bộ đội, hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

Hội nông dân tập thể các xã (nay là Hội nông dân) luôn giữ vai trò nòng cốt trong sản xuất nông lâm nghiệp, động viên hội viên thi đua áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật để thâm canh, tăng vụ; tổ chức và hướng dẫn cho nông dân định canh định cư, làm kinh tế vườn rừng; đổi công hợp tác, khoán sản phẩm đến hộ gia đình; đoàn kết tương trợ nhau trong sản xuất và đời sống, làm tròn nghĩa vụ với nhà nước, góp phần xây dựng quê hương.

Hội phụ nữ các xã đã động viên hội viên và tất cả chị em phụ nữ thi đua tăng gia sản xuất, làm cỏ bón phân cho cây trồng; đẩy mạnh chăn nuôi có chuồng trại, hợp vệ sinh, làm kinh tế gia đình; thực hiện kế hoạch hóa gia đình, nuôi dạy con tốt; tham gia hoạt động xã hội thể hiện bình đẳng với nam giới về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ.

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh các xã đã phấn đấu làm tròn nhiệm vụ đội hậu bị quân của Đảng bộ; tập hợp, giáo dục, động viên đoàn viên và thanh niên toàn xã phát huy vai trò xung kích trong

lao động sản xuất xây dựng quê hương, tham gia dân quân du kích, tổng quân nhập ngũ để bảo vệ Tổ quốc và thực hiện nghĩa vụ quốc tế. Từ năm 1976 đến 1994 đã có hàng trăm thanh niên bốn xã nhập ngũ. Một số đoàn viên và thanh niên Ca Dong được bổ sung vào tiểu đoàn 20 đã tham gia thực hiện nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, là đơn vị được phong danh hiệu “Anh hùng các lực lượng vũ trang”. Đoàn cũng đã tích cực tập hợp, giáo dục, dìu dắt thiếu nhi trong các xã ngày càng tiến bộ, phấn đấu tiến lên đoàn viên, tiếp bước cha anh.

Cùng với Hội nông dân, Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, các xã còn thành lập Hội cựu chiến binh, Hội chữ thập đỏ có những hoạt động bổ ích.

• Với những hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, tổ chức xã hội nêu trên, chúng ta càng khẳng định “Sự nghiệp cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. Quần chúng phải được tổ chức, giáo dục và đi theo sự lãnh đạo của Đảng. Mọi thành tựu của các xã Sơn Mùa, Sơn Tinh, Sơn Dung, Sơn Tân từ 1975 đến 1994 là thành tựu về công tác dân vận mặt trận của các Đảng bộ xã; là quá trình phấn đấu gian khổ để thực hiện chính sách đoàn kết, bình đẳng,

tương trợ giữa các dân tộc; phát huy và nâng cao truyền thống yêu nước, thức tỉnh và nâng cao giác ngộ cách mạng XHCN, nâng cao tinh thần yêu nước XHCN; làm cho nhân dân các dân tộc ở địa phương hiểu và thực hiện đúng các quyền lợi và nghĩa vụ của mình, biết quan tâm và chăm lo đến lợi ích của nhau.

Tóm lại, 1976-1994 là thời kỳ huyện Sơn Tây hợp nhất với huyện Sơn Hà thành một huyện. Bốn xã Sơn Mùa, Sơn Tinh, Sơn Dung, Sơn Tân thuộc vùng cao của huyện. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cấp trên, Đảng bộ và nhân dân bốn xã vùng cao này đã tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng vào thời kỳ mới, lập nên những thành tích mới trong khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội theo định hướng XHCN, từng bước cải thiện đời sống nhân dân; xây dựng và củng cố các tổ chức Đảng, chính quyền nhân dân, mặt trận và các đoàn thể cách mạng của quần chúng ở cơ sở ngày càng vững mạnh, thực hiện đúng nguyên tắc “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ”; giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Nhưng với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, với tinh thần trách nhiệm cộng sản trước nhân dân các dân

tộc, chúng ta cần thấy rõ những mặt non yếu, những việc làm trái quy luật trong chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên CNXH.

Có lúc, có nơi, có việc trong lãnh đạo và chỉ đạo của các Đảng bộ và cấp ủy đã phạm duy ý chí, rập khuôn máy móc. Như: đặt ra chỉ tiêu: “một hecta gieo trồng - 4 tấn phân - 4 con lợn - 4 tấn thóc” là đem chỉ tiêu của nông thôn đồng bằng trung châu áp đặt cho vùng cao miền núi nên chưa khi nào đạt tới. Quá sớm xóa bỏ thành phần kinh tế cá thể, rồi lại có lúc có nơi hoàn toàn khoán trắng cho hộ gia đình, đã hạn chế nhiều đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Việc tổ chức đưa đồng bào ở vùng cao xuống các khu định canh định cư ở vùng thấp là đúng. Nhưng xây dựng khu định canh định cư như thế nào cho phù hợp với đồng bào dân tộc, tổ chức việc sản xuất vườn rừng, vườn đồi ra sao chưa được tính kỹ. Cho nên có nơi nhà nước bỏ ra hàng trăm triệu đồng xây nhà ngói đồ, có giếng nước, trường học, trạm xá, hố xí... Nhưng đồng bào dân tộc đâu chỉ cần mấy thứ đó. Họ còn cần có lương thực thực phẩm để sống, nông lâm sản hàng hóa để trao đổi các nhu yếu phẩm khác. Khu định canh định cư không giải quyết được nên đồng bào tự động kéo về lại núi cao với cuộc sống du canh du cư, mặc cho lãnh đạo xã, huyện giải thích, mặc cho thời

gian hủy hoại các cơ sở hạ tầng đã được xây dựng. Thế rồi nạn đốt rừng để sản xuất, đốt than, chặt củi tiếp diễn triền miên... cây rừng, đồi núi ở vùng cao bị tàn phá rất nghiêm trọng. “Rừng mất cây - Sơn Tây mất máu”. Đây là nguy cơ phá hủy môi trường sống và hệ sinh thái đối với lớp con cháu chúng ta; đảng bộ và nhân dân các xã chưa có cách khắc phục.

Trải qua 20 năm từ sau ngày giải phóng, 1975-1994, nền kinh tế vùng cao Sơn Hà chưa thoát khỏi kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc, chưa vươn lên sản xuất hàng hóa được. Trong chiến tranh giải phóng dân tộc, bom đạn thù xéo nát Sơn Tây, thiên tai khắc nghiệt liên tục hủy hoại núi rừng, làng xóm Sơn Tây, ấy vậy mà nhân dân không đói - nghĩa là đủ ăn - và còn đóng góp rất nhiều lương thực thực phẩm phục vụ cho cách mạng. Nhưng trải qua 20 năm hòa bình, lao động dựng xây, đến năm 1995, trong 2.045 hộ của Sơn Tây có 719 hộ đói (35%), 1.204 hộ nghèo (58,8%) cộng chung là 1.923 hộ đói nghèo, chiếm tỷ lệ đến 93,8% ⁽¹⁾. Thật là một con số đáng lo, đáng sợ.

Về mặt giáo dục, y tế, văn hóa so với thời chiến đã tiến bộ khá nhiều, nhưng so với nhu cầu nâng cao

(1) Theo báo cáo tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế xã hội của Sơn Tây - Tidd

dân trí, chăm sóc sức khỏe và đời sống tinh thần cho nhân dân thì còn quá thấp, mới có trên dưới 50% trẻ em trong độ tuổi đi học được đến trường ⁽¹⁾; nhiều cán bộ xã chưa học hết cấp I. Nhân dân các dân tộc vùng cao này còn đói chữ, đói thuốc men, đói thông tin và văn hóa văn nghệ.

Việc xây dựng và củng cố hệ thống chính trị đã đạt được nhiều thành tựu, nhưng vẫn còn nhiều mặt yếu. Tổ chức cơ sở đảng yếu kém, đảng viên vi phạm kỷ luật, đảng viên bị xóa tên trong sổ đảng tịch ngày càng tăng ⁽²⁾. Sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp trên thiếu sâu sát, chặt chẽ, kịp thời đối với bốn xã vùng cao nên hiệu quả mang lại thấp, ảnh hưởng không nhỏ đến phong trào cách mạng và đời sống của nhân dân các dân tộc vùng này. Con đường đi vùng cao tiến kịp vùng thấp, miền núi tiến kịp đồng bằng vẫn còn dài dằng dặc.

Đây chính là điều trần trở, lo toan của các cấp bộ Đảng, chính quyền, mặt trận từ cơ sở đến huyện Sơn Hà và tỉnh Quảng Ngãi. Nhận thức rõ nguyên nhân

(1) Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà - Sdd - trang 292. Đây là tỷ lệ của toàn huyện Sơn Hà, nếu tính riêng 4 xã vùng cao, chắc còn thấp hơn.

(2) Lịch sử Đảng bộ huyện Sơn Hà - Sdd - trang 293 ghi con số toàn huyện (gồm cả 4 xã vùng cao) từ 1985 đến 1990, tổ chức cơ sở đảng yếu kém từ 4 tăng lên 10; đảng viên vi phạm kỷ luật từ 37 tăng lên 94, có 55 đảng viên bị xóa tên trong sổ đảng tịch.

của các mặt yếu kém nói trên có nhiều, nhưng chủ yếu là do địa bàn huyện Sơn Hà quá rộng, giao thông đi lại quá khó khăn, trình độ đội ngũ cán bộ và trình độ quản lý Nhà nước của chính quyền cấp huyện chưa ngang tầm với tình hình nhiệm vụ rất mới mẻ của một huyện miền núi gồm nhiều dân tộc.

Thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta đề xướng từ năm 1986, thể theo nguyện vọng của nhân dân và đề nghị của các tổ chức đảng, chính quyền xã, huyện, tỉnh; tháng 8-1994, Chính phủ ra Nghị định số 83 chia huyện Sơn Hà thành hai huyện Sơn Hà và Sơn Tây như cũ. Đây là một quyết định đúng đắn, phù hợp với tình hình nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, phù hợp với lòng dân, phù hợp với lịch sử tất yếu vốn có từ tổng Ca Dong xưa kia.

Chương tám

THỜI KỲ LẬP LẠI HUYỆN SƠN TÂY (8-1994 - 1998)

SAU khi tiếp nhận Nghị định của Chính phủ lập lại huyện Sơn Tây như trước, ngày 20 - 8-1994, Tỉnh ủy ra hai Quyết định số 789/QĐ-TU và 790/QĐ-TU thành lập Đảng bộ huyện Sơn Tây, chỉ định Ban chấp hành lâm thời của Đảng bộ huyện và chỉ định đồng chí Lê Văn Đường làm Bí thư, đồng chí Cao Trung Tín làm phó bí thư thường trực; Ủy ban nhân dân lâm thời huyện Sơn Tây do đồng chí Lê Văn Đường - Bí thư Huyện ủy kiêm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, Huyện ủy và UBND huyện khẩn trương tập trung làm mấy việc lớn:

- Phối hợp với Huyện ủy, UBND và các ngành giới huyện Sơn Hà phân công bố trí cán bộ, sắp xếp bộ máy các ban ngành, giới của huyện Sơn Tây; phân chia cho huyện Sơn Tây một số kinh phí và tài sản cần thiết trước mắt.

- Quyết định chọn thôn Huy Mãng thuộc xã Sơn Dung làm huyện lỵ Sơn Tây, nơi đặt trụ sở của các cơ quan cấp huyện. Cử một số cán bộ tiền trạm đến Sơn Dung, huy động nhân lực, mua sắm nguyên vật liệu tại chỗ, xây dựng ngay một số nhà tạm để cán bộ huyện về có nơi ăn chốn ở, chỗ làm việc trước mắt.

- Mở sinh hoạt chính trị từ trong Đảng ra quần chúng ở các cơ quan huyện và các xã trong huyện nhằm làm cho cán bộ, đảng viên, quần chúng thấy được ý nghĩa mục đích to lớn của việc tái lập huyện Sơn Tây, tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, ý chí cách mạng kiên cường, tinh thần phấn khởi, quyết tâm khắc phục những khó khăn ban đầu, chung lòng chung sức đưa mọi mặt phong trào của huyện tiến lên nhanh chóng hơn, nêu cao ý chí tự lực tự cường, chống ý lại trông chờ cấp trên.

- Xác định ngay những mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch, biện pháp hành động năm 1995, lên kế hoạch xin vốn đầu tư của cấp trên để phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng huyện lỵ của một huyện mới...

Huyện ủy đã làm cho toàn Đảng bộ và nhân dân trong huyện trân trọng và phát huy những thành tích,

tiến bộ đã đạt được 20 năm trước, đồng thời cũng thấy hết sự trì trệ, khó khăn đang nằm trước mắt, những công việc phải bắt tay làm lại từ đầu.

Ngày 1-1-1995, Huyện ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ và các ban ngành huyện Sơn Tây chính thức làm việc tại huyện lỵ đặt tại trung tâm xã Sơn Dung.

Sau 8 tháng tái lập huyện, giải quyết được một số công việc ban đầu, Đảng bộ huyện Sơn Tây đã mở Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sơn Tây lần thứ VIII⁽¹⁾ từ ngày 2 đến ngày 4-4-1996 với sự tham gia của 77 đại biểu chính thức. Đại hội rất vinh dự được đón tiếp đồng chí Lê Quang Yển thay mặt cho Thường vụ Tỉnh ủy về dự và tham gia chỉ đạo đại hội. Đại hội đã nhận định:

“Từ khi thành lập lại huyện Sơn Tây đến nay, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện, toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện nhà đã nêu cao truyền thống cách mạng kiên cường, đoàn kết vượt qua khó khăn thử thách, từng bước xây dựng và phát triển đạt được một số kết quả bước đầu trên các lĩnh vực đời sống xã hội.

(1) Xem ở phần phụ lục

Tình hình kinh tế - xã hội có sự chuyển biến tiến bộ. Tiềm năng đất đai, lao động được khai thác để phát triển sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, giải quyết một phần lương thực tại chỗ, hạn chế nạn phá rừng làm nương rẫy. Cơ sở hạ tầng bước đầu được xây dựng. Các chính sách xã hội được triển khai thực hiện, sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục có mặt phát triển. An ninh quốc phòng được củng cố, trật tự an toàn xã hội căn bản được giữ vững. Hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân từ huyện đến cơ sở được củng cố một bước, tác dụng lãnh đạo ngày càng được phát huy, mang lại hiệu quả cụ thể thiết thực đối với đời sống xã hội.

Song bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn nhiều mặt yếu kém cần được khắc phục. Nền kinh tế còn mang nặng tính tự cấp tự túc, sản xuất chậm phát triển, cơ sở hạ tầng yếu kém, đời sống văn hóa - xã hội còn thấp. Sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa thể dục thể thao còn nhiều tồn tại, chưa đáp ứng được yêu cầu. Số hộ đói nghèo quá lớn, số người mù chữ chiếm tỷ lệ trên 90% dân số. Tệ nạn rượu chè, mê tín dị đoan, tập tục lạc hậu còn khá phổ biến. Hệ thống chính trị tuy được củng cố song chất lượng hoạt động còn yếu, hiệu lực, hiệu quả thấp. Một bộ phận

đảng viên, cán bộ thiếu gương mẫu, một số chi bộ yếu kém kéo dài; đội ngũ cán bộ trình độ năng lực còn yếu, còn thiếu và gặp nhiều khó khăn về đời sống, một số cán bộ, đảng viên và nhân dân còn nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại, thiếu năng động sáng tạo"⁽¹⁾.

Căn cứ vào tình hình chung và tình hình địa phương, căn cứ vào các nghị quyết, chỉ thị của Đảng cấp trên và ý kiến chỉ đạo của đại diện Thường vụ Tỉnh ủy, đại hội đã ra nghị quyết về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ năm 1996 đến năm 2000:

"Bước vào nhiệm kỳ 1996-2000, Đảng bộ chúng ta phải đương đầu với những khó khăn gay gắt do tình hình thế giới và trong nước tiếp tục có những biến đổi sâu sắc, đặc biệt là do nền kinh tế - xã hội huyện nhà còn quá yếu kém. Song chúng ta cũng có những thuận lợi rất cơ bản do công cuộc đổi mới đất nước đã thu được những thành tựu quan trọng, đưa đất nước ta bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tình hình kinh tế - xã hội tỉnh nhà sẽ có những bước phát triển đáng kể, gắn liền với việc hình thành khu công nghiệp Dung Quất và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.

(1)- Trích Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sơn Tây lần thứ VIII - lưu tại văn phòng Huyện ủy.

Xuất phát từ thực trạng tình hình của huyện và phân tích những thuận lợi, khó khăn trong thời gian tới, đại hội thống nhất nghị quyết:

“Mục tiêu tổng quát từ nay đến năm 2000 là ra sức khắc phục khó khăn thử thách, tập trung phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, thực hiện xóa đói giảm nghèo; giữ vững an ninh quốc phòng; xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh; nâng cao hiệu lực hoạt động của các cấp chính quyền, củng cố vai trò mặt trận và các đoàn thể nhân dân, tạo tiền đề phát triển cho những năm tiếp theo”⁽¹⁾.

Từ phương hướng nhiệm vụ chung, đại hội còn quyết định những chỉ tiêu nhiệm vụ cụ thể về phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng chính quyền, mặt trận, các đoàn thể, xây dựng Đảng.

Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa VIII gồm 27 đồng chí, chín đồng chí được bầu vào Ban thường vụ Huyện ủy. Đồng chí Lê Văn Đường báo cáo trước Ban chấp hành xin rút cương vị bí thư để tập trung sức lo công tác chính quyền, trực tiếp tham gia xây dựng nhà nước pháp quyền cấp

(1)- Trích Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sơn Tây lần thứ VIII - lưu tại văn phòng Huyện ủy.

huyện trong thời kỳ đổi mới. Ban chấp hành chấp thuận yêu cầu chính đáng này, bầu đồng chí Cao Trung Tín làm Bí thư Huyện ủy, đồng chí Lê Văn Đường làm Phó bí thư và là Chủ tịch UBND huyện.

Từ sau đại hội, cấp ủy và chính quyền huyện đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp cụ thể để làm cho nghị quyết đại hội thâm nhập sâu rộng vào các ngành giới và nhân dân toàn huyện; biến thành hành động cụ thể; thường xuyên sâu sát cơ sở, sát dân, liên tục đôn đốc kiểm tra. Nhờ đó đã động viên được tinh thần phấn khởi mới, đẩy lên một khí thế thi đua, xây dựng Sơn Tây phát triển về mọi mặt nhanh hơn trước khá nhiều. Mới vừa tròn 4 năm tái lập huyện, Đảng bộ, chính quyền, mặt trận và nhân dân Sơn Tây đã lập nên nhiều thành tích rất đáng mừng ⁽¹⁾.

1- Về sản xuất nông lâm nghiệp:

Huyện đã lập kế hoạch xây dựng bốn tiểu vùng kinh tế : Khu Sơn Mùa, vùng Ra Mạnh (Sơn Dung), Bãi Mầu (Sơn Tân) và khu Mang Trầy (Sơn Tinh) để phát triển cây lương thực, nông sản hàng hóa, cây công nghiệp.

(1) Những nhận định và số liệu nêu trong chương này là trích từ báo cáo ngày 31-7-1998 của Huyện ủy về tình hình thực hiện nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII và báo cáo tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế-xã hội 1994-1998 của phòng kế hoạch đầu tư huyện Sơn Tây - tài liệu lưu tại văn phòng Huyện ủy và UBND huyện Sơn Tây.

Huyện đã tập trung chỉ đạo nhân dân khai hoang thêm 151,8 ha, đưa vào sử dụng 98 ha, nâng diện tích lúa nước toàn huyện lên 393 ha làm 2 vụ/năm (năm 1995 là 294,7ha). Được nhà nước đầu tư, huyện đã xây dựng đập Nước Lát, đập Nước Mìn (Sơn Mùa) huy động gần 7.700 ngày công tu sửa, làm mới các đập bồi, đảm bảo chủ động nước tưới cho 60% diện tích lúa nước. Huyện đã chú trọng chỉ đạo ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào việc làm lúa nước như sạ thẳng, dùng thuốc trừ cỏ, trừ sâu, bón phân cho lúa; đưa các giống mới, ngô lai, đậu xanh cao sản vào sản xuất. Ngoài lúa nước, bốn năm qua toàn huyện đã sản xuất 1.593 ha lúa rẫy (năm 1995 cao nhất 589 ha), 1.850 ha ngô, sắn, lang (năm 1998 cao nhất 682 ha). Với các biện pháp trên, năng suất, sản lượng lương thực đã tăng khá. Năm 1998 ước tính tổng sản lượng lương thực qui thóc đạt 2.948 tấn, so với năm 1995 tăng 1.181,6 tấn, so với nghị quyết (Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII) đạt 73,7%. Lương thực bình quân đầu người năm 1998 là 204,6 kg, so với năm 1995 tăng 74,7kg, so với nghị quyết đạt 81,8%.

Chăn nuôi cũng đã được chú trọng phát triển. Việc chăn, dắt trâu, bò, làm chuồng nuôi gia súc đã trở thành phổ biến trong nhân dân, hạn chế tình trạng thả rông. Việc thực hiện chương trình sinh hóa đàn

bò bước đầu đạt hiệu quả. Đến năm 1998 ước tính: đàn trâu, bò có 4.040 con, so với năm 1995 tăng 288 con, so với nghị quyết đạt 68%; đàn heo có 3.117 con, so với năm 1995 tăng 1.061 con, so với nghị quyết đạt 44,5%.

Phong trào trồng rừng 1995-1998 có chuyển biến tốt; toàn huyện đã trồng mới 491 ha rừng tập trung (theo dự án PAM); khoanh nuôi và bảo vệ gần 4.100 ha rừng đầu nguồn, đạt 57,3% của nghị quyết. Việc đầu tư trồng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng đã giải quyết việc làm cho một số lao động. Huyện đã giao 2.304 ha đất lâm nghiệp cho hộ và nhóm hộ nông dân sản xuất lâu dài. Cùng thời gian trên, toàn huyện đã trồng mới được 1.210 ha cây công nghiệp, trong đó có 165 ha quế, 994 ha cau và cây công nghiệp khác, 51 ha cà phê. Trong bốn năm Sơn Tây đã khai thác thu hoạch được 353,8 m³ gỗ, 176.000 cây tre, nứa, 5.277 kg quế, gần 402 tấn cau và trên 70 tấn mè, đậu, thuốc lá...

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ năm 1994 hoàn toàn chưa có gì, từ năm 1995 đến 1998 đã phát triển 12 máy xay xát gạo, 2 máy chế biến tinh bột mì, 2 máy phát điện 10 và 15KW, một cơ sở sản xuất mộc, một cơ sở sản xuất gạch đã sản xuất được

180.000 viên, một cơ sở sản xuất đá chẻ xây dựng đã sản xuất được 65.000 viên.

Những kết quả trên, tuy chưa ngang tầm với tiềm năng, song bước đầu tài nguyên, đất đai đã được khai thác, hạn chế được tình trạng phá rừng làm nương rẫy. Từ quý III năm 1998, tỉnh đầu tư 6 tỷ 750 triệu đồng cho xây dựng trung tâm kinh tế cụm xã Sơn Mùa để khoanh nuôi 4.319 ha, bảo vệ 3.083 ha, trồng mới 500 ha rừng; cải tạo 126 ha ruộng lúa nước; xây dựng 763ha vườn rừng cho hộ gia đình; trồng mới 110 ha cây ăn quả; trồng và chăm sóc 589 ha quế, cau, cà phê... Đây là một mô hình mở ra triển vọng tốt cho việc phát triển kinh tế ở Sơn Mùa nói riêng và Sơn Tây nói chung.

Tổng giá trị sản xuất cả năm 1998 (ước tính) đạt 24 tỷ 379 triệu đồng (theo giá hiện hành), trong đó nông nghiệp đạt 21 tỷ 784 triệu đồng, lâm nghiệp đạt 2 tỷ 304 triệu đồng; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đạt 153 triệu đồng. Toàn huyện có 14.400 nhân khẩu, giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt 1.692.986 đồng. So với năm 1994 tổng giá trị sản xuất năm 1998 tăng lên 14 tỷ 296 triệu đồng, bình quân đầu người tăng lên 935.436 đồng.

Nhờ sản xuất có tăng, nên tổng thu ngân sách tại địa phương cũng đã tăng, năm 1995 đạt 51 triệu đồng, năm 1997 đạt 275 triệu đồng.

2- Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội:

- Giao thông: Thực hiện phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, đến giữa năm 1998, nhờ cấp trên đầu tư và nhân dân toàn huyện đã đóng góp gần 68,850 ngày công. Sơn Tây đã làm mới và tu sửa các tuyến đường giao thông trên địa bàn; đã thông được các tuyến đường Sơn Tân đi Sơn Tinh, Sơn Dung đi Ra Manh (thôn 1), trung tâm huyện đi Sơn Mùa, Sơn Mùa đi tập đoàn 1, Sơn Hà đi Sơn Tây (thông suốt bốn mùa); xây dựng xong cầu Bãi Mầu, nâng cấp thâm nhập nhựa 4 km đoạn dốc Ông Phó (Sơn Tân).

- Bưu điện đã xây dựng được hệ thống thông tin liên lạc trên địa bàn. Hoàn thành xây dựng tổng đài 300 số đưa vào hoạt động bước đầu có hiệu quả. Các xã đều có máy điện thoại.

- Xây dựng cơ bản được 18 phòng học cho các xã, trường dân tộc nội trú của huyện, trung tâm y tế huyện, 4 trạm xá xã, trụ sở làm việc của cơ quan quân sự, kho bạc huyện, của UBND các xã Sơn Tinh, Sơn Dung, Sơn Mùa, Sơn Tân... và còn tiếp tục thi công nhiều công trình với giá trị đầu tư lớn.

- Điện: Đã xây dựng xong và nghiệm thu đưa vào sử dụng 4 đường dây 22KV Sơn Hà - Sơn Tây, hai

trạm biến áp 22/04 KV tại Sơn Tân và trung tâm huyện.

Ngoài ra, đã thực hiện qui hoạch trung tâm huyện, xây dựng trụ sở UBND huyện, cơ quan kiểm lâm, định canh định cư, kế hoạch hóa gia đình, trạm phát lại truyền hình, hệ thống nước sinh hoạt, nâng cấp nhà ở cho cán bộ công nhân viên huyện...

Tính chung từ năm 1994 đến năm 1998, ngân sách nhà nước tỉnh và huyện đầu tư xây dựng cơ bản cho Sơn Tây 28 tỷ 313 triệu đồng.

Những thành tựu xây dựng cơ bản nói trên đã từng bước làm cho diện mạo huyện Sơn Tây đổi mới, khởi sắc, tươi tắn theo từng năm tháng.

3- Về văn hóa - xã hội:

- Công tác giáo dục đào tạo: Tuân theo lời chỉ giáo của Hồ Chủ tịch "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu", sau đại hội VIII, Huyện ủy đặt chương trình xóa mù chữ là một trong bốn chương trình trọng tâm, là một trong những mục tiêu hàng đầu của toàn huyện; đã tập trung chỉ đạo mở những chiến dịch xóa mù chữ rộng khắp. Đến tháng 10-1997, huyện Sơn Tây đã được Bộ và Sở Giáo dục - Đào tạo công nhận đạt chuẩn quốc gia về xóa nạn mù chữ, hoàn thành

một trong bốn chương trình của Đảng bộ đã đề ra. Đồng thời, huyện còn tập trung chỉ đạo xây dựng thêm nhiều lớp học mới, tu sửa các lớp học cũ (chủ yếu bằng tranh, tre, nứa, lá), gọi giáo viên người dân tộc địa phương đi đào tạo tại Trường cao đẳng sư phạm tỉnh và thu hút giáo viên ở miền xuôi lên để thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học cho con em các dân tộc. Đến cuối năm học 1997-1998, Sơn Tây đã có 3.712 học sinh đến trường (tăng 961 học sinh so với năm 1994), trong đó có 174 cháu mẫu giáo, 3.226 học sinh cấp I, 312 học sinh cấp II dưới sự dạy dỗ, dìu dắt của 156 giáo viên.

Cuối năm 1994, toàn huyện có 92,8% người mù chữ. Chỉ sau 3 năm, toàn huyện đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử phát triển của các dân tộc Sơn Tây.

- Công tác y tế: Được tỉnh đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và cấp một số trang thiết bị khám chữa bệnh mới, bổ sung thêm bác sĩ, y sĩ, y tá, hộ sinh, thuốc men cho trạm y tế huyện, xã và hằng năm cử bác sĩ tăng cường về huyện giải quyết kịp thời các ca cấp cứu trong mùa mưa lũ. Vì vậy, việc khám chữa bệnh,

chăm sóc sức khỏe cho nhân dân tốt hơn trước. Chỉ 10 tháng đầu năm 1997, trung tâm y tế huyện đã khám và điều trị cho gần 10.000 lượt người bệnh, trong đó có 100 bệnh nhân bướu cổ, 30 bệnh nhân tâm thần, gần 400 bệnh nhân sốt rét, đình sản cho 50 người và đặt vòng cho 130 người, hạn chế được các cặp vợ chồng sinh con thứ 3, hạ thấp tỷ lệ sinh tự nhiên từ 3,1% (1994) xuống 2,5% (1998). Trong 3 năm 1995-1997 đã tiêm chủng mở rộng cho 13.743 lượt trẻ em. Cả 4 xã đều được phun thuốc DDT, tẩm thuốc gần 3.000 chiếc màn cấp cho nhân dân phòng chống muỗi sốt rét. Đến năm 1997 ở Sơn Tây không xảy ra dịch bệnh sốt rét; tỷ lệ người bị bệnh sốt rét đã giảm nhiều.

- Công tác văn hóa - thông tin: đã bám sát phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị của huyện và các ngày lễ lớn tại địa phương. Phong trào văn nghệ, thể dục thể thao đã được khơi dậy, tiếp tục phát huy được bản sắc văn hóa dân tộc đậm đà. Trong hội thi tiếng hát hay toàn tỉnh và toàn quốc được tổ chức vào đầu năm 1998, anh Đinh Văn Sơn - một ca sĩ nghiệp dư Ca Dong đã đoạt hai huy chương vàng. Tỉnh đã trang bị cho huyện một máy video hiện đại 100 in-sờ. Hầu

hết nhân dân các thôn xóm xa xôi, hẻo lánh đều được xem phim, xem video mỗi năm 2 lần. Hoạt động truyền thanh, truyền hình phát huy hiệu quả ở huyện lỵ; 10% dân số được xem ti vi.

Việc thực hiện chính sách xã hội: Đối với các đối tượng chính sách cũng đã được cấp ủy, chính quyền chỉ đạo giải quyết kịp thời. Đến năm 1998, toàn huyện có 890 đối tượng hưởng chính sách xã hội thường xuyên, thực hiện tốt phong trào đền ơn đáp nghĩa, quy tập 181 mộ liệt sĩ về nghĩa trang, xây dựng 3 ngôi nhà tình nghĩa.

Xóa đói giảm nghèo là một trong bốn chương trình, mục tiêu quan trọng của huyện. Huyện ủy và chính quyền huyện đã tập trung huy động mọi nguồn vốn đầu tư cho các dự án xóa đói giảm nghèo đã chỉ đạo mở hội nghị già làng bàn kỹ biện pháp cụ thể, động viên cổ vũ nhân dân phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù, quyết tâm vượt qua nỗi nhọc nghèo đói. Trong mấy năm qua huyện và các xã đã tổ chức cho 513 hộ vay 730.500.000 đồng để chăn nuôi, trồng rừng. Nhờ đó, năm 1994, tỷ lệ hộ đói nghèo chiếm 93,8%, đến năm 1998 chỉ còn 72,3%; số hộ đói từ 719 giảm xuống 240, số hộ nghèo từ 1.204 giảm xuống

còn 960. Nhân dân các dân tộc Sơn Tây mấy năm qua thường xuyên được nhà nước cung cấp muối, dầu thấp, muối iode để cải thiện đời sống và chữa bệnh bướu cổ, cấp giấy vở cho con em các dân tộc đi học. Đặc biệt là đã có 8% số hộ vươn lên loại khá, làm dư ăn, còn giúp đỡ cho bà con. Tiêu biểu như hộ anh Đinh Văn Hành, người Ca Dong ở Sơn Tinh có 15 con trâu, 30 con bò (20 con sinh sản), 5.000 cây cau cho thu hoạch. Anh đã tự học hỏi lắp ráp được máy thủy điện nhỏ để xem ti vi, nghe radio, mua được máy xay xát gạo phục vụ bà con... Giá trị tài sản của anh Hành đã trên 100 triệu đồng, mỗi năm gia đình anh thu nhập hàng chục triệu đồng. Anh đang có dự định mua xe ô tô để vận chuyển hàng hóa trao đổi giữa miền núi và miền xuôi. Hộ anh Đinh Văn Để, người Ca Dong ở Sơn Dung nuôi 8 con bò, 6 con lợn, hàng đàn gia cầm, đào ao nuôi cá... mỗi năm thu nhập trên 10 triệu đồng; khoan nuôi bảo vệ 60 ha rừng, trồng hàng ngàn cây quế sắp cho thu hoạch. Hộ anh Đinh Văn Huy ở Sơn Mùa khai hoang trồng lúa nước mỗi năm thu hoạch 3 tấn lúa; nuôi vài chục bò, lợn, thu nhập trên 10 triệu đồng/năm, trồng 14.000 cây quế, hàng ngàn cây cau... Người nông dân lao động Ca

Dong trở thành triệu phú là điều chưa từng có trong lịch sử của dân tộc mình.

4- Về an ninh quốc phòng:

Cấp ủy và chính quyền huyện đã chỉ đạo xây dựng mạng lưới quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững chắc. Nhờ đó đã tổ chức thành công kế hoạch phòng thủ 1996 xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đạt 3,5% dân số (đạt chỉ tiêu nghị quyết đại hội).

Công tác tuyển quân hai năm liền đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao. củng cố mạng lưới an ninh nông thôn, đi đôi với phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, thường xuyên cảnh giác với mọi kẻ xấu và mọi luận điệu tuyên truyền phản động xâm nhập vào địa bàn. Các lực lượng của huyện đội và công an thường xuyên phối hợp tổ chức truy quét ở các vùng giáp ranh, làm trong sạch địa bàn, giải quyết dứt điểm tình trạng đào đãi vàng ở khu giáp ranh với huyện Trà My (Quảng Nam), tạo điều kiện cho nhân dân an tâm sản xuất và bảo vệ môi trường sinh thái. Với sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp bộ đảng và chính quyền trong huyện, với tinh thần cảnh giác cách mạng của nhân dân, tình hình an ninh chính trị ở Sơn Tây trong những năm qua được ổn định và giữ vững, bảo đảm

sẵn sàng đối phó với mọi thế lực thù địch và âm mưu “diễn biến hòa bình” của chúng.

5- Xây dựng chính quyền, mặt trận, các đoàn thể:

Ngay từ lúc mới chia huyện, cấp ủy đã đặt trọng tâm vào xây dựng bộ máy chính quyền, mặt trận, các đoàn thể quần chúng từ huyện đến xã nhằm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Việc bầu cử HĐND huyện, xã được chỉ đạo tốt, từ đó, UBND hai cấp và các trưởng thôn cũng được bầu cử dân chủ. Các thành viên của HĐND đã phấn đấu thực hiện tốt vai trò người đại diện cho quyền lực và quyền lợi của nhân dân, đã nâng cao chất lượng hoạt động, đi sát dân, lắng nghe ý kiến của dân, giám sát hoạt động của chính quyền, mặt trận và các đoàn thể. Các phòng ban thuộc khối chính quyền đã cơ bản được xây dựng, thực hiện được chức năng làm tham mưu cho UBND huyện trong điều hành và tổ chức chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của HĐND huyện và giáo dục pháp luật cho quần chúng.

Những thành tựu về kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh trong bốn năm qua đã thể hiện khá rõ nét về

chất lượng hoạt động của HĐND, về trình độ quản lý và điều hành của UBND ngày càng có hiệu lực.

Bên cạnh hệ thống bộ máy chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng cũng đã tích cực động viên tổ chức các tầng lớp nhân dân tăng cường đoàn kết, thi đua phát triển kinh tế - xã hội, tham gia xây dựng và bảo vệ Đảng và chính quyền, tham gia thực hiện các chủ trương của Mặt trận và ngành giới cấp trên để xây dựng nông thôn mới, nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa ở xóm, thôn, xã.

Qua chỉ đạo tổ chức tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 813 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) về “Đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân”, nhận thức về công tác dân vận và trình độ công tác dân vận của cán bộ, đảng viên có được nâng lên một bước. Nhờ đó, việc chỉ đạo hoạt động của mặt trận và các đoàn thể có tiến bộ hơn trước, Đảng với dân, cấp trên và cấp dưới có quan hệ tốt hơn trước.

6- Về xây dựng Đảng:

Từ ngày lập lại huyện, nhất là từ đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VIII, Huyện ủy đặc biệt coi trọng công

tác xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng, tổ chức cán bộ và kiểm tra đảng viên thực hiện điều lệ Đảng; coi đây là nhân tố quyết định nhất để lãnh đạo, xây dựng Sơn Tây tiến lên về mọi mặt.

- Trong công tác chính trị tư tưởng: huyện ủy đã thường xuyên tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy; chỉ đạo phổ biến kịp thời các đường lối, chủ trương, chính sách và pháp luật của Đảng và nhà nước đến đảng viên và nhân dân. Mặt khác, hằng nhiều con đường khác nhau, cấp ủy đã làm cho tin tức trong tỉnh, trong nước và thế giới đến với quần chúng nhiều hơn, kịp thời hơn. Về chiều sâu thì chỉ đạo sinh hoạt chi bộ Đảng đều đặn để kịp thời nhận định đánh giá tình hình, đề ra chủ trương mới, kiểm điểm nội bộ, phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm. Qua đây làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhận thức rõ, sâu hơn về tình hình nhiệm vụ mới, tăng thêm niềm tin vào Đảng và nhà nước, hăng hái thực hiện các nhiệm vụ chỉ tiêu, kế hoạch do huyện đề ra.

- Xây dựng Đảng bộ về mặt tổ chức: Trong bốn năm (1995-1998) đã phát triển thêm 125 đảng viên mới, đưa tổng số đảng viên toàn huyện lên 344 đồng

chí. Đến cuối năm 1998 có 231 đảng viên đủ tư cách loại I (67%), 108 đảng viên đủ tư cách còn hạn chế (31%), 3 đảng viên có vi phạm (0,8%), đề nghị khai trừ 2 (0,58%). Về tổ chức cơ sở đã hình thành bốn đảng bộ xã, 1 Đảng bộ cơ quan và 7 chi bộ trực thuộc Huyện ủy; đã xây dựng được 10 chi, đảng bộ cơ sở thuộc loại khá, còn 2 cơ sở yếu kém.

- Về công tác cán bộ: Khi chia huyện có 26 cán bộ từ Sơn Hà chuyển lên, đến năm 1998 có 88 cán bộ, công nhân viên thuộc khu vực hành chính ở các cơ quan Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể huyện (không kể công an, quân đội, sự nghiệp y tế, giáo dục biên chế do tỉnh quản lý). Trong 88 cán bộ, nhân viên nói trên có 1 cử nhân, 7 cao cấp chính trị, 14 người có trình độ trung cấp chính trị trở lên (16%); về chuyên môn có 16 người trình độ đại học (18%), 23 người có trình độ trung cấp (26%); 68 người có trình độ cấp III (77%). Riêng đội ngũ cán bộ giáo dục và y tế trên địa bàn thì hầu hết đạt trình độ trung cấp và đại học về chuyên môn nghiệp vụ. Cán bộ xã tổng số có 82, học vấn cấp I: 45 (54,9%), cấp II: 32 (39%); cấp III: 5 (6,1%), trình độ chính trị sơ cấp :46 (56%), trung cấp 7 (8,5%).

Để kịp đáp ứng nhiệm vụ, Huyện ủy đã chăm lo công tác đào tạo cán bộ, đã cử đi đào tạo cử nhân chính trị một đồng chí, bồi dưỡng cao cấp chính trị 5 đồng chí, trung cấp chính trị 9 đồng chí, cấp ủy mới 103 đồng chí. Ngoài ra còn mở lớp bồi dưỡng tại chỗ cho 164 đồng chí về lý luận chính trị phổ thông, 304 đối tượng Đảng...

- Về công tác kiểm tra: Nhận thức rõ “lãnh đạo mà không kiểm tra thì không thể lãnh đạo tốt được” nên Huyện ủy đã chỉ đạo thường xuyên kiểm tra đảng viên và tổ chức cơ sở đảng thi hành điều lệ Đảng và đường lối, nghị quyết của Đảng. Mấy năm qua đã kiểm tra 11 tổ chức cơ sở đảng và 92 đảng viên, phát hiện 5 tổ chức cơ sở đảng, và 30 đảng viên có dấu hiệu vi phạm điều lệ Đảng, trong đó có 7 đồng chí cấp ủy viên. Đã xử lý 12 đồng chí: 8 sai phạm về nguyên tắc tổ chức, 4 sai phạm về chính sách pháp luật, khiển trách 4, cảnh cáo 6, khai trừ 2.

Nhờ thường xuyên đặt mạnh công tác xây dựng Đảng nên Đảng bộ Sơn Tây đã đoàn kết nhất trí về mặt chính trị và tư tưởng, lớn mạnh về mặt tổ chức, nâng cao về mặt chất lượng, phát huy vai trò lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện trên tất cả các lĩnh vực công tác của huyện nhà.

Như vậy, qua bốn năm lập lại huyện, thời gian rất ngắn, vẫn núi rừng, sông suối này, vẫn là những con người của dân tộc Ca Dong, Hre, Co, Kinh đã từng sinh sống trên mảnh đất này, nhưng nhờ lập lại huyện, cấp ủy, chính quyền, mặt trận, cán bộ, đảng viên của huyện gần dân, nắm bắt và giải quyết kịp thời những tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của nhân dân, đưa mọi mặt của Sơn Tây phát triển khá nhanh.

Sản xuất nông lâm nghiệp phát triển tương đối toàn diện, bên cạnh đó, đã xuất hiện những cơ sở đầu tiên của công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ. Sự nghiệp giáo dục, y tế, VHTT, bưu điện đã có bước tăng trưởng khá. Đã xây dựng cơ bản được nhiều công trình kinh tế, phúc lợi công cộng thiết thực phục vụ đời sống nhân dân, nhất là đường sá, đập nước, trường học, bệnh viện, đường dây tải điện... Việc thực hiện chính sách xã hội, chăm lo đời sống những đối tượng có công với cách mạng, xóa đói giảm nghèo cho nhân dân đã được giải quyết từng bước. Tất cả những thành tựu trên tuy mới chỉ là bước đầu, nhưng là bước đầu rất quan trọng, đã làm cho Sơn Tây đổi mới, khởi sắc, làm cho đời sống vật chất và văn hóa tinh thần của nhân dân được cải thiện.

Những thành tựu trên không tách rời với các thành tích trong xây dựng Đảng bộ, chính quyền, mặt trận đoàn kết các dân tộc, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong toàn huyện.

Nguyên nhân đạt được những thành tựu trên trong một thời gian rất ngắn là:

- Việc lập lại huyện Sơn Tây phù hợp với tình hình nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước nói chung và Quảng Ngãi nói riêng, phù hợp với nguyện vọng của quần chúng, phù hợp với trình độ lãnh đạo của Đảng bộ, với năng lực quản lý của chính quyền, mặt trận, đoàn thể huyện, đông viên được tinh thần phấn khởi, quyết tâm xây dựng lại quê hương trong các tầng lớp nhân dân.

- Đảng bộ Sơn Tây đã quán triệt và vận dụng thực hiện nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV vào tình hình thực tiễn của địa phương.

- Đã tập trung lo xây dựng Đảng bộ, chính quyền, mặt trận từ huyện đến xã; giữ vững sự đoàn kết nhất trí trong các cấp ủy đảng và trong toàn Đảng bộ, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong đảng và

nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Phần đông cán bộ, đảng viên kiên định con đường cách mạng XHCN, giữ vững phẩm chất đạo đức cách mạng, an tâm công tác lâu dài, một lòng một dạ chăm lo đời sống nhân dân.

- Đã phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng và tinh thần yêu nước XHCN, động viên tinh thần tự tôn, tự lực, tự cường của nhân dân các dân tộc, huy động được nội lực của toàn huyện vào phát triển kinh tế - xã hội.

- Được sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo và đầu tư thích đáng của UBND tỉnh cả về cán bộ, nguồn vốn, trang thiết bị, sự phối hợp giúp đỡ tận tình của các Sở, ban, ngành tỉnh và huyện Sơn Hà anh em.

Nhưng với tinh thần trách nhiệm nghiêm túc trước nhân dân, trước Đảng và chính quyền cấp trên, Sơn Tây thừa nhận vẫn tồn tại nhiều mặt yếu kém:

- Trong sản xuất nông lâm nghiệp, chuyển đổi mùa vụ, cơ cấu cây trồng vật nuôi chậm; chưa gắn trồng trọt với chăn nuôi; sản xuất còn nặng quản canh; chưa đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và chăn nuôi; chưa phát triển mạnh các loại cây sắn mũi nhọn nên chưa tạo được nhiều nông lâm

sản hàng hóa. Chưa tập trung đúng mức việc phát huy nội lực để khai thác đất đai, tài nguyên, lao động hiện có. Điển hình về trang trại vườn rừng, đồi rừng còn ít và chậm được nhân rộng. Tỷ lệ hộ đói nghèo quá cao, cao nhất trong tỉnh; nguồn thu ngân sách từ địa phương còn quá nhỏ bé.

- Cơ sở hạ tầng tuy bắt đầu được xây dựng, song chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Sự nghiệp giáo dục, y tế, VHTT phát triển chưa đều, trình độ chính trị tư tưởng, chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên, cán bộ y tế, cán bộ VHTT chưa đáp ứng kịp yêu cầu nâng cao chất lượng dạy, học, chăm sóc sức khỏe và đời sống tinh thần cho nhân dân; chưa xóa bỏ triệt để các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan trong nhân dân.

- Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận, các đoàn thể và việc phối hợp hành động của các tổ chức trong hệ thống chính trị chưa thật đồng bộ, thiếu năng động, nhất là ở cấp cơ sở.

Nguyên nhân của những mặt yếu kém nói trên, khách quan mà xét thì Sơn Tây khi chia huyện đang ở vào điểm xuất phát quá thấp về mọi mặt; Quảng

Ngã lại là một tỉnh nghèo nên tuy đã cố gắng đầu tư cho huyện nhưng mức đầu tư còn có hạn; cán bộ khoa học kỹ thuật; trí thức cách mạng trong tỉnh về cấm tại Sơn Tây chưa nhiều.

Song chủ yếu là do những nguyên nhân chủ quan:

- Trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên còn non yếu, thiếu năng động sáng tạo. Phần lớn cán bộ người Kinh lên công tác ở Sơn Tây chưa thực sâu sát cơ sở và quần chúng, chưa am hiểu phong tục tập quán nhân dân địa phương, chưa biết nhiều tiếng Ca dong, Hre, nên việc đưa nghị quyết của Đảng, chủ trương của chính quyền, mặt trận vào cuộc sống còn hạn chế.

- Việc chỉ đạo phát huy nội lực, đẩy mạnh sản xuất, xóa đói giảm nghèo của Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể các cấp nhất là ở xã thôn thiếu cụ thể, thiếu những biện pháp hữu hiệu, một số nơi còn ở mức phổ biến chủ trương và hô hào chung chung. Trong chừng mực nhất định một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng còn tư tưởng ỷ lại, trông chờ cấp trên.

- Việc phối hợp giữa huyện với các ban ngành của tỉnh để tranh thủ vốn đầu tư, thiết bị công nghệ, cán bộ KHKT thường bị ách tắc, trì trệ vì chưa rành các

thủ tục hành chính hoặc các thủ tục còn rườm rà, chồng chéo.

Tuy còn một số mặt yếu kém nói trên nhưng cần khẳng định những thành tựu trong bốn năm qua (1995-1998) là mặt cơ bản, làm cho diện mạo kinh tế - xã hội của Sơn Tây thay đổi tốt hơn trước rất nhiều. Đồng thời đây cũng là những điều kiện thuận lợi để Đảng bộ và nhân dân Sơn Tây tiếp tục vững bước tiến lên hoàn thành mọi nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch đến năm 2000 và nâng cao đầu bước vào thế kỷ XXI.



Đồng chí Cao Trung Tín
Bị thư Huyện ủy Sơn Tây từ tháng 4-1996



Đồng chí Lê Văn Đường
Bí thư Huyện Ủy Sơn Tây
(8-1994_4-1996)
Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây
từ tháng 8-1994



Trụ sở Ủy ban Nhân dân huyện Sơn Tây
lúc mới tách huyện 1995 - 1996



Kênh mương bằng bê tông
Đập nước Min - xã Sơn Mùa



Nhân dân xóm Trường xã Sơn Dung
Thu hoạch lúa đông xuân 1997 - 1998



Vườn quế của anh Đinh Văn Vum
thôn Hai - xã Sơn Dung



Vườn cà phê 0,8ha của ông Đinh Văn Đoàn
thôn Một - xã Sơn Dung



Chiếc cầu treo bắc qua sông Rinh
nối mạch giao thông Sơn Dung - Sơn Mùa



Nhân dân xã Sơn Tinh làm đường giao thông
liên xã Sơn linh - Sơn Tân (đoạn đèo Ka - Vách)



Đội xe cơ giới ngành giao thông huyện Sơn Tây
tham gia mở đường trên đèo Ka Vách



Ngành điện lực Quảng Ngãi
đưa điện lưới Quốc gia
về Sơn Tây



Trạm vi ba Bưu điện huyện Sơn Tây
đặt trên núi Tà Mực
cao 882m so với mặt biển



Trường nội trú cho con em dân tộc Ca Dong
huyện Sơn Tây

Trường tiểu học xã Sơn Dung





Trung tâm y tế huyện Sơn Lầy



Đài thu phát
phát thanh truyền hình
huyện Sơn Tây



Mùa huấn luyện quân sự 1998
cho dân quân tự vệ các xã ở Sơn Tây



Nghĩa trang liệt sĩ huyện Sơn Tây



Trung tâm huyện lỵ Sơn Tây cuối năm 1998

KẾT LUẬN

VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Huyện Sơn Tây thời Pháp thuộc là tổng Ca Dong thuộc châu Sơn Hà tỉnh Quảng Ngãi. Đây là một vùng sông suối núi non trùng điệp, hiểm trở, nối liền với bắc Tây Nguyên, lại là một vùng đất ba-zan phì nhiêu, chứa đựng nhiều tài nguyên thiên nhiên phong phú, nhiều cảnh đẹp hùng vĩ nên thơ. Vì vậy, Sơn Tây là một địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về mặt quốc phòng bảo vệ an ninh Tổ quốc; có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế miền núi làm giàu cho quê hương đất nước.

Sơn Tây ngày nay là địa bàn cư trú lâu đời của một cộng đồng cư dân đa sắc tộc, tuyệt đại bộ phận là tộc người Ca Dong, một chi của dân tộc Xê-Đăng từ bắc Tây Nguyên chuyển cư đến. Tộc người Ca Dong tuy chưa có chữ viết nhưng rất cần cù, nhẫn nại, thông minh trong lao động sản xuất, vật lộn với thiên nhiên trong cuộc mưu sinh trường kỳ. Bộ óc thông minh và đôi tay khéo léo của họ đã tạo nên những sản phẩm

mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc mình, không hề lẫn lộn với một dân tộc nào khác, nhất là đồ dệt, đồ đan, nông cụ tự rèn, kiến trúc nhà sàn... Đây cũng là một tộc người có tinh thần thượng võ, có trình độ chiến kỹ thuật và chiến đấu cao, có ý chí độc lập tự chủ kiên cường nên không bị một thế lực phong kiến, đế quốc nào áp đặt được sự cai trị đối với họ.

Từ ngày có Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, tộc người Ca Dong đã một lòng đoàn kết với người Kinh, người Hrê, người Co đi theo Đảng và Bác Hồ làm cách mạng tới cùng, góp phần hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến lên xây dựng CNXH đem lại cuộc sống ấm no, bình đẳng, văn minh cho tất cả các dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Tinh yêu quê hương và yêu thương những người đồng tộc đã được vun đắp và nâng lên thành chủ nghĩa yêu nước. Tinh thần thượng võ, ý chí độc lập tự chủ kiên cường đã được thử thách rèn luyện nâng lên thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Chính vì thế, nhân dân các dân tộc ở Sơn Tây đã liên tục đấu tranh anh dũng bất khuất trong hai cuộc kháng chiến, đem hết nhiệt tình và sức người sức của góp phần xây dựng Sơn Tây thành căn cứ địa cách mạng của tỉnh Quảng Ngãi và

Liên khu V trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước.

Tổ chức Đảng ra đời ở Sơn Tây từ năm 1949. Khu Bẫy (tức là huyện Sơn Tây) và Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam huyện Sơn Tây thành lập từ năm 1957. Đảng bộ đã lãnh đạo nhân dân huyện nhà lập nhiều chiến công và thành tích xuất sắc trong hai cuộc kháng chiến (1945-1975). Qua rèn luyện thử thách trong đấu tranh cách mạng, số lượng và chất lượng đảng viên ngày càng nâng cao; đảng viên và cán bộ người dân tộc thiểu số ngày càng trưởng thành; trình độ chính trị, xã hội, văn hóa của cán bộ, đảng viên và nhân dân đã có nhiều tiến bộ. Đảng bộ và nhân dân Sơn Tây đã góp phần xứng đáng cùng cả tỉnh, cả nước hoàn thành sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc; lập nên một trong những chiến công hiển hách nhất của loài người trong thế kỷ XX: Một dân tộc nhỏ mà đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ.

Từ năm 1975 đến nay, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Sơn Tây đã có nhiều nỗ lực xây dựng quê hương theo con đường XHCN, con đường mà Bác Hồ, Đảng ta và nhân dân ta đã lựa chọn.

Từ trong tro tàn và đổ nát của chiến tranh bước ra, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Sơn Tây đã đổ mồ hôi, nước mắt và công sức để khôi phục và phát triển sản xuất, tự tạo dựng cuộc sống mới và cải thiện đời sống cho mình.

Nhờ có đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước soi đường, thấp sáng niềm tin cho nhân dân các dân tộc; nhờ có sự lãnh đạo và chỉ đạo của Đảng và chính quyền từ Trung ương đến tỉnh, huyện, nhờ biết tiếp tục phát huy lòng yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng vào thời kỳ mới, Đảng bộ và nhân dân Sơn Tây đã từng bước đi lên, phấn đấu xây dựng một cuộc sống có ăn, có mặc, được học hành, được chữa bệnh không mất tiền.

Từ ngày lập lại huyện Sơn Tây (tháng 8-1994) đến năm 1998, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Sơn Tây đã quyết tâm phấn đấu dựng xây, làm cho Sơn Tây tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc theo mục tiêu Đảng bộ đã vạch ra. Mới trong vòng bốn năm, tổng giá trị sản xuất nông lâm nghiệp đã tăng gấp đôi; điện, đường, trường, trạm-trại sản xuất ở Sơn Tây phát triển rõ rệt theo từng năm tháng, toàn huyện đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập tiểu học, cứ 4 người dân có một học sinh đến trường. Trường

dân tộc nội trú, Trung tâm y tế huyện, Trạm thu phát truyền hình màu, Bưu điện huyện.... được xây dựng khang trang. Tất cả các xã đều có điện thoại, có đường ô tô đến tận nơi. Đảng bộ và nhân dân Sơn Tây hoàn toàn có quyền tự hào chính đáng về những thành tựu đã đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng, dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Tất cả những công trình, thành tựu trên, chục năm trước, trăm năm trước, ngàn năm trước có năm mớ cũng không thể thấy được.

Điều đó chứng minh quyết định của Trung ương, của tỉnh lập lại huyện Sơn Tây là đúng đắn và sáng suốt; chứng minh một khi đường lối, chủ trương hợp với lòng dân thì lập tức tạo nên sức mạnh mới; chứng minh Đảng bộ, chính quyền, mặt trận và nhân dân Sơn Tây hoàn toàn có đủ khả năng xây dựng Sơn Tây thành một huyện phát triển nhanh về kinh tế - văn hóa - xã hội - quốc phòng an ninh, mang lại cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn cho quê hương mình.

Chúng ta cũng nhận rõ rằng: Trình độ và năng lực lãnh đạo của Đảng bộ, quản lý của chính quyền và hoạt động thực tiễn của cán bộ, đảng viên Sơn Tây còn những mặt hạn chế nhất định; trình độ dân trí còn thấp; cơ sở hạ tầng còn yếu kém, đời sống nhân dân

còn nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao. Vì vậy, để làm cho nhân dân các dân tộc Sơn Tây được thực sự ấm no, hạnh phúc, văn minh, Đảng bộ và nhân dân Sơn Tây còn phải vượt qua những chặng đường dài đầy khó khăn thử thách. Song những thành tựu đã có là vốn quý, là bước đầu rất quan trọng để Sơn Tây vững bước tiến lên.

Để bước đầu rút ra những điều cần truyền lại cho mai sau, sơ bộ nêu lên những bài học sau đây:

Một là: Tin đảng, đi theo Đảng làm cách mạng đến cùng mới tự giải phóng cho dân tộc mình và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng chung.

Hàng mấy trăm năm , các dân tộc ở Sơn Tây lâm than cơ cực, không ngóc đầu lên được. Chỉ từ ngày có Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo, nhân dân các dân tộc một lòng tin vào Đảng, đoàn kết xung quanh Đảng, đi theo Đảng làm cách mạng đến cùng, đã góp phần xứng đáng vào việc đánh thắng hai đế quốc to, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, cùng cả nước đi lên CNXH.

Dù cho trước đây Mỹ - ngụy dốc mọi sức lực “tố cộng, diệt cộng”, nhưng tư tưởng cộng sản đã bắt rễ

sâu trong lòng dân, chủ nghĩa cộng sản vẫn thể hiện sức sống bất diệt và những người cộng sản Việt Nam vừa giương cao ngọn cờ lãnh đạo hiệu triệu đồng bào, vừa đi đầu trong chiến đấu, sát cánh cùng nhân dân chống thù trong giặc ngoài, nên Sơn Tây, Quảng Ngãi, Việt Nam đã chiến thắng.

Dù cho ngày nay, các thế lực thù địch dốc mọi sức lực hòng xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng, thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình”, đưa Việt Nam đi theo con đường TBCN - con đường dẫn đến bóc lột, nô dịch, bất công, thất nghiệp, bạo tàn - nhưng nhân dân các dân tộc Sơn Tây cũng như tất cả các dân tộc trong đại gia đình dân tộc Việt Nam vẫn kiên định lòng tin vào Đảng Cộng sản Việt Nam, tin vào Nhà nước XHCN và tự tin vào bản lĩnh chính trị, văn hóa của mình. Nhờ vậy Việt Nam vẫn tiếp tục hiên ngang vững bước đi lên trong ổn định và phát triển, mặc cho thế giới nhiều nhương, nhiều nơi đại loạn. Tin Đảng, đi theo Đảng làm cách mạng đến cùng, nhân dân Sơn Tây đã được đổi đời, từ thân phận nô lệ bước lên địa vị làm chủ quê hương đất nước; có cuộc sống vật chất và văn hóa ngày càng được cải thiện; có cả Chánh tổng Ca Dong trở thành Chủ tịch huyện (Đình Nhá), có chàng trai Ca Dong trở thành nghệ sĩ ưu tú biên đạo múa, từng là trưởng đoàn Ca múa nhạc tỉnh Đắk

Lắc, nay là chuyên viên văn hóa miền núi của ngành văn hóa thông tin Quảng Ngãi (Đình Long Ta), có cô gái Cà Tua miền sơn cước này đậu đến cử nhân, trở thành nhà giáo, từng là hiệu trưởng Trường phổ thông trung học dân tộc nội trú của tỉnh, nay là Hiệu trưởng Trường dân tộc nội trú huyện nhà (Hơ - vê)... Vì vậy:

*"Dù ai nói ngã nói nghiêng,
Lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân.
Dù ai rào giậu ngăn sân,
Lòng ta vẫn giữ là dân Cụ Hồ.*

(Tố Hữu)

Niềm tin ở đây thể hiện cụ thể trong việc tin và tự giác, tự nguyện thực hiện mọi đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, cũng như các chủ trương của Đảng bộ và chính quyền địa phương. Tất nhiên, đường lối, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và phẩm chất đạo đức tốt của cán bộ, đảng viên của Đảng là nền tảng, là cơ sở vững chắc nhất cho niềm tin của nhân dân.

Hai là: Luôn luôn coi trọng công tác xây dựng Đảng bộ về mặt chính trị, tư tưởng, tổ chức cán bộ và kiểm tra đảng viên thi hành điều lệ Đảng; coi đây là nhân tố quyết định nhất cho mọi thắng lợi của cách mạng.

Muốn lãnh đạo nhân dân làm cách mạng cho tốt, trước hết Đảng phải mạnh, từng địa phương, đảng bộ cũng phải mạnh.

Trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, ác liệt, hy sinh là thế, nhưng Đảng bộ Sơn Tây được xây dựng, đoàn kết nhất trí cả về tư tưởng và hành động, trên dưới một lòng, tổ chức Đảng phát triển ngày càng đông, xây dựng ngày càng mạnh; cán bộ, đảng viên được thử thách trong chiến đấu ngày càng trưởng thành. Nhờ vậy, Đảng bộ Sơn Tây đã hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ lịch sử lãnh đạo nhân dân huyện nhà giành nhiều thắng lợi to lớn; xây dựng, bảo vệ vùng căn cứ địa kháng chiến của tỉnh và Khu V, xây dựng và lãnh đạo được chính quyền cách mạng, huy động được nhiều sức người sức của phục vụ cho kháng chiến.

Từ năm 1975 đến năm 1998, đã có lúc công tác xây dựng Đảng ở Sơn Tây bị xem nhẹ (1976-1994) nên các mặt công tác ở đây bị trì trệ, đời sống nhân dân không thay đổi được bao nhiêu. Từ năm 1994, lập lại huyện Sơn Tây, Huyện ủy đặc biệt coi trọng xây dựng Đảng bộ từ các cơ quan huyện đến các xã cả về số lượng và chất lượng đảng viên và cán bộ, nên mọi mặt phong trào đã có những bước tiến rất rõ rệt.

Trong xây dựng Đảng ở vùng dân tộc thiểu số, Đảng bộ đã thường xuyên chú ý đến đặc điểm dân tộc, không câu nệ một số mặt thứ yếu như trình độ nhận thức về lý luận, trình độ học vấn còn thấp, nhưng chưa bao giờ và không bao giờ hạ thấp tiêu chuẩn người đảng viên, đó là tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, với nhân dân; kiên định mục tiêu lý tưởng của Đảng, sẵn sàng hy sinh chiến đấu cho độc lập dân tộc và CNXH; đặt lợi ích chung trên lợi ích cá nhân. Nhờ vậy, trong kháng chiến không có đảng viên đầu hàng, phản bội, trong hòa bình rất ít đảng viên thoái hóa biến chất.

Trong xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng, vừa bồi dưỡng cán bộ người Kinh có trình độ lý luận, học vấn, triển khai thực hiện tốt các nghị quyết của Đảng, vừa bồi dưỡng đào tạo cán bộ người dân tộc địa phương, thông thạo đặc điểm, ngôn ngữ, phong tục tập quán của các dân tộc để giải quyết các vấn đề cụ thể của địa phương. Là cán bộ người Kinh phải thực sự hòa mình ba cùng với đồng bào các dân tộc, phải biết tiếng nói của dân tộc thiểu số, có vậy mới được dân tin, nghe theo và làm theo. Là cán bộ người dân tộc, phải biết khắc phục tư tưởng tự ti, cố gắng phấn đấu

học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ.

Mặt khác, Đảng bộ đã biết tôn trọng sử dụng phát huy năng lực, kinh nghiệm của lớp cán bộ nhiều tuổi đã trải qua thử thách trong cuộc sống, đồng thời ra sức phát huy bồi dưỡng, đào tạo lớp cán bộ trẻ, cán bộ nữ đầy năng động và sáng tạo, có sức khỏe, nhanh chóng tiếp thu và vận dụng cái mới. Hai lớp cán bộ này hợp tác, bổ sung cho nhau, tạo nên sức mạnh, làm nên sự nghiệp.

Cán bộ Kinh hay Thương, già hay trẻ, cũ hay mới, nam hay nữ đều giữ vững tinh thần đoàn kết nhất trí, đồng tâm hiệp lực lo cho sự nghiệp của Đảng bộ. Đây là yếu tố rất quan trọng bảo đảm cho việc xây dựng Đảng bộ ngày càng vững mạnh.

Ba là: Trong lãnh đạo của Đảng bộ và quản lý của chính quyền phải luôn luôn kiên định quan điểm quần chúng và đường lối quần chúng của Đảng.

Mọi chủ trương, công việc, trước hết phải xuất phát từ lợi ích của quần chúng, hết lòng chăm lo đến đời sống quần chúng lao động. Quần chúng ở đây đại bộ

phận là dân tộc thiểu số, có đặc tính, phong cách làm ăn sinh sống, phong tục tập quán rất riêng.

Vì vậy, việc gì hợp lòng dân, sẽ được dân tin, nghe và làm theo, từ đó tạo nên một sức mạnh bịt nút ngăn sông, mở đường cho cách mạng đi lên. Những thắng lợi trong đánh giặc, giữ làng, bảo vệ quê hương; mở đường, gửi công hàng trên đường dây 559; đóng góp sức người sức của cho kháng chiến trong thời kỳ chống Mỹ, cứu nước; những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, mở mang điện, đường, trường, trạm với hàng vạn ngày công của nhân dân từ ngày lập lại huyện là thắng lợi của việc vận dụng thực hiện đúng đắn quan điểm quần chúng và đường lối quần chúng của Đảng. Trái lại để cho dân tiếp tục sống trong nghèo đói sau 20 năm giải phóng; hoặc duy ý chí, hình thức chủ nghĩa, chạy theo thành tích trong việc lập các khu định cư không định canh dẫn đến dân bỏ lên núi cao... chính là thất bại do không theo quan điểm và đường lối quần chúng của Đảng.

Ngày nay, Đảng ta chủ trương phải thực hiện dân chủ từ cơ sở, nghĩa là phát huy rộng rãi và triệt để quyền làm chủ trực tiếp và làm chủ qua đại diện của nhân dân. Đây là một chủ trương vừa tiếp tục giáo dục hướng dẫn cán bộ, đảng viên thực hiện đúng quan

điểm và đường lối quần chúng của Đảng; vừa khơi dậy sức mạnh vô tận của các tầng lớp nhân dân các dân tộc để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nói chung là cả một Đảng bộ, nói riêng là từng cán bộ, đảng viên có quan điểm và đường lối quần chúng đúng đắn là phải tin vào dân, dựa vào dân, bám trong dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân để vừa hoàn thiện chức năng vai trò người lãnh đạo, vừa hoàn thành mọi nhiệm vụ được nhân dân tin cậy giao phó. Trong kháng chiến nhiều cán bộ người Kinh căm rắng, căng tai, đóng khố, đeo cườm như đồng bào dân tộc; nhiều cán bộ người dân tộc cùng ăn, cùng ở trong hang đá với dân, đồng cam cộng khổ với dân là để tìm một nơi nương tựa, tự che giấu mình trong dân, nhờ dân mà bảo toàn lực lượng và giữ gìn nhen nhóm ngọn lửa kháng chiến. Cán bộ, đảng viên tự hòa tan, tự đắm mình trong dân để mà sống còn và hoạt động cách mạng. Ngày nay sự bắt buộc phải tự hòa tan mình trong đời sống nhân dân các dân tộc không còn là một yêu cầu của sự “sống còn” nữa. Vậy nên *phải tạo ra yêu cầu sống còn mới*, phải tìm con đường mới để gắn mình với đồng bào ở các làng, các hẻm núi, góc rừng, gắn mình với cuộc vật lộn hiện tại của nhân

dân để xóa đói giảm nghèo, để phát triển kinh tế xã hội, xây dựng cuộc sống mới. Sự nghiệp này không hề kém gian nan và phức tạp so với ngày trước. Con đường này dài, nhưng không thể nào khác. Chỉ có tin vào dân, dựa vào dân, bám vào dân, nghe nhân dân, cùng hành động với nhân dân, phát huy nội lực của Sơn Tây thì mới làm nên sự nghiệp.

Nói tin dân, dựa vào dân, bám vào dân, biết lắng nghe nhân dân là tin, dựa, bám, nghe nhân dân lao động và cả tầng lớp già làng có uy tín, có kinh nghiệm; làm sao cho họ nói đúng sự thật đã là khó, nhưng biết lắng nghe sự thật lại càng khó hơn.

Ngày nay, nếu ai đại dốt tự biến mình thành một “ông quan cách mạng”, sống thì dựa vào lương lậu, bổng lộc; công việc thì ngồi chờ ỷ lại cấp trên; với dân thì quan cách, hách dịch, quan liêu... sẽ bị nhân dân và sự nghiệp cách mạng của quần chúng đào thải.

Bốn là: Kiên quyết và kiên trì thực hiện chính sách dân tộc của Đảng: đoàn kết, bình đẳng, tương trợ nhau cùng tiến bộ.

Chính sách dân tộc là một chính sách lớn và nhất quán của Đảng cộng sản Việt Nam từ trước đến nay.

Kẻ thù của chủ nghĩa cộng sản thường xuyên tạc: "Đảng cộng sản chỉ lo đấu tranh giai cấp, không mấy quan tâm đến dân tộc". Đó là luận điệu xằng bậy, đê tiện. Đảng ta nhận thức đúng đắn có dân tộc mới có giai cấp; có giải phóng được dân tộc mới giải phóng được giai cấp cần lao. Tại hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII họp từ ngày 10 đến ngày 19-5-1941 do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc (Hồ Chủ tịch) chủ trì đã xác định "Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được" ⁽¹⁾.

"Đoàn kết, bình đẳng, tương trợ nhau cùng tiến bộ" là chính sách đúc kết từ tinh hoa văn hóa của dân tộc và nhân loại tiến bộ.

Bác Hồ đã từng dạy "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - thành công, thành công, đại thành công".

Trong Tuyên ngôn độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mở đầu "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền

(1) Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929-1945 Sơ thảo Sdd - tr. 142.

bình đẳng", cũng có nghĩa là tất cả các dân tộc đều sinh ra có quyền bình đẳng.

Văn hóa Việt Nam đã từng tổng kết: " Một cây làm chẳng nên non. Ba cây chụm lại nên hòn núi cao".

Vì thế, kinh nghiệm xương máu của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Sơn Tây trải qua các giai đoạn cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng là luôn luôn giữ vững sự đoàn kết giữa các dân tộc anh em, thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc và tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, đùm bọc bảo vệ cho nhau, cùng nhau hướng vào việc thực hiện các mục tiêu cách mạng do Đảng vạch ra.

Từ ngày được Đảng lãnh đạo, trên mảnh đất Sơn Tây chưa hề diễn ra cái cảnh kỳ thị, đố kỵ, chia rẽ giữa dân tộc này với dân tộc khác, chưa xảy ra hiện tượng phân biệt đối xử giữa dân tộc đông người và dân tộc ít người, không có chỗ đứng cho tư tưởng dân tộc hẹp hòi. Các dân tộc thiểu số tuy trong chừng mực nhất định có mang tư tưởng tự ti dân tộc, nhưng đồng bào cũng rất tự hào về truyền thống cần cù lao động, làm chủ núi rừng, tự cường, tự lập của mình.

Thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc của Đảng là đoàn kết thực lòng, no đói có nhau, sướng khổ cùng

nhau, đồng lòng chung sức lo toan mọi việc của quê hương, đất nước và của mỗi gia đình, mỗi con người trong cộng đồng. Thực hiện chính sách bình đẳng dân tộc của Đảng là bình đẳng về quyền lợi, bình đẳng về nghĩa vụ, bình đẳng trước pháp luật. Thực hiện chính sách tương trợ nhau cùng tiến bộ của Đảng là nêu cao tinh thần lá lành đùm lá rách; vừa phát huy nội lực của nhân dân địa phương là chính, vừa đầu tư nhiều cán bộ có trình độ vững vàng, nhiều thiết bị công nghệ mới, nhiều tiền vốn và vật tư kỹ thuật để xây dựng trung du miền núi, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa tinh thần cho đồng bào các dân tộc thiểu số, để rút ngắn sự cách biệt giữa miền núi và miền xuôi, nhanh chóng đưa miền núi tiến kịp miền xuôi.

Đó là những nhiệm vụ Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Sơn Tây cũng như Đảng bộ, chính quyền và nhân dân toàn tỉnh Quảng Ngãi đã và đang thực hiện trong quá khứ và hiện tại để có một Sơn Tây, một Quảng Ngãi như ngày nay.

Vì vậy, để đưa Sơn Tây hội nhập vào dòng chảy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, Đảng

bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Sơn Tây nguyện tiếp tục kiên trì thực hiện chính sách dân tộc của Đảng “đoàn kết, bình đẳng, tương trợ nhau cùng tiến bộ”.

Năm là : Xây dựng và thực hiện mối quan hệ tốt đẹp, bền vững với các huyện bạn, làm tròn nghĩa vụ đối với phong trào chung.

Truyền thống yêu nước và phong trào cách mạng của Sơn Tây từ xưa đến nay không tách rời với truyền thống yêu nước và phong trào cách mạng chung của các huyện bạn trong tỉnh, cùng các huyện bạn ở Kon Tum, Quảng Nam.

Những thắng lợi của Sơn Tây trong hai cuộc kháng chiến, cũng như những thành tựu của Sơn Tây trong ngót 1/4 thế kỷ xây dựng trong hòa bình chính là nhờ Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Sơn Tây đã xây dựng và thực hiện tốt mối quan hệ tốt đẹp, bền vững với các huyện bạn; ta vì bạn, bạn vì ta mà giúp đỡ nhau trọn nghĩa trọn tình. Nhờ đó mà khi thuận lợi, nhất là lúc khó khăn, Sơn Tây vẫn giữ vững phong trào cách mạng. Đặc biệt là dù đất rộng, người thưa, kinh tế còn phụ thuộc chủ yếu vào thiên nhiên và sức cơ bắp của con người, nhưng Đảng bộ và nhân dân

Sơn Tây đã cố gắng hết sức mình xây dựng và bảo vệ vững chắc vùng căn cứ địa, cùng Đảng bộ và quân dân toàn tỉnh, toàn quốc đưa sự nghiệp chiến tranh cách mạng, giải phóng dân tộc đến toàn thắng. Ngày nay, Sơn Tây đang thất lạng buộc bụng, phấn đấu vươn lên cũng chính là vì trách nhiệm, nghĩa vụ chung đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Trong kháng chiến, các huyện bạn ra sức đánh giặc để tự giải phóng mình và cũng để bảo vệ vùng giải phóng Sơn Tây. Sơn Tây là nơi dung trú, tích lũy và phát triển lực lượng cách mạng chung của cả tỉnh và Khu V; ra sức chiến đấu để tự bảo vệ và đưa lực lượng vũ trang ra phía trước tham gia chiến đấu cùng các huyện bạn. Nhiều cán bộ, đảng viên, chiến sĩ các huyện bạn đã trực tiếp tham gia chiến đấu, công tác tại Sơn Tây và nhiều cán bộ, đảng viên, chiến sĩ Sơn Tây cũng đã cống hiến máu xương mình cho các huyện bạn. Trong hòa bình, nhiều cán bộ, đảng viên các huyện bạn tiếp tục tham gia xây dựng Sơn Tây trong điều kiện khó khăn thiếu thốn hơn ở quê nhà họ rất nhiều. Đồng thời, nhiều cán bộ, đảng viên Sơn Tây tiếp tục cống hiến cho các phong trào chung của tỉnh.

Qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng, Sơn Tây là nơi mà các cấp lãnh đạo, các ngành trong tỉnh đều có góp phần không chỉ trên mặt chủ trương mà bằng nhiều hành động rất thiết thực mang lại hiệu quả cụ thể cho Sơn Tây. Mọi thắng lợi của Sơn Tây từ trước đến nay đều có máu xương, công sức, trí tuệ của Đảng bộ và quân dân toàn tỉnh, trong đó có Đảng bộ và quân dân các huyện bạn kề cận: Sơn Hà, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Minh Long, Ba Tơ... và các huyện bạn trong tỉnh Kon Tum, huyện bạn Trà My ở tỉnh Quảng Nam. Phải làm cho Đảng bộ và nhân dân Sơn Tây thấy rõ điều này.

Xây dựng và thực hiện mối quan hệ tốt đẹp, bền vững với các huyện bạn, với các ngành trong tỉnh và làm tròn nghĩa vụ đối với phong trào chung là một trong những bài học cơ bản của Đảng bộ và nhân dân Sơn Tây. Trước đã vậy, nay cũng vậy và mãi mãi về sau vẫn vậy.

Tóm lại, trong quá trình hình thành và phát triển của Đảng bộ Sơn Tây, trong quá trình vận động và lãnh đạo quần chúng làm cách mạng - cả cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng XHCN-Đảng bộ Sơn Tây đã có nhiều kinh nghiệm phong phú. Trên

đây chỉ mới là những điểm đúc kết ban đầu. Chắc hẳn các thế hệ kế tiếp sẽ tiếp tục tổng kết và nâng cao thành những bài học kinh nghiệm quý báu, bổ ích hơn. Mặc dù vậy, những gì đã nêu trên chính là đúc kết từ xương máu, mồ hôi, trí tuệ của Đảng bộ Sơn Tây gần nửa thế kỷ qua.

Trong yêu cầu nhiệm vụ hiện nay của huyện nhà, tỉnh nhà cũng như trước tình hình trong nước và thế giới vừa có nhiều thuận lợi mới đan xen với nhiều thách thức gay gắt thì suy nghĩ và vận dụng các kinh nghiệm đã có là một trong những phương pháp giúp Đảng bộ lớn mạnh, đưa phong trào mọi mặt của Sơn Tây tiến lên không ngừng.

Đảng bộ Sơn Tây kiên định mục tiêu lý tưởng của Đảng, kiên định con đường cách mạng XHCN, con đường mà Đảng, Bác Hồ mà nhân dân ta đã lựa chọn, hướng mạnh tới mục tiêu xóa bỏ nỗi nhục vì nghèo nàn lạc hậu như đã từng xóa bỏ nỗi nhục mất nước, nô lệ trước đây, đưa nhân dân các dân tộc Sơn Tây đến một cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có nhân phẩm và tự do. Cuộc chiến đấu vì nhân phẩm và tự do gắn với cuộc chiến đấu xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu là một cuộc chiến đấu gay go, gian khổ, phức tạp, lâu dài

gấp nhiều lần so với phát động và tiến hành chiến tranh giải phóng dân tộc trong 30 năm trước.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được và những bài học kinh nghiệm đã có, tiếp tục thực hiện nghiêm túc đường lối đổi mới và các Nghị quyết của Đảng, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Sơn Tây chắc chắn sẽ vươn lên mạnh mẽ hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng quê hương, xóa đói giảm nghèo cho nhân dân, đưa Sơn Tây tiến kịp các huyện bạn, góp phần xứng đáng hơn nữa vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Mùa thu 1999

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

CÁC KỲ ĐẠI HỘI CỦA ĐẢNG BỘ HUYỆN SƠN TÂY VÀ CÁC ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ HUYỆN ỦY SƠN TÂY

- Huyện Sơn Tây và Đảng bộ huyện được thành lập tháng 7 1957 theo quyết định của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, lúc đó gọi là Khu Bảy. Tỉnh ủy Quảng Ngãi chỉ định đồng chí Đinh Cày làm Bí thư.

- Cuối năm 1958, Tỉnh ủy quyết định điều động đồng chí Trương Trí (tức Lê Văn Minh) làm Bí thư.

- *Đại hội lần thứ nhất* họp vào tháng 12-1959 tại xã Sơn Mùa. Đồng chí Trương Trí được cử làm Bí thư.

- *Đại hội lần thứ hai* họp vào giữa năm 1961 tại Mang Bloóc - Sơn Mùa. Đồng chí Nguyễn Hữu Đức (Chín) được cử làm Bí thư.

- *Đại hội lần thứ ba* họp vào giữa năm 1963 tại xã Sơn Mùa. Đồng chí Nguyễn Văn Lập (Nguyễn Quý) được cử làm Bí thư.

- *Đại hội lần thứ tư* họp ngày 15-5-1965 tại xã Sơn Tân. Đồng chí Lê Văn Đường được cử làm Bí thư.

- *Đại hội lần thứ năm* họp vào tháng 5-1967 tại xã Sơn Mùa. Đồng chí Lê Văn Đường được tái cử làm Bí thư

- Tháng 10-1968, đồng chí Lê Văn Đường đi chữa bệnh và học tập ở miền Bắc, Tỉnh ủy chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Hai (Đồ Xa) làm Bí thư.

- Đại hội lần thứ sáu họp vào năm 1970.

- Đại hội lần thứ bảy họp vào tháng 6-1973 tại xã Sơn Mùa. Đồng chí Lê Văn Đường (từ miền Bắc trở về) được cử làm Bí thư.

- Từ năm 1976 đến tháng 8-1994, Sơn Tây hợp nhất với Sơn Hà thành huyện Sơn Hà. Hai Đảng bộ huyện cũng hợp nhất thành Đảng bộ huyện Sơn Hà, đã mở 6 kỳ đại hội.

- Tháng 8-1994, Chính phủ có quyết định chia huyện Sơn Hà thành 2 huyện: Sơn Tây và Sơn Hà.

Ngày 26-8-1994, Tỉnh ủy Quảng Ngãi ra Quyết định số 789/QĐ-TU và Quyết định số 790/QĐ-TU thành lập Đảng bộ huyện Sơn Tây, chỉ định Ban chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện, do đồng chí Lê Văn Đường làm Bí thư.

- Đại hội lần thứ tám họp từ ngày 2 đến ngày 4-4-1996 tại huyện lỵ Sơn Tây (đặt tại xã Sơn Dung). Đại hội đã bầu Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa VIII gồm 27 đồng chí. Đồng chí Cao Trung Tín được cử làm Bí thư.

Đồng chí Lê Văn Đường được cử làm Phó bí thư, Chủ tịch UBND huyện.

PHỤ LỤC 2

NHỮNG PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG, QUỐC HỘI VÀ CHÍNH PHỦ KHEN TẶNG SƠN TÂY TRONG HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN

Một huân chương thành đồng hạng ba (cùng các huyện miền Tây Quảng Ngãi).

- Một huân chương giải phóng hạng ba về thành tích 1968.

- Một huân chương giải phóng hạng nhất (xã Sơn Bao).

- 1.391 huân chương kháng chiến hạng I, II, III (cho cá nhân).

- 339 huân chương giải phóng hạng I, II, III (cho cá nhân).

- 24 huân chương độc lập (cho cá nhân).

- 27 huân chương quân công (nt)

- 567 huân chương chiến sĩ vẻ vang (nt).

- 102 huân chương quyết thắng (nt).

- 80 huân chương chiến công (nt)

- 140 huy chương kháng chiến hạng I, II, III (cho cá nhân).

- 28 huân chương vì nghĩa vụ quốc tế (nt)

- 1.673 bằng khen của Chính phủ (cho tập thể và cá nhân).

* Số cán bộ được tặng huân chương độc lập:

- Đồng chí Lê Văn Đường được tặng thưởng huân chương độc lập hạng II

23 ĐỒNG CHÍ ĐƯỢC TẶNG THƯỞNG HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG III:

Hồ Thị Lễ

Đinh Văn Tiếp

Đinh Thị Văn

Đinh Trọng Huỳnh

Đinh Văn Quảng

Đinh Văn Rai

Đinh Phó

Hoàng Thị Dung

Đinh Thị Đơn

Đinh Văn Bằng

Đinh Văn Ta

Đinh Thị Dệt

Đinh Văn Tập

Trần Văn Thang

Đinh Văn Đăng

Đinh Thị Tình

Đinh Văn Mây

Đinh Văn Tường

Đinh Văn Chính

Đinh Tà Bạ

Đinh Thị Ba (Neo)

Đinh Văn Sách

Đinh Ngọc Lân (Hay)

TÁM ĐẢNG VIÊN ĐƯỢC TẶNG HUY HIỆU 40 NĂM TUỔI ĐẢNG:

Đinh Phó

Đinh Ngọc Mây

Đinh Văn Đăng

Đinh Văn Giấy

Đinh Văn Chân

Chinh Văn Đăng

Đinh Cha Chia

Lê Văn Đường

PHỤ LỤC 3

NHỮNG THIẾT HẠI Ở SƠN TÂY TRONG CHIẾN TRANH DO ĐỊCH GÂY NÊN

- Địch thả bom 1.968 lần.
- 1.098 người chết (16,89% trên 6.500 dân 1965)
- 323 người bị thương (4,94%)
- 473 bị nhiễm chất độc hóa học (7,27%)
- 201 người bị bắt đi tù (3,09%)
- 2.404 ngôi nhà bị đốt, hoặc phá hủy.
- 3.879 con trâu bò bị giết, bị cướp.

PHỤ LỤC 4

SỐ NGƯỜI ĐÃ ĐƯỢC XÉT HƯỞNG CÁC CHẾ ĐỘ TRONG KHÁNG CHIẾN

- Liệt sĩ: 138 người
- Thương binh: 55 người
- Bệnh binh: 564 người
- Có công với cách mạng: 474 đối tượng

PHỤ LỤC 5

NHÂN DÂN SƠN TÂY ĐÃ ĐÓNG GÓP CHO CÁCH MẠNG TRONG HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN:

- 1. 089 nam nữ thanh niên gia nhập bộ đội Cụ Hồ
- 3.907 người đi thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến
- 2.320 con trâu
- 1.924 chiếc ché
- 1.066 con bò
- 4.115 chiếc nồi đồng
- 33.901 con heo
- 56.977 tấn lúa
- 7.749 con dê
- 15.304 tấn gạo
- 62.539 con gà, vịt
- 35.575 tấn mì
- 719 chiếc chiếu
- 3.156 tấn bắp

PHỤ LỤC 6

BỘ ĐỘI VÀ DU KÍCH SƠN TÂY DIỆT ĐỊCH, THU VŨ KHÍ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

- Diệt 3.014 tên địch các loại
- Bắn rơi 4 máy bay
- Tịch thu 184 khẩu súng các loại, rất nhiều mìn, lựu đạn, quần trang quân dụng khác.



Tọa đàm - về biên soạn sách "Truyền thống yêu nước
của nhân dân và lịch sử Đảng bộ Sơn Tây 1930-1989"
tại cơ quan Huyện ủy Sơn Tây ngày 30-6-1998.



Những đ/c dự tọa đàm. Hội thảo ngày 30-6-1998

SÁCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lịch sử Việt Nam tập I - Nxb KHXH - Hà Nội 1971.
2. Đại Nam nhất thống chí - Nxb KHXH - Hà Nội 1970.
3. Đại Nam thực lục tiền biên tập I - Nxb Sử học - Hà Nội 1962.
4. Lịch sử Đảng CSVN tập I, 1920-1954, Nxb Sự thật - Hà Nội 1981.
5. Lịch sử Đảng CSVN tập II, 1954-1975, Nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội 1995.
6. Hồ Chí Minh toàn tập xuất bản lần thứ hai, các tập 3, 4, 6, 7 - Nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội - 1995, 1996.
11. Văn Kiện Đảng 1945-1954, tập II - Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương - 1978.
12. Lê Duẩn - "Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng..." Nxb Sự Thật - Hà Nội 1970.
- "Tây Nguyên đoàn kết tiến lên" Nxb Sự thật - Hà Nội 1978.
14. Võ Nguyên Giáp - "Điện Biên Phủ" Nxb Sự Thật - Hà Nội 1958.
15. Các dân tộc ít người ở Việt Nam - Các tỉnh phía Nam-Nxb KHXH Hà Nội - 1984.
16. Nam Trung bộ kháng chiến, 1945-1975- Viện lịch sử Đảng và Hội đồng biên soạn NTBKC - 1992.
17. Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng - Bộ tư lệnh Quân khu V, tập I xuất bản năm 1986, tập II và III xuất bản năm 1989.
18. Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi, 1929 - 1945 - Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa Bình (cũ) - 1985.
19. Lịch sử Mặt trận dân tộc thống nhất tỉnh Quảng Ngãi, 1930 - 1975 - Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Quảng Ngãi - 1995.

20. Quảng Ngãi, lịch sử chiến tranh nhân dân 30 năm, 1945 - 1975 - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nghĩa Bình (cũ) - 1988.

21. Nguyễn Bá Trác - "Quảng Ngãi tỉnh chí" - 1933 - Thư viện tỉnh.

22. Bùi Định - "Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Nghĩa 1885 - 1945" - Ban nghiên cứu lịch sử Đảng và Sở VH TT Nghĩa Bình (cũ) - 1985.

23. Phạm Kiệt - "Từ núi rừng Ba Tơ" - Nxb QĐND - Hà Nội 1977.

24. "Nguyễn Chánh - con người và sự nghiệp" - Nxb QĐND - Hà Nội 1997.

25. Phạm Thanh Biển, Nguyễn Hữu Nghĩa "Cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi" - Nxb QĐND - Hà Nội 1975.

26. Nguyễn Trắc Dĩ - "Đồng bào các dân tộc thiểu số Việt Nam" - xuất bản tại Sài Gòn 1970.

27. Quảng Ngãi - đất nước, con người, văn hóa - Sở VH TT Quảng Ngãi - 1997.

28. Tập san Cờ Hồng của Tỉnh Đảng bộ Quảng Ngãi - số đặc biệt tháng 10-1968 - Nxb Giải phóng Quảng Ngãi - 1968.

29. Truyện cổ Ca Dong - Sở VH TT Nghĩa Bình (cũ) - 1988.

30. Nguyễn Đức Tuấn - "Làng cổ truyền Hrê và Ca Dong" - Tài liệu lưu tại Viện văn hóa Trung ương.

31. Tài liệu lưu trữ tại Cục lưu trữ Trung ương II - TPHCM.

32. Tài liệu lưu trữ tại bộ phận lịch sử Đảng tỉnh - Ban tuyên giáo Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

33. Tài liệu lưu trữ tại Văn phòng Huyện ủy và văn phòng UBND huyện Sơn Tây.

34. Hồi ký của các đồng chí Phạm Thanh Biển, Đinh Mô, Đinh Xuân Trâm, Nguyễn Nghĩa, Trương Trí, Lê Văn Đường...

MỤC LỤC

1. Lời nói đầu	7
2. Phần thứ nhất: Có hai chương:	17
- <i>Chương một:</i> Địa lý hành chính, tự nhiên, kinh tế - xã hội	17
- <i>Chương hai:</i> Truyền thống yêu nước, chống phong kiến đế quốc đến Cách mạng tháng 8-1945.	49
3. Phần thứ hai: Có hai chương:	75
- <i>Chương ba:</i> Xây dựng chế độ mới, cuộc sống mới (1945-1946).	75
- <i>Chương bốn:</i> Tổ chức Đảng ra đời, lãnh đạo nhân dân xây dựng Sơn Tây thành vùng căn cứ địa, tham gia kháng chiến chống Pháp thắng lợi (1947-1954).	87
4. Phần thứ ba: Có hai chương:	131
- <i>Chương năm:</i> Giữ gìn và phát triển lực lượng, giữ vững quyền làm chủ vùng căn cứ địa cách mạng, góp phần làm nên thắng lợi cuộc khởi nghĩa Trà Bồng và miền Tây Quảng Ngãi (1954-1959).	131

- <i>Chương sáu:</i> Đảng bộ lãnh đạo nhân dân đánh thắng tất cả các kiểu chiến tranh của đế quốc Mỹ, góp phần giải phóng toàn tỉnh, giải phóng miền Nam thống nhất nước nhà (1960-1975).	183
5. Phần thứ tư: Có hai chương:	271
- <i>Chương bảy:</i> Thời kỳ mới giải phóng và hợp nhất với huyện Sơn Hà (1975-1994).	271
- <i>Chương tám:</i> Thời kỳ lập lại huyện Sơn Tây (1994-1998).	299
6. Phần kết luận và bài học kinh nghiệm	349
7. Phần phụ lục	369
8. Sách và tài liệu tham khảo	379
9. Mục lục	381

In tại XI nghiệp in Quảng Ngãi - 431 Quang Trung - Thị xã Quảng Ngãi.
Số lượng 800 cuốn khổ 14 x 20cm. Giấy phép xuất bản
số: 24/XBNT - VHTT do Sở VHTT Quảng Ngãi cấp ngày 17/6/1999
In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 1999



Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000141